NĂM THỨ MƯỜI SÁU • # 183 • JULY 2004

THẾ KỶ 21

14775 Moran Street Westminster CA 92683 USA
Điện thoại *Trị sự:* (714) 775-6301 *Tòa soạn:* (714) 890-6002
E-mail: theky@kicon.com

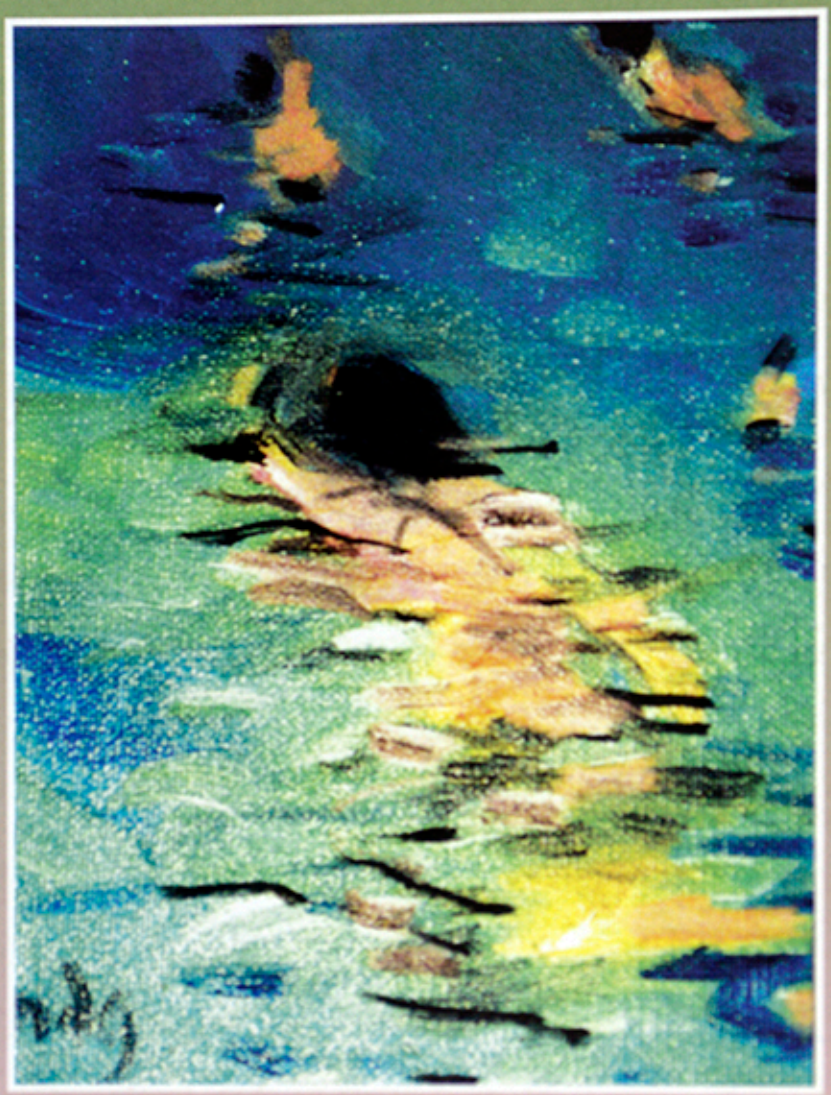

NHỚ LẠI NGÀY ĐẤT NƯỚC CHIA ĐÔI 50 NĂM TRƯỚC
LÊ XUÂN KHOA

TRÊN MỘT DÒNG SÔNG
NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

BỨC TRANH
XUÂN ĐỖ

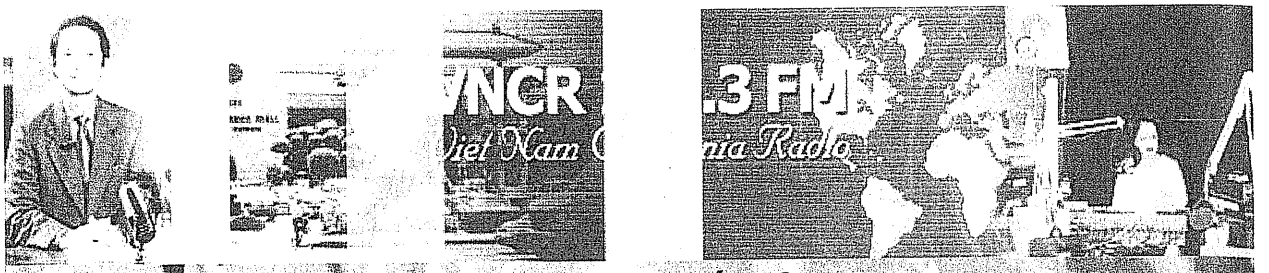

Mời Độc giả Thế Kỷ 21

(Nhiều bài đăng trên tạp chí **Thế Kỷ 21** được sử dụng trong các chương trình với sự bảo trợ của **Thế Kỷ 21**)

vào nghe đài VNCR và đọc tin hàng ngày

WWW.RADIOVNCR.COM

Nghe Chương Trình Cũ

Để nghe được VNCR Internet Radio với chất lượng âm thanh rõ và trung thực, quý vị phải có **Windows Media Player 9.0** hoặc mới hơn.

Windows Media Player 9 Series FREE

Quý vị đang dùng **Windows Media Player 9.0**

Nghe Đài Theo Ngày

◂ Tháng 4 Năm 2004 ▸

S	M	T	W	T	F	S
				1	2	3
4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17
18	19	20	21	22	23	24
25	26	27	28	29	30	

5AM đến 8AM — NGHE TIN TỨC PHÁT LẠI
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

12PM đến 4PM — NGHE TIN TỨC TRỰC TIẾP
RADIO NEWS ON YOUR SCHEDULE

Đọc tin

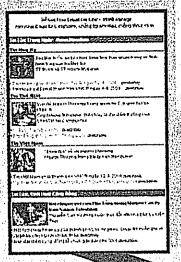

Email miễn phí

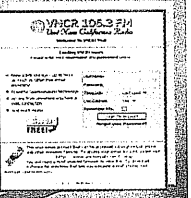

VNCR 106.3 FM

Vietnam California Radio (Orange County)

Thứ hai-thứ sáu: 5:00 AM đến 8:00 AM
(Giờ California) 12:00 PM đến 4:00 PM

KXMX 1190 AM

Los Angeles & Orange County

Thứ Bảy: 1:00 PM đến 12:00 AM
Chủ nhật: 2:00 PM đến 12:00 PM
(Giờ California)

KSON 1240 AM

San Diego

Thứ Bảy & Chủ nhật:
12:00 PM đến 7:00 AM
(Giờ California)

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

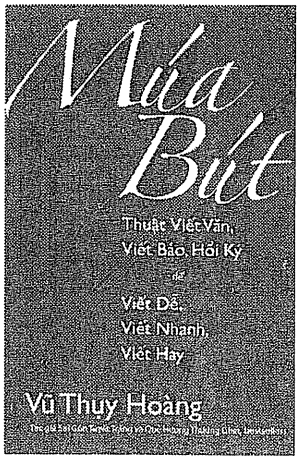

MÚA BÚT - VŨ THỤY HOÀNG
Một cuốn sách viết về thuật viết văn, viết báo, viết hồi ký mà tác giả là người đã trải qua 48 năm viết văn, viết báo, trong đó ngoài những năm làm việc ở Sài Gòn trước 1975, đã có 33 năm cộng tác với tờ Washington Post. Vũ Thụy Hoàng cũng là tác giả các cuốn sách bán rất chạy mấy năm gần đây như Sài Gòn Tuyết Trắng, Quê Hương Thương Ghét, Rồng Vàng Vượt Biển. Giá 20 Mỹ kim.

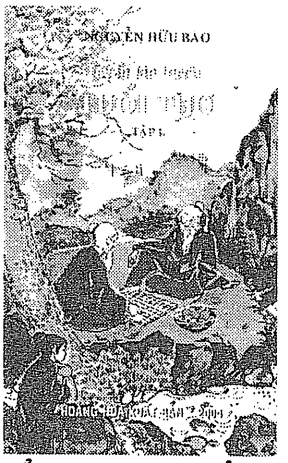

TUYỂN TẬP TRUYỆN TUỔI THƠ NGUYỄN HỮU BÀO
Tác giả là một nhà giáo, đã soạn nhiều sách giáo khoa, và đây là một tuyển tập chứa những truyện dành cho tuổi thơ của ông. Các truyện đều lý thú và chứa đựng nội dung giáo dục, rất có ích cho con em Việt Nam hải ngoại tập đọc tiếng Việt. Sách có nhiều minh họa, thể hiện những hình ảnh cổ truyền Việt Nam, có tác dụng tạo niềm cảm tình với quê hương đất nước. Trọn bộ 2 cuốn giá 20 Mỹ kim.

VIẾT VÀ DỊCH ĐÚNG CÂU ANH VĂN VƯƠNG ĐẰNG
Sách nhằm mục tiêu giúp học viên viết câu Anh văn và dịch câu Việt sang Anh văn theo tiếng Anh tiêu chuẩn của Anh quốc hiện đại (Standard Modern British English), nhưng cũng không thiếu những cập nhật về tiếng Anh của Mỹ (American English). Đây là một cuốn sách rất hữu ích để luyện dịch và viết tiếng Anh. Giá 19 Mỹ kim.

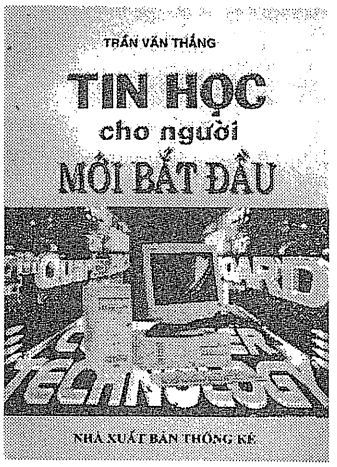

TIN HỌC CHO NGƯỜI MỚI BẮT ĐẦU TRẦN VĂN THẮNG
Sách giới thiệu quá trình hình thành và phát triển của thế giới tin học, những khái niệm căn bản về phần cứng và phần mềm, hệ điều hành MS-DOS, Windows, Winword 2000 và Excel 2000. Trình bày rõ ràng dễ hiểu, kèm hình ảnh minh họa, ở trình độ căn bản. Rất hữu ích cho người mới bắt đầu học vi tính. Giá 10 Mỹ kim.

TIẾNG NÓI CỦA BÀN TAY NGUYỄN ĐÌNH PHÚC
Khoa "coi tay" hay là "xem chỉ tay" đã có từ lâu, và mọi người đều nhận thấy quả là tính tình, số phận một con người đã in dấu trên bàn tay của chính mình. Cuốn sách nghiên cứu này của Nguyễn Đình Phúc cũng là một nhạc sĩ có tiếng của Việt Nam từ thời tiền chiến được soạn thảo công phu trong 20 năm, được xem là một trong những cuốn đầy đủ nhất, hoa học nhất. Giá 19 Mỹ kim.

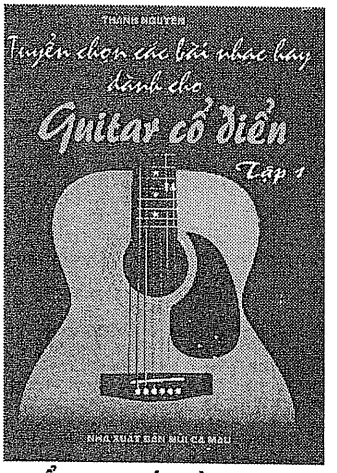

TUYỂN CHỌN CÁC BÀI NHẠC HAY DÀNH CHO GUITAR CỔ ĐIỂN THANH NGUYÊN
Sách gồm 68 bài nhạc của những nhạc sĩ danh tiếng thế giới soạn cho Tây ban cầm, và 120 bài tập trémolo. Sách được chia ra hai tập, khổ rộng, rất thuận tiện để nhạc sinh thực tập.
Giá trọn bộ 10 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683
Tel: (714) 585-4666 - (714) 839-8746
Email:tapchitheky@aol.com (trị sự) theký@kicon.com (biên tập
Tạp chí THẾ KỶ 21*: Một tặng phẩm đầy ý nghĩa*

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Air Mail)	**US $50.00**	**US $90.00**	
Hạng nhất / First Class	**US $64.00**	**US $120.00**	
Canada	**US $68.00**	**US $130.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $88.00**	**US $170.00**	
	US $90.00	**US $170.00**	Mới (New)
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $98.00**	**US $185.00**	
	US $106.00	**US $196.00**	Mới (New)

Có hiệu lực từ ngày 1 tháng 11 năm 2002 (Effective Nov. 1, 2002)

Suyễn, mất ngủ, đau bao tử, dị ứng mũi v.v... ĐỪNG LO đã có THUỐC CHUYÊN TRỊ RẤT HIỆU QUẢ

GẦN 40 NĂM KINH NGHIỆM PHỤC VỤ QUÍ THÂN CHỦ TRONG CÁC LÃNH VỰC

SỨC KHỎE - SỰ NGHIỆP - TÌNH YÊU THEO Ý MUỐN

Prof. PUNG NAVANN nguyên Y Sĩ riêng của Tổng Thống Cộng Hòa Cao Miên với hơn 600 loại thuốc Bào Chế Thiên Nhiên, được chế biến kỹ lưỡng theo công thức đặc biệt riêng của Prof. Pung Navann, đem về uống ngay.

**** Tất cả các loại thuốc Bào Chế 100%Thiên Nhiên củaProf. Pung Navann tuyệt đối không có hóa chất, không có chất thuốc tây (như thuốc giúp ngủ hoặc thuốc an thần), không có chất thuốc cầm chừng bớt đau (như chất Aspirine, Motrine, Tylenol, Cortisone...) vì vậy, không thể nào làm cho mục xương. Tuyệt đối không có chất kích thích, không có chất làm cho bị ghiền.***

Prof. Pung Navann là người đầu tiên có các loại thuốc bào chế 100% thiên nhiên

CHUYÊN TRỊ

- Tạo cho da thịt hồng hào, tươi mát. - Bổ gan, mát gan; Bổ phổi, mát phổi.
- Đả thông kinh mạch. - Tăng cường và phục hồi sức khỏe.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa đau cổ, mỏi cổ; đau vai, mỏi vai, đau lưng, mỏi lưng, đau thắt lưng, mỏi thắt lưng, và đau dưới thắt lưng [gồm phong thấp đau nhức (Rheumatism) hoặc khớp xương sưng nhức đỏ nóng không phải vì khí hậu (Goût).]
- Chữa trị và phòng ngừa đau nhức tứ chi, đau nhức toàn cơ thể.
- Ăn ngon, Ngủ ngon, tinh thần thoải mái. - Giải trừ cơ thể bị uể oải.
- Làm cho những người tay chân bị lạnh và sợ lạnh được ấm lại như tuổi trẻ.
- Làm cho khó bị cảm. - Làm cho khỏi đổ mồ hôi tay và chân.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa các loại Nhức đầu kinh niên.
- Chữa trị dứt hẳn và phòng ngừa Di tinh, mộng tinh, xuất tinh sớm, bất lực, nữ giới lãnh cảm,
- * Có thuốc đặc biệt trị các bệnh phụ nữ như: Kinh nguyệt không đều, có kinh quá sớm hoặc quá trễ, hoặc khi sớm khi trễ, đường kinh quá nhiều, đường kinh qúa ít, có kinh trên 7 ngày mà chưa dứt, đau bụng khi hành kinh, ra máu giữa chu kỳ đường kinh, tắt kinh (vì không mang thai), sa tử cung.

* Trong thời gian hành kinh: 1. Vú căng chướng và đau. 2. Nhức đầu. 3. Cơ thể hoặc khớp xương đau nhức. 4. Đi cầu nhiều lần hoặc tiêu chảy. 5. Lỡ miệng. 6. Nổi mề đay phong ngứa. 7. Chóng mặt, choáng váng. 8. Tánh tình nóng nảy, quạu cọ hoặc tâm tính thay đổi (như la mắng, vui buồn vô lý).

Ngoài ra: còn có thuốc chuyên trị những triệu chứng khi sắp hoàn toàn tắt kinh (trên 40 đến trên 50 tuổi)

- Trị huyết trắng. Chữa trị cho những cô gái hoặc đàn bà âm đạo bị khô, để cho thuận lợi việc giao hợp.
- Không mệt mỏi sau khi giao hợp. - Giúp cho dương vật được cứng cáp.
- Giúp cho tuổi trẻ được sức khỏe tốt, trí nhớ tốt, đầu óc tỉnh táo và sáng suốt.
- Giúp cho người già cả (gồm Nam và Nữ) ăn ngon, ngủ ngon. Khỏe khoắn. Không sợ lạnh, làm ấm lại như tuổi trẻ và trường thọ v.v...

NGOẠI RA THUỐC CÒN ĐẶC BIỆT CHUYÊN CHỮA TRỊ:

a) Các loại bệnh bao tử gồm: loét bao tử (Gastric Ulcer); loét dạ tràng (Duodenal Ulcer).
b) Các chứng ho kinh niên, đờm nhiều, nặng ngực, khó thở hoặc bệnh hen suyễn.
c) Viêm mũi kinh niên (Chronic sinusitis) hoặc dị ứng mũi kinh niên (Chronic Nasal Allergy).
d) Các loại bệnh gan.
e) Các loại mụn và nám (trên mặt, trước ngực, sau lưng hoặc các nơi khác trên cơ thể). Phần lớn đều biến mất sau một thời gian dùng thuốc.
f) Táo bón kinh niên; Trĩ nội, trĩ ngoại.
g) Bệnh tiểu đường, rất hiệu quả cho những người mới bị (Ngoại trừ bệnh nhân đã phải chích insuline)
h) Triệu chứng khô môi, khô miệng, khô cổ, viêm cổ.
i) Bệnh áp huyết thấp; bệnh áp huyết cao j) Bệnh chảy máu cam
k).Viêm đường tiểu (cả nam lẫn nữ) như: Tiểu ra máu hoặc đi tiểu thấy rát và đau, sau khi thông qua phòng lab hoá nghiệm nước tiểu phát hiện có máu trong nước tiểu - Tiểu ra thấy đục - Tiểu ra thấy sạn nhỏ màu nâu đậm. Bị mắc tiểu hoặc lúc muốn tiểu mà kèm hăm không nổi

- Viêm nhiễp hộ tuyến cấp tính hoặc chậm tính. Nhiễp hộ tuyến sưng to làm cho đi tiểu khó khăn và sau khi đi tiểu rồi còn bị nhiều thêm đôi chút.
- Gần 40 năm nghiên cứu thành công về các bệnh nan y và các bệnh bất trị; Nay Prof. Pung Navann đã nghiên cứu thành công thêm thuốc chuyên trị triệu chứng rụng tóc và mọc tóc.

Prof. Pung Navann

- Nguyên Y Sĩ riêng của Thái Tử Sisowath Monireth (cậu ruột của Quốc Vương Norodom Sihanouk) Chủ tịch Hội Đồng Tối Cao của Hoàng Cung Căm Bốt.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Thống Chế Lon Nol, Tổng Thống nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Y Sĩ riêng của Quốc Trưởng Cheng Heng, nước Cộng Hòa Cao Miên.
- Nguyên Ủy viên Bộ Y Tế Nước Cộng Hòa Cao Miên.

THUỐC BÀO CHẾ THIÊN NHIÊN CỦA PROF. PUNG NAVANN
BÁN TRỰC TIẾP KHÔNG QUA MỘT TRUNG GIAN
NÀO HẾT ĐỂ TRÁNH SỰ GIẢ MẠO

Chỉ được bán tại:

12812 Valley View St. # 30, Garden Grove, CA 92845 USA

Nhận gởi thuốc khắp nơi trên thế giới.
Nói bảy thứ tiếng Việt, Miên, Anh, Pháp, Bắc Kinh, Triều Châu và Quảng Đông.

Xin gọi số: Tel: (714) 891-3588

Kính gởi Bác Sĩ PUNGNAVANN:
Thưa bác sĩ, tôi tên là Trần Thị Kim Thấm, hiện cư ngụ tại thành phố Riverside. Tôi bị chứng bịnh mất ngủ, ban đêm thức nhiều lần, đã nhiều năm qua tôi ăn uống không biết ngon. Gần nhất là năm 1995, tôi lại mang thêm chứng bịnh đau bao tử, ăn hông tiêu, bị nghẹn, tôi đã đi chữa trị nhiều bác sĩ nhưng bịnh cứ trở lại mãi. Tiôi được nghe danh tiếng của Bác Sĩ Pungnavann và tìm đến gặp bác sĩ. Qua hai tuần uống thuốc của bác sĩ và theo đúng lời chỉ dẫn, bệnh tình của tôi đã giảm hơn 50%, rồi 4 tuần sau đó, sức khỏe tôi đã bình phục và đến tuần thứ 5 bệnh tình tôi đã dứt hẳn, ăn ngon, ngủ yên giấc và không còn bịn nghẹn như trước nữa. Quả thật hiệu nghiệm. Gần 1 năm nay, bệnh tôi không trở lại. Tôi không biết nói gì hơn, xin thành thật cảm ơn Bác Sĩ và cầu chúc cho bác sĩ được trường cửu để cứu nhân độ thế. Kính chào Bác Sĩ.
PS: Xin Bác Sĩ phổ biến để những người có bệnh có dịp may chữa trị.
K.T.

Kính gởi Bác Sĩ Pungnavann,
Tôi Sơn Nguyễn hiện ở tiểu bang Minnesota thành phố Brooklynn Center, tôi bị bệnh phong tê thấp từ Việt Nam, sang Hoa Kỳ được 5 năm, chân tay bị đau nhức và ra mồ hôi ở tay và bàn chân. Riêng hai mắt cá chân cứ sưng lên và đỏ làm cho đau nhức không đi lại được. Tôi đã đi rất nhiều bác sĩ chữa trị nhưng không hết. Tôi nhờ bác sĩ PungNavann ở California chữa trị cho tôi, nay tôi đã lành bệnh không còn sưng và đau nhức tay chân, không còn ra mồ hôi.
Nay tôi viết mấy hàng chữ gửi đến Bác Sĩ lời cảm ơn đã giúp cho tôi được khỏi bệnh và tôi cũng xin giới thiệu với bà con nếu ai bị bệnh giống tôi nên đến Bác Sĩ PungNavann để được giúp đỡ.

Bịnh Suyễn kinh niên chú ý

Tôi tên là Dương Thu Hà hiện cư ngụ tại Dallas-Texas bị bịnh suyễn suốt hơn 30 năm nay, mấy tuần nay uống thuốc của Bác Sĩ Pung Navann bịnh tôi đã khỏi nhiều không còn khó thở và khò khè như trước. Tôi được ngủ ngon giấc không phải thức dậy bơm thuốc nữa. Tôi vui mừng lắm, viết vài dòng cảm ơn Bác Sĩ đã chữa được chứng bịnh ngặt nghèo của tôi từ mấy chục năm qua. Tiện đây tôi cũng giới thiệu đến độc giả xa gần, nếu quí vị nào có chứng bịnh kinh niên này đừng e ngại uống thử vài tuần xem sao. Sẽ thấy được kết quả và chừng đó sẽ tin là tôi nói đúng sự thật. Một lần nữa xin cảm tạ vị Bác Sĩ Pung Navann rất nhiều.
Thư này em viết cho Bác Sĩ và mong Bác Sĩ đăng lên báo để đồng bào Việt Nam ở hải ngoại được biết đến sự may mắn được hết bệnh kể từ khi uống thuốc và lòng thương người của Bác Sĩ này.

Kính gởi Bác Sĩ Pung Navann,
Tôi bị bệnh dị ứng mũi đã hơn 10 năm... Sáng nào tôi cũng bị nhảy mũi và nghẹt không thở được, đêm nào tôi cũng phải dùng thuốc xịt mũi ít nhất là hai lần mới thở được, và tôi cũng có đi khám rất nhiều Bác Sĩ Mỹ để chữa trị, nhưng bệnh mũi của tôi chỉ dỡ khi dùng thuốc, khi hết thuốc thì đâu cũng vào đó, nhưng có một ngày tôi đọc báo thấy có thân chủ viết thư khen tặng Bác Sĩ Pung Navann - là một Bác Sĩ rất hay và trị bệnh như thần, tôi nghe vậy đành thử xem sao có câu ôphước chủ may thầyọ và tôi đến phòng mạch B.S Navann và những điều làm cho tôi vừa ý nhất là B.S Navann rất thành thật và tiải thích cho tôi biết tường tận cách trị bệnh của B.S, và cho tôi biết phải uống bao nhiêu lần thuốc và cách trị liệu thế nào để bệnh dị ứng mũi của tôi khỏi hẳn. Sự thật lúc đầu tôi cũng không tin tưởng lắm nhưng tôi nghĩ tôi phải thử mới biết, thành ra tôi nghe lời theo sự chỉ dẫn của B.S Pung Navann và kết quả ngoài sức tưởng tượng của tôi... Sau khi tôi uống thuốc do B.S chỉ định thì bệnh mũi của tôi hết hẳn... và sau đó không hề tái phát. Tôi rất vui mừng và tôi có vài lời cám ơn B.S Pung Navann và thành thật chúc B.S Navann thành công trong sự bào chế thuốc để cứu nhân độ thế.
Kính thư

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: *Mùa hè đi bơi*, tranh sơn dầu của họa sĩ **Ngọc Dũng**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: **Vũ Quí Hạo Nhiên, Nguyễn Tường Thiết**, tư liệu

MỤC LỤC

Số 183 – Tháng Bảy 2004

KINH TẾ – CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
7. Những di sản của Tổng thống Ronald Reagan – **Ngô Nhân Dụng**
14. Kinh tế Việt Nam trước ngưỡng cửa Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới – **Nguyễn Quốc Khải**
18. Nhớ lại ngày đất nước chia đôi... – **Lê Xuân Khoa**
28. Không một bước lùi – Le Figaro phỏng vấn **André Gluckmann**
30. Chuyến đi trợ giúp "Mặt trận giải phóng miền Nam Sudan" – **Xuân Quang**

VĂN HÓA
34. Thân phận trí thức trong xã hội cộng sản – **Vũ Thư Hiên**
45. Văn với Báo, tuy hai mà một, tuy một mà hai – **Vũ Thụy Hoàng**
76. "Không, tôi là người viết truyện" - **Hoàng Khởi Phong**

KHOA HỌC – LỊCH SỬ
72. Cholesterol và bệnh tim – **Nguyễn Văn Tuấn**
78. Nhớ về thuộc địa xa xưa – **Nguyễn Đức Tường**

VĂN
82. Ngày cuối của một cổ trắng – **Trần Hoài Thư**
86. Trên một dòng sông – **Nguyễn Lê Hồng Hưng**
93. Bức tranh – **Xuân Đỗ**
100. Về lại Cẩm Giàng – **Nguyễn Tường Thiết**
107. Tại Cannes: niềm vui Á châu – **Vũ Quí Hạo Nhiên**

THƠ
47. Tống biệt – **Phạm Cây Trâm**. 77. Dạ khúc – **Hoàng Huy Khánh**.
81. Mưa – **Phùng Cung**. 89. Gió thốc mưa sa – **Chu Vương Miện**.
97. Hương bay – **Nguyễn Hà Tuệ**

MỤC THƯỜNG LỆ
5. Bạn đọc viết
6. Tòa soạn và Bạn đọc, Thư Trị sự
49. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
55. Đời sống quanh ta – **Thanh Thảo, Trần Quán Niệm, Từ Nguyên**
63. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**
Giới thiệu sách:
117. "Trăng huyết" của Anthony Grey & Nguyễn Ước
118. "Nhất Linh – Người nghệ sĩ, Người chiến sĩ" – Nhiều tác giả

Thạch Lam

Trong số đặc biệt về Thạch Lam vừa qua, tôi rất thích bài của Lê Minh Hà. Một nhà văn của Hà Nội ngày nay lấy tấm lòng *cảm nhận* một nhà văn Hà Nội tiền bối, đó là cái khác lạ của Lê Minh Hà đối với các cây bút khác viết về Thạch Lam. Nhất là đoạn sau khi viết về kịch bản phim. Khi đọc không ai ngờ đấy là một *scène* trong một cuốn phim quay về Thạch Lam – một cuốn phim có thể có thực, có thể chỉ là tưởng tượng của nhà văn - cho đến khi tới khúc chót, với những lời đạo diễn "chỉnh" các diễn viên, đây là đoạn tôi cho là hay nhất của cả bài, ngắn nhưng nói đủ và chính xác về Thạch Lam. *"Nhớ cho tôi: Nhân vật của tôi đi nhẹ, nói khẽ, ăn ít no lâu. Sống. Yêu thương. Hết mình. Nhưng lặng lẽ... lặng lẽ... Như sắp bước ra khỏi đời sống này. (...) Những gì ông ấy viết, không thể tìm lại được, đúng là thế, nhưng bản thân những trang viết ấy đã là Hà Nội, vẫn đang là Hà Nội..."*

Những lời từ một người muốn tái hiện Thạch Lam qua một ngôn ngữ khác, ngôn ngữ của điện ảnh. Nhưng trước khi làm việc ấy phải hiểu cho rõ ông ấy là ai, ông ấy là gì. Nhà đạo diễn đang sáng tạo một Thạch Lam khác trong đầu của mình, theo những gì mình biết về ông qua tài liệu. Không biết có đạo diễn điện ảnh nào đọc bài này của Lê Minh Hà và manh nha ý nghĩ làm một cuốn phim về Thạch Lam không?

Lê Văn Trước (Ohio)

Cộng Sản là Khổng Giáo hiện đại hóa?

TK 21 Tháng 6, 2004 đăng bài của tác giả Tôn Thất Thiện, mô tả xã hội VN khi xưa (trước thời Pháp đô hộ) là một chế độ Khổng Giáo, tổ chức theo mô hình «dọc» nghĩa là Vua trên hết, dưới là Quan, chót cùng mới tới Dân (Nông, Công, Thương). Tác giả nhận xét rằng chế độ CSVN hiện nay cũng tổ chức theo mô hình «dọc» này. Chỉ khác là CSVN thay thế Đảng CS vào địa vị chóp bu của Vua ngày xưa, Quan là lớp cán bộ, và Dân đen còn lại dưới hạ tầng.

Từ chỗ nhận xét về sự đồng dạng, giống nhau, của hai hệ thống «dọc» này, tác giả truy nguyên, phân tích sự trì trệ, tồi bại, của xã hội CSVN hiện tại, và tìm ra «thủ phạm.» Đó là hậu quả tàn hại của Khổng Giáo trong xã hội VN trước đây. Sở dĩ VN không rũ bỏ được chế độ CS là do «tinh thần Khổng Nho.» Tác giả Tôn Thất Thiện cũng bày tỏ sự đồng tình với một tác giả khác, (đã viết một cuốn sách gần đây, lên tiếng đả phá kịch liệt Khổng Nho), và kết luận rằng nếu VN muốn tiến bộ thì phải gột sạch các tàn tích của nền văn hóa Khổng Giáo và «làm sáng tỏ vai trò tai hại của Khổng Nho trong lịch sử chúng ta» (nguyên văn, TK 21 June 2004, trang 8).

Tôi thiển nghĩ có lẽ lập luận của hai tác giả kể trên khó đứng vững. Kẻ «đạo tặc» ăn mặc, trang phục, như một «người lương thiện,» không làm cho người lương thiện trở thành kẻ đạo tặc!

Thực vậy. Đồng ý rằng Khổng Giáo và CS cùng có một hệ thống «dọc.» Nhưng sự giống nhau dừng lại ở chỗ đó. Còn lại là cả một sự hoàn toàn khác biệt về bản chất, về đạo lý, không thể lẫn lộn.

Xã hội VN cổ xưa thấm nhuần Nho Giáo, tôn trọng các giá trị đạo đức cổ truyền có tính cách răn dạy như Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, cho dân gian, (hoặc Công Dung Ngôn Hạnh cho phái nữ). Giới lãnh đạo chính trị cũng có những phương châm như : Tu Thân, Tề Gia, Trị Quốc, Bình Thiên Hạ, các tiêu chuẩn đức độ như Nhân, Trí, Dũng, những khái niệm đúng đắn về nhân sinh như Thượng bất chính, Hạ tắc loạn, v.v...

Tất cả các giá trị tinh thần này hình như khá thiếu vắng trong xã hội CSVN ngày nay. Và sau này, ngay cả trong một hệ thống xã hội «dọc, ngang» nào đi nữa, thì các giá trị này có lẽ vẫn còn cần thiết. Vì vậy, thiết tưởng ở đầu thế kỷ 21 này, nếu còn rơi rớt lại được vài ba cái đức tính kể trên của mấy ngàn năm trước, thì cũng không đến nỗi vô ích, mà vẫn còn hữu dụng phần nào. Chưa cần phải vứt bỏ đi ngay!

Mặt khác, người xưa cũng đã từng sáng suốt chê bai những hôn quân, bạo chúa, để phân biệt những minh quân, minh chủ. Không phải lúc nào cũng mù quáng, trung thành tuyệt đối, tôn lên làm «Thiên Tử» bất cứ kẻ nào «dành được quyền lực nhờ đánh bại được địch thủ trong một cuộc nội chiến.»

Có lẽ chính nhờ giữ vững được những giá trị cổ truyền mà tiền nhân đã tạo được sức mạnh trong xã hội, để suốt mấy ngàn năm không bị đồng hóa thành một quận của láng giềng phương Bắc. Việt Nam vẫn tồn tại là một quốc gia riêng biệt, mặc dầu nguồn gốc là xuất phát từ Trung Hoa cả về sắc dân và văn hóa. Để chu toàn nhiệm vụ cao cả, khó khăn này, chắc giới sĩ phu Việt khi xưa phải có tầm hiểu rộng hơn để xử thế, chứ không phải chỉ biết «thi đỗ làm quan, học thuộc trau dồi thuộc kinh sử Tàu thời Nghiêu Thuấn, với những chuyện chẳng ăn nhằm gì đến thực tại!»

Khi xưa cấu trúc xã hội đơn sơ, thì những trật tự, kỷ cương trên dưới như Vua, Quan, Dân ... cũng hợp lý và lành mạnh. Ngay những nước Dân Chủ Tây Phương cho đến cuối thế kỷ 18 cũng còn những cấu trúc tương tự. Hơn nữa ông cha ta đã có những khái niệm như «Dân vi quí, Quân vi khinh,» thì phải chăng đó chính là những ý thức về dân chủ rất sớm, mà ngay những nước Tây Phương đồng thời cũng chưa có?

Ngoài ra, mối liên hệ trên dưới, Vua-Dân, chắc cũng dựa trên những nền tảng gì vững chắc hơn để có thể tồn tại mấy ngàn năm. Chứ không phải là mối liên hệ như hiện nay giữa «Bác Đảng» và «các cháu,» hoặc giữa «Ông Stalin» và thần dân Liên Xô, thì cố gắng cũng chỉ kéo dài được bảy thập niên!

Sự việc vua quan triều Nguyễn không chống trả lại được người Pháp, là do sự thiếu hiểu biết tình hình để thích ứng, chẳng phải là do sự cố chấp, gìn giữ, các giá trị Cổ Nho. Minh Trị Thiên Hoàng của Nhật Bản đã sáng suốt để thích ứng canh tân xứ sở, mà chẳng hề phải từ bỏ những giá trị cổ truyền của nước Nhật, vốn dĩ cũng ảnh hưởng nặng nề Nho Giáo.

Cho nên, nếu kết tội Khổng Giáo thì thực tội nghiệp! Một vài quốc gia khác như Cuba, chẳng hề biết «ất giáp» gì về Khổng Nho, cũng chưa rũ bỏ được từ nửa thế kỷ nay cái «xã hội chủ nghĩa» của Fidel Castro!

Thời xưa, trật tự kỷ cương trong xã hội được gìn giữ, do sự tự giác của lòng người, tin tưởng vào những giá trị đạo đức.

Ngày nay, trật tự trong xã hội, kỷ cương «trên dưới» trong chế độ CS được bảo vệ bằng... còng số 8, và súng AK!

Đó có lẽ là vài ba sự khác biệt đậm nét nhất giữa hai hệ thống «dọc» Khổng Giáo và Cộng Sản!

Nguyễn Gia Tiến

Thụy Sĩ, tháng 6. 2004

TÒA SOẠN và BẠN ĐỌC

Thưa quý độc giả và văn hữu,

Trong tháng Sáu vừa qua, Thế Kỷ 21 hoàn tất hai tác phẩm về hai nhân vật thuộc Tự Lực Văn Đoàn, đó là **số báo tưởng niệm Thạch Lam** và cuốn sách về Nhất Linh. Như thường lệ, những số báo đặc biệt đều được đón nhận nồng nhiệt, số Thạch Lam vừa rồi cũng thế, và chúng tôi nhận được nhiều lời khen ngợi của độc giả về tài liệu và hình ảnh dồi dào, bên cạnh những bài có giá trị được viết đã lâu còn có những bài mới như của Thụy Khuê, Lê Minh Hà, Tường Nhung, Nguyễn Tường Giang... mang những cái nhìn mới mẻ về nhà văn tài hoa bạc mệnh này.

Về **bức ảnh Văn Giới và Báo Giới đăng ở trang 35 số báo Thạch Lam**, chúng tôi có nhận thêm các chỉ dẫn sau về phía độc giả (hẳn nhiên là lớn tuổi): (1) Người đứng bên cạnh Nhất Linh (thứ nhì từ phải sang trái) là nhà thơ *Vũ Hoàng Chương*. (2) Người thứ hai về phía bên trái của người phụ nữ ở giữa hình là nhà thơ *Xuân Diệu*. Chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được các chỉ dẫn tương tự từ quý độc giả.

Tháng Chín sắp tới sẽ là **số đặc biệt về Phan Thanh Giản**, như chúng tôi đã thông báo trước đây. Từ trước tới nay, đảng cộng sản Việt Nam đã tùy tiện đánh giá mọi thứ theo quan điểm riêng của họ, không phù hợp với trí tuệ và tâm tình của dân tộc chúng ta. Phan Thanh Giản là một trường hợp như vậy. Thiết nghĩ người Việt Nam chân chính phải lên tiếng về những giá trị thực sự của dân tộc, chúng tôi thiết tha kêu gọi những nhà nghiên cứu lịch sử, nhà văn, nhà giáo... đóng góp ý kiến và bài vở về Phan Thanh Giản để chúng ta cùng nhau học hỏi, hiểu biết thêm về công lao và giá trị của tiền nhân của mình.

Một điều chót xin thông báo: chúng tôi dự trù sẽ làm một số Thế Kỷ 21 đặc biệt về họa sĩ Nguyễn Gia Trí, dự trù sẽ nhằm số Xuân năm Dậu 2005. Họa sĩ Nguyễn Gia Trí là một họa sĩ danh tiếng của nước ta, rất mong các nhà nghiên cứu về hội họa, các họa sĩ cũng như văn hữu và bạn đọc góp ý kiến cùng bài vở, tranh, ảnh, tài liệu cho số đặc biệt này.

HỘP THƯ TRỊ SỰ

Độc giả gia hạn:

Nguyen Tuong Thiet, WA. Nguyen Thi Thu Huong, Canada. Pham Cong Hien, CA. Pham Thanh Chau, VA. Nguyen Duc Mai, CA. Nguyen Son, AL. Nguyen Van Ngoc, CT. Han Long Toan, IL. Vu Gia An, VA. Tran Nga, TX. Vu Ngo Cuong, CA. Buu Hoan Agnes, VA. Nguyen Xuan Can, GA. Dang Van Phuong, OH. Nguyen Manh Khai,Canada. Tan Van Hong, CA. Trinh Hieu Chanh, TX. Ngo Linh Quy, TX. Truong Anh Thuy, VA. Nguyen Tuong Cam, MD. Nguyen Van Thuy, CA. Phan Ngoc Bau, LA. Diep C. John, FL. Trinh Ngoc Bang, TX. Nguyen K Viet, CA. Dao Dan, CA. Doan Tan Hanh, NC. Chu X Vien, VA. Dam Trung Phap, TX. Nguyen A Tuan, NJ. Truong An, CA. Nguyen Ngoc Anh, CA. Truong An, CA. Nguyen T Thach, TX. Dinh Hoang Anh, CA. Tran Duc Ai, CA. Pham Phung, OK. Bui Danny, CA. Quach Ngoc Trieu, VA. Hanlon LienHuong, TX. Hoang Huong-Cuc, CA. Nguyen Huu Cua, CA. Thai Tu Hap, CA. Bui Trong Cuong, Australia. Le Duy Thong, CA. Nguyen Dinh Cuong, CA. Vinh Ha, Canada. Le Thi Thu Nga, Canada (updated). Nguyen Tan Hung, Netherlands (updated). Nguyen Dat (thoi Bao), Canada. Salem Public Library, OR (updated). Nguyen Khac Kham, CA. Le Tuyet, TX.

Độc giả mới:

Ho Dinh Nghiem, Montreal. Vu Thi My, Canada. Thao Posner, CA.

Nguyen Cong Thanh, OR. Tin Van Mai, Berlin. Hoang Tuy Tran, CA.

Độc giả thay đổi địa chỉ:

Le Minh Ha, Germany. Do Quyen, Australia. Huynh Huu Uy, CA. Vietnamese Senior Ctr, CO. Nguyen Van Khanh, DC. Tran Van Phi, FL. Swets Information Services, NJ. Vo Thanh Thong, CA.

Những di sản của Tổng Thống RONALD REAGAN

NGÔ NHÂN DỤNG

Trong lúc làm tổng thống, ông Ronald Reagan được nhiều người khen cũng như nhiều người chê. Nhưng khi ông mất, tại nước Mỹ hầu hết các lời nói đến ông đều có ý khen ngợi. Ông Reagan được cảm tình với mọi người, và khi ông chết nhiều người mới nhớ ra là thời ông làm ttổng thống các nhà chính trị Mỹ đối xử với nhau cũng có vẻ lịch sự, nhã nhặn chứ không hằn học, thô lỗ như bây giờ. Cuối tháng Sáu, các nhà báo đã chứng kiến cảnh Phó Tổng thống Dick Cheney chửi thề "Đ.M." với Nghị sĩ Leahey, Dân Chủ, tiểu bang Vermont ngay trong buổi họp mặt chụp hình chính thức của Thượng viện. Ngày hôm sau, có nhà báo hỏi ông có ân hận đã nóng giận hay không, ông Cheney nói "không" vì ông đã diễn tả đúng cảm nghĩ của ông về nhà nghị sĩ đối lập này. Người ta lại càng tiếc cái thời ông Reagan làm tổng thống Mỹ.

Những người Việt Nam đi theo diện H.O. sang Mỹ thì nhớ nhất là trong thời gian ông Reagan làm tổng thống chính phủ Mỹ đã can thiệp gắt gao nhất để yêu cầu chính phủ cộng sản ở Việt Nam phải đối xử tử tế và trả tự do cho những người tù cải tạo.

Nhiều người không hiểu tại sao cố Tổng thống Ronald Reagan thành công – nhất là người Việt Nam, và ngay cả nhiều người Mỹ. Sự thành công của ông có thể trông thấy rất rõ. Ông là vị tổng thống đã làm cho chiều hướng chính trị cả nước Mỹ đổi chiều sau hai nhiệm kỳ của mình, không thua gì Franklin Delano Roosevelt, một người mà ông Regan rất ngưỡng mộ. Roosevelt nhậm chức trong lúc nước Mỹ lâm vào cơn khủng hoảng kinh tế khiến nhiều người Mỹ nghi ngờ cả hệ thống kinh tế tư bản. Ông đã lái chính trị Mỹ quay sang phía tả, với các chương trình gọi là New Deal, trong thập niên 1930, nhiều chương trình còn tồn tại đến nay và chắc không vị tổng thống nào sẽ bỏ đi được. Ronald Reagan cũng nhậm chức khi dân Mỹ đang bị khủng hoảng, nhưng đây là khủng hoảng về niềm tin ở vai trò của giới lãnh đạo, về ngôi vị tổng thống; và ông Reagan nhân đà này đưa chính trị Mỹ quay sang phía hữu. Các chính sách của ông còn được ông Clinton, rồi ông Bush tiếp tục cho tới bây giờ. Về sau này ông Reagan, vẫn tiếp tục ngưỡng mộ Roosevelt, than rằng: "Báo chí họ hay mô tả tôi là người đã lật ngược chính sách New Deal (của FDR,) nhưng thực ra tôi chỉ cố gắng lật ngược chính sách 'Đại Xã hội' (Great Society)" - mà Tổng thống Johnson đã đưa ra vào thập niên 1960 làm ngân sách chi tiêu về xã hội của chính phủ gia tăng vượt bực.

Roosevelt đã đối phó với khủng hoảng kinh tế bằng cách áp dụng lý thuyết "điều động số cầu" của Keynes, gia tăng số chi tiêu của nhà nước để kích thích tiêu thụ. Ông cũng đặt ra các chương trình xã hội, hưu bổng, tạo thành mạng lưới an

toàn cho người nghèo và người thất nghiệp, từ đó kinh tế tư bản có bộ mặt nhân đạo hơn. Những chính sách đó đã được sử dụng ở Âu châu từ nhiều thập niên trước, nhưng FDR là người thuyết phục được dân Mỹ chấp nhận không đắn đo. Từ đó kinh tế và xã hội ở Mỹ thay đổi.

Reagan thì bỏ Keynes để theo lý thuyết kinh tế của Friedman, và các nhà kinh tế chủ trương "Cung quan trọng hơn Cầu," gọi là Supply Side Economics. Ông tìm cách giảm bớt vai trò của chính phủ, để cho các xí nghiệp và doanh nhân nhiều tự do hơn. Bà Margaret Thatcher đã khởi đầu cuộc "cách mạng khuynh hữu" đó ở Anh quốc, nhưng chỉ khi lý thuyết đó được phổ biến ở Mỹ nhờ quyết tâm của ông Reagan thì các nước khác mới thấy đó là một bài học đáng theo, nhất là sau khi chế độ cộng sản sụp đổ.

Nhưng làm cách nào để guồng máy chính phủ nhỏ lại? Nhiều người thuộc phe hữu ở Mỹ vẫn tìm cách cắt giảm chi tiêu, giảm số công chức và luật lệ do các vị công chức đặt ra. Nhưng ông Reagan cổ động cho một lý thuyết giản dị hơn: Cắt thuế. Vì guồng máy chính phủ nó sẽ bành trướng mãi nếu nó thấy có tiền để chi tiêu. Năm 1982 ông Reagan nói, "Nhiều người bảo chúng ta không thể nào cắt thuế trước khi cắt bớt các chương trình chi tiêu. Quý vị biết rồi, (giống như) chúng ta cứ lải nhải bảo con cái chúng nó bớt hoang phí, nói hết hơi khản cổ cũng vậy. Nhưng chúng ta cũng có cách làm cho chúng bớt hoang phí, là cắt không cho chúng nhiều tiền bỏ túi như trước nữa!"

Câu nói trên tiêu biểu cho sự thành công của ông Ronald Reagan, vì nó rất giản dị, ai cũng hiểu được, mà lại hợp với tinh thần của dân chúng Mỹ.

Người Mỹ từ thời lập quốc đã ghét nhà nước, coi cả guồng máy nhà nước là một gánh nặng vạn bất đắc dĩ phải tạo ra để lo các việc chung, chứ nếu bỏ được thì họ cũng nên bỏ! Đó là tinh thần của Jefferson, một trong các nhà lập quốc. Trong câu ông Reagan nói còn bao hàm một hình ảnh, là người dân Mỹ coi họ là cha mẹ, chính phủ là con cái. Khác hẳn những xứ còn giữ truyền thống phong kiến, coi nhà nước là cha mẹ, dân chi phụ mẫu, còn dân chúng là hàng con cháu, được cha mẹ cho quyền tự do nào thì được hưởng thứ quyền đó; và con cái cứ luôn luôn được nhắc nhở phải đời đời nhớ ơn cha mẹ!

Ông Ronald Reagan không phải là người nghĩ ra những ý kiến trên, ông chỉ là người phát biểu các ý đó một cách dễ thuyết phục nhất. Chắc chắn ông không phải là một lý thuyết gia, một người nghiên cứu về kinh tế hay chính trị. Chính nhờ thế mà khi học được các ý tưởng nào mà ông tin tưởng một cách nhiệt thành là ông nhập tâm, rồi nói ra như phát xuất tự trong lòng mình, chinh phục được người nghe. Cho nên ông được tiếng là "người truyền đạt hữu hiệu nhất," chứ không phải là một nhà tư tưởng.

Vì vậy, nhiều người, nhất là người Việt, coi ông Reagan là thứ người tầm thường, nhiều người ngạc nhiên khi ông đắc cử tổng thống Mỹ, càng kinh ngạc hơn khi ông được coi là một vị tổng thống lớn của thế kỷ 20. Một phần vì chúng ta không hiểu rõ chính trị nước Mỹ. Xứ này may mắn không mắc bệnh tôn thờ lãnh tụ, không chạy theo các lãnh tụ vĩ đại; chính vì họ biết mọi thành tựu lớn đều do người dân mà ra. Khi người dân được tự do sinh hoạt, khi chính phủ không tạo ra những chướng ngại, thì tự nhiên xã hội sẽ phát triển theo chiều hướng tốt.

Nước Mỹ đã theo ông Roosevelt quay từ hữu sang tả, 50 năm sau lại theo ông Reagan quay từ tả sang hữu. Những biến cố lịch sử đó không phải do một cá nhân nào làm "ánh đuốc soi đường chỉ lối" cả. Một khi xã hội tiến quá xa về một phía, tả hoặc hữu, những căn bệnh mới bắt đầu phát sinh, thì có hàng trăm ngàn người cùng quan sát, cùng suy nghĩ, và nêu lên các ý kiến. Họ đề nghị cả xã hội phải dừng lại, phải tính toán lại và sửa đổi. Các ý kiến đó được tự do phổ biến, mọi người tự do tranh luận, cho đến khi đa số người dân được thuyết phục, và họ dùng lá phiếu để thay đổi. Không những họ thay đổi những người cầm quyền, mà có lúc đã thay đổi định hướng của cả một nước. Người đứng ra chịu trách nhiệm làm công việc thay đổi đó không quan trọng bằng ý chí của đa số dân chúng muốn thực hiện sự thay đổi. Một quốc gia tự do, dân chủ không cần đến lãnh tụ anh minh, vì chính người dân quyết định.

Nếu không ở một nước dân chủ thì những người như ông Reagan khó tiến tới địa vị đứng đầu quốc gia. Ông Reagan sinh ra trong một gia đình nghèo, cha ông làm nghề đi rao hàng bán giầy, và mắc tật nghiện rượu. Mẹ ông thường lãnh hàng về nhà may, cũng giống như mẹ của bà Margaret Thatcher, và thân mẫu đức Giáo hoàng Giôn Phao lồ II. Gia đình Reagan thay đổi chỗ ở liên miên, không có tiền bạc cũng như địa vị ở xã hội. Tham gia chính trị đầu tiên của Ronald Reagan là đi cổ động cho các chính sách của Tổng thống

Roosevelt và Tổng thống Truman, thuộc đảng Dân Chủ. Ông từng làm chủ tịch nghiệp đoàn các diễn viên điện ảnh. Ông chỉ đổi sang đảng Cộng Hòa trước khi ứng cử thống đốc tiểu bang California, năm 1962, đánh bại vị thống đốc đương nhiệm.

Có thể nói là ông Ronald Reagan đã phục hồi khuynh hướng bảo thủ trong chính trị Mỹ, đồng thời ông phục hồi niềm tin của dân chúng nước Mỹ bằng cá tính và con người của ông. Với tài diễn tả các ý tưởng phức tạp bằng những khẩu hiệu, những hình ảnh đơn sơ, ông đi tới dân Mỹ một cách trực tiếp. Một thành công lớn của ông là lôi kéo được những cử tri xưa nay vẫn bầu cho đảng Dân Chủ, như các công nhân. Sau khi nước Mỹ trải qua những khủng hoảng vì người dân mất niềm tin ở chính phủ, vì họ cảm thấy sự bất lực của cả quốc gia, ông Reagan đem lại cho người Mỹ một tinh thần lạc quan không nghi ngại. Nhờ ảnh hưởng đức tin của mẹ ông, ông tin tưởng ở mầm mống thiện trong con người, tin tưởng ở khả năng thay đổi số mệnh.

Ai đã thắng chiến tranh lạnh?

Sau khi chế độ chế độ cộng sản sụp đổ ở Nga và Đông Âu năm 1989, 90, bà Margaret Thatcher đã ca ngợi rằng chính ông Reagan đã thắng cuộc chiến tranh lạnh mà không cần bắn một phát súng.

Năm 1977 ông Reagan hỏi một người cố vấn thân cận, Richard Allen, có muốn nghe lý thuyết của mình về chiến tranh lạnh hay không. Rồi ông trình bầy: "Lý thuyết của tôi về chiến tranh lạnh là phe mình thắng, phe họ thua." Ông Allen đã từng phò tá các ông Nixon và Goldwater, đã nghe mãi về những khẩu hiệu "hòa dịu, detente." Ông hỏi lại, "Thưa thống đốc, ông nghĩ như vậy thật sao?" Cựu thống đốc California trả lời: "Chắc chắn tôi nghĩ như vậy rồi. Tôi vừa nói với ông đấy!" Ông Ronald Reagan coi chuyện chống chế độ cộng sản như một nghĩa vụ tôn giáo, không cần bàn cãi, vì bản chất của chế độ đó là ác, không thể chấp nhận được.

Nhưng có đúng là ông Ronald Reagan đã thắng cuộc chiến tranh lạnh hay không? Nhiều người nghi ngờ. Người ta có thể nêu ra nhiều lý do khác khiến cả khối xô viết sụp đổ từ bên trong. Đế quốc cộng sản với trung tâm là Nga xô sụp đổ vì nó giống như một trái cây đã quá chín phải rụng; cá nhân ông Reagan không đóng góp gì hơn vào quá trình tan rã tự nhiên đó. Có ba nguyên nhân trực tiếp được nêu lên để giải thích sự sụp đổ của đế quốc cộng sản. Thứ nhất là bất cứ một đế quốc nào cũng vậy, khi bành trướng trải ra rộng quá (overreach) thì cũng phải sụp. Thứ hai là hệ thống kinh tế cộng sản bế tắc lâu ngày quá rồi. Nó đã tận dụng khả năng guồng máy chỉ huy trong giai đoạn công nghiệp hóa trong thời Stalin. Sang thời Brezhnev đụng tới giới hạn, hệ thống này không có tính uyển chuyển, không thích ứng được với các nhu cầu mới, trở nên sơ cứng và tê liệt. Cảnh bế tắc lan từ kinh tế sang quân sự. Không những các nhà máy sản xuất giầy dép, quạt điện hoặc xe hơi không chạy; các nông trường đến mùa gặt vẫn để cho khoai, bắp ứ đọng không được xe, tầu chuyên chở kịp thời; mà đến các công xưởng chế tạo vũ khí, từ công nhân tới các nhà khoa học, kỹ sư cũng làm việc uể oải như quý vị công chức ở các nhà máy quốc doanh và nông trường. Một lý do khác là tinh thần: thế hệ thanh niên Nga mới đã mất niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản; sau khi giới trí thức, văn nghệ lên tiếng chống đối và chỉ trích. Mọi người sẵn sàng bỏ rơi chế độ đó.

Tình trạng suy sụp từ bên trong của khối xô viết được che đậy đối với thế giới bên ngoài, vì hai yếu tố. Thứ nhất là chế độ cộng sản vẫn có khả năng sản xuất ra các vũ khí hạt nhân ngày càng mạnh, các hỏa tiễn tầm xa, và phóng được người lên không gian sớm hơn Mỹ. Vì chế độ đó có thể bắt dân chúng nhịn ăn, chịu lạnh, để dồn hết tài nguyên vào mục tiêu tuyên truyền và quân sự. Yếu tố thứ hai là phong trào cộng sản trong thế giới thứ ba của các nước nghèo vẫn bành trướng cho tới đầu thập niên 1970. Vì phong trào đó lợi dụng được tinh thần dân tộc chống những đế quốc thực dân của các nước tư bản. Sức mạnh vũ khí hạt nhân khiến các nước tư bản tìm cách thích ứng chỉ mong tránh không cho chiến tranh thứ ba xẩy ra.

Ngay từ khi chiến tranh lạnh bắt đầu, các chính phủ Mỹ đã theo chính sách "Ngăn chặn," chỉ tìm cách ngăn không cho phong trào cộng sản bành trướng chứ không tấn công để tiêu diệt họ. Các cuộc chiến tranh ở Hàn quốc và Việt Nam đều do phía cộng sản gây ra và phía tư bản chống đỡ. Rồi từ thập niên 1960, nhiều quốc gia tư bản ở Âu châu đã theo chủ trương "Chính trị Thực tế," Real Politik, hòa hoãn với khối cộng sản. Các chính phủ Mỹ cũng theo chủ trương "Hòa dịu," Détente, ký các hiệp ước hạn chế vũ khí hạt nhân và hỏa tiễn tầm xa. Hai khối tư bản và cộng sản hòa hoãn để tránh cảnh tiêu diệt lẫn nhau bằng bom nguyên tử. Từ bên ngoài, không ai biết hệ thống xô viết đã nát và yếu như thế nào, chỉ mong

yên thân.

Khi ông Reagan ra tranh cử tổng thống rồi thắng cử, ông đã thay đổi bầu không khí đó ở nước Mỹ. Ông đề cao khả năng và sức mạnh của Mỹ và cổ động cho tinh thần ái quốc như một niềm tin tôn giáo. Đức lạc quan của ôn Reagan đã truyền ra cho dân Mỹ có lẽ vì ông là một người may mắn. Sau khi ông tuyên thệ được 36 phút thì người Iran trả tự do cho 52 con tin Mỹ đã bị cầm tù 444 ngày. Ông Reagan được hưởng tin vui này, dù công lao điều đình trước đó là do chính quyền Carter thực hiện. Ông Reagan lấy lại niềm tin cho dân Mỹ, ông dùng cả hình ảnh trong kinh thánh để mô tả nước Mỹ như ánh sáng trên đồi xa, tượng trưng cho hy vọng điều thiện của nhân loại. Và trong cách nhìn đơn giản, phân biệt thiện với ác này, ông nổi tiếng khi gọi khối xô viết là "đế quốc của sự ác." Ông cụ thể hóa các khẩu hiệu chống cộng bằng một chương trình vũ trang rất tốn kém, đặc biệt là việc nghiên cứu chế tạo hệ thống chống hỏa tiễn từ không gian, thường được gọi là "Star Wars," với ý mỉa mai là hão huyền. Chương trình Star Wars tiêu tốn 30 tỷ mỹ kim trong hai nhiệm kỳ của ông Reagan và bây giờ đã bị bỏ rơi. Ba năm trước đây Tổng thống George W. Bush cũng đề cao một kế hoạch chống hỏa tiễn nhưng dùng hệ thống hỏa tiễn từ mặt đất.

Hành động của ông Reagan cho thấy ông rất linh động và thực tế chứ không giáo điều, nhưng các khẩu hiệu mà ông hô lên thì bao giờ cũng mạnh mẽ, khích động lòng người. Năm 1987, ông đến Cổng Brandengurg bên bức tường Berlin, kêu gọi nhà lãnh đạo Liên Xô: "Nếu ông muốn có hòa bình, nếu ông muốn Liên xô phồn thịnh, xin mời ông hãy đến bên cái cổng này ... Thưa ông Gorbachev, hãy mở cánh cổng ra... Ông Gorbachev, xin phá bước tường này đi." Hơn hai năm sau thì dân chúng Đông Berlin đã phá đổ bức tường ô nhục. Năm 1988, khi Gorbachev đã bắt đầu cải tổ hệ thống xô viết, ông Reagan được mời đến nói chuyện với sinh viên đại học Mascơva. Ông nói chuyện về các tiến bộ kinh tế nhờ kỹ thuật điện tử, và nói với các người trẻ tuổi đó rằng ông ước mong được thấy nước Nga cũng có kinh doanh tự do "ngay trong lúc tôi còn sống."

Trong khi ông Reagan lên sân khấu chính trị quốc tế đóng vai một hiệp sĩ đòi diệt con khủng long cộng sản, thì bên trong Liên xô cả hệ thống kinh tế, xã hội đang suy sụp, mặc dù CIA cũng không đoán được hệ thống đó sắp tan rã.

Nhưng ông Reagan có đóng vai trò nào trong sự sụp đổ của khối xô viết hay không? Ông Gorbachev đã tới dự tang lễ ông Reagan để từ giã đối thủ cũ của ông trong những ngày cuối cùng của chiến tranh lạnh. Chắc ông Gorbachev là nhân chứng rất đáng tin khi xác định vai trò của ông Reagan khi ông nói: "Nếu là người khác không phải ông Reagan, tôi không dám chắc là những gì đã xảy ra cũng vẫn xảy ra như vậy."

Một việc ông Reagan làm, bây giờ không có ý nghĩa gì cả vì đã bỏ ngang vì vô hiệu, chính là chương trình Sáng kiến Phòng vệ Chiến lược, SDI, vẫn gọi là Star Wars. Khi ông Reagan quyết định chi hàng tỷ mỹ kim không sợ tốn kém vào một kế hoạch quân sự có vẻ khoa học giả tưởng đó, ông đã thay đổi tâm lý các người lãnh đạo Nga xô. Họ biết không thể chạy đua với Mỹ, vì kinh tế xuống yếu quá.

Ông Andropov, giám đốc KGB chắc phải biết rõ là nền kinh tế Mỹ đủ sức theo đuổi kế hoạch đó, dù không ai biết sẽ thành công hay không. Ông Andropov cũng biết là hệ thống kinh tế Nga không thể nào tiến hơn được nữa, không đủ tài nguyên để cạnh tranh vũ khí với Mỹ. Khi lên làm Tổng Bí thư đảng Cộng Sản Liên xô ông Andropov đã bắt đầu cải tổ, công việc này được ông trao cho Gorbachev tiếp tục. Các nhà lãnh đạo Nga có cảm tưởng Reagan là người đã nói là làm, vì ngay khi nhậm chức ông ta đã dọa sa thải các viên chức kiểm soát không hành nếu họ đình công; rồi ông dám làm đúng như thế mặc dù nhiều người nghi ông chỉ dọa dẫm.

Nước Mỹ không cần hoàn tất chương trình SDI, chỉ cần khởi sự là đủ gây bối rối cho Nga. Khi các nhà lãnh đạo Nga không biết chắc là nếu chiến tranh xảy ra thì bao nhiêu hỏa tiễn Nga sẽ lọt được xuống nước Mỹ vì nước Mỹ sẽ lập giàn phòng thủ không gian, thì họ thấy ngay là phải tăng số hỏa tiễn mang bom của họ lên gấp đôi, gấp ba lần mới đủ. Nhưng lấy tài nguyên đâu ra để chạy đua vũ trang với Mỹ trong lúc cả nước Nga làm việc theo lối lãn công, làm chơi ăn thật? Do đó, Bộ Chính trị Nga xô phải lo vừa hòa dịu với Mỹ để tránh xung đột, vừa cải tổ cơ cấu để hy vọng thay đổi kinh tế mà cứu chữa chế độ Cộng Sản.

Nếu không có ông Reagn thì chắc chắn sự sụp đổ của khối xô viết cũng xẩy ra, nhưng vì ông làm tổng thống Mỹ trong thời gian đó cho nên sự thay đổi đến nhanh hơn. Thấy như vậy thì không phải chỉ dân chúng các nước tự do mới vui mừng,

ngay cả dân chúng các nước cộng sản cũng biết công ơn của nhà hùng biện này, vì nhờ ông mà họ được giải phóng sớm hơn. Đó là chưa kể dân chúng các nước ở thế giới thứ ba, từ Ấn Độ tới Angola, Chile. Trước khi khối xô viết sụp đổ nhiều quốc gia vẫn còn tin ở hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa, vì thế kéo dài cảnh nghèo đói của người dân. Sau khi liên bang Xô viết tan rã, giấc mộng đó đã được hóa giải. Ông Reagan đã giúp nhiều nước tỉnh mộng sớm hơn, đó cũng là một thành công đáng nhớ. Người ta không cần phải tài trí xuất sắc, không cần là một lãnh tụ anh minh, chỉ cần tin tưởng vào cái thiện một cách thành khẩn và đơn sơ, cũng có thể thay đổi được thế giới.

Di sản kinh tế của Reagan

Xuất thân từ một gia đình trung lưu nghèo, ông Reagan phải đi làm để sống trong lúc đi học, ra trường phải lo kiếm một nghề, đổi từ việc này sang việc khác, sau cùng đã thành công. Khi mới vào nghề tài tử phim ảnh hạng B có lúc ông Reagan được mướn đóng 4 cuốn phim một năm, và ông khám phá ra là những đồng tiền cuối cùng ông được lãnh bị chính phủ lấy mất 90 xu, gọi là thuế lợi tức! Ông trở thành một người chống thuế, chống vai trò can thiệp của chính phủ trong đời sống kinh tế. Ông là một trong những ứng cử viên cổ động cho việc cắt giảm thuế sớm nhất; trong lúc ngân sách chính phủ Mỹ còn bị thâm thủng. Cho nên, năm 1980 ông đã bị một đối thủ cùng trong đảng Cộng Hòa chỉ trích, gọi các chính sách của ông là "kinh tế thầy mo" (tạm dịch chữ woodoo economics, woodoo là một tôn giáo của người Haiiti.) Đối thủ này, sau bị thua phải chịu đứng làm phó tổng thống cho ông, đó là ông Bush, thân phụ tổng thống Bush đương nhiệm.

Cắt giảm thuế đi đôi với chủ trương giảm bớt vai trò của guồng máy nhà nước, xóa bớt các luật lệ, các rào cản trong nền kinh tế, cho các doanh nhân được hưởng nhiều tự do hơn. Cùng với chủ trương chính phủ nhỏ hơn, ông Reagan cũng tìm cách giảm bớt vai trò của mạng lưới an toàn xã hội cho những người nghèo, lấy lý do là nó tạo ra một lớp người sống ỷ lại vào xã hội, chính họ và con cháu họ trở thành nạn nhân của hệ thống trợ cấp quá rộng rãi. Chủ trương này về sau lại được một vị tổng thống thuộc đảng Dân Chủ thực hiện, trong thời ông Bill Clinton. Ông Reagan có thực hiện được chủ trương cắt thuế và giảm bớt chi tiêu của chính phủ Mỹ hay không?

Sau tám năm ông Reagan cầm quyền, số thu

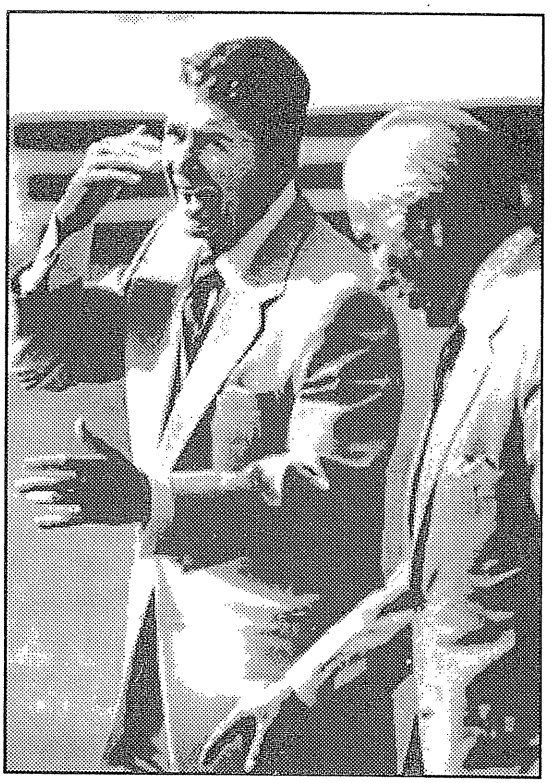

của chính phủ Mỹ đã giảm nếu tính theo tỷ lệ trên Tổng Sản lượng nước Mỹ (GDP). Năm 1981 chính phủ Mỹ thâu thuế tới 19.6 phần trăm của GDP, đến năm 1989 chỉ còn 15.7 phần trăm. Nhưng số chi tiêu của chính phủ Mỹ không giảm được nhiều như vậy, từ 22.2% xuống 20.2%. Hậu quả là số khiếm hụt ngân sách của chính phủ liên bang đã tăng vọt, số nợ nần của chính phủ tăng lên gấp ba lần. Năm 1981 ông Reagan còn thống thiết kêu gọi dân Mỹ hãy chấm dứt cảnh ngân sách khiếm hụt, lúc đó hụt 80 tỷ mỹ kim, tức 2.5 phần trăm GDP. Hai năm sau ông chứng kiến ngân sách khiếm hụt lên tới 200 tỷ, bằng 6 phần trăm GDP!

Di sản khiếm hụt và nợ nần đó cũng phải đến đời ông Clinton nước Mỹ mới dứt, trở lại với ngân sách thăng bằng, rồi thặng dư. Một lần nữa, vị tổng thống Dân Chủ này lại là người thực hiện các chủ trương của ông Reagan và của đảng Cộng Hòa. Chính sách cắt giảm thuế của ông Reagan cũng không cứng nhắc như một giáo điều. Năm 1981 mới nhậm chức, ông Reagan thực hiện ngay lời hứa, làm luật cắt suất thuế lợi tức một phần tư. Lý luận của phe bảo thủ nói rằng cứ cắt thuế đi, kinh tế nhờ thế sẽ phát triển mạnh hơn, người ta sẽ đóng thuế nhiều hơn bù lại, vì lợi tức ai cũng cao hơn. Năm 1982 ông Reagan đã thấy

điều đó không thành sự thật, ông đề nghị tăng thuế lợi tức các xí nghiệp và tăng thuế cá nhân một chút, cộng lại đã xóa bớt một phần ba những khoản cắt giảm năm trước. Số thuế tăng lên năm đó còn cao hơn số thuế tăng thời ông Clinton, năm 1993.

Ông Reagan còn tăng thuế lần thứ nhì nữa, theo đề nghị của một ủy ban do ông Allan Greenspan làm chủ tịch, nhằm cứu vãn hệ thống hưu bổng, y tế xã hội (Social Securiry và Medicare.) Sau lần tăng thuế này, số thuế cắt giảm năm 1981 đã biến mất, dân trung lưu ở Mỹ phải đóng một tỷ lệ thuế cao hơn trước. Về chính sách thuế khóa, ông Reagan đưa ra một chủ trương tiến bộ vào năm 1986, là cải tổ thuế vụ để các thứ lợi tức dù do lương bổng hay do đầu tư đều đóng một suất thuế như nhau, xóa bớt các "lỗ hổng" mà những người lợi tức cao có thể dùng để bớt thuế. Đến đời Tổng thống Bush hiện nay thì suất thuế đánh trên lợi tức đầu tư còn được giảm nhiều hơn trước so với thuế lương bổng, và ông Bush còn chủ trương xóa bỏ hẳn loại thuế này.

Cuối cùng thì di sản kinh tế của cố Tổng thống Reagan không nằm ở trong các con số mà ở cách suy nghĩ của dân Mỹ nói chung về các vấn đề kinh tế. Nhờ tài hùng biện và niềm tin với quyết tâm rất đơn sơ của ông Reagan, người Mỹ bây giờ đặt tin tưởng vào thị trường nhiều hơn là vào vai trò của guồng máy nhà nước. Ông Reagan không phải là người đề xướng ra các chủ trương này, nhưng ông là người cổ động một cách có hiệu quả nhất. Kinh tế Mỹ phát triển mạnh mẽ trong thập niên 1990 cũng một phần do tinh thần các chủ trương kinh tế của ông Reagan khởi xướng rồi được ông Clinton tiếp tục.

Không phải mình ông Reagan tạo nên các tiến bộ kinh tế ở Mỹ, nhưng ông đã hô hào cổ động cho sự thay đổi trong suy nghĩ chính trị ở Mỹ, đưa tới tình trạng đó. Đối với một cậu bé con nhà nghèo sinh năm 1911 ở làng Tampico, Illinois, người cha không kiếm đủ sống nuôi gia đình, năm 21 tuổi kiếm được 75 đô la một tuần bằng nghề viết và đọc tin thể thao, sự nghiệp của ông Reagan tạo nên ảnh hưởng lớn như vậy thật rất đáng kính phục.

Cái quan định luận

Ông Reagan đã tạo được chung quanh mình rất nhiều người thương yêu ông một cách chân thành, yêu mến và kính trọng con người thật của ông, vượt lên trên cả chính trị hay lợi lộc. Ký giả Albert R. Hunt là một thí dụ. Ông có lập trường thiên tả, ông nói thẳng là ông không đồng ý với hầu hết các chính sách của ông Reagan cũng như các chủ trương của đảng Cộng Hòa. Trước ngày đám tang ông Reagan ông Hunt đã viết một bài ca ngợi tính khả ái của nhà chính trị mà ông không ủng hộ. Hồi đứa con trai đầu của Hunt mới được chín tuần, bà vợ ông một bữa bế con tới Tòa Bạch Ốc vì bà là một phóng viên thường trực ở đó. Bà vừa cho con bú sữa xong thì hai vợ chồng được mời ngay vào Phòng Bầu dục, văn phòng của các ông tổng thống. Trước khi phải tiếp kiến những vị khách quan trọng, ông Reagan đã để ra 10 phút bế đứa bé, ông chỉ cho bố mẹ chú bé Jeffrey cách bồng con như thế nào, và ông đung đưa cậu bé lên xuống, giải thích: "Lớn lên phải biết cách cưỡi ngựa như vầy!" Hai nhà báo chỉ lo cậu con vô kỷ luật sẽ bậy lên quần áo ông tổng thống trước khi ông tiếp khách. Albert Hunt công nhận tính khả ái (charm) là một yếu tố giúp nhà chính trị Ronald Reagan thành công, ngoài các đức tính khác cũng như niềm tin tưởng nhiệt thành và tập trung vào mục tiêu. Điều Hunt kính trọng nhất ở ông Reagan là ông không có tính giáo điều, ông là một con người thực tế, và hoàn toàn tự tin ở chính mình.

Với tính tự tin đó, khi ông Reagan phải đối phó với cuộc khủng hoảng Iran-Contra vào hai năm chót tại chức, ông đã thẳng thắn đứng ra nhận lỗi. Khi một số người trong Tòa Bạch Ốc đem bán vũ khí cho Iran (mặc dù bị quốc hội cấm) rồi lấy tiền giúp phe chống chính phủ ở Nicaragua (cũng trái luật) thì ông Reagan lập ngay một ủy ban điều tra, ba tháng sau lên vô tuyến truyền hình công nhận sai lầm và chịu trách nhiệm. Sau đó ông nhờ các cố vấn an ninh quốc gia mới, trong đó có ông Collin Powell, tái tổ chức bộ phận an ninh này để tránh các vụ phạm lỗi khác.

Cũng giống như Lưu Huyền Đức, nhờ đức tự tin nên ông Reagan không chấp nhất, có thể mời ngay những người đã chống mình tới cộng tác. Một người thân tín nhất trong nhiệm kỳ đầu của ông là Jim Baker, đã từng làm cố vấn cho các ứng cử viên đảng Cộng Hòa đối thủ với Reagan trong các cuộc vận động sơ bộ 1976 và 1980, sau được mời làm chánh văn phòng của ông Reagan. Năm 1976 ông Reagan ra giành lấy vai trò đại diện đảng Cộng Hòa, đấu với cựu Tổng thống Ford. Ông bị thua trong đại hội đảng vì thống đốc tiểu bang Pennsylvania, ông Drew Lewis mang

Lễ An táng cố Tổng Thống Donald Reagan

cả phái đoàn qua ủng hộ ông Ford. Đến năm 1980 ông Lewis nằm trong bộ tham mưu tranh cử của ông Reagan, rồi sau được mời làm bộ trưởng Bộ Vận tải. Một đối thủ khác, cựu Phó Tổng thống Dân Chủ Walter Mondale đã thua ông Reagan năm 1984 trong kỳ bầu cử tổng thống, trong tuần này cũng khen ngợi ông Reagan là người đã giữ được tính lịch sự, thanh nhã trong các cuộc đấu chính trị, mà ngày nay không còn thấy trên chính trường nước Mỹ.

Các cá tính trên giúp cho ông Reagan tuy được coi là người trương cao ngọn cờ bảo thủ kể từ thập niên 1980 đến nay nhưng thực ra ông cũng không hoàn toàn bảo thủ. Tính bảo thủ của ông xuất phát từ tình tự chứ không qua một quá trình lý thuyết. Hai ký giả của tờ *Economist* bên Anh so sánh tính "chống trí thức – anti-intellectual" của ông Reagan với Martin Luther, nhà cải cách tôn giáo trước đây 500 năm. Họ vừa muốn khôi phục một niềm tin tôn giáo có sẵn, vừa du nhập những ý kiến bị coi là phản giáo. Ông Reagan đã pha trộn chủ nghĩa bảo thủ cổ truyền của triết gia Edmund Burke (thế kỷ 18) với các tư tưởng cấp tiến.

Hai ông Micklethwait và Wooldridge nhận xét ông Reagan đã đem ba điểm trong lý thuyết bảo thủ của Edmund Burke đẩy lên xa hơn, nhưng cũng làm ngược lại ba điểm khác mà Burke nêu ra.

Edmund Burke đã xây dựng chủ trương bảo thủ trên sáu điểm chính: Nghi ngờ vai trò của nhà nước; đề cao tự do hơn bình đẳng; đề cao lòng ái quốc; ngoài ra là niềm tin vào các định chế và hệ cấp xã hội có sẵn; thái độ bi quan không tin tưởng ở sự tiến bộ; và tin rằng trong xã hội có một lớp người ưu tú đáng đứng ra lãnh đạo người khác.

Micklethwait và Wooldridge nhận thấy ông Reagan rất thích ba điều đầu tiên; ông đã cổ động cho tự do cá nhân và tìm cách giảm thiểu vai trò của nhà nước trong xã hội; ông đã khơi dậy niềm tin của dân Mỹ vào đất nước của họ, sau khi các vụ chiến tranh Việt Nam, Watergate khiến dân Mỹ chán ghét các nhà chính trị; vụ con tin bị bắt ở Iran đã là cho dân chúng Mỹ mất tin tưởng vào chính phủ cũng như vào vai trò của nước Mỹ trên thế giới. Nhưng ngược lại, ông Reagan không ôm lấy các định chế ổn cố của xã hội, ông thích vai trò của những chàng cao bồi một mình một ngựa đi trừ gian diệt bạo. Về các vấn đề đạo lý, tôn giáo ông cũng không giống phong trào bảo thủ ngày nay, ông từng li dị một đời vợ và đã ký một đạo luật phá tai mà giới bảo thủ chống mạnh mẽ. Ông Reagan cũng đề cao vai trò của quần chúng hơn là tin vào giới ưu tú trong xã hội, đặc tính này do thời niên thiếu nghèo nàn và lối sống của một tài tử điện ảnh mà ra. Nhưng điểm nổi bật nhất của ông Reagan là ông tỏa ra một tinh thần lạc quan không chút nghi ngờ nào cả.

Người ta có thể chê là ông Reagan chỉ thành công nhờ cá tính dễ thương của ông, chứ không phải nhờ khả năng trí thức, hiểu biết và phán đoán. Nhưng có một điều ai cũng phải công nhận là sự nghiệp của ông Reagan rất lớn đối với dân Mỹ trong những năm sau cùng của thế kỷ trước, vì ông tiêu biểu cho tinh thần của dân Mỹ. Con người ông pha trộn nhiều đức tính cũng như nhược điểm của dân Mỹ, tập hợp được những đặc điểm giúp cho quốc gia này phồn thịnh, hùng mạnh và vẫn giữ được các lý tưởng cao xa được nêu lên từ thời lập quốc đến giờ. Một vị tổng thống được dân chúng yêu mến khi tại chức cũng như sau khi qua đời, còn mong gì hơn nữa?

KINH TẾ VIỆT-NAM TRƯỚC NGƯỠNG CỬA TỔ CHỨC MẬU DỊCH THẾ GIỚI

NGUYỄN QUỐC KHẢI
(31.5.2004)

Bài này đã được thuyết trình tại Họp Mặt Dân Chủ 2004 được tổ chức tại Mount St. Mary's College, Emmittsburg, Maryland, U.S.A trong ba ngày 30/5/2004-02/6/2004. Ban Tổ Chức gồm ba ông Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Tự Cường và Trần Quốc Sĩ. Họp Mặt Dân Chủ (HMDC) là một hội thảo được tổ chức hàng năm để những người dân chủ với tư cách cá nhân và khuynh hướng khác nhau từ nhiều nơi về họp mặt và trao đổi quan điểm về những vấn đề thiết yếu liên quan đến tiến trình dân chủ hoá và phát triển Việt-Nam.

HMDC không phải là một tổ chức. Mỗi năm ban tổ chức hội thảo được bầu lại và phần lớn gồm những người dân chủ cư ngụ tại địa phương. HMDC 2002 diễn ra tại Soest, Đức Quốc do một số tình nguyện viên và thành viên của Hiệp Hội Dân Chủ và Phát Triển Việt-Nam tại Đức tổ chức. Họp Mặt Dân Chủ 2003 diễn ra tại Janville, Pháp Quốc do do một số tình nguyện viên và thành viên của Association Solidarité Vietnam tổ chức. HMDC 2005 dụ trù sẽ được tổ chức tại miền nam California.

(NQK)

Dẫn nhập

Tiến trình chuyển tiếp kinh tế Việt-Nam từ hệ thống chỉ huy qua thị trường đã tiếp diễn trong một nửa thế kỷ. Nó gồm ba giai đoạn: 1. Xã hội hoá (1954-1986) (1) ; 2. Đổi mới (1986-2000); và 3. Kinh tế thị trường theo định hướng XHCN (2000 đến hiện nay). Giai đoạn ba là chủ đề của bài thuyết trình này.

Chính sách kinh tế thị trường theo định hướng XHCN bắt đầu từ năm 2000 để đáp ứng với sự phát triển chậm sau cuộc khủng hoảng tài chính Á châu. Việc thực hiện chính sách này được đánh dấu bằng một số biến cố quan trọng: 1. Luật Doanh Nghiệp được ban hành vào cuối năm 1999 và bắt đầu có hiệu lực kể từ đầu năm 2000; 2. Hiệp Định Thương Mại Mỹ-Việt (BTA) được ký kết vào giữa năm 2000 và bắt đầu có hiệu quả vào cuối năm 2001; 3. Kế hoạch năm năm phát triển kinh tế 2001-2005 với trọng tâm cải tổ doanh nghiệp nhà nước, kể cả các ngân hàng thương mại do nhà nước làm chủ và đặt chỉ tiêu thu hút 12 tỉ Mỹ kim đầu tư nước ngoài. Ngoài ra Việt-Nam đã ký với Nhật Bản một Hiệp Định Đầu Tư vào cuối năm 2003, đánh dấu sự trở lại Việt-Nam của những nhà đầu tư Nhật.

Nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN chỉ là một sự pha trộn giữa kinh tế thị trường và kinh tế chỉ huy trong đó khu vực nhà nước tuy có giảm so với giai đoạn "Đổi Mới," nhưng vẫn nắm vai trò chủ động. Kế hoạch này dập khuôn theo kế hoạch mà Trung Quốc đã thực hiện từ năm 1992. Sau ba năm (1998-2000) trì trệ, kinh tế Việt-Nam phát triển khả quan trong những năm 2001-2003 với độ tăng trưởng lần lượt là 6%, 5.8% và 6%, cao hơn tất cả các nước ngoại trừ Trung Quốc (2). Sự tăng trưởng này nhờ vào nhiều yếu tố, đáng kể là khu vực kỹ nghệ và dịch vụ phát triển mạnh, sức tiêu thụ trong nước gia tăng, môi trường đầu tư được cải thiện, xuất cảng bành trướng nhanh nhất là qua thị trường Hoa-Kỳ, một thành quả của BTA, mặc dù Việt-Nam bị thiệt hại về biện pháp bảo vệ giới sản xuất nội địa dưới hình thức chống bán phá giá cá trê trong năm 2002 và hạn chế nhập cảng hàng dệt và quần áo trong năm 2003.

Bài thuyết trình này gồm có bảy phần căn bản: phần dẫn nhập đã trình bầy ở trên. Tiếp theo bài thuyết trình sẽ lần lược bàn đến khu vực quốc doanh, khu vực tư nhân, chuyển ngân tư nhân từ nước ngoài, đầu tư ngoại quốc, việc gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới (WTO), triển vọng và những rủi ro, và cuối cùng là phần kết luận.

Khu vực quốc doanh

Mục tiêu chính là giảm số xí nghiệp quốc doanh từ 5,200 xuống còn 3,200 trong 5 năm. Tuy nhiên từ 1.1.2001 đến nay mới dẹp được khoảng 1/3 số xí nghiệp dự trù trong khi đó thời gian còn lại là một năm rưỡi. Vào cuối năm 2003, tổng số vốn của 4,800 xí nghiệp quốc doanh là 12.1 tỉ Mỹ kim so với số nợ là 13.6 tỉ Mỹ kim (3).

Nhà nước có bốn ngân hàng thương mại chính và hai ngân hàng thương mại nhỏ. Tất cả đặt dưới quyền kiểm soát chặt chẽ của nhà nước. Vào cuối năm 2000, tổng số nợ xấu của các ngân hàng này là 23 ngàn tỉ đồng, tương đương với 5% của tổng sản lượng nội địa (GDP). Tỉ lệ vốn trên tài sản của các ngân hàng thương mại nhà nước là 3% so với chỉ tiêu quốc tế là 8%-12%. Ngân Hàng Trung Ương của nhà nước đã phải bơm vào các ngân hàng thương mại nhà nước 9.25 ngàn tỉ đồng (4). Tỉ lệ tín dụng trên GDP tăng từ 19% trong năm 1995 lên đến 45% trong năm 2002 do sự cho vay bừa bãi. Kế hoạch kinh tế 2001-2005 nhắm cải tổ hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước, giải quyết nợ xấu và gia tăng

việc thanh tra. Tuy nhiên tiến bộ đạt được rất ít trong những lãnh vực này.

Khu vực tư nhân

Sau bốn năm kể từ khi Luật Doanh Nghiệp ra đời, vào cuối năm 2003 đã có 90,000 công ty tư nhân mà phần lớn là cỡ nhỏ do gia đình xây dựng và quản trị. Khoảng chưa tới 3% có số nhân viên trên 300 người (5). Các công ty tư nhân mới này đã tạo được khoảng hai triệu việc làm và tích lũy được 10 tỉ Mỹ kim vốn. Tính ra mỗi công ty có số vốn là 100,000 Mỹ kim, quá lớn đối với công ty gia đình Việt-Nam. Những con số trên đây cần phải kiểm chứng lại vì có những dữ liệu khác nhau về lãnh vực này. Sau khi Chỉ Thị 100 ban hành vào năm 1981 để chính thức cho phép nông dân làm khoán cho hợp tác xã và Chương Trình "Đổi Mới" ra đời vào cuối năm 1986, việc chính thức cho tư nhân mở công ty qua Luật Doanh Nghiệp là một thay đổi lớn.

Theo một số điều nghiên, số công ty tư nhân bị phá sản hay giải thể rất thấp ở khoảng 2.4%. Giá sản xuất của các công ty tư nhân thấp hơn các xí nghiệp quốc doanh 40% (6). Chi phí tiếp thi của các doanh nghiệp nhà nước cao hơn các công ty tư nhân từ 4-16 lần (7). Tỉ lệ lao động / vốn của các công ty tư nhân cao hơn các công ty nhà nước 10 lần. Tóm lại các công ty tư nhân có hiệu năng cao hơn các xí nghiệp quốc doanh và mới có triển vọng cạnh tranh với hàng ngoại quốc. Các công ty tư nhân cỡ nhỏ và trung bình sẽ là động cơ chính thúc đẩy nền kinh tế Việt-Nam trong tương lai nếu nhà nước cung cấp phương tiện đầy đủ cho khu vực này phát triển tự do.

Chuyển ngân tư nhân từ nước ngoài

Việt-Nam cũng đã thành công về phương diện tài chánh trong kế hoạch xuất cảng lao động, mặc dù còn rất nhiều thiếu sót liên quan đến các vấn đề quản trị, lạm dụng, buôn người và tham nhũng liên quan đến 154 công ty xuất cảng lao động mà phần lớn thuộc nhà nước. Hiện nay có khoảng 340,000 công nhân Việt-Nam làm việc ở nước ngoài mà phần lớn ở Mã Lai, Đại Hàn, Đài Loan, Nhật Bản và Lào. Mỗi năm họ mang về Việt-Nam được khoảng 1.5 tỉ Mỹ kim. Chương trình xuất cảng lao động không những mang ngoại tệ về cho Việt-Nam mà còn làm giảm nạn thất nghiệp trong nước. Ngoài ra 2.7 triệu người Việt ở hải ngoại gửi về Việt-Nam khoảng 2.5 tỉ Mỹ kim, chưa kể số hiện vật mà 300,000 người tặng cho thân nhân khi về thăm Việt-Nam.

Đầu tư trực tiếp ngoại quốc

Đầu tư nước ngoài (FDI) là nguồn vốn quan trọng thứ ba hiện nay của Việt-Nam. Các công ty có vốn đầu tư từ 70 nước ngoài sản xuất 35% số lượng sản phẩm kỹ nghệ tại Việt-Nam, thu dụng khoảng 650,000 nhân công với lương bổng trung bình hàng năm là 1,000 Mỹ kim. Trong giai đoạn 2001-2003, FDI thực sự đổ vào Việt-Nam tăng 100 triệu Mỹ kim mỗi năm và đạt tới mức 1.2 tỉ Mỹ kim trong năm 2003, nhưng vẫn thua xa con số 2.1 tỉ Mỹ kim của năm 1997 (8). Sự hồi phục này một phần nhờ vào sự cải thiện môi trường đầu tư tại Việt-Nam và sự khôi phục kinh tế của các nước Đông Á trong vài năm qua. Hiệp Định Phát Triển Đầu Tư Việt-Nhật vừa ký kết vào cuối năm 2003 sẽ gia tăng đầu tư của Nhật Bản vào Việt-Nam trong những năm tới.

Đầu tư nước ngoài tiếp tục giúp phát triển kỹ nghệ chế biến và dịch vụ. Trong năm 2003 Việt-Nam đã xuất cảng xe đạp và phụ tùng trị giá 155 triệu Mỹ kim, tăng 24.7% so với năm 2002, và có triển vọng tăng gấp đôi và đạt được 300 triệu Mỹ kim trong năm 2004 (9). Ngoài ra còn có xe gắn máy, đồ điện và điện tử, ráp xe hơi, giầy dép và quần áo. Trong khu vực dịch vụ, kỹ nghệ du lịch, ngân hàng và bảo hiểm sẽ tiếp tục phát triển thêm. Nhờ những thỏa hiệp hàng không giữa Việt-Nam với một số quốc gia đặc biệt là Hoa-Kỳ, nhiều đường bay mới trực tiếp đến Việt-Nam đã và sẽ được thiếp lập trong năm 2005. Thủ tục cấp chiếu khán đã được giản dị hoá. Nhờ vậy Việt-Nam sẽ thu hút được nhiều du khách hơn. Trong năm 2003 khoảng 212,000 du khách Nhật đến Việt-Nam (10). Con số này sẽ có thể tăng gấp đôi trong năm 2004. Một dự a'n xây dựng khu nghỉ mát 1 tỉ Mỹ kim ở Phan Thiết đang được cứu xét.

Mục tiêu của kế hoạch năm năm (2001-2005) phát triển đầu tư nước ngoài là thu hút thêm 12 tỉ Mỹ kim. Theo số liệu của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế Việt-Nam mới nhận được 3.2 tỉ Mỹ kim hay 27% của con số dự trù theo kế hoạch (11). Rất khó cho Việt-Nam có thể đạt được mục tiêu trong một năm rưỡi còn lại nếu nhà nước không cải tiến mạnh mẽ hơn nữa luật lệ đầu tư.

Gia nhập Tổ Chức Mậu Dịch Thế Giới

Việc cải tổ kinh tế chậm chạp trong thập niên 1990s đã làm cho việc gia nhập WTO với thời hạn tự ấn định là 2005 khó thực hiện. Như đã trình bầy ở trên, hệ thống ngân hàng còn quá yếu kém. Ngoài ra hệ thống luật pháp để bảo đảm sự công bằng và minh bạch còn rất phôi thai. Quan trọng hơn cả là khả năng cạnh tranh của Việt-Nam còn rất thấp với giá sản xuất cao, phẩm chất thua kém hàng nước ngoài. Việt-Nam không thể vừa muốn cải tổ cầm chừng vừa muốn sớm gia nhập WTO. Đó là một sai lầm quan trọng. Nếu không vào được WTO trước ngày 1.1.2005, Việt-Nam rất có nhiều rủi ro bị mất thị trường hàng dệt và quần áo tại Bắc Mỹ và Âu châu trị giá khoảng 4 tỉ Mỹ kim hơn cả lợi tức dầu thô. Ngoài ra, sau vòng đàm phán Doha chấm dứt vào cuối năm 2004, điều kiện gia nhập WTO sẽ trở

nên khó khăn hơn.

Việc gia nhập WTO tạo ra nhiều thử thách cho Việt-Nam vì cạnh tranh quốc tế sẽ rất gay gắt. Tuy nhiên khả năng cạnh tranh của Việt-Nam đã được cải thiện đôi chút, từ hạng chót trong 53 nước vào năm 1997, Việt-Nam đã ngoi lên được hạng 50 trên 95 nước vào năm 2003 (12). Các khu vực nông nghiệp và nông thôn sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất. Nông phẩm xuất khẩu của Việt-Nam sẽ tiếp tục bị các biện pháp bảo vệ tại các quốc gia kỹ nghệ chặn lại. Những nước này được quyền tiếp tục trợ cấp nông dân của họ trong khi những nước nghèo như Việt-Nam, thường là những hội viên mới khi gia nhập WTO phải nhận điều kiện bỏ chế độ bao cấp (13). Gạo, đậu nành, bắp, và đường là những sản phẩm sẽ bị cạnh tranh mạnh.

Khu vực dịch vụ và kỹ nghệ sản xuất hàng kỹ thuật cao hoặc đòi hỏi nhiều vốn cũng sẽ bị ảnh hưởng mạnh vì Việt-Nam thiếu kinh nghiệm và tài nguyên trong hai lãnh vực này. Đa số các doanh nghiệp nhà nước làm ăn lỗ lã trong khi đó khu vực tư mới phát triển mà đa số là những tiểu thương.

Mặt khác, việc gia nhập WTO sẽ mang lại nhiều lợi ích cho Việt-Nam. Hàng hóa Việt-Nam sẽ có nhiều thị trường và sẽ tự động được hưởng quy chế tối hậu quốc bởi các nước hội viên. Đầu tư ngoại quốc sẽ đổ vào Việt-Nam nhiều hơn. Trong trường hợp có kiện tụng, luật của WTO sẽ áp dụng không phân biệt nước nhỏ nước lớn. Tuy nhiên các nước nhỏ thường thiếu kinh nghiệm về vấn đề pháp lý quốc tế và không có khả năng tài chánh dồi dào.

Trung Quốc vừa trợ giúp vừa cạnh tranh với Việt-Nam. Trung Quốc sẽ là thị trường lớn ngay sát cạnh cho những nông phẩm và nguyên liệu của Việt-Nam. Tuy nhiên Trung Quốc sẽ cạnh tranh mạnh hơn với Việt-Nam về vốn đầu tư ngoại quốc và các sản phẩm xử dụng nhiều sứ lao động như quần áo, hàng dệt, giầy dép, đồ đạc, đồ tiểu công nghệ, sản phẩm kỹ nghệ và điện tử. Hiện tại Trung Quốc được hưởng quy chế Tối Huệ Quốc trong khi Việt-Nam chưa có quy chế này. Vì vậy mà hàng xuất cảng của Việt-Nam đắt hơn hàng Trung Quốc.

Tóm lại nếu không gia nhập WTO, Việt-Nam chắc chắn sẽ mất thị trường. Việt-Nam có được hưởng nhiều lợi ích khi vào WTO hay không còn tuỳ thuộc vào chính khả năng của Việt-Nam và một số yếu tố ngoại vi.

Triển vọng và những rủi ro

Triển vọng phát triển kinh tế của Việt-Nam trong vài năm tới tiếp tục khả quan. Độ phát triển kinh tế của Việt-Nam trong năm 2004-2005 có thể lên đến 7% mỗi năm. Thêm vào những yếu tố kể trên, gia tăng đầu tư ngoại quốc và phát triển khu vực tư nhân trong nước sẽ góp phần quan trọng trong việc phát triển kinh tế trong thập niên tới. Tuy nhiên không phải là không có những cản trở và rủi do trước mặt.

1. Kinh tế hỗn hợp

Trước hết những nhà lãnh đạo Hà-Nội vẫn tiếp tục chủ trương tiếp tục thử nghiệm hệ thống kinh tế hỗn hợp chỉ huy và thị trường mà Trung Quốc đã thử nghiệm tám năm trước. Kinh nghiệm ở Việt-Nam và Trung Quốc cho thấy mô hình hỗn hợp là nguyên do đưa tới việc xử dụng phí phạm tài nguyên khiến cho nền kinh tế không phát triển hết tiềm năng. Hai nguyên tắc thị trường và chỉ huy thường xuyên mâu thuẫn với nhau (14).

2. Cán cân thương mại thiếu hụt

Việt-Nam còn gập vài khó khăn khác. Trước hết là cán cân thương mại thiếu hụt gia tăng. Con số cho năm 2003 là 5.1 tỉ Mỹ kim kể cả chi phí chuyên chở (fob-cif), tương đương với 13% cuả GDP. Lý do là Việt-Nam nhập cảng nhiều máy móc và nguyên liệu dùng trong kỹ nghệ chế biến. Khuynh hướng này sẽ tiếp tục trong các năm tới. Để tài trợ nhu cầu nhập cảng gia tăng, Việt-Nam trông nhờ vào lợi tức xuất cảng, số ngoại tệ của chương trình xuất cảng lao động, người Việt ở hải ngoại gửi về và đầu tư ngoại quốc (15). Việt-Nam phải vay nợ để bù đắp vào thiếu hụt còn lại.

3. Ngân sách thâm thủng

Kế tiếp là ngân sách thiếu hụt sẽ gia tăng. Một mặt lợi tức thuế sẽ giảm vì nhiều thuế suất về xuất nhập cảng giảm theo hiệp định thương mại AFTA và 3 năm sắp tới (2005-2007) theo BTA, và việc hội nhập vào nền kinh tế thế giới. Lợi tức về dầu thô và thu nhập của các xí nghiệp quốc doanh sẽ giảm. Mặt khác nhà nước lại phải tiêu nhiều hơn vì chi phí cho việc cải tổ các doanh nghiệp và ngân hàng thương mại nhà nước, tăng lương cho nhân viên chính phủ và xây dựng hạ tầng cơ sở.

4. Rủi ro mất thị trường

Vấn đề mất thị trường xuất cảng là một mối lo ngại đáng kể. Hàng xuất cảng chính của Việt-Nam hiện nay là quần áo, hàng dệt, dầu thô, hải sản, nông sản không hoặc ít chế biến và một số hàng kỹ nghệ. Trong thời gian 1990-2002 lợi tức xuất cảng (fob) gia tăng trung bình 21% mỗi năm và tỉ lệ xuất cảng / GDP tăng từ 22% lên tới 50%. Hàng xuất cảng mang về cho Việt-Nam 19.9 tỉ Mỹ kim trong năm 2003 (16). Sang giai đoạn phát triển kỹ nghệ chế biến, khả năng cạnh tranh của Việt-Nam còn yếu kém. Đan cử một vài thí dụ là Kỹ nghệ đường, xi măng, giấy, thép, và phân bón. Nguy cơ trước mắt là Việt-Nam sẽ mất thị trường quần áo và hàng dệt. Vụ thắng kiện bán phá giá tôm rất mong manh.

5. Phát triển nông thôn

Mặc dù mức phát triển kinh tế tổng thể hiện nay của Việt-Nam khả quan, nhưng việc phát triển tại nông thôn nơi 75% dân số sinh sống vẫn bị trì trệ. Thị trường lao động phản ảnh sự kiện này. Mỗi năm có thêm khoảng 1.4 triệu người mới kiếm việc làm. Với mức phát triển mỗi năm trong khoảng 4% - 7%, nền kinh tế chỉ cung cấp thêm khoảng 300,000 —

700,000 việc làm mới. Số còn lại chịu cảnh thất nghiệp tại thành thị hoặc không đủ việc làm toàn thời gian tại nông thôn.

6. Kế hoạch xóa đói giảm nghèo

Việt-Nam thành công trong việc xoá đói giảm nghèo từ ngày cởi trói kinh tế, với tỉ lệ người nghèo giảm từ 75% trong năm 1988 xuống 37% vào năm 1998, 29.1% và 11% lần lượt vào năm 2002 và 2003 (17). Tuy nhiên việc xóa đói giảm nghèo thiếu quân bình. Số đồng bào thượng nghèo chiếm 30% tổng số người nghèo của cả nước, gấp đôi tỉ lệ của người kinh (18). Con số này sẽ tăng lên 40% vào năm 2010 nếu nhà nước không có biện pháp hữu hiệu để giúp đồng bào thiểu số (19). Mặt khác sự chênh lệch lợi tức giữa giai cấp nghèo và giầu và giữa nông thôn và thành thị ngày càng gia tăng. Vấn dề phân chia lợi tức công bằng còn quan trọng hơn cả việc gia tăng lợi tức quốc gia. Đây là một trong những nguyên nhân gây ra sự bất ổn xã hội trong tương lai nếu nhà nước không có biện pháp hữu hiệu để cải thiện tình trạng bất quân bình này.

7. Tham nhũng bất trị

Nạn tham nhũng sẽ tiếp tục bành trướng vì nhà nước trong chế độ độc đảng không có sự phân quyền không thể có biện pháp ngăn chặn hiệu quả. Chỉ số tham nhũng của Việt-Nam là 2.4 vào năm 2003 so với 2.6 vào năm 1999 (zero là cao nhất) (20). Tham nhũng làm cản trở phát triển kinh tế, đầu tư và khả năng cạnh tranh của Việt-Nam.

8. Nguy cơ mất chất xám

Cũng như những quốc gia chậm tiến khác, Việt-Nam đã bắt đầu phải đối phó với nạn mất chất xám. Hiện nay Việt-Nam có khoảng 4,000 người du học ở các nước, phần lớn ở các nước Tây phương. Đa số du sinh không muốn trở về nước. Một số thành công tìm được việc làm ở nước ngoài với số lương cao hơn. Một số trở về rồi lại tìm đường ra ngoại quốc. Một số không kiếm được việc làm thích hợp ở Việt-Nam. Điều kiện làm việc thấp và môi trường xã hội và chính trị gò bó ảnh hưởng một phần nào đến hiện tượng mất chất xám này.

Kết Luận

Kinh tế Việt-Nam phát triển khả quan trên 10 năm qua. Kết quả cụ thể là LHQ đã bỏ Việt-Nam ra khỏi danh sách những nước kém mở mang nhất thế giới vào năm 2003. Tuy nhiên Việt-Nam bị xếp vào loại kinh tế hầu hết bị kiềm chế (mostly unfree) và vẫn là một nước nghèo nhất trong khối APEC với lợi tức trung bình đầu người là 450 Mỹ kim vào năm 2003 (21). Mãi lực quân bình đầu người của Việt-Nam là US$2,300 trong năm 2002, so với các con số của Trung Quốc là US$4,700, Thái Lan US$7,000, Mã Lai US$8,800, Đại Hàn US$19,600, và Tân Gia Ba US$25,200 (22) .

Để chấm dứt tình trạng kinh tế phát triển thiếu bền vững trong 50 năm nay, Việt-Nam cần phải thay đổi chính sách đối với khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài. "Lãnh đạo Việt Nam đã ý thức được rằng dân có giàu thì nước mới mạnh" nhưng những nhà lãnh đạo cần phải hiểu thêm rằng "Chỉ có dân mới làm giàu cho nước thôi, chứ nhà nước thì không." (23) Trong 80 năm qua, không một quốc gia nào dưới sự cai trị của chế độ Cộng Sản thành công về mặt kinh tế. Cụm từ kinh tế thị trường theo xã hội chủ nghĩa Việt-Nam ám chỉ Hà Nội đang thi hành hai cơ chế kinh tế song song: thị trường và chỉ huy, một mô hình vá víu chưa hề thử nghiệm. Việt-Nam cần phải dứt khoát với mọi hệ thống kinh tế xã hội mác xít đã lỗi thời. Chế độ dân chủ tư bản không phải hoàn hảo, nhưng là một hệ thống kinh tế tốt hơn cả hiện có.

Chú thích:

(1) Giai đoạn này là 1975-1986 đối với miền Nam Việt-Nam.

(2) IMF, "Vietnam: 2003 Article IV Consultation — Staff Report," IMF Country Report No. 03/380, Washington, DC: December 2003.

(3) IMF, "Vietnam: Selected Issues," IMF Country Report No. 03/381, December 2003, pp.43.

(4) Anh Minh, "Reform of SOCBs Proves Difficult," the Financial Times — the Saigon Times, December 22, 2003.

(5) Mekong Capital, "Vietnam's Private Sector," information obtained from website www.mekongcapital.com.

(6) Ngân hàng thế giới, "Kế hoạch đánh giá chứng từ tín dụng vay SDR49.6 triệu của Việt Nam dành cho dự án đa dạng hoá sản xuất nông nghiệp" Washington, DC: 1/06/1998.

(7) Francesco Goletti, Nicholas Minot, và Philippe Berry, "Thách thức đối với xuất khẩu gạo của Việt nam" , IFPRI, Washington, DC: 1997.

(8) IMF, "Vietnam: Selected Issues," IMF Country Report No. 03/381, Washington, DC: December 2003, Statistical Appendix, pp. 31-32.

(9) Saigon Businessmen, "Vietnam Sees High Growth in Bicycle Exports," May 12-18, 2004.

(10) Vietnam Economic Times, "Vietnam Anticipates 500000 Japanese Tourist Arrivals This Year," February 4, 2004.

(11) IMF, "Vietnam: Selected Issues," IMF Country Report No. 03/381, Washington, DC: December 2003.

(12)World Economic Forum, "Global Competitiveness Report," various issues, obtained from website www.weforum.org.

(13) Kevin Sullivan, "Agriculture on the Table At Trade Talks in Mexico - U.S. and European Farm Subsidies Come Under Attack," Washington Post, Cancan, Mexico, September 10, 2003.

(14) Dai Yuanchen, "Can Plan and market Coexist in a Socialist Economy?" Journal of Chinese Economic Studies, Summer 1992, No. 25, pp 60-78.

(15) The Economist Intelligence Unit, "Vietnam at a Glance," Country Report, London: April 2004, pp.30-31.

(16) IMF, "Vietnam: 2003 Article IV Consultation — Staff Report," IMF Country Report No. 03/380, Washington, DC: December 2003, p. 32.

(17) Financial Times, "Notable Poverty Reduction in Vietnam," April 27, 2004.

(18) The Steering Committee of Comprehensive Poverty Reduction, "Vietnam Growth and Reduction of Poverty - Annual Progress Report of 2002-2003," the Inter-Ministerial Working Group, Socialist Republic of Vietnam, Hanoi: November 2003.

(19) IMF, "Vietnam: Joint Staff Assessment of the Poverty Reduction Strategy Paper Progress Report," IMF Country Report No. 04/37, Washington, DC: March 2004.

(20) Transparency International, "Global Corruption Report," various issues. Berlin, Germany.

(21) Heritage Foundation and the Wall Street Journal, "2004 Index of Economic Fredom," Washington, DC: 2004.

(22) CIA, "World Factbook 2003", obtained from website www.odci.gov.

(23) Nguyễn Xuân Nghĩa, "Bốn Năm Của Luật Doanh Nghiệp," RFA. 12.11.2003.

NHỚ LẠI NGÀY ĐẤT NƯỚC CHIA ĐÔI 50 NĂM TRƯỚC

Trung Quốc và Liên Xô

đã phản bội đồng minh Việt Nam như thế nào?

LÊ XUÂN KHOA

Đúng 50 năm trước, tại hội nghị Genève, bốn nước Anh, Pháp, Liên Xô và Trung Quốc, sau khi giúp cho Pháp đạt được thỏa hiệp ngưng chiến, đã đồng tình cắt nước Việt Nam làm đôi ở vĩ tuyến 17 như một giải pháp tạm thời trong khi chờ đợi tổng tuyển cử về vấn đề thống nhất đất nước. Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (tên cũ của Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam), mặc dầu thắng trận quyết định ở Điện Biên Phủ, đã bị Trung Quốc và Liên Xô ép buộc phải nhận giải pháp bất lợi này. Nhân dịp Việt Nam tưng bừng kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, tưởng cũng nên nhắc lại bài học đau đớn của Đảng Cộng Sản Việt Nam khi bị hai đồng minh lãnh đạo cộng sản quốc tế phản bội vì lợi ích riêng của họ. Bài sau đây trích đăng phần chính của một chương trong cuốn sách "Việt Nam 1945-1995: Chiến tranh, Tị nạn và Bài học Lịch sử" sẽ ra mắt độc giả trong vài tháng sắp tới. Tựa đề của bài được đặt khác với tên chương sách cho phù hợp với nội dung trích đăng.

CUỘC chiến tranh Việt-Pháp, sau gần chín năm tàn phá điêu linh với tổn thất khoảng gần một triệu người bị chết và bị thương,[1] đã được các cường quốc kết thúc ở Hội nghị Genève ngày 20 tháng Bảy 1954 bằng việc cắt nước Việt Nam làm đôi với hai chính thể hoàn toàn đối lập ở hai miền Nam, Bắc. Thật ra, hiệp định Genève chỉ thỏa mãn được yêu cầu cấp thiết của Pháp là vấn đề ngưng bắn trong khi không có khả năng bảo đảm một nền hoà bình lâu dài, vì chính phủ Quốc Gia Việt Nam (được đổi tên là Việt Nam Cộng Hòa kể từ 23.10.1955) không chịu công nhận hiệp định này.

Trước tình hình nguy ngập về quân sự sau trận Điện Biên Phủ, các nhà lãnh đạo Pháp đều chỉ mong đạt được một thỏa hiệp đình chiến với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà (VNDCCH) trong khi tiếp tục duy trì Quốc Gia Việt Nam (QGVN) trong khối Liên Hiệp Pháp.[2] Để đạt mục đích ấy, ngoại trưởng Georges Bidault và thủ tướng Joseph Laniel đều không bỏ lỡ một cơ hội nào có thể hù dọa đối phương về khả năng Hoa Kỳ sẽ can thiệp quân sự vào Việt Nam nếu hội nghị Genève thất bại. Ngay cả sau khi chính phủ Laniel sụp đổ vì không thể thuyết phục được chính quyền Eisenhower công bố ý định tham gia cuộc chiến ở Đông Dương, thủ tướng Mendès France vẫn không quên nhắc nhở Liên Xô và Trung Quốc về hiểm họa quốc tế hoá chiến tranh Đông Dương với sự tham gia không thể tránh được của Hoa Kỳ.[3]

Khi ấn định thời hạn một tháng để đạt được thỏa hiệp tại hội nghị Genève, Mendès France không phải chỉ ra một "tối hậu thư cho chính mình" mà luôn cho cả phe đối thủ. Quyết định này không phải do bồng bột hay muốn được nổi danh mà chính là kết quả tính toán rất kỹ lưỡng của một chính trị gia dày kinh nghiệm đã theo dõi rất sát và chống đối cuộc chiến ở Đông Dương trong nhiều năm. Vị thủ tướng Pháp gốc Do Thái đã nhắm đạt tới những mục tiêu chính sau đây:

* Thuyết phục Mát-scơ-va và Bắc Kinh — cả hai vốn không muốn trực tiếp đối đầu với Washington và đang theo đuổi những mục tiêu ưu tiên riêng— ép buộc cộng sản Việt Nam phải chấp nhận những điều kiện thỏa hiệp, trái với kết quả mong đợi của phe đang thắng thế trên chiến trường;

* Thuyết phục Võ Nguyên Giáp và bộ chỉ huy quân sự cộng sản đình hoãn mọi dự định tổng công kích vào Hà Nội và đồng bằng Bắc Việt, vì những hoạt động quân sự này sẽ có ý nghĩa phá hoại những nỗ lực tại Genève trong "ba mươi ngày thương thuyết hoà bình";

* Thuyết phục đồng minh Anh và Mỹ đồng ý về sự cần thiết của một thỏa hiệp ngưng chiến

tức khắc ở Đông Dương trong khi tạo điều kiện cho một giải pháp chính trị lâu dài cho toàn vùng.

Mendès France đã hoàn thành được cả ba mục tiêu này. Thắng lợi lớn nhất của ông là đã được sự hợp tác của tất cả các phe liên hệ, ngay cả những phe chống đối ông trong Quốc hội Pháp cũng không còn có sự chọn lựa nào khác.

Trong suốt thời gian hội nghị Genève, Chu Ân Lai và Molotov đã "đi đêm" rất kỹ với phái đoàn Pháp, đến khi họ Chu hội kiến với Mendès France ở Berne, Thụy Sĩ, ngày 23.06.1954, thì mọi thỏa thuận đã gần xong. Ngày hôm sau, Jean Chauvel Đại sứ Pháp tại Genève thông báo cho Đại sứ Mỹ tại Pháp Douglas Dillon kết quả của phiên họp trong đó "Chu đã nói gần hết hai tiếng đồng hồ của phiên họp kể cả phiên dịch," đưa ra những ý kiến mà Mendès France rất vừa ý:

1. Về vấn đề Lào và Cam-bốt: Quân đội ngoại quốc, kể cả Việt Minh, phải rút hết ra khỏi toàn thể lãnh thổ Lào và Cam-bốt. Chính phủ của hai nước này sẽ giải quyết chuyện chính trị trong nội bộ của họ theo ý nguyện của đa số dân chúng. Chu không phản đối việc hai nước này duy trì chế độ quân chủ và cũng không chống lại việc họ ở lại trong khối Liên Hiệp Pháp, nếu họ muốn. Chu chỉ nhấn mạnh vào điều kiện không có căn cứ quân sự Mỹ ở Lào hay Cam-bốt.

2. Về vấn đề Việt Nam: Chu nhìn nhận có hai chính phủ ở miền Bắc và miền Nam Việt Nam. Chu đồng ý với Pháp về việc giải quyết vấn đề Việt Nam qua hai giai đoạn: thứ nhất là giải pháp quân sự, cần thỏa thuận sớm hiệp định đình chiến; thứ nhì là giải pháp chính trị sẽ cần thời gian lâu hơn. Chu cho biết sẵn sàng thảo luận về việc chia vùng của hai bên nếu Mendès France muốn. Giải pháp chính trị sẽ do hai chính phủ ở Việt Nam trực tiếp điều đình và thỏa thuận với nhau. Chu nói thêm là Pháp có thể giúp đỡ trong tiến trình này, và không thấy có lý do gì mà nước Việt Nam thống nhất sau này lại không ở trong khối Liên Hiệp Pháp.

Về vấn đề chia vùng cho mỗi bên, Mendès France trả lời là ông chưa chuẩn bị chi tiết nên muốn dành đề tài này cho các phái đoàn ở Genève. Về vấn đề hai phe Việt Nam thảo luận với nhau về giải pháp chính trị, ông nhận xét rằng sau tám năm chiến tranh, dân chúng cần có đủ thời gian và cơ hội cho các tình cảm sôi động lắng đọng và tâm hồn được bình thản, vì vậy cần phải chờ đợi một thời gian lâu trước khi tổ chức bầu cử. Chu không phản đối đề nghị này. Sau hết, Mendès phàn nàn rằng phía Việt Minh trong vòng mười ngày qua đã làm chậm cuộc đàm phán ở Genève. Ông yêu cầu Chu thúc dục phái đoàn Việt Minh tiến hành mau hơn. Chu nhận lời làm việc này.[4]

Chứng liệu trên đây cho thấy rõ ý đồ của Trung Quốc, ngoài chính sách "ngoại giao nụ cười" (diplomatie du sourire) đối với Tây phương để được yên ổn và có thì giờ phục hồi đời sống kinh tế sau cuộc chiến tranh Triều Tiên, không muốn thấy một nước Việt Nam độc lập và thống nhất để có thể tiếp tục giữ miền Bắc ở trong vòng kiểm soát của mình. VNDCCH đã bị đồng minh Trung Quốc phản bội bằng việc loại trừ ảnh hưởng của VNDCCH đối với Lào và Cam-bốt, muốn nhìn nhận chính phủ quốc gia ở miền Nam, và rắp tâm chia cắt lâu dài hai nước Việt Nam như sẽ được phân tích thêm dưới đây.

VNDCCH cũng không thể trông cậy được gì vào Liên Xô, vì khu vực quan tâm ưu tiên của xứ này là Âu châu. Sau cái chết của Stalin, giới lãnh đạo Liên Xô lại càng mong muốn có hòa bình ở Đông Nam Á để khỏi phải bận tâm nhiều đến một nước xa xôi như Việt Nam. Sau này, VNDCCH lại càng thất vọng với Liên Xô khi lãnh tụ Khrustchev đề nghị Liên Hiệp Quốc chấp nhận cả hai nước Việt Nam làm hội viên.

Như vậy, những điều thỏa thuận tại hội nghị Genève đã được Anh, Pháp, Liên Xô và Trung Quốc thu xếp với nhau trong những buổi họp riêng, không có sự tham dự của VNDCCH. Trưởng đoàn Phạm Văn Đồng đã chỉ được họ Chu báo tin và khuyến cáo chấp nhận. Thật là một nỗi đau đớn bất ngờ và một sự sỉ nhục đối với Đảng Lao động Việt Nam. Phái đoàn Phạm Văn Đồng sang Genève dự hội nghị trong tư thế của một kẻ chiến thắng, và ngay trong ngày đầu tiên đã đưa ra những đòi hỏi rất rõ rệt: Pháp phải thỏa thuận vô điều kiện về việc rút quân theo lịch trình ấn định và Việt Nam phải được thống nhất. Việc Trung Quốc và Liên Xô sắp đặt sẵn với Anh, Pháp một giải pháp cho Việt Nam đã làm mất hiệu lực của chiến thắng Điện Biên Phủ có thể dẫn tới sự thất bại hoàn toàn của Pháp. Cuối cùng, ngày 3 tháng Bảy, Chu Ân Lai gặp Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp ở Liễu Châu gần biên giới Việt-Trung để yêu cầu những người bạn đồng minh của mình chấp thuận những điều kiện hòa đàm, với lý do là Hoa Kỳ có thể nhảy vào vòng chiến và trong trường hợp đó, Liên Xô và Trung Quốc sẽ không thể hỗ trợ cho Bắc Việt được.

Chỉ hai ngày sau cuộc gặp gỡ Chu Ân Lai–Mendès France, Thứ trưởng Quốc phòng Tạ Quang Bửu và Phát ngôn viên Đại tá Hà Văn Lâu, đã lên tiếng phàn nàn với đại diện Pháp rằng phái đoàn VNDCCH đã không được đối xử bình đẳng như phái đoàn Trung Quốc và không có một đại diện người Pháp nào ở cấp bộ trưởng để đối thoại. Trưởng phái đoàn Phạm Văn Đồng thì được các quan sát viên mô tả trong cuộc gặp gỡ lần đầu với Mendès France ngày 11 tháng Bảy là có thái độ mềm dẻo nhưng chưa thật sự hợp tác. Theo Jean Lacouture, có lẽ vào ngày đó Phạm Văn Đồng vẫn còn bị "sốc" vì thái độ của Chu Ân Lai cho nên "khi bước xuống xe, đã có vẻ bị một cơn xúc động rất khó chịu —làm như bị nghẹt thở. Theo lời kể lại của Claude Cheysson, ông Đồng dường như 'không thốt được nên lời vì tình huống lịch sử lúc đó làm cho ông bị nghẹn họng.' Nhưng ông đã mau chóng lấy lại được bình tĩnh."[5]

Đại sứ Jean Chauvel trong phái đoàn Pháp cho biết ông có cảm tưởng là "Việt Minh thực sự bị Mat-scơ-va và Bắc Kinh giật dây. Mỗi khi họ (Việt Minh) tiến lên hơi mau quá thì Chu Ân Lai và Vyacheslav Molotov lúc nào cũng có mặt ở đó để kéo họ về một lập trường thích hợp hơn."[6] Sở dĩ Bắc Việt không chỉ trích Liên Xô nhiều vì Liên Xô ở xa và có trách nhiệm chính ở Âu châu, không nguy hiểm bằng Trung Quốc vốn luôn luôn coi Việt Nam là một nước chư hầu. Sách giáo khoa về lịch sử Việt Nam xuất bản ở Hà Nội năm 1987 đã tố cáo hành động "phá hoại" và ý đồ chính trị xấu xa của Trung Quốc như sau:

Đáng lẽ với chiến thắng quân sự, với đấu tranh ngoại giao linh hoạt, mềm dẻo của ta, với sự ủng hộ của nhân dân thế giới, ta có khả năng giành được thắng lợi lớn hơn. Nhưng do có sự phá hoại của phái đoàn Trung Quốc nên thắng lợi có sự hạn chế. Hạn chế đối với Việt Nam và với cả Miên và Lào.

Ý đồ của những người lãnh đạo Trung Quốc là chỉ muốn chấm dứt chiến sự ở Đông Dương, tạo ra một khu đệm ở Đông Nam Á, ngăn chặn Mĩ vào thay thế Pháp ở Đông Dương, tránh được sự đụng đầu trực tiếp với Mĩ, bảo vệ biên giới phía Nam của Trung Quốc đồng thời hạn chế thắng lợi của Việt Nam, chia rẽ hòng làm suy yếu ba nước Đông Dương, từ đó dễ bề thôn tính các nước này làm bàn đạp bành trướng xuống Đông Nam châu Á. Vì vậy trưởng đoàn đại biểu Trung Quốc đã nhiều lần bàn riêng với đoàn Pháp và đưa ra với Pháp những nhân nhượng chính trị có tính chất cơ bản như: "chấp nhận Việt Nam có hai chính quyền, chính quyền Việt Nam dân chủ cộng hoà và chính quyền bù nhìn Bảo Đại, chia cắt Việt Nam, giải quyết vấn đề quân sự trước, tách rời việc giải quyết ba vấn đề Việt Nam, Lào, Campuchia. Trong khi đó lại không ủng hộ Việt Nam về lấy vĩ tuyến 13 làm giới tuyến quân sự tạm thời, về yêu cầu tổng tuyển cử tự do ở Việt Nam, Lào, Campuchia trong thời hạn sáu tháng, về yêu cầu Lào và Campuchia có hai vùng tập kết", mà còn thúc ép Việt Nam nhân nhượng Pháp...

Vì thế giải pháp Giơnevơ không phản ánh đầy đủ những thắng lợi của nhân dân ta trên chiến trường và xu thế cuộc đấu tranh giữa ta với Pháp, cũng không đáp ứng đầy đủ những yêu cầu chính trị của giải pháp do đoàn đại biểu của Việt Nam đưa ra. Vì thế nó đã ngăn cản nhân dân ba nước Việt nam, Lào và Campuchia giành thắng lợi hoàn toàn.[7]

Gần đây hơn, bộ sách giáo khoa lịch sử năm 2001 đã giải thích lý do tại sao VNDCCH đã phải chấp nhận giải pháp Genève:

Nếu đế quốc Mĩ trực tiếp tham gia chiến tranh Đông Dương thì lực lượng so sánh giữa ta và địch sẽ có thể thay đổi không có lợi cho ta. Còn các bạn đồng minh chiến lược của Việt Nam là Liên Xô và Trung Quốc đều theo một xu thế muốn kết thúc cuộc chiến tranh, không ủng hộ Việt Nam tiếp tục kháng chiến lâu dài nữa. Trung Quốc đã lựa chọn cùng tồn tại hòa bình mà họ cho rằng chỉ như thế mới phù hợp với lợi ích dân tộc của mình. Tại cuộc họp trù bị ở Matxcơva của các nước Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam trước khi khai mạc hội nghị Giơnevơ, Chu Ân Lai đã tuyên bố: trong trường hợp cuộc xung đột ở Đông Dương mở rộng, chính phủ của ông ta "không thể viện trợ thêm cho Việt Minh được nữa". Trong những điều kiện đó, Việt Nam đã chấp nhận giải pháp Giơnevơ để lập lại hòa bình ở Đông Dương, không thể một mình tiếp tục cuộc chiến đấu, nhất là phải sớm trực tiếp đương đầu với đế quốc Mĩ. [8]

Sự thay đổi thái độ của Trung Quốc đối với Việt Minh chỉ là hệ quả của sự thay đổi cơ bản về chính sách đối ngoại của Trung Quốc, từ "đối đầu" sang "chung sống hòa bình" với thế giới tư bản do Hoa Kỳ lãnh đạo. Sau mấy chục năm chiến đấu chống Quốc Dân Đảng Trung Hoa, tiếp theo là hao mòn nhân lực và vật lực vào hai cuộc chiến tranh ở Triều Tiên và Việt Nam, giới lãnh đạo

Trung Quốc nhận thấy đã đến lúc cần phải chú trọng đến "lợi ích dân tộc" của mình. Cái chết của Stalin năm 1953 lại càng làm cho Mao Trạch Đông không muốn chuốc thêm gánh nặng và nguy hiểm trong cuộc chạy đua vũ khí với phe tư bản. Chính bài diễn văn của Trần Nghị, ủy viên Bộ Chính trị, nhân ngày giỗ đầu của Stalin (5 tháng Ba 1954), khi nhấn mạnh đến ưu tiên "Trung Quốc trên hết", đã đánh dấu biến chuyển quan trọng trong sách lược chính trị của Trung Quốc. Những nét chính trong sách lược mới này là về mặt đối nội, thực hiện chương trình công nghiệp hóa và xã hội hóa nông nghiệp, trong khi về đối ngoại, theo đuổi chủ trương hòa hoãn với các nước tư bản.[9]

Mục tiêu chính của Trung Quốc ở Genève là ngăn chặn Hoa Kỳ lập căn cứ quân sự ở Đông Dương. Vì vậy, hợp tác với Pháp để giải quyết chiến tranh Đông Dương sẽ đem lại cho Trung Quốc một vùng đệm an toàn ở biên giới phía Nam.

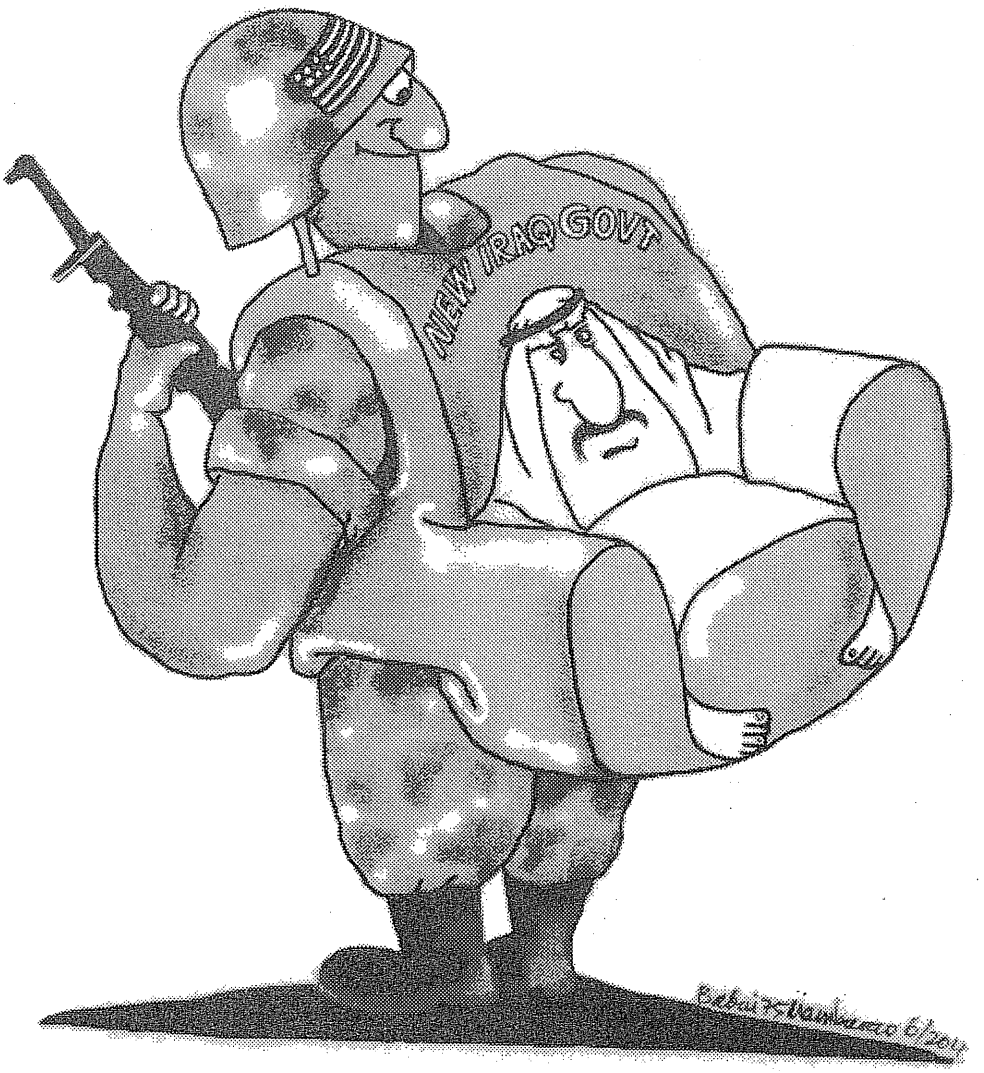

Ngoài ra, việc duy trì tình trạng hai nước Việt Nam sẽ giúp cho Trung Quốc tiếp tục củng cố ảnh hưởng với chính phủ cộng sản ở miền Bắc trong khi lại có thể giao thiệp ngay cả với chính phủ quốc gia ở miền Nam. Thái độ phản bội trắng trợn này được biểu lộ trong bữa tiệc do Chu Ân

Lai khoản đãi để tiễn phái đoàn VNDCCH trước khi về nước. Chuyện bất ngờ là trong số thực khách lại có một đại diện của phái đoàn QGVN là Ngô Đình Luyện, bào đệ của Thủ tướng Ngô Đình Diệm. Bất ngờ hơn nữa là giữa những ly rượu trao đổi tình hữu nghị, Chu Ân Lai đã gợi ý với Ngô Đình Luyện về khả năng thiết lập một phái bộ ngoại giao tại Bắc Kinh: "Dĩ nhiên là đồng chí Phạm Văn Đồng gần với chúng tôi hơn về ý thức hệ nhưng điều đó không loại trừ việc miền Nam có đại diện. Cả hai bên đều là người Việt Nam và tất cả chúng ta đều là dân Á châu, có phải không?"[10]

Giới bình luận thời sự quốc tế hồi ấy cho rằng Trung Quốc đang quan tâm tới vấn đề Đài Loan, không muốn Hoa Kỳ lập vòng đai bảo vệ Tưởng Giới Thạch và bao vây Trung Quốc, mong muốn gia nhập tổ chức Liên Hiệp Quốc và thoát khỏi nạn phong tỏa về kinh tế. Vì những lý do đó, Trung Quốc sẵn sàng nhân nhượng trong việc giao dịch với các nước Tây phương. Nhận xét này đúng nhưng nếu từ đó suy ra rằng Trung Quốc cũng sẵn sàng hi sinh Việt Nam và từ bỏ mục tiêu cách mạng vô sản ở các nước Á châu thì lại là một sai lầm lớn. Dù không muốn cho Việt Nam thật sự độc lập và cường thịnh để có thể thoát khỏi vòng ảnh hưởng của mình, đúng với đầu óc bá quyền sẵn có từ mấy ngàn năm, Trung Quốc vẫn muốn và cần phải duy trì mối quan hệ tốt đẹp với VNDCCH. Khi ép buộc Hồ Chí Minh và phái đoàn Phạm Văn Đồng chấp nhận các điều kiện ở hội nghị Genève, ngoài sự biểu thị uy quyền của một nước đàn anh, Chu Ân Lai đã thực tình muốn thuyết phục các đồng chí đối tác của mình về bước lùi chiến thuật, phù hợp với lời dạy của Lenin: "Chính trị là tiếp tục chiến tranh bằng những phương cách khác." Khi cần đến, Trung Quốc lại sẵn sàng hỗ trợ mạnh mẽ cho Việt Nam cộng sản chiến đấu tới cùng như trong cuộc chiến chống Hoa Kỳ và VNCH những năm về sau.[11]

Về phía Liên Xô, quan hệ đối với VNDCCH đơn giản hơn nhưng cũng không ngoài mục tiêu "lợi ích dân tộc" của mình như Trung Quốc. Georgi Malenkov, lãnh tụ thừa kế Stalin, chủ trương xoa dịu tình trạng căng thẳng với các nước Tây phương. Mối quan tâm hàng đầu của Liên Xô lúc đó là tình hình ở Châu Âu trước những nỗ lực của Mỹ xây dựng Cộng đồng Phòng thủ Châu Âu (European Defence Community–EDC). Dù không nhấn mạnh đến việc thuyết phục Pháp từ chối gia nhập EDC để đổi lấy cuộc ngưng chiến ở Đông Dương, Liên Xô vẫn muốn khai thác mâu thuẫn Pháp-Mỹ về sự hiện diện của Đức trong EDC và đã tỏ rõ thiện chí đối với Pháp tại hội nghị Genève. Với tư cách đồng chủ tịch hội nghị (cùng với Anthony Eden), ngoại trưởng Mikhai Molotov lúc đầu hỗ trợ cho những đòi hỏi của Phạm Văn Đồng, nhưng sau khi chính phủ Laniel bị đổ và Georges Bidault mất chức Bộ trưởng ngoại giao thì Molotov lại thiên về quan điểm của Mendès France. Con người nổi tiếng trong giới ngoại giao với biệt danh là "Mr. Niet" (Ông Phủ quyết) nay đã trở thành một nhà trọng tài có vai trò quyết định với những giải pháp dung hòa vào giờ phút cuối cùng. Chẳng hạn, chỉ sáu tiếng đồng hồ trước cuối thời hạn cam kết của Mendès France là 12 giờ đêm ngày 20 tháng Bảy, Molotov đã chấm dứt mọi chuyện bàn cãi về đường giới tuyến bằng câu: "Ta hãy thỏa thuận về vĩ tuyến 17...", rồi chỉ vài chục phút sau đó lại đưa ra đề nghị hai năm để kết thúc những cuộc tranh luận gay go giữa Phạm Văn Đồng và Mendès France về thời hạn tổ chức tổng tuyển cử.[12]

Ngoài lý do trên, cũng như Trung Quốc, Nga Xô không xem thường lời đe dọa của Hoa Kỳ sẽ can thiệp bằng quân sự nếu hội nghị Genève thất bại. Lời đe dọa này đã được ngoại trưởng Dulles gióng lên hai lần (ngày 11.05 và 10.06) và được Đô Đốc Carney hưởng ứng ngày 27 tháng Năm. Viễn tượng về một "cuộc hành quân Vautour"[13] như đã được Mỹ dự tính yểm trợ cho Pháp trong trận Điện Biên Phủ nay có thể được đem ra thực hiện là một nỗi lo ngại vẫn ám ảnh trong đầu óc của hai ngoại trưởng Liên Xô và Trung Quốc.

François Joyaux, một chuyên gia nổi tiếng của Pháp về vấn đề Trung Quốc, trong tập nghiên cứu nhan đề *La Chine et le règlement du premier conflit d'Indochine, Genève 1954 (Trung Quốc và việc giải quyết chiến cuộc Đông Dương lần thứ nhất, Genève 1954)* không những chứng minh vai trò quyết định của Trung Quốc trong việc ép buộc VNDCCH nhượng bộ ở Genève mà còn tiết lộ ý định của Liên Xô không muốn để cho Hồ Chí Minh thống nhất đất nước, vì như vậy là "trực tiếp đưa Việt Nam vào sự thần phục Trung Quốc." Căn cứ vào nguồn tin của một nhà ngoại giao Nga và sự am tường thái độ của Trung Quốc từ cả ngàn năm qua vẫn coi Việt Nam là một nước chư hầu, François Joyaux nhận định rằng hai cường quốc cộng sản đều muốn sử dụng Hà Nội như một quân cờ trong sách lược cạnh tranh ảnh hưởng của họ. Dù có những ý đồ khác nhau, Liên

Xô và Trung Quốc đều quan tâm đến việc kìm hãm sự lớn mạnh của Việt Nam đến độ cùng muốn có sự hiện diện của Hoa Kỳ ở miền Nam nước Việt.[14]

Ngoài áp lực của Liên Xô và Trung Quốc, chính VNDCCH cũng muốn chứng tỏ thiện chí hợp tác trong việc tìm kiếm giải pháp hòa bình có lợi cho mình tại hội nghị, nhất là sau khi biết thủ tướng Pháp đã quyết định hẹn cho ông thời hạn một tháng để đạt được thỏa hiệp. Các nhà lãnh đạo Bắc Việt cũng rất lo ngại viễn tượng Hoa Kỳ nhảy vào vòng chiến nếu chính phủ Mendès France thất bại và sụp đổ. Như nhà ngoại giao Lưu Doãn Huỳnh tiết lộ sau này:

Tất cả những cuộc bàn thảo giữa các nước xã hội chủ nghĩa ở Giơ-ne-vơ đều xoay

quanh một vấn đề quan trọng —tôi muốn nói là một nhu cầu cấp bách. Đó là: Chúng tôi cần phải đạt được thỏa hiệp ở Giơ-ne-vơ để ngăn chặn việc can thiệp của Mỹ bằng quân sự ở Đông Dương. Đây là một trong những vấn đề chính trong mọi cuộc đàm luận "đóng kín cửa" của chúng tôi tại Giơ-ne-vơ.[15]

Quả thật sau chiến thắng Điện Biên Phủ, tướng Võ Nguyên Giáp và bộ chỉ huy quân đội cộng sản đã chuẩn bị đưa quân về giải phóng đồng bằng Bắc Bộ. Quân Pháp đã mất hết tinh thần và phải dàn mỏng lực lượng trên một địa bàn quá rộng, trong khi quân đội quốc gia lại càng không muốn chiến đấu dưới sự chỉ huy của Pháp. Trong hơn một tháng đầu của hội nghị Genève, bộ đội cộng sản vẫn tiếp tục tạo áp lực bằng những cuộc tấn công các tỉnh ở đồng bằng như Phủ Lý, Thái Bình, Hưng Yên, Nam Định, và ngay sau khi Mendès France được Quốc hội Pháp tín nhiệm lập chính phủ mới, đã đánh một trận lớn ở An Khê, một vị trí chiến lược trên quốc lộ 19 nối liền cao nguyên miền Trung với bờ biển, tiêu diệt binh đoàn cơ động GM100 của Pháp. Ít ngày trước đó, Võ Nguyên Giáp đã chuẩn bị uy hiếp Hà Nội nhưng bị cố vấn Trung Quốc ngăn cản: "Tôi nêu ý kiến trong Quân ủy dùng ngay khoảng một trăm xe đưa một bộ phận pháo binh 351 và một đơn vị chủ lực mạnh về Tam Nông, Phú Thọ, phía tả ngạn sông Đà, uy hiếp phía tây bắc Hà Nội. Đồng chí Vi Quốc Thanh khuyên ta tránh sử dụng lực lượng lớn để phòng vấp váp, để giữ trọn vẹn chiến thắng đã giành được."[16]

Võ Nguyên Giáp cũng cho biết rằng, trong cuộc họp mặt ở Liễu Châu đầu tháng Bảy, khi được Chu Ân Lai báo tin rằng các cường quốc đã có sự đồng thuận về vĩ tuyến 17 và khuyến cáo Việt Nam chấp thuận, "bác (Hồ) và chúng tôi đều ngỡ ngàng." Hồ Chí Minh yêu cầu ít nhất cũng phải giành được vĩ tuyến 16 như đã có tiền lệ trong trường hợp quân đội Đồng Minh tới giải giáp quân đội Nhật năm 1945. Họ Chu hứa sẽ cố gắng nhưng nếu không được thì cũng đành phải chấp nhận vì "vấn đề quan trọng nhất hiện nay là tranh thủ cho được hòa bình và những điều kiện để thống nhất Việt Nam." Sau cuộc gặp gỡ đầy bất mãn này, bộ chỉ huy quân sự VNDCCH tiếp tục gửi sang Genève những tin tức về tình hình suy yếu của "quân viễn chinh và quân ngụy," với những điều kiện thuận lợi cho cuộc tấn công ngay cả ở các tỉnh Nam Bộ, nhưng "chúng tôi nhận được điện của cả đồng chí Môlôtốp và đồng chí Chu Ân Lai, nói đang có triển vọng sớm đạt được một hiệp định hòa bình, không nên đẩy mạnh nhịp độ hoạt động quân sự ở cả hai miền Nam, Bắc Đông Dương."[17]

Việc Liên Xô và Trung Quốc ngăn chặn những cuộc tấn công của quân đội cộng sản Việt Nam đã làm cho giới chỉ huy quân sự Pháp rất hài lòng. Quả thật, trong những cuộc tham khảo liên tiếp với các chuyên gia quân sự từ trước khi được Quốc Hội chọn làm thủ tướng, Mendès France đã được nghe một tiếng nói thống nhất là cần phải giải quyết khẩn cấp vấn đề chiến cuộc ở Việt Nam vì toàn thể đoàn quân viễn chinh đang lâm nguy, Hà Nội và đồng bằng miền Bắc đang bị đe dọa. "Trong một cuộc thảo luận với bốn tướng lãnh, khi ông (Mendès France) gợi ý là cần phải kết thúc trong thời hạn một tháng, hai người hiện diện đã thốt lên: "Một tháng, lâu quá!" Rồi họ báo cáo về những dự đoán bi đát của tướng Salan, về ý kiến của thống chế Juin là phải di tản ngay ra khỏi Hà Nội..."[18]

Về phía đồng minh, thành công lớn nhất của Mendès France là giải tỏa được niềm nghi ngờ của Hoa Kỳ đối với lập trường chính trị của ông vì ông chống chiến tranh Việt Nam từ lúc đầu và chủ trương phải nói chuyện thẳng với cộng sản Việt Nam. Sau khi chấm dứt nhiệm vụ của Bidault với chính phủ trước, Mendès France kiêm luôn chức ngoại trưởng nhưng lại giao cho Đại sứ Pháp Jean Chauvel trách nhiệm vận động Hoa Kỳ tiếp tục thừa nhận và tham dự hội nghị Genève. Chauvel đã phải làm việc rất khó khăn vì ngoại trưởng Foster Dulles không tin tưởng ở Mendès France, cho ông là người sẵn sàng "bán đứng Đông Dương" (brader l'Indochine).[19] Nhưng Hoa

Kỳ vẫn không thể để cho Pháp lâm vào thế yếu ở bàn hội nghị. Vì vậy, tại Washington ngày 29 tháng Sáu, Tổng thống Eisenhower và Thủ tướng Churchill cùng ký một bản thông cáo chung ấn định bảy điều kiện căn bản cho việc giải quyết vấn đề Đông Dương tại hội nghị Genève:

1. Bảo tồn sự toàn vẹn và độc lập của Lào và Cam-bốt bằng việc bảo đảm sự rút quân của các lực lượng Việt Minh ra khỏi hai nước này.

2. Bảo tồn ít nhất là phần nửa phía nam của Việt Nam và, nếu có thể được, một vùng đồng bằng, trong khi lằn phân ranh không được vượt quá phía nam Đồng Hới (phía bắc vĩ tuyến 17).

3. Không áp đặt lên Cam-bốt hay Lào, hay ở phần lãnh thổ được bảo tồn của

Việt Nam những điều kiện hạn chế khả năng duy trì chế độ ổn định không cộng sản, nhất là quyền của họ được có đủ lực lượng bảo vệ an ninh quốc nội, được nhập cảng vũ khí và có thể yêu cầu sự giúp đỡ của các cố vấn ngoại quốc.

4. Không gồm có một điều khoản chính trị nào có thể đưa đến việc bị mất cho cộng sản những vùng đất được bảo tồn.

5. Không loại bỏ khả năng thực hiện sau này việc thống nhất nước Việt Nam bằng những phương cách hòa bình.

6. Cho phép tất cả những người muốn dời chỗ ở từ một vùng này sang một vùng khác ở Việt Nam được di chuyển trong những điều kiện bình an và nhân đạo.

7. Dự liệu một hệ thống kiểm soát quốc tế hữu hiệu.

Mendès France thật không thể hài lòng hơn được vì đây cũng là những mục tiêu mong muốn của ông trong những cuộc đàm phán ở Genève. Mối quan tâm chính của ông về phía Mỹ như vậy đã được giải quyết. Từ giờ phút này, ông đã có thêm trọng lượng để thuyết phục Liên Xô và Trung Quốc gia tăng áp lực đối với chính phủ Hồ Chí Minh trong khi không còn phải lo ngại lắm về sự chống đối của chính phủ Ngô Đình Diệm. Bây giờ thì ông trông đợi cơ hội đối thoại trực tiếp với John Foster Dulles để thuyết phục Hoa Kỳ ủng hộ cụ thể hơn trong tiến trình thương thuyết ở Genève. Bởi vậy, khi vừa đặt chân đến Genève ngày 12 tháng Bảy và nghe tin ngoại trưởng Mỹ sẽ tới Pháp ngày hôm sau, ông vội vã trở về Paris và không quên mời được ngoại trưởng Anh Anthony Eden đi cùng. Sau cuộc tiếp xúc xã giao ở tòa Đại sứ Hoa Kỳ, phiên họp làm việc nghiêm chỉnh được diễn ra sau bữa ăn tối tại điện Matignon. Với kinh nghiệm của một chính khách đã hành nghề luật sư từ năm 19 tuổi và hoạt động chính trị trên hai mươi năm (trong đó có năm năm kháng chiến chống Đức Quốc xã), và với tài ăn nói lưu loát bằng Anh ngữ, Mendès France đã gây được ấn tượng tốt trong đầu óc của ngoại trưởng Mỹ. Jean Lacouture thuật lại rằng khi thủ tướng Pháp mở tấm bản đồ Việt Nam và trình bày diễn tiến của cuộc điều đình về giới tuyến quân sự với cuộc tranh luận hiện thời ở giữa vĩ tuyến 16 và 18, Dulles đã thốt lên: "Tôi không thể hiểu được. Ngài còn đòi nhiều hơn cả tôi nữa sao?" Trước khi trở về Mỹ, Dulles còn khen Mendès France là ông đã thắng cuộc và nói với báo chí: *"This guy is terrific!"* (Tay này cừ lắm).[20]

Kết quả buổi gặp gỡ Mendès–Dulles là một bản thông cáo chung thuận lợi cho lập trường của Pháp. Ngoài ra, Hoa Kỳ còn đồng ý để cho thứ trưởng Bedell Smith trở lại Genève với tư cách trưởng đoàn, dù không chính thức.[21] Hai ngày sau đó, Foster Dulles lại gửi cho Mendès France một lá thư bày tỏ lòng kính trọng lập trường chính đáng của thủ tướng Pháp với lời kết luận: "Và tôi vui mừng thấy rằng chúng ta đã tìm được một đường lối —tôi hi vọng không có sự vi phạm những nguyên tắc của chúng tôi và không xảy ra bất đồng ý về sau— nhờ đó chúng tôi có thể biểu lộ rõ rệt sự ủng hộ của chúng tôi đối với Ngài tại Genève."[22]

Tóm lại, trước tình trạng tuyệt vọng về quân sự ở Việt Nam và sa lầy về chính trị ở Đông Dương, nước Pháp không còn có sự chọn lựa nào khác hơn là quan điểm của Mendès France về một cuộc đàm phán trực tiếp với đối phương để mau chóng đạt được thỏa hiệp ngưng bắn. Thêm vào đó, những biến chuyển thuận lợi trong đường lối đối ngoại của Liên Xô và Trung Quốc đã đem lại cho phái đoàn Pháp nhiều may mắn bất ngờ, nhất là sau khi Bidault đã ra đi, giúp cho Mendès France hoàn tất được sứ mệnh đúng thời hạn cam kết.[23]

Không kể thời gian một tháng rưỡi phái đoàn Pháp làm việc gần như giậm chân tại chỗ dưới sự lãnh đạo của Bidault, chỉ trong ba mươi ngày thương thuyết ở Genève, Mendès France đã đạt được hầu hết những điều mong muốn của Pháp so với những đòi hỏi của phái đoàn VNDCCH:

1. *Về mục tiêu hội nghị*: VNDCCH đòi cuộc thương thuyết phải nhằm đạt một thỏa hiệp bao gồm vấn đề ngưng bắn và giải pháp chính trị cho Việt Nam. Pháp muốn ưu tiên là thỏa hiệp về

ngưng bắn, còn vấn đề chính trị được thảo luận riêng. Kết quả: Pháp được như ý muốn.

2. *Về vị trí tập trung quân đội mỗi bên*: Pháp đề nghị hình thức "da beo" tức là mỗi bên tập trung quân vào những vị trí nhất định, xen lẫn bên nhau như những đốm da beo. VNDCCH muốn hai bên tập trung quân vào hai miền riêng biệt, tạm thời ngăn cách bởi một đường giới tuyến. Kết quả: Pháp đồng ý ngay vì theo đề nghị này, quân đội Pháp sẽ được an toàn hơn.[24]

3. *Về thời hạn Pháp rút quân khỏi miền Bắc*: phái đoàn Pháp đề nghị một năm, VNDCCH đòi rút nhanh trong vòng ba tháng. Cuối cùng, Molotov chọn thời hạn 300 ngày, sát với đề nghị của Pháp hơn.

4. *Về lằn giới tuyến giữa hai miền*: Từ đầu đến cuối, Pháp giữ nguyên lập trường chia đôi Việt Nam ở vĩ tuyến 18. VNDCCH lúc đầu đòi cắt ở vĩ tuyến 13 (giữa Qui Nhơn và Nha Trang), sau khi bị Chu Ân Lai "thuyết phục" thì chịu lùi lên vĩ tuyến 16. Rốt cuộc, giải pháp dung hòa là vĩ tuyến 17.

5. *Về thời hạn tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước*: VNDCCH đòi thực hiện ba tháng sau ngày ký thỏa hiệp, rồi tăng lên sáu tháng. Pháp muốn để ngỏ ngày tổng tuyển cử cho hai chính phủ Nam, Bắc thảo luận sau. Molotov đề nghị 18 tháng nhưng cuối cùng lại quyết định là hai năm.

Ngoài ra, còn phải nhắc đến một nhượng bộ quan trọng của phái đoàn VNDCCH về trường hợp Cam-bốt và Lào, cũng lại do việc Chu Ân Lai đã thỏa thuận riêng với Pháp. Lập trường của Phạm Văn Đồng là phải có một thỏa hiệp chung về ba nước Đông Dương, theo đó Cam-bốt và Lào đều có những vùng dành riêng cho bộ đội du kích của mỗi nước. Chu Ân Lai đồng ý với Pháp tách rời trường hợp của mỗi nước và yêu cầu VNDCCH không nên can thiệp vào vấn đề của hai nước lân bang.

Theo thỏa hiệp ký ngày 21 tháng Bảy với Cam-bốt và Lào, VNDCCH đồng ý rút hết quân ra khỏi hai nước này. Vì Cam-bốt và Lào đã trở thành những quốc gia trung lập, các bộ đội Issarak (Cam-bốt) và Pathet Lào sẽ được sát nhập vào quân đội Hoàng gia ở hai nước. Riêng tại Lào, Pháp được giữ lại hai căn cứ và một số huấn luyện viên quân sự.

Điểm yêu cầu duy nhất của VNDCCH không cần phải bàn cãi và được Pháp đồng ý mau chóng là đề nghị thiết lập giới tuyến quân sự, đưa đến việc chia đôi đất nước. Ngày 25.5, Phạm Văn Đồng nêu ý kiến nên lập "những vùng lớn" có phân chia giới tuyến thay vì áp dụng hình thức "da beo" của Pháp. Ý kiến này được trình bày cụ thể trong phiên họp ngày 9 tháng Sáu. "Tạ Quang Bửu đi thẳng vào vấn đề. Ông ta thình lình mở một tấm bản đồ Đông Dương, long trọng đặt bàn tay lên vùng châu thổ sông Hồng Hà và tuyên bố: "Chúng tôi phải có chỗ này... Chúng tôi phải có một Nhà nước, phải có một thủ đô cho Nhà nước của chúng tôi, phải có một hải cảng cho thủ đô của chúng tôi." Delteil và Brébisson đều ngạc nhiên và toan hỏi xem ông Bửu có thể nói rõ hơn chăng? Cử chỉ của ông... miền Bắc... một thủ đô... một hải cảng... Điều đó có nghĩa như thế nào? Chỉ có Bắc kỳ thôi? Hà Nội và Hải Phòng, không có miền Trung hay miền Nam?" Ông Bửu cắt ngang cuộc thảo luận, nhấn mạnh vào lợi điểm của thủ tục kín đáo và song phương, về những điều bất tiện của một hội nghị với chín phe tham dự và về tính chất bí mật của những cuộc đàm phán."[25]

Dụng ý của phái đoàn Phạm Văn Đồng là muốn cho VNDCCH, thay vì chỉ là một chính phủ của quân du kích trong rừng núi, phải có danh nghĩa đối với quốc tế là một Nhà nước có lãnh thổ, có chủ quyền, có thủ đô và cửa biển giao thương với thế giới. Đề nghị phân chia giới tuyến là một điều hoàn toàn bất ngờ đối với phái đoàn Pháp khiến cho họ rất đỗi vui mừng. Về điểm này, Bộ trưởng các Quốc gia Liên kết Fréderic-Dupont nhận xét:

Về vấn đề thống nhất, ta cần phải biết rằng từ ngữ "thống nhất" có một âm vang mạnh mẽ với cả hai phe ở Việt Nam. Đó là lý do tại sao cả hai phái đoàn, vì mục tiêu bầu cử, đều chụp lấy ý kiến ấy để bên này tố cáo bên kia là muốn chia cắt đất nước.

Chính vì nỗi lo ngại đó mà Bộ trưởng Quốc phòng Việt Minh mạnh mẽ đòi hỏi là chuyện thương thuyết phải được giữ bí mật. Chính vì thế mà ông ta lo sợ bị tiết lộ rằng chính ông đã đề nghị việc chia vùng.... Việc thông báo này của tôi không phải để làm hài lòng Thủ tướng (Mendès France) rằng chính Việt Minh đã đưa ra sáng kiến chia làm hai vùng trong bản hiệp định đình chiến. Họ biết rất rõ là họ có thể gặp khó khăn về chuyện bầu cử là họ đã bỏ rơi Nam Kỳ.[26]

Việc các nhà thương thuyết Việt Minh muốn tranh thủ cho VNDCCH danh

nghĩa chính thức của một quốc gia và một chính phủ trước mắt quốc tế là một điều dễ hiểu, nhưng họ đòi phải giữ bí mật vì lo ngại bị kết tội là chủ

trương chia đôi đất nước và khó giải thích tại sao lại đề nghị như vậy. Tuy nhiên, trái với nhận xét của Frédéric-Dupont, VNDCCH không sợ gặp khó khăn về bầu cử vì họ muốn sớm có bầu cử và tin chắc rằng họ sẽ thắng thế trong cuộc bầu cử.

Cuộc kháng chiến chống Pháp thành công do Việt Minh lãnh đạo đã chứng tỏ truyền thống bất khuất của dân tộc Việt Nam quyết chống lại mọi sự đô hộ của ngoại bang để giành lại quyền tự chủ. Trong suốt tám năm trời kháng chiến, các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam, dưới danh nghĩa mặt trận Việt Minh và chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, luôn luôn nêu cao mục tiêu tranh đấu cho độc lập, tự do, và giải phóng dân tộc ra khỏi chế độ cai trị bóc lột tàn ác của đế quốc thực dân. Đó là chính nghĩa đã lôi cuốn được đông đảo nhân dân, quân đội và cán bộ hết lòng chiến đấu, chịu đựng bao nỗi gian lao, hi sinh bao nhiêu của cải và xương máu cho công cuộc cứu nước. Trong suốt tám năm lãnh đạo kháng chiến, đối với quốc dân, chính phủ và mặt trận Việt Minh không hề có một lời tuyên bố hay một bản hiệu triệu nào nói đến chủ nghĩa Mác-Lênin hay chế độ cộng sản như một lý tưởng hướng dẫn nhân dân chống Pháp. Đảng cộng sản, dưới tên "đảng Lao động", không khi nào ra mặt công khai điều động cuộc kháng chiến. Chính quyền dân chủ cộng hòa được chủ tịch Hồ Chí Minh định nghĩa là "chính quyền dân chủ của nhân dân, nghĩa là của công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc và các thân sĩ (địa chủ) yêu nước, tiến bộ."[27] Mãi đến năm 1953, khi luật cải cách ruộng đất được ban hành và chiến dịch tố khổ địa chủ, khủng bố trí thức được chính thức thực hiện ở một số địa phương, nhân dân và cán bộ mới bắt đầu hiểu biết và có kinh nghiệm sống về chủ nghĩa cộng sản.

Như vậy, thắng lợi của kháng chiến chống Pháp chính là thắng lợi của các tầng lớp nhân dân đã chiến đấu vì nền độc lập của dân tộc chứ không phải vì chủ nghĩa cộng sản quốc tế. Công bằng mà nói, thắng lợi này đạt được chính là nhờ sự điều động của đảng cộng sản ở đàng sau mặt trận Việt Minh, với những ưu điểm về tổ chức và tinh thần kỷ luật, lý tưởng cách mạng, kỹ thuật chiến tranh nhân dân, nghệ thuật tuyên truyền và nhất là sức mạnh lôi cuốn quần chúng của Hồ Chí Minh qua hình ảnh của một nhà cách mạng một lòng vì dân vì nước, đã tranh đấu gian nan ở hải ngoại trong suốt mấy chục năm. Chiến tranh chống Pháp là một cuộc chiến tranh có chính nghĩa và Việt Minh đã giành được chính nghĩa đó.

Nhưng như đã thấy, kết quả của hội nghị Genève chỉ là những bản thỏa hiệp về ngưng bắn ở ba nước Đông Dương đúng với sự mong muốn của Pháp. Cam-bốt và Lào trở thành những quốc gia trung lập và bộ đội Việt Minh phải rút hết về nước. Riêng Việt Nam bị cắt làm đôi dưới hai chính thể hoàn toàn đối lập để chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh khác còn lâu dài và khốc liệt nhiều hơn nữa. Việc đảng Cộng sản Việt Nam phải nhờ cậy sự giúp đỡ của Trung Quốc trong cuộc chiến chống Pháp cũng tạo thành một món nợ lớn khiến cho cả nước bị mắc kẹt trong lâu dài và phải trả bằng những giá quá đắt, từ việc phải rập khuôn mô hình cải cách ruộng đất "long trời lở đất," "chỉnh huấn trí thức" và "trăm hoa đua nở" trong thập kỷ 1950. Hơn tám năm chiến tranh đã làm cho miền Bắc phải chịu những thiệt hại to lớn về nhân mạng, tài sản và lợi ích dân tộc để chỉ đạt được một thắng lợi hạn chế do sự ép buộc của chính đồng minh của mình. Tiếp đến cuộc chiến hai mươi năm tại miền Nam, Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam còn phải mắc nợ Trung Quốc nhiều hơn nữa. Sau khi thống nhất đất nước, những cố gắng của Việt Nam tách ra khỏi ảnh hưởng của Trung Quốc, đi theo Liên Xô và tấn công Khờ-me Đỏ đã đưa đến chiến tranh biên giới đầu năm 1979, khiến cho mối đe dọa quân sự và kinh tế từ phương Bắc càng trở nên trầm trọng. Năm 1991, trước nguy cơ bị lôi cuốn theo sự sụp đổ của Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu, hai nước lại giao hảo với nhau nhưng chỉ còn là đồng chí chứ không phải là đồng minh. Việt Nam đã phải chứng tỏ thiện chí với Trung Quốc nhiều hơn trong khi chập chững theo sau những bước đổi mới của Trung Quốc. Đối với Việt Nam ngày nay, mối đe dọa của Trung Quốc về quân sự tạm thời ẩn khuất nhưng sự lấn át về kinh tế đang diễn ra rất đáng lo ngại.

Chú thích:

1. Về phía quân đội Liên Hiệp Pháp: 94,581 chết hay mất tích, 78,127 bị thương trong đó số tổn thất của ba nước Đông Dương là 18,714 chết hay mất tích, 13,002 bị thương. Tổn thất về phía Việt Minh không thấy công bố, chỉ được phỏng định là gấp ba lần con số của Pháp. Số thường dân Việt Nam bị chết vì chiến tranh khoảng 250,000 người. (Theo Spencer C. Tucker, editor, *The Encyclopedia of the Vietnam War* [New York: Oxford University Press, 2000], 64).

2. Vào ngày chót của hội nghị Genève, Cao Ủy Pháp ở

Sài-gòn đánh điện tín cho Bộ trưởng các Quốc gia Liên kết thúc giục chính phủ sớm ký thoả hiệp với Việt Minh để có thể "đem lại độc lập cho Quốc Gia Việt Nam và sát nhập quốc gia này vào khối Liên Hiệp Pháp." (Centre des Archives d'Outre-Mer (CAOM), Aix en Provence, Pháp, HCI-249).

3. Jean Lacouture, *Pierre Mendès France*, (Paris: Éditions du Seuil, 1981), 13.

4. The Pentagon Papers (Gravel edition) vol. I, doc. 64, "Telegram from Ambassador Dillion in Paris to Secretary of State Dulles on French-Chinese Talks, 24 June 1954), 537-538.

5. ibid., 247.

6. ibid., 173.

7. Trần Thục Nga, chủ biên, *Lịch sử Việt Nam* (Hà Nội: NXB Giáo Dục, 1991), 62.

8. Lê Mậu Hãn, chủ biên, *Đại Cương Lịch Sử Việt Nam, tập III, 1945-2000* (Hà Nội: NXB Giáo Dục, 2001), 127.

9. Đại Úy Galula, tùy viên quân sự Pháp ở Hong Kong, phân tích chủ trương "Trung Quốc trên hết" trong bài diễn văn của Trần Nghị như một lý do chính để rút bớt viện trợ quân sự cho Việt Minh (*Notes pour l'État-major des Forces Armées, 2è Division, Paris,* No. 63/AMHK, 26.03.1954, CAOM, HCI-77).

10. Stanley Karnow, *Vietnam: A Story* (New York, Viking Penguin, reprint 1991), 220.

11. Mục tiêu trường kỳ của cách mạng vô sản ở Á châu được nói rõ trong một chỉ thị nội bộ do Lưu Thiếu Kỳ viết về quan hệ giữa cách mạng Trung Quốc và cách mạng thế giới: "Sau cuộc cách mạng thắng lợi của ta, việc giúp đỡ bằng mọi cách cho các đảng cộng sản và nhân dân ở tất cả những quốc gia Á châu bị áp bức được giải phóng là một nghĩa vụ quốc tế mà đảng cộng sản và nhân dân Trung Quốc không thể tránh né. Đó cũng là một trong những phương cách kiện toàn thắng lợi của cách mạng Trung Quốc trên trường quốc tế." Dẫn bởi Qiang Zhai, *China and the Vietnam Wars* (Chapel Hill and London: The University of North Carolina Press, 2000), 21.

12. Lacouture, *op.cit.*, 255.

13. Kế hoạch hành quân "Vautour" (Kên kên) do Pháp đặt tên nhưng được hoạch định bởi Đô đốc Arthur Radford khi tướng Paul Ély sang Hoa Kỳ vận động vào đầu tháng Ba, 1954. Kế hoạch này nhằm giải nguy cho quân đội Pháp ở Điện Biên Phủ bằng việc sử dụng máy bay Mỹ từ hạm đội số 7 và Phi-líp-pin oanh tạc các vị trí đại bác và đạn dược của bộ đội cộng sản ở Điện Biên Phủ. Cuối tháng Tư, Eisenhower và Nixon còn dự định cung cấp cho Pháp hai trái bom nguyên tử nhỏ nhưng tuyên bố Hoa Kỳ sẽ chỉ can thiệp nếu Trung Quốc nhảy vào vòng chiến.

14. Lacouture, *op. cit.*, 249, chú thích số 1.

15. Robert S. McNamara, *Argument Without End* (New York: Public Affairs, 1999), 83.

16. Võ Nguyên Giáp, *Điện Biên Phủ: Điểm Hẹn Lịch Sử* (Hà Nội: NXB Quân Đội Nhân Dân, 2000), 420. Nên biết thêm rằng Vi Quốc Thanh cũng chính là người mà, trước khi Trung Quốc tấn công Bắc Việt năm 1979, đã tuyên bố cần phải "dạy cho Việt nam một bài học".

17. Ibid., 430.

18. Lacouture, *op. cit.*, 13. Hai người hiện diện mà Jean Lacouture nói đến ở đây là tướng Blanc (chỉ huy lục quân) và tướng Fay (chỉ huy không quân).

19. Jacques de Folin, "Les Belligérants à la table des négociations" trong *La Guerre d'Indochine 1945-1954* (Paris: Les Dossiers Historia, Éditions Tallandier, 1999), 74.

20. Lacouture, *op. cit.*, 245.

21. Trước đó, Bedell Smith là trưởng đoàn Mỹ ở hội nghị Genève, nhưng chỉ vài ngày sau khi Mendès France làm thủ tướng, Bedell Smith trở về Mỹ để cho Đại sứ Alexis Johnson thay thế khiến cho Mendès France rất thất vọng.

22. Lacouture, *op. cit.*, 245-246.

23. Thật ra, vì thái độ cương quyết của Sam Sary, trưởng đoàn Cam-bốt, không chấp thuận những điều kiện thiếu đảm bảo cho nền độc lập và hòa bình của Cam-bốt, hội nghị đã phải kéo dài tới quá nửa đêm ngày 20.7. Một người (có lẽ trong phái đoàn Pháp) đã làm cho đồng hồ trong phòng họp ngưng chạy lúc 12 giờ. Sau cùng, Molotovlại phải quyết định thêm một khoản cho phép "Cam-bốt có quyền kêu gọi sự trợ giúp của nước ngoài khi nền an ninh quốc gia bị đe dọa" mới thuyết phục được Sam Sary. Do đề nghị của Mendès France, điều khoản này cũng được thêm vào bản thỏa hiệp với Lào quốc. Vì sự trì hoãn này, thỏa hiệp ngưng bắn Pháp-VNDCCH mãi đến 3 giờ 20 sáng 21.7 mới được ký. Trên thực tế, thỏa hiệp này đã đạt được hồi 17 giờ 20 chiều 20.7, trước khi thảo luận về Cam-bốt và Lào.

24. Hình thức "da beo" là do Bidault đề nghị ngay từ ngày đầu hội nghị (8 tháng 5).

25. Lacouture, *op. cit.*, 221.

26. "Extraits du Procès-verbal de la séance du 23 Juillet 1954 à la Commission de coordination pour les affaires d'Indochine," CAOM, HCI-249.

27. Hồ Chí Minh toàn tập, tập 5 (Hà Nội:NXB Chính trị Quốc gia, 1995), 148.

Sắp xuất bản:

"Việt Nam 1945-1995: Chiến Tranh, Tị Nạn và Bài Học Lịch Sử"

của **Lê Xuân Khoa**

Không một bước lùi

Phỏng vấn André Gluckmann *do* Alexis Lacroix (báo Le Figaro) *thực hiện*

LƯU VŨ *chuyển ngữ*

Những kẻ cuồng tín của Hồi giáo muốn tàn phá cả toàn bộ nền văn minh Âu - Mỹ. Kẻ nào cho rằng mình sẽ bình an vì đã không dính vào việc lật đổ Saddam Hussein sẽ lầm to. Nhà triết học Pháp André Gluckmann đã khẳng định như vậy. Sau đây chúng tôi xin giới thiệu cuộc phỏng vấn ông do nhật báo Le Figaro (Pháp) thực hiện. Hy vọng rằng Âu châu sẽ mạnh lên khi tăng cường liên kết trong đối lập với Hoa Kỳ là hoàn toàn hão huyền và ấu trĩ...

*

Sau vụ thảm sát ở Madrit, các chính phủ ở Âu châu có nên nghĩ lại việc liên minh với Hoa Kỳ?

Aznar thất cử không phải chỉ vì sự liên minh với Bush không được dân chúng ủng hộ. Liên minh này chỉ không được đa số ủng hộ ba ngày trước bầu cử cũng như vào ngày bỏ phiếu. Vào thời điểm này đảng của ông Aznar đang dành ưu thế và đối thủ của nó, theo thăm dò dư luận xã hội khi đó, sẽ thất bại — họ chẳng hề dám mong đợi không khí chống chiến tranh (Iraq- ND) mang lại sự phản hồi. Nếu không phải vì những trái bom, những xác chết, thì những tiếng kêu than kiểu "Aznar là kẻ giết người" chỉ được xem là lời nhạo báng. Nhưng khung cảnh Ground Zero của Madrit gây nên hỗn loạn và tăng thêm sinh khí cho những kẻ mọ dân: họ đã quay ngược hoàn toàn vấn đề trách nhiệm. Chúng ta nhớ lại câu chuyện nước Mỹ: Có phải những kẻ với tri thức yếu kém, những tên ngu ngốc thực dụng mà Lenin vẫn đánh giá cao, đã không dám đổ trách nhiệm cho Bush và CIA về việc tàn phá hai tháp WTC? Từ sự sợ hãi phải đối diện với thủ phạm thực, người ta đi tìm một người có lỗi dễ dàng hơn để thay thế. Chỉ trích Bin Laden thay vì Aznar. Đây là một cách hành xử ma thuật trong lễ trừ tà. Bởi vì thủ phạm chính nằm ngoài tầm tay, nên nhiều cử tri tấn công thủ phạm trong ảo tưởng — chính phủ của mình, mà bằng một cách tượng trưng họ đã giết người bằng lá phiếu.

Nhưng mà Aznar đã làm số đông dư luận Tây Ban Nha phản đối khi đưa Tây Ban Nha vào liên minh với Anh-Mỹ?

Xin đọc kỹ lại thông báo mà Al-Quaida thừa nhận trách nhiệm của mình trong thảm họa Madrit. Quân khủng bố tấn công tất cả những người Công giáo và Do Thái, không chỉ những nước gửi quân đến Iraq mà cả những nước liên quan đến Afghanistan. Có nghĩa là cả Cộng đồng Âu châu. Giọng điệu của chúng với Berlin hay Paris chẳng hề thua kém gì với Roma, London hay Warsaw. Nước Pháp đang bị chỉ trích gay gắt về đạo luật cấm học sinh (đạo Hồi) trùm khăn đến các trường công. Thụ động không loại bỏ được mạo hiểm. Kẻ nào cho rằng mình sẽ bình an vì đã không dính vào việc lật đổ Saddam Hussein thì thực sự điên rồ. Mỗi ngôi nhà, mỗi ga tàu, mỗi vỉa hè đều là mục tiêu của những tên sát sinh Hồi giáo. "Con tàu tử thần," "Khói đen tử thần," "Gió tử thần" là những điểm dữ vô hình không giới hạn, được chúng coi là "sự trả lời cho tội ác mà các người đã gây ra ở Iraq và Afghanistan."

Người Âu châu mù quáng trước những đe doạ đó?

Phải có một sự mù quáng nào đó về lý trí thì mới có thể xảy ra cái cảnh, khi mà bằng thái độ hung dữ, tàn phá, chỉ tay, không phải vào kẻ tội phạm và đồng bọn của chúng mà lại nhắm vào những người — theo cách nói của Churchill- ngay từ đầu đã đóng dấu, chỉ mặt, chống chọi lại lòng ham muốn giết người được kích động bằng bản quốc tế ca siêu khủng bố? Sao không phải là mù quáng khi khẩu hiệu "ETA y Al Quaida, Basta Ya!" (ETA, Al Quaida, đủ lắm rồi!) lại được thay bằng "Aznar, Basta Ya" (Aznar, đủ lắm rồi!) và trừ tà ma đe doạ toàn cầu mà trương những tấm bích chương tí xíu với hàng chữ "PAZ" (HOÀ BÌNH)?

Đúng thế. Trong cuốn sách "Ouest contre Ouest" (Phương Tây chống Phương Tây) ông cho rằng chủ nghĩa Hồi giáo như là hệ thống của "chiến tranh toàn trị" chống lại dân thường.

Ảo ảnh về một cuộc cách mạng vĩ đại, toàn cầu chống tự do, chống lại phương Tây, chống tư bản đã tạo nên sự quá khích của các chủ nghĩa nazi (phân biệt chủng tộc - ND), cộng sản và Hồi

giáo. Thành phần liên đới ý thức hệ của chúng là sự thoả mãn thầm lặng với thuyết không tưởng (nihilism - ND) mà trong nó chứa đựng tính tuyệt đối. Mà tính tuyệt đối của chúng là khủng bố. Chủ nghĩa Hồi giáo giống như chủ nghĩa cộng sản và nazi huy động sự thủ tiêu: tìm sự không tưởng hơn là chẳng có cái gì. Dostoievski, Nietzsche gọi đây là chủ nghĩa không tưởng (hay hư vô- ND), còn Heidegger gọi là "Ý chí của ý chí." Những kẻ theo chủ nghĩa không tưởng thích cai trị bằng chế độ bạo chúa và phương pháp gieo rắc sợ hãi. Những hành vi của chúng đẫm máu trước hết vì chúng không tin thực chất có sự tồn tại của tội ác và quỷ sứ — của "cái đời sống" từ kỷ nguyên mê tín. "Mặt trời hãy tắt đi" — Leon Troski kêu lên khi muốn một "bóng tối vĩnh cửu." Chủ nghĩa khủng bố ở Bagddad, Stambul, tại nhà ga Atocha hay Jerosolim đều nói lên cái logic ấy. Chủ ghĩa Hồi giáo là một loại hình địa phương nào đó của cái linh hồn huỷ diệt bao trùm lên cả địa cầu. Kẻ theo thuyết không tưởng, dù là Hồi giáo, bôn-sê-vich hay phát xít, kẻ phân biệt sắc tộc hay theo chủ nghĩa sô-vanh, đều bỏ qua mọi tabu, không lùi bước trước mọi thứ. Giống như anh tân binh ở Monrovia, khi hỏi rằng anh có thể nhả đạn vào bố mẹ mình không, đã trả lời: "Tại sao không?"

Như vậy, trước những kẻ Thánh chiến của chủ nghĩa không tưởng, chẳng ai ở Âu châu cảm giác an toàn?

Đầu cơ sự kiện bầu cử ở Tây Ban Nha, quân khủng bố không những chỉ gửi thông điệp của mình mà còn đi đến một hoạt động thực tế. Thảm hoạ 11/9 đưa ra một ví dụ khủng khiếp. Bis repetita... (Những sự việc lặp lại thường thích ứng nhau).Chúng ta nhớ lại rằng: vào ngày ấy, 11/3/2004, Âu châu sống lại ngày 11/9; nỗi âu lo từ Manhattan đã tràn qua chúng ta một lần nữa. Chỉ khác là bây giờ thì bọn khủng bố có thể lầm tưởng hơn là đã làm nên chiến thắng. Trong vòng ba ngày, chúng đã làm thay đổi dư luận của người Tây Ban Nha. Đảng của ông Aznar thay vì thắng cử thì lại là đảng thứ hai. Đều này cắt nghĩa việc quân khủng bố có quyền thừa nhận rằng chính chúng quyết định biến cố xảy ra, và rằng chủ nghĩa khủng bố mạnh hơn nền dân chủ? Còn việc cho rút quân đội Tây Ban Nha của chính phủ dân chủ xã hội chỉ chứng minh cho những tên giết người là chúng đã có lý; chúng càng gây ra ác mộng bao nhiêu thì càng mạnh bấy nhiêu.

Cái lý do nào khiến có khuynh hướng phổ cập tìm kiếm lỗi trước các nạn nhân?

Sự hỗn loạn. Khi một người thân nói mình đang bị bệnh nặng thì phản ứng đầu tiên của chúng ta là xúc động và chia xẻ. Nhưng sau đó lòng thương hại từ cảm giác ban đầu ấy sẽ giảm đi bởi các yếu tố khác — sự sợ hãi và ý muốn giữ khoảng cách. Con người thường đóng mình lại và tự an ủi rằng bất hạnh sẽ rơi vào một ai đó (chứ không phải bản thân mình). "Giấc ngủ ngon" chỉ là khẩu hiệu xác định sự hèn kém và thiếu trách nhiệm. "Giấc ngủ ngon" đã là mơ ước trong chính sách đối ngoại của Pháp và Đức. Quai d'Orsay và Ausseramt vào một lúc, vì để bảo vệ mình trước sự nổi cáu của quân khủng bố đã chống lại chính sách của Bush. Nhưng hôm nay họ vẫn nghĩ như vậy?

Ông nói về sự cần thiết của sự biểu lộ lớn hơn và lòng can đảm của giới trí thức bên cạnh ý thức hệ một cuộc Thánh chiến toàn cầu. Ông giải thích nó như thế nào?

Đã đến lúc phải quyết định. Âu châu có thể liên kết chống trả công trình Tận thế — và đây là lựa chọn của Blaire. Hoặc là đối lập với Hoa Kỳ và chọn cho mình một kiểu như là "khối hoà bình" theo viễn tưởng của Chirac, Putin hay một Schroder do dự. Khẩu hiệu chiến đấu: "Viva la muerte" (Chết muôn năm) được nâng cao bởi các đoàn quân Hồi giáo xác nhận sự lựa chọn của Blaire. Nhưng những kẻ khủng bố Hồi giáo, vốn vẫn coi thường Âu châu, sẽ tạo nên một mối đe dọa là phải thực hiện hàng loạt nhượng bộ. Hy vọng rằng Âu châu sẽ mạnh lên khi tăng cường liên kết trong đối lập với Hoa Kỳ là hoàn toàn hão huyền và ấu trĩ. Yếu tố thực sự đoàn kết Âu châu phải là cuộc chiến chống khủng bố và cương quyết lên án mọi hành động thảm sát dân thường. Cần phải rút ra một học thuyết chính trị theo hậu quả của chúng. Một sự mãn nguyện nhỏ mọn từ việc thọc gậy vào bánh xe Mỹ chỉ dẫn Âu châu vào thế bất lực, làm tê liệt Hội đồng Bảo an và làm suy yếu sức mạnh của NATO. Chúng ta hãy bỏ đi cái kiểu nhảy lung tung và la hét của những con dê: "Tất cả miễn không là Bush." Vì thực tình cái ông Bush "khờ khạo" ấy cũng có lý của nó: an ninh của Madrit, Paris, London hay New York phụ thuộc vào một điều: Có không, một nơi nào đấy trên ngoại biên của thế giới tồn tại một nền dân chủ nhỏ nhất và lòng bao dung, thậm chí nó được mang lại từ phía ngoài bằng quân đội của ngoại quốc?

CHUYẾN ĐI TRỢ GIÚP "MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM SUDAN"

XUÂN QUANG

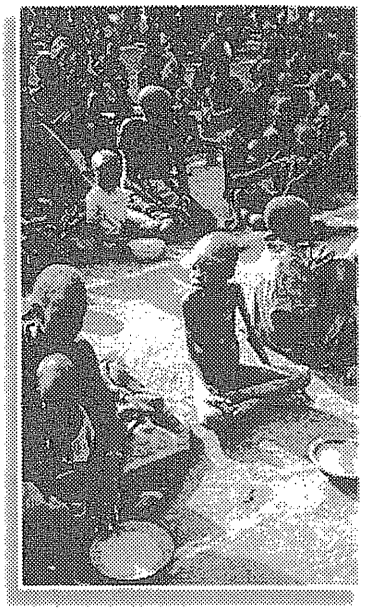

Khi chiếc máy bay hãng British Airline mà tôi đi đáp xuống phi trường Nairobi thủ đô Kenya thì hai phe trong cuộc chiến Sudan đã ký hòa ước chót trong tiến trình hòa bình. Cuối cùng sau 21 năm chiến tranh, hai phe: chính phủ Miền Bắc Sudan (chính phủ Khartoum) và phe miền Nam Sudan (Mặt trận giải phóng miền nam sudan — MTGPMNS) đã ký các hòa ước, lập lại hòa bình.

Với sự trợ giúp của IGAD, nhóm tài trợ cho Sudan IPF gồm 20 nước, Liên Hiệp Quốc và World Bank và sức ép của nhiều nước trong đó có Mỹ, phó Tổng Thống Ali Osman Taha và lãnh tụ mặt trận giải phóng miền Nam Sudan (SPLM), Tiến sĩ John Garang đã ký hòa ước thứ ba (còn cần các phụ bản chi tiết áp dụng hòa ước) tại Naivasha, Kenya.

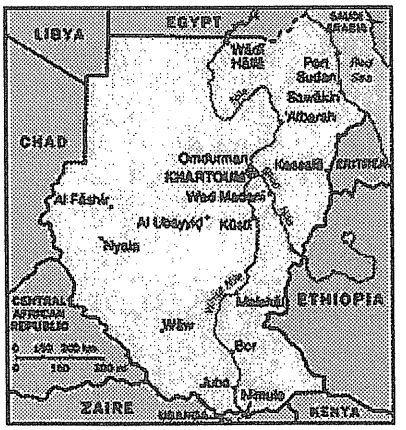

Tiến trình hòa bình gồm ba hòa ước về chính trị, kinh tế và quốc phòng giữa hai bên. Hòa ước chính trị cho phép miền nam Sudan có quyền tự quyết, sẽ tổ chức "trưng cầu dân ý" để miền Nam được độc lập hay ở lại trong Sudan; thỏa ước kinh tế chia sẻ tài nguyên giữa miền Bắc và miền Nam; về hòa ước ngưng chiến thì sẽ có một phái đoàn thanh tra quân sự quốc tế đến trợ giúp.

Nước Mỹ cùng nhiều nước khác đã gắn liền với quy trình hòa bình này từ nhiều năm nay và nay tôi được gởi tới trợ giúp gây dựng cơ cấu hành chính dân sự của chính phủ Mặt trận giải phóng miền nam Sudan (MTGPMNS-SPLM).

Hòa ước Nam-Bắc được quốc tế hoan nghinh và bảo đảm, và LHQ trợ giúp. Nay bước sang giai đoạn tái thiết và xây dựng.

Vài nét về cuộc chiến bị lãng quên tại Nam Sudan

Cuộc chiến tại Sudan là một nội chiến lâu và rắc rối nhất thế giới, lâu hơn Kosovo, Bosnia, Rwanda hay Chechnya vì nó dính đến các vấn đề tín ngưỡng, chủng tộc, văn hóa, kinh tế v.v...

Theo lịch sử thì các vua Nubia của xứ sở này theo đạo Thiên chúa, do các nhà truyền giáo Copte và Byzantine đã đến đây vào thế kỷ 4 - 6 sau công nguyên. Hồi giáo bắt đầu có mặt tại đây vào thế kỷ thứ 7 và kiểm soát Sudan vào thế kỷ 13 (Sudan có nghĩa xứ người da đen). Sau đó Hồi giáo mất quyền kiểm soát khi thực dân Anh chiếm Sudan vào thế kỷ 19. Soudan được độc lập vào thập niên (19)50, và sau đó đã rơi vào nhiều tranh chấp. Trước khi độc lập, quân đội miền Nam nổi dậy vì họ sợ khi người Anh rời Sudan, người Arập sẽ bắt họ theo Hồi giáo.

Cuộc nổi dậy năm 1955 đã bị quân Anh đàn áp. Sau khi độc lập, chính quyền trung ương Sudan do người gốc Arập Hồi giáo dành độc quyền cai trị. Nhiều dân tộc miền Nam coi đây chỉ là việc thay thế người Anh bằng người Arập (thường

người Arập coi người da đen chỉ là là nô lệ), bóc lột còn nhiều hơn là người Anh cho nên người miền Nam tiếp tục chống đối chính phủ trung ương, và tạo ra cuộc nội chiến Nam-Bắc. Vào 1983, Mặt trận giải phóng Nam Sudan (MTGPMNS) được thành lập sau khi TT Numieri áp đặt luật Hồi giáo (Sharia) trên cả nước. Từ đó đến nay đã có trên hai triệu tử vong. LHQ và Mỹ đã không lên tiếng trong cuộc xung đột này. Mỹ chỉ can thiệp vào giữa thập niên 80 khi dầu khí được tìm thấy tại miền nam Sudan, với dự trữ rất lớn, có thể xấp xỉ Arập Saudi.

NT Colin Powell là người thay đổi chính sách của Mỹ tại Sudan. Mỹ đã gởi Thượng nghị sĩ John C. Danforth và một ê kíp chuyên gia làm trung gian cho cuộc nội chiến. TNS Danforth được hai phe ủng hộ, vì vậy Mỹ cùng một số nước khác như Na Uy đã tham gia quy trình hòa bình tại Sudan mà bước đầu là protocol Machakos vào 2002. Qua protocol Machakos, Mỹ đã viện trợ cho MTGPMNS không đủ để toàn thắng miền Bắc. Vận động hòa bình kéo dài trên hai năm. Tháng 7. 2002, hai bên Nam-Bắc chấp nhận miền Nam tự trị theo Thiên chúa giáo, không áp dụng luật Hồi giáo. Mặc dù Bộ ngoại giao Mỹ coi Sudan ủng hộ khủng bố, Mỹ đã không cấm vận trừng phạt (vì nếu trừng phạt, các công ty dầu không thể làm ăn tại đây).

Tháng 9 năm 2003, hai bên thỏa thuận ngưng chiến và cho miền Nam giữ quân đội riêng. Tháng 1. 2004 hai phe ký thỏa ước chia tài nguyên dầu hỏa. Tháng 5. 2004, ký thỏa ước chót về các vùng tranh chấp trong đó có vùng núi Nuba, Nam Blue Nile và Abyei và chia sẻ việc quản lý các vùng này giữa hai bên.

Mặt trận giải phóng miền nam Sudan (MTGPMNS)

Cuộc nội chiến Nam-Bắc do khác biệt về tín ngưỡng, ngôn ngữ và văn hóa. Cuộc chiến bắt đầu từ thập niên 50 đến thập niên 60, trên nửa triệu người đã thiệt mạng và nhiều triệu người phải rời xứ tỵ nạn. Vào 1969 thành phần nổi dậy miền Nam được sự trợ giúp của Israel, và mua súng của các nước lân cận. Cuộc chiến quyết liệt hơn từ 1983 khi miền Bắc cho áp dụng luật Hồi giáo. MTGPMNS được thành lập khi Trung tá J. Garang của quân đội trung ương được gởi đến đàn áp cuộc nổi dậy. Nhưng ông lại khuyến khích các quân đồn trú tại miền nam nổi dậy. Garang thuộc chủng tộc Dinka, theo Thiên chúa giáo, tốt nghiệp về nông nghiệp tại Iowa, về cao đẳng quốc phòng tại Fort Benning và Tiến sĩ kinh tế nông nghiệp tại Iowa State University (tất cả đều ở Hoa Kỳ).

Thoạt đầu, cuộc nội chiến gồm nhiều phe phái chống miền Bắc, nhưng chống một cách lẻ tẻ, theo từng chủng tộc. Từ khi MTGPMNS được thành lập, tổ chức trở nên thống nhất và lớn mạnh hơn. Vào 1986 họ có khoảng 12,500 quân và 1991, con số này đã lên tới năm, sáu chục ngàn.

Từ đó đến nay có thêm 1.5 triệu người thiệt mạng vì cuộc chiến, như vậy tổng cộng cuộc chiến đã làm hao tốn khoảng hai triệu mạng người , cộng thêm với trên bốn triệu người tỵ nạn, được LHQ hay các tổ chức phi chính phủ (NGOs) trợ giúp.

Hiện nay với hòa ước Naivasha, MTGPMNS đang đứng trước những nhiệm vụ và cũng là thử thách mới: Xây dựng chính phủ dân chủ, tổ chức đời sống cởi mở cho dân chúng, tái thiết và trợ giúp các dân tỵ nạn, tái thiết kinh tế, v.v...

Trong khi đó chính phủ Khartoum (thủ đô miền Bắc) thì chuyển trọng tâm vào việc giải quyết các vụ nổi dậy tại miền Tây Sudan, tại vùng Dafur mà hiện nay nhiều tổ chức cho là đang bị chính sách diệt chủng. Tại đây, dân chúng gốc da đen nhưng theo Hồi giáo. Họ bị kỳ thị, hãm hiếp và đàn áp.

Tái thiết và xây dựng

Hòa bình vãn hồi thì phe miền nam Sudan được một diện tích khoảng một triệu cây số vuông. Các thử thách là làm sao MTGPMNS có thể "lột xác" từ một tổ chức du kích quân sự với mục đích dành quyền tự quyết, biến thành một chính phủ

dân sự, thực sự đại diện cho đa số, có kỷ cương, có dân chủ và hội nhập vào cộng đồng thế giới.

Quy trình hòa bình được quốc tế ủng hộ. Hiện giờ MTGPMNS không có hiến pháp, không có luật lệ, không có chính phủ dân sự, không có nền tư pháp... Từ lâu, nhiều nước đã trực tiếp giúp MTGPMNS hay qua trung gian. Hiện nay, chính phủ Mỹ đã giúp về giáo dục, luật pháp v.v. và trong bối cảnh đó, tôi được cơ quan phát triển Hoa Kỳ (USAID) cử đến cố vấn MTGPMNS trong việc thành lập một chính phủ dân sự cho miền nam Sudan, làm sao cho có luật lệ, tổ chức hành chính từ trung ương đến địa phương, tổ chức đội ngũ công chức... Thử thách của tôi là biến lý thuyết trên giấy tờ trở thành thực tế.

Một chuyến làm việc tại vùng Mặt trận Giải phóng

Trong chuyến làm việc đầu tiên tại Naibori, tôi đã gặp một số bộ trưởng và phái đoàn thương thuyết hòa bình của MTGPMNS. Họ sửa soạn đi Navaisha (nơi ký kết) để ăn mừng hòa ước. Tiễn họ, tôi đứng trên một bực cấp của trụ sở MTGPMNS tại Nairobi, nói chuyện với ông bộ trưởng Công chánh. Tôi đứng trên ông ta một bực cấp nhưng vẫn... chỉ tới ngực ông ta mặc dù tôi cao 1.67 m. Ông bộ trưởng Deng Wani thuộc bộ tộc Dinka, là giống người có tiếng cao nhất thế giới, trung bình trên hai mét, lâu nay chỉ nghe nói, bây giờ mới chứng kiến.

East Safari Airlines chở chúng tôi đến thị trấn Loki, biên giới Kenya và Sudan. Thị trấn này làm tôi nhớ lại các phi trường quân sự ở Việt Nam trước 75. Khi gió thổi thì bụi cát mù mịt, đất đỏ phủ toàn phi trường. Những chiếc may bay nhỏ cùng những máy bay chuyên chở Antonov, Caribou, C 130 của chương trình lương thực của LHQ (WFP) lên xuống bốc các bao gạo, bắp... để mang tiếp tế cho các dân tỵ nạn tại Dafur. Hiện nay có gần một triệu người tỵ nạn tại Dafur, miền tây Sudan.

Nam Sudan không có hàng không dân sự cho nên chúng tôi phải lên một máy bay charter cũ kỹ (Hawker) cà rịch cà tang, hai động cơ turbo-prop, trên 30 tuổi với 30 chỗ ngồi trong đó phân nửa được dành cho hàng hóa. Máy bay này không giống các máy bay dân sự bình thường.

Phi trường của thị trấn Yei chỉ là một bãi trống, không một cái nhà. Chúng tôi được các xe 4x4 Toyota (MTGPMNS trưng dụng xe của các NGOs hay LHQ) tiếp đón, được hộ tống bởi nhiều lính mang AK từ phi trường về thị trấn cách đó độ sáu bảy cây số. Các anh lính trẻ bảo vệ cho phái đoàn chúng tôi được trang bị thô sơ, người thì đi dép, người mang "bốt đờ sô," nhưng nói chung không khí rất vui vẻ.

Cuộc sống tại Yei rất đơn sơ, giống nông thôn VN. Trẻ em có vẻ mập mạp, chứng tỏ không bị thiếu dinh dưỡng, dân sống về nông nghiệp và ta có thể thấy nhiều đồn điền cây teak, các vườn bắp và bo-bo (sorgho). Họ niềm nở, hiếu khách và luôn luôn tươi cười, dùng tiếng Anh khi nói chuyện với chúng tôi. Ở đây có nhiều nhà thờ của các phái Thiên chúa giáo khác nhau, hầu hết có vẻ thiếu bảo trì. Có nhiều cơ quan phi chính phủ (NGOs) giúp dân chúng về y tế, giáo dục hay xã hội. Dân chúng ở đây cho biết NGOs giúp đỡ họ nhiều hơn là chính quyền trung ương.

Thị trấn Yei không có điện, không có nước. Chỉ có một số máy phát điện nhỏ của tư nhân hay NGOs, và nước thì lấy từ các giếng hay từ sông chảy cạnh thị trấn. Cũng nên nhớ là sông Nile, một trong những con sông dài nhất thế giới bắt nguồn từ đây. Có ít nhà gạch mái tôn nhưng phần đông là nhà tranh vách đất sét. Tôi viếng thăm một trường học. Các thầy cô có khi có lương có khi không. Lớp học không có bàn ghế, học trò ngồi bệt dưới đất, nhưng tụi nhỏ có vẻ vui vì dù sao cũng có trường và được đi học, trong khi ở nhiều nơi khác không có trường và thầy giáo. Cảnh này cho thấy những gì cần làm trong thời kỳ tái thiết.

Đây đó xác các chiến xa T 55 của chính phủ Khartoum cháy rụi, nay là nơi trẻ em đánh đu nòng súng hay leo lên chơi. Dấu tích cho thấy trước đây đã có giao tranh dữ dội tại vùng này. Gần các nhà hay trường ta còn thấy nhiều hầm trú bom vì trước đây không quân chính phủ Khartoum thường oanh tạc.

Trong chợ có bán rau, khoai lang, khoai mì, cà chua, thơm, xoài (nay đang là mùa xoài), và các loại trái cây khác. Quần áo "second hand" từ Mỹ

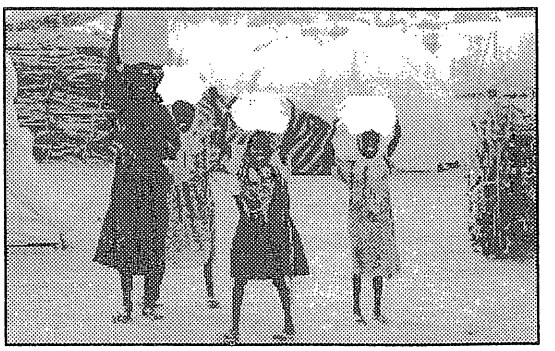

qua và các người buôn bán mang tới tận ngõ hẻm ở Phi châu này. Ngoài ra còn đủ mặt hàng tiêu dùng như xà bông, đường, dầu, các thức uống, coca, pepsi, cả nước khoáng. Mặc dù xứ này nghèo nhưng khi đi trên đường đất của thị trấn Yei, tôi không thấy ăn mày, không thấy trẻ em chạy theo năn nỉ xin tiền. Tôi có cảm tưởng là họ rất hiên ngang và tôi cũng không sợ bị cướp hay móc túi. Mấy ngày ở đây, cửa phòng tôi không bao giờ đóng mà cũng không mất gì cả.

Chiều đến, mặt trời đi ngủ rất sớm, vào khoảng 7 giờ đã tối đen. Lúc đó máy điện mới được mở và tôi theo các thành viên của cuộc hội thảo sắp hàng đi lấy cơm, bắp và vài món ăn của bữa cơm tối sơ sài. Trong cảnh này tôi không thể không nhớ đến các bạn tôi đang ở California được vợ cho ăn các bữa ăn Việt Nam ngon lành trong một khung cảnh tiện nghi sáng sủa. Sau bữa cơm chúng tôi kéo ghế ra ngoài ngồi bàn chuyện xây dựng guồng máy hành chính, và các chuyện tếu Phi châu.

Đến đây tôi gặp một số Bộ trưởng của chính phủ sắp được thành lập, toàn là những người có học, có bằng cấp từ Anh, Thụy Sĩ... nhưng không có kinh nghiệm quản lý vì ở trong rừng trên 20 năm qua. Họ đến tham dự một cuộc hội thảo về hành khiển (governance), nhấn mạnh các nguyên tắc trong việc thành lập cơ cấu lập hiến, lập pháp cũng như chính phủ của xứ sở này trong tương lai.

Hai ngày sau, Tiến sĩ Garang cùng các thành phần lãnh đạo quân sự của MTGPMNS đến khai mạc hội thảo của chúng tôi. Sau đó họ thuyết trình cho công chúng về quy trình thương thuyết hòa bình tại Naivasha trong chín tháng qua. Dân chúng vỗ tay, hát và huýt sáo theo kiểu phi châu (dùng răng và lưỡi tạo tiếng rít lên) để tỏ dấu hiệu khen ngợi. Có cả một ban nhạc với kèn và trống. Thật là một cuộc họp sống động.

Theo truyền thống các nước Phi châu, một số người "grio" lên diễn đàn ca tụng, tâng bốc công lao các lãnh đạo về việc ký hòa ước, rồi họ nhảy múa và hát liên miên. Các lãnh đạo được dân chúng ủng hộ, hoan hô nhưng cũng được bảo vệ rất chặt chẽ, mọi người đều bị khám xét kỹ lưỡng. Có một số phóng viên quốc tế (AFP, BBC, Kyodo...) đi theo ông Garang. Đây là lần đầu tiên ông ta cắt nghĩa việc ký thỏa ước hòa bình cho dân chúng. Trên đường về tôi có dịp nói chuyện với Phó chủ tịch Sangla về tương lai Nam Sudan, một dịp tốt để hiểu và giúp họ.

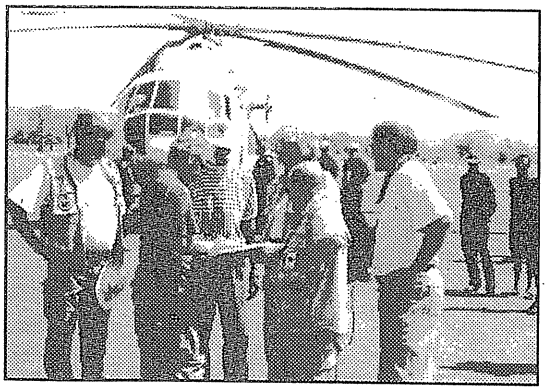

Sau đó chúng tôi theo đoàn lãnh đạo ghé Rumbeck, một thị trấn khá lớn của MTGPMNS. Phi trường ở đây có phi đạo tốt hơn, có nhiều máy bay của LHQ, của WFP... nhiều xe Toyota pickup với đại liên phòng không và một số đơn vị quân đội giữ gìn an ninh.

Dù MTGPMNS đã kiên trì chiến đấu buộc được chính phủ Khartoum phải hòa đàm, nhưng thử thách hòa bình, xây dựng và tái thiết tất cả còn ở phía trước. Còn nhiều khó khăn vì sau 21 năm chiến đấu họ không có nhân lực được đào tạo để xây dựng và nắm guồng máy hành chính. Hơn nữa, theo hòa ước, sáu năm nữa chính phủ miền nam Sudan phải tổ chức một cuộc "trưng cầu dân ý tự do" dưới sự giám sát của quốc tế.

Hiện giờ guồng máy dân sự của MTGPMNS dựa trên tình nguyện, không có lương, không có phương tiện thông tin, phương tiện chuyên chở, cả vật liệu văn phòng... Muốn chuyển mình từ tình trạng vô chính phủ của thời chiến sang định chế của một quốc gia ổn định, cần có Quốc hội, Tư pháp và có một chính phủ từ trung ương đến địa phương. Công việc gần như bắt đầu từ con số không.

Đây là thời điểm dân chúng miền Nam Sudan với sự trợ giúp của quốc tế, tự quyết định vận mệnh của mình. Trong hòa bình, họ xây dựng lại miền Nam bị tàn phá của họ. Tôi không khỏi e ngại trong nhiệm vụ giúp xây dựng tám bộ cho chính phủ mới với đầy rẫy khó khăn. Nhưng nếu hoàn tất tốt đẹp được công việc này thì đó sẽ là một nguồn vui sướng lớn cho tôi. Biết đâu một ngày kia, trong cuộc sống thanh bình của quốc gia Nam Soudan, sẽ có một số người Soudan nhớ lại, và nói với con cháu họ rằng trong những bước đầu đầy khó khăn đã có một người Việt Nam đến đây giúp đỡ để xây dựng nên xứ sở này.

Yei/Rumbeck, Nam Sudan

Tháng Sáu 2004

Thân phận trí thức trong xã hội cộng sản

(Đọc "Tuỳ Tưởng Lục" của Ba Kim)

VŨ THƯ HIÊN

Thường khi gặp được một cuốn sách hay là tôi phải đọc một lèo. Có khi thức trắng đêm đọc cho bằng xong. Chưa xong thì trong người cứ anh ách, ngủ không yên. Lâu ngày thành cái tật, sửa không được.

Cuốn *Tuỳ Tưởng Lục* tôi đang có trong tay là của một bạn văn trong nước gửi cho. Thỉnh thoảng anh vẫn gửi cho tôi một thứ gì đó, đại loại như trà Tân Cương, cốm Vòng, hoặc tinh dầu cà cuống thứ thiệt, kèm theo một lời nhắn. Thư thì không, tuyệt nhiên. Anh không giấu giếm rằng anh nhát. Lần này có người tin cẩn anh lại gửi quà — một cuốn sách. Chúng tôi chơi với nhau đã nửa thế kỷ, người nọ thuộc tính người kia, tôi không giận anh. Anh cho quà là quý rồi. Anh biết chắc tôi sẽ thích món quà của anh.

Mà thích thật. Trước hết, đó là cảm giác gần gụi của thân phận tác giả với thân phận người đọc, của sự đồng cảm. Cứ đọc xong một bài, có khi chỉ một đoạn, lại phải đặt sách xuống, thừ người ra mà ngẫm nghĩ. Có chỗ, ứa nước mắt.

Thích thì thích, nhưng tôi đã không đọc nổi *Tuỳ Tưởng Lục* của Ba Kim một mạch. Chắc nó cũng có sức lôi cuốn tương tự với những ai từng sống trong xã hội cộng sản và có một chút trăn trở về xã hội ấy: nó thật sự là cái gì vậy? nó có xứng với ta, với con người, không? liệu nó còn tương lai không?

Tuỳ Tưởng Lục là lời tâm sự thật thà của một trí thức háo hức đi tìm chân trời mới rồi lớ ngớ thế nào lại thấy mình rơi tõm xuống địa ngục. Trong *Tuỳ Tưởng Lục* có đủ nỗi nhục nhằn tinh thần và những mất mát làm trái tim suốt đời rỉ máu, không kể đến những đớn đau thân xác.

Tuỳ Tưởng Lục, bản tiếng Việt (nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 2002) là một tập những bài viết của Ba Kim trong tuổi trên 80, nghĩ gì viết nấy, không câu nệ thể loại, đề tài. Hai dịch giả danh tiếng - Trương Chính và Ông Văn Tùng — tự chọn các bài để dịch. Sự chọn lựa của hai ông rất khéo: vừa đủ để người đọc được biết về một thảm họa xảy ra ở nước láng giềng đã nhiều năm, nhưng vì bị bưng bít nên không ai biết vân mòng nó ra làm sao, đồng thời cũng tránh được cơn giận dữ ở các bậc quyền cao chức trọng dễ chạnh lòng.

Tuỳ Tưởng Lục nguyên bản tiếng Hoa là một tác phẩm đồ sộ, gồm 5 tập, không rõ bao nhiêu trang, tập đầu in năm 1978, tập cuối in năm 1986. Những bài được chọn để dịch đều ít nhiều dính dáng tới cuộc "Đại Cách mạng Văn hoá Vô sản" kéo dài mười năm - từ 1966 đến 1975 (1) . Người Việt nào từng chịu đựng cuộc Tiểu cách mạng văn hoá vô sản ở Việt Nam (nó không có tên gọi, kéo dài và âm thầm) sẽ tìm thấy trong *Tuỳ Tưởng Lục* (bản dịch) những lý giải cho câu hỏi: vì sao nên nỗi?

Những nghiên cứu khoa học cho ta biết trong trí nhớ của con người có một bộ lọc kỳ diệu. Nó thường xuyên xóa đi giúp ta những hình ảnh xấu, những kỷ niệm buồn. Không có cái bộ lọc ấy thì cuộc sống con người khốn nạn lắm. Thật vậy, tôi cũng thường quên những điều tồi tệ, chỉ những kỷ niệm đẹp mới được ghi lại. Tác giả Tuỳ Tưởng Lục chắc cũng không khác. Không thế, không sống nổi.

Vậy mà, với *Tuỳ Tưởng Lục* Ba Kim lại chống cái trí nhớ có lợi cho con người ấy. Trải qua những năm tháng bị dập vùi, ngẫm lại thân phận mình và thân phận đồng bào trong cái xã hội "*không thể tưởng tượng nổi*," ông kêu gọi mọi người không được quên cái Ác và tội của nó. Quên là chết. Nhớ thì đau đấy, khổ đấy, nhưng phải khắc cốt ghi xương, rằng nó đã có, cái Ác ấy, nó hằng có, lúc tiềm tàng, lúc hiện diện, cho nên phải luôn cảnh giác với nó, để mặc nó lộng hành thì con người không thể nào có được cuộc sống yên lành. Phải chặn đứng cái Ác khi còn chưa muộn, phải trói nó lại, cách ly nó khỏi đời sống, tìm mọi cách tiêu diệt nó. Không thể để lũ ác nhân cứ tự do hoành hành, tác yêu tác quái, rồi bất kể hậu quả là thế nào, chúng cứ nhơn nhơn lớn lối với bàn

dân thiên hạ, coi như không có chuyện gì xảy ra, chỉ có mình chúng là duy nhất đúng đắn, là vô cùng sáng suốt: "*Thành tích là căn bản, sai lầm là nhất thời.*" Đối với lũ ác nhân đội lốt thiên thần dường như cứ đạt được một thành tích nào đó, dù chỉ trong tưởng tượng, thì cái gì cũng được phép. Đánh người tuỳ thích. Giết người tha hồ.

Gần ba chục năm đã trôi qua kể từ hạo kiếp của Ba Kim kết thúc. Nhưng ông lúc nào cũng bị dằn vặt bởi câu hỏi: lấy gì bảo đảm rằng vào một lúc nào đó, lại không có một tên nào đó, hoặc vài ba tên nào đó, hoặc cả một lũ một lĩ nào đó, sẽ lặp lại lần nữa, hoặc hơn một lần nữa, cái cuộc thiên hạ đại loạn từng đẩy ông, các bạn ông, và không biết bao nhiêu người Trung Quốc hiền lành vô tội khác, xuống địa ngục?

Trong một bài nói chuyện với giới văn hoá ở Nhật (trong bài không ghi rõ ngày tháng, nhưng chắc chắn là phải sau 1975), Ba Kim cảnh báo: "*Mười năm đại hoạ đó là sự việc lớn trong lịch sử loài người, chẳng những dính líu đến chúng tôi, mà còn dính líu đến tất cả loài người*". Nếu Đại cách mạng văn hoá vô sản không xảy ra ở Trung Quốc ắt phải xảy ra ở một nước nào khác, ông nói thế.

Ba Kim đúng. Đúng ở chỗ ông đã nói ra. Nhưng ông cũng sai. Sai ở chỗ ông biết mà không nói hết.

Đúng là cuộc Đại cách mạng văn hoá vô sản không phải chỉ là bài học cho một nước. Nó là bài học chung cho cả loài người. Chưa kể những nơi mà nó khơi dậy những tiểu cách mạng văn hoá vô sản như ở Việt Nam và Cambodia. Ở đó những di hoạ khủng khiếp của nó không biết đến bao giờ mới tiệt nọc. Cái họa này lớn hơn ta tưởng nhiều. Nó lớn ở chỗ người trong cuộc không nhận ra nó khủng khiếp tới mức nào, đừng nói gì người ngoài. Mà không phải chỉ ở những nơi nào nó diễn ra mới chịu hậu quả tai hại. Cứ xem châu Âu của truyền thống dân chủ và tự do trong thập niên 60 thế kỷ trước thì thấy. Hồi ấy đã có bao nhiêu trí thức châu Âu hoan hỉ chào mừng những cuộc "vận động" của những "mao-nhiều" Trung Quốc, cứ như thể dưới bóng lá cờ năm sao đang diễn ra một cuộc đổi đời thật sự, biến mọi sự xấu thành tốt. Đã có bao nhiêu người ở khắp thế giới này hướng về Thiên An Môn với hi vọng được thấy một thế giới mới sẽ từ đó toả ra khắp năm châu bốn biển? Và cho tới hôm nay rải rác đâu đó vẫn còn những "mao ít" mang huy hiệu Mao Trạch Đông trên ngực, miệng hô: "*Cái thế giới này phải cải tạo bằng khẩu súng trường,*" (2) tay trói du khách đem đi giấu để đòi tiền chuộc.

Ba Kim sai, ở chỗ nơi "Đông phương hồng, mặt trời lên, Trung Hoa chúng ta có Mao Trạch Đông" không phải chỉ có một cuộc Đại cách mạng văn hoá vô sản. Trước nó đã có hết cuộc "vận động" này đến cuộc "vận động" khác, và như một quy luật, cuộc "vận động" nào cũng kết thúc bằng một địa ngục, không phải cho người này thì người kia. Ai theo dõi tình hình Trung Quốc cận đại cũng biết rằng trước cái đận Ba Kim và các trí thức đi theo đảng cộng sản bị hạ ngục, bị trấn áp, đã có biết bao nhiêu nạn nhân thuộc các thành phần khác: đảng viên Quốc dân đảng, viên chức chính quyền cũ, tư sản, địa chủ... và những người được gọi bằng cái tên chung "phản động." Số người bất hạnh ấy là bao nhiêu không ai biết. Đảng cộng sản không thống kê. Chẳng ai được quyền thống kê hết. Nhưng không phải vì thế mà Ba Kim được quyền quên những người ấy. Hoặc tảng lờ như họ chưa từng sống trên đời. Họ cũng là người chứ. Chẳng lẽ ông, với tư cách nhà văn, chứng nhân của những gì xảy ra quanh mình, lại có thể phớt lờ một sự thật rành rành rằng ở Trung Quốc mọi cuộc "vận động" "xây" cái này, "chống" cái kia, bao giờ cũng đi kèm với trống rong cờ mở ban đầu và kết thúc thắng lợi với máu chảy, người chết. Lệ là thế. Không thế không phải là cách mạng. Theo đúng lý thuyết của họ Mao.

Ba Kim được các nhà phê bình văn học bản địa coi là một trong bốn cây đại thụ của nền văn học Trung Quốc (ba người kia là Lỗ Tấn, Mao Thuẫn, Quách Mạt Nhược). Cách đánh giá của họ không có sự đồng thuận ở bên ngoài Trung Quốc. Nhưng đánh giá theo cách nào thì Ba Kim cũng là một nhà văn lớn. Ông tên thật là Lý Nghiêu Đường, tự Phế Cam, người tỉnh Tứ Xuyên, con nhà giàu có, từng du học Pháp. Năm 23 tuổi, khi còn là học sinh trường trung học La Fontaine ở thị trấn Chateau-Thierry, ông viết cuốn tiểu thuyết đầu tay *Diệt Vong*, được độc giả rất hoan nghênh. Từ năm 1930-1949 ông viết nhiều (*Ái Tình Tam Bộ Khúc, Kịch Lưu Tam Bộ Khúc*), dịch cũng nhiều.

Sau năm 1949, sau khi lục địa Trung Hoa hoàn toàn bị nhuộm đỏ, Ba Kim cũng như rất nhiều văn nghệ sĩ khác, đã đi theo đảng cộng sản. Tự nguyện hoàn toàn. Một lòng một dạ. Với tất cả tâm hồn hướng thiện nồng cháy. Tuy nhiên, Ba Kim viết ít hơn hẳn so với trước. Nhà trí thức Ba

Kim không theo kịp (hay đã cố gắng mà không sực nổi) những khẩu hiệu "*Quán triệt phương hướng phục vụ công nông binh, phục vụ chủ nghĩa xã hội,*" "*thực hiện phương châm "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng,*" "*Tiến hành phương pháp chủ nghĩa hiện thực cách mạng kết hợp với chủ nghĩa lãng mạn cách mạng*"... Nào có phải chỉ có những khẩu hiệu rổn rảng mà thôi. Theo sau chúng là những cuộc đấu tranh có máu. Nào "*Phê phán phim Vũ Huấn*" (1951), "*Phê phán cuốn 'Nghiên cứu Hồng Lâu Mộng' của Du Bình Bá*", "*Phê phán quan điểm duy tâm của Hồ Thích*" (1954), "*Chống tập đoàn phản cách mạng Hồ Phong*" (1955), "*Chống phái hữu trên mặt trận văn nghệ*" (1957), "*Chống "chủ nghĩa xét lại*" (1959). Đây là chỉ nói về các cuộc "vận động" nhằm nện cho trí thức nhừ tử. Chứ còn tư sản, địa chủ thì Mao chủ tịch và các đồng chí của ông ta đã quét sạch sành sanh.

Tất cả sự tàn nhẫn của đảng cộng sản đối với trí thức, xét cho cùng, chỉ có mục đích bắt họ phải khuất phục đảng vô điều kiện. Nhưng chưa phải thế đã đủ, những cuộc "vận động" kia hoá ra mới chỉ là khúc nhạc dạo cho một cuộc "cách mạng" còn tàn bạo và gớm ghiếc gấp bội.

Tên của nó là "Đại cách mạng văn hoá vô sản."

Tháng 8 năm 1966, đùng một cái, Ba Kim rơi xuống địa ngục.

Ông tả lại: "... *Tôi thật giống như một du hồn bị đưa đến 'Thập điện Diêm Vương.' Mỗi chuyện tôi làm trong quá khứ đều bị nêu ra, từng cái một, để bỏ tôi vào vạc dầu mà tra tấn, mà thay xương đổi thịt! Mười bức vẽ đưa vong linh đi qua thập điện Diêm Vương, âm khí thê thảm, máu chảy đầm đìa, không biết mình là người hay là quỷ, là thú vật hay hồn ma, xuống âm ty hay đã xuống địa ngục rồi. Bấy giờ Tiêu San (3) còn sống, sáng dậy tôi mở mắt, nghe tiếng nàng, tôi gọi thì nàng nói: 'Không sống nổi nữa!'*" (Tuỳ Tưởng Lục).

Nói đùng một cái, là vì Ba Kim đang sống yên lành, hơn nữa, còn hữu hảo lắm lắm với chính quyền cộng sản, vào thời điểm ấy ông còn là cán bộ cấp cao về văn nghệ nữa kia; ấy thế mà một hôm vừa mới đi tiễn các nhà văn Á-Phi ở sân bay về đến nhà thì gặp người của cách mạng ập tới, túm lấy, trói tay giải đi. Úm ba la, Ba Kim — nhà văn cộng sản chính tông - trở thành "*đối tượng của chuyên chính vô sản*." "*Đối tượng,*" chữ ấy thoạt nghe có vẻ vô thưởng vô phạt, một khái niệm vô cảm, nhưng nghĩa của nó trong thực tiễn xã hội chủ nghĩa kinh khủng lắm, chỉ người trong cuộc mới hiểu. Nó có nghĩa nôm na là "kẻ thù." Không phải chỉ đơn giản là kẻ thù giai cấp được định nghĩa trong các tác phẩm kinh điển mác-xít, nhiều nhất là trong các trước tác của Stalin, Mao Trạch Đông, không phải thế. Thứ kẻ thù này luôn được đặt trước câu hỏi thách thức "ai thắng ai?", để mà tiêu diệt không thương sót. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa (viết hoa) ai cũng có thể trở thành "kẻ thù" hết. Mà đã là kẻ thù thì còn cái gì tốt đẹp, vui vẻ, chờ đợi họ trên con đường khổ ải đã trở thành quen thuộc đối với dân đen. Nhất là dân đen ở nước Trung Hoa đỏ. Ở nước này cũng biết mỗi khi có một cuộc "vận động cách mạng" (lần thứ *n* trong lịch sử) là y như rằng các "đối tượng" của cách mạng (hay của chuyên chính vô sản thì cũng rứa) sẽ được "xử lý" như thế nào.

Nhà văn Ba Kim hiền lành không dám chống lại đảng cộng sản thậm chí cả trong ý nghĩ, bất thình lình bị đảng ném vào cái đống lúc nhúc đủ mọi thứ "kẻ thù của cách mạng." Ông bị mang đi đấu khắp nơi, từ thấp đến cao, lúc "bồi đấu", lúc "dạo đấu," (4) lúc "chính đấu", đủ kiểu. Nhà ở của ông bị lục lọi khám xét lanh tanh bành, đồ đạc bị cướp thả cửa..., bản thân bị đưa đi học tập (Ba Kim gọi là làm "bò", lao động cải tạo ở "trường 7.5" (5)). Bởi vì Ba Kim có tội, theo quan niệm của cách mạng, của đảng cộng sản, hay nói cho đúng hơn, của một số "ông bà" cách mạng (than ôi, chẳng bao lâu sau những ông bà cách mạng này lại bị các ông bà cách mạng khác vạch mặt chỉ tên rằng đó là một "bè lũ" những kẻ xấu). Tội của Ba Kim không hề được tòa án nào tuyên. Mấy ông bà cách mạng nắm Đảng cộng sản lúc ấy bảo: Ba Kim là "tên đại phản cách mạng." Thế là đủ. Bói ra ma, quét nhà ra rác, trường hợp của ông cũng không khác gì của các nhà văn khác, những gì Ba Kim viết hôm trước được khen, hôm sau bị chửi, bị lên án "tiếp tay cho kẻ thù của cách mạng."

Trong các văn kiện nói về cuộc trấn áp rùng rợn này, đảng cộng sản Trung Quốc ra một khẩu hiệu sắt máu: "*Đánh gục tại chỗ, lấy chân đạp xuống, suốt đời không cho ngóc đầu dậy!*"

Ở miền Bắc Việt Nam hồi ấy chẳng ai biết "Đại cách mạng văn hoá vô sản" là cái chi chi hết, trừ những bài ca ngợi nó, tít chữ to, in màu đỏ đậm, trên trang nhất tờ Nhân Dân. Trong những cuộc nói chuyện "nội bộ," các lãnh tụ lớn lãnh tụ bé ra sức ca ngợi cuộc "Đại cách mạng văn hoá vô sản" do chính Mao chủ tịch vĩ đại đích thân

chỉ đạo. Trong thời gian bắt đầu cuộc "Đại cách mạng văn hoá vô sản," Mao chủ tịch phu nhân là Giang Thanh có lần bay sang Hà Nội với tư cách khách riêng của chủ tịch Hồ Chí Minh. Bà khách hách dịch này nằng nặc đòi xem trước những bài xã luận báo Nhân Dân, tự mình sửa từng chữ từng câu, rồi mới gửi trả lại cho toà soạn đưa đi in. Cầm trong tay những số báo ca tụng "Đại cách mạng văn hoá vô sản," người đọc giật mình thon thót, toát mồ hôi hột: liệu ở bên ta rồi có sẽ có cái "cách mạng" kiểu đó không? Mấy ông kễnh bên ta dám động cỡn lên làm một cái gì đó theo chân các Con Trời lắm. Nước Tàu ở gần ta quá, mà các ông kễnh của ta lại xính bắt chước. Cứ nghe các ông ấy nói thì cuộc "Đại cách mạng văn hoá vô sản" ở bên Tàu hay lắm, rằng cuộc sống sẽ ngày một tốt đẹp hơn là nhờ vào nó đấy. Cứ như thể không có cách mạng thì người ta ăn cám cả.

Ờ, người ta nói, tốt hơn thì... tốt thôi. Miễn đừng có khởi lên một cuộc "đấu tranh" long trời lở đất như cải cách ruộng đất. Kinh nghiệm sống trong quốc gia xã hội chủ nghĩa cho người ta biết phàm đã "đấu tranh" là y như rằng xã hội lộn tùng phèo, đầu chẳng phải phải tai, lành ít dữ nhiều, loạn xị bát nháo, kinh lắm. Các lãnh tụ quyền sinh quyền sát mà khởi lên cái sự "đấu tranh" thì họ có lợi, chứ dân đen chỉ có nước chết, biết "tránh đâu"?

Nhưng những tin vỉa hè, bây giờ được dân gian gọi bằng một cái tên hiện đại, mà rất trúng, là Thông tấn xã nhân dân, cho biết ở bên Tàu chẳng có cách mạng cách miếc gì hết, mà đang có một cuộc "thiên hạ đại loạn" với những tiểu tướng Hồng vệ binh hung hăng đập phá, bắt bớ, và cả giết chóc nữa.

Bắc Kinh mà đã báo mưa thì vua quan ở Hà Nội đi ô, bà con hãy cẩn thận!

Nhưng than ôi, đã ở trong vòng kiềm toả của đảng cộng sản rồi thì có cẩn thận cũng bằng thừa.

Thật vậy, chẳng bao lâu sau sự khởi đầu "Đại cách mạng văn hoá vô sản," Lê Duẩn - hoàng đế tân triều ở nước ta, ngồi trên ngai vàng vẫn chưa quên việc bẻ ghi đường sắt, ra lệnh phát động ngay tắp lự một cuộc trấn áp bọn phản cách mạng, theo hình mẫu Trung Quốc, gọi là "bọn xét lại chống Đảng."

Thế là tôi vào tù. Cùng với vô số người khác.

Trong cuộc sống trong xà lim kín như bưng kéo dài hơn bốn năm, tôi không biết việc gì đang xảy ra bên ngoài bốn bức tường, nói gì đến những việc xảy ra ở tận bên Tàu. Đến lúc được đưa ra trại chung mới được nghe sơ sơ về cái cuộc cách mạng long trời lở đất ấy. Những người Trung Hoa từ đại lục chạy qua, bị bỏ tù bởi nước chư hầu của Thiên triều, tránh không kể kỹ. Không phải vì họ sợ, đã ở trong nhà tù Việt Nam rồi còn quái gì mà sợ, nhưng họ ngán nhắc tới những kỷ niệm hãi hùng. Còn tôi thì nghe cái sự kể sơ sơ ấy đã dựng tóc gáy. Còn khiếp hơn những chuyện kinh dị đọc trong sách nhiều. Mạng người như mạng ngoé, có khi còn rẻ hơn. Dân thường còn thế, chắc trí thức Trung Quốc khốn khổ lắm.

Đến những năm 1979-1980 khi cái răng Trung Quốc đùng đùng cắn môi Việt Nam một cái rõ đau, các nhà lãnh đạo Việt Nam coi Trung Quốc là kẻ thù số một số hai rồi, tôi mới được đọc lác đác vài cuốn sách bôi xấu những nhà lãnh đạo một thời của Thiên triều, đại loại như Hồng Đô Nữ Hoàng (Giang Thanh), những chuyện thâm cung bí sử có liên quan tới Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Bành Chân, Diệp Kiếm Anh, Hạ Long, Bành Đức Hoài, Chu Ân Lai...

Nhưng mãi đến bây giờ, ba chục năm sau đó, qua *Tuỳ Tưởng Lục* tôi mới được biết cái ngày "hội cách mạng" ở Trung Quốc đã diễn ra với giới trí thức như thế nào?

Tôi tin Ba Kim nói thật trong những gì ông viết về "Đại cách mạng văn hoá vô sản." Tôi tin rằng ông không bịa thêm, như thường thấy trong những hồi ký tố khổ. Nhưng tôi cũng tin rằng ông đã nói ít hơn những điều ông biết và có thể kể lại. Có thể cảm thông với ông, ông không thể nói đủ, nói hết. Một phần là do sợ hãi (sợ hãi là một thành tố của tính người xã hội chủ nghĩa, không có nó không có con người xã hội chủ nghĩa). Phần khác do mặc cảm tội lỗi: xét cho cùng, Ba Kim đâu có hoàn toàn vô can trong những điều tồi tệ đã diễn ra?

"Đại cách mạng văn hoá vô sản," theo lời tả của Ba Kim, bắt đầu một cách ào ạt, rầm rộ, với trống rong cờ mở, thanh la não bạt; hào hùng lắm, khí thế lắm. Trong không khí sôi động ấy, các nhà văn, nhà thơ, nhà báo, hoạ sĩ... , nói tóm lại, tất tần tật các văn nghệ sĩ, các nhà trí thức, lần lượt bị phái "*tạo phản*" (một tên gọi phái cực tả hồi ấy) điểm mặt, lôi ra. Họ bị buộc đủ các thứ tội đối với cách mạng, từ khinh thị công nông, nói xấu Đảng, nói xấu lãnh tụ, xuyên tạc chủ nghĩa Mác, bôi nhọ chế độ, đến phản cách mạng, bán nước... Họ là đều là "*hoa dại*," là "*cỏ độc*" hết, tuốt tuột. Phái "tạo phản" la hét đầu đường

cuối phố: "*Phải quét sạch, phải nhổ tận rễ mọi thứ hoa dại cỏ độc.*" Quần chúng, như đàn cừu Panurge, ào ào theo sau, xông vào nhà những người bị đấu, lôi họ ra đường, bắt họ đội "*mũ cao*" (một hình thức nhục mạ), nhổ bọt vào mặt họ, ném đá vào người họ, hô to những khẩu hiệu đòi tiêu diệt họ. Và xông vào nhà bọn hoa dại cỏ độc mà ăn cướp, ăn cướp thực sự, theo nghĩa đen.

Ba Kim tả: "*Tôi bỗng trở thành 'ác bá văn chương,'* (6) *thành 'yêu ma quỷ quái,' thường xuyên bị lôi ra phê đấu. Về sau do 'lũ bốn tên,' qua quyết định của sáu người có trách nhiệm ở Thượng Hải là Vương Hồng Văn, Mã Thiên Thuỷ, Từ Cảnh Hiền... đánh tôi thành 'tên phản cách mạng không đội mũ cao' đuổi tôi ra khỏi giới văn nghệ. Phái 'tạo phản' và tay chân của 'lũ bốn tên' dán lên mấy nghìn tờ báo chữ to (đại tự báo) về tôi, thậm chí còn dán biểu ngữ ngay trên đường cái nói tôi là 'quân bán nước,' 'phản cách mạng,' cho tôi là thối tha. Trương Xuân Kiều tuyên bố công khai không cho tôi sáng tác nữa.*" (Tôi Và Văn Học). "*Nghĩ lại những ngày ấy... tôi vẫn rùng mình rởn gáy. Tôi cảm thấy rành rành rằng tấm lưới xung quanh tôi ngày càng thít lại, mỗi tuần lễ một ghê gớm hơn*"..."*Nực cười là tôi cũng cho nhân quyền là thứ của giai cấp tư sản, còn hạng 'yêu ma quỷ quái' như chúng tôi không có tư cách hưởng những thứ ấy. Lúc đó sống một ngày dài bằng cả năm, còn bụng dạ nào mà cười?* (Về Nói Thật. Bài Thứ Ba). "*Tôi không giấu là nhiều lần tôi bị phái 'tạo phản' lôi lên bục bắt 'ngồi máy bay phản lực'; tôi cúi đầu nhận tội, diễn đủ các trò hề! Có lần, tôi và một ông bạn nhà văn già phải quỳ trên sàn hội trường phân hội Liên hiệp các nhà văn để tiếp thu những lời phê phán 'phần tử cuồng loạn' của bọn học sinh "cách mạng."* (Vô Đề)

Không phải chỉ có Ba Kim bị hạ nhục. Vào thời kỳ đen tối ấy những công thần của cách mạng như Lưu Thiếu Kỳ, Trần Nghị, Đặng Tiểu Bình, Chu Đức, Bành Đức Hoài, Trần Vân... cũng phải gục đầu quỳ gối trước các tiểu tướng Hồng vệ binh.

Nhưng đó là những nhà chính trị. Họ có thể chịu nhục nhiều, và nhiều lần, hết ra lại vào Trung Nam Hải, miễn thực hiện được mục đích. Trí thức không giống họ. Trí thức là những người không có da dầy, rất mẫn cảm với mọi tác động từ bên ngoài. Cách mạng vô sản chưa kịp tiêu diệt họ thì nhiều người trong bọn họ đã tự diệt mình rồi. Ba Kim kể: "*Dĩ Quần (7) là người thứ nhất. Nghe nói, anh nhảy lầu ngày mồng hai tháng tám, nhưng cho đến hôm nay (8) tôi vẫn chưa biết rõ anh bị bức phải nhảy lầu như thế nào. Tôi chỉ biết anh bị người ta bức tử với tội 'không cần có chứng cứ'... "Dĩ Quần chết một tuần rồi tôi mới hay tin, còn như Lão Xá 'vỡ ngọc' (9) thì một thời gian lâu sau khi ông tự sát."* Những người tự sát chưa chắc đã là những người hèn nhát. Phó Lôi, một người bạn mà Ba Kim mến phục, giải thích cái chết của bạn bè, và của chính mình, bằng câu: "*Kẻ sĩ, có thể giết, không thể làm nhục.*" Sau Dĩ Quần, Lão Xá, Ba Kim được tin Trần Đồng Sinh, Kim Trọng Hoa... "*họ ở rất gần nhà tôi, thế mà tôi không biết họ chết vào lúc nào. Kim Trọng Hoa lặng lẽ treo cổ trong phòng, bà mẹ tám mươi chỉ nghe tiếng ghế đổ... Trần Đồng Sinh, thì nghe nói chết nằm vắt trên bếp ga, do đó người ta đoán anh tự tử. Nhưng anh đang ở trong thời kỳ 'cách ly kiểm tra' mà, làm sao có thể mở bếp ga được?" (10)* (Hai Mươi Năm Trước). Cù Bạch Âm chỉ vì một bài "*Tự bạch về đi tìm cái mới*" mà "*chịu đủ mọi nỗi giày vò như ở địa ngục,*" kết thúc bằng cái chết bi thảm (Tìm Tòi).

Ba Kim viết: "*Trong Văn Cách (11) , những trí thức bị chết oan đâu chỉ có hàng ngàn, hàng vạn. Họ nêu cao tấm gương phê phán cái triết lý 'hãy cứu lấy mạng sống.' Tôi nhớ thời chống phái hữu (12) , tôi có viết một bài báo bác lại luận điệu 'không thể làm nhục' để đập tan bộ mặt kiểu cách của các nhà trí thức. Viết bài đó kỳ thực là tôi 'cứu lấy mạng sống của tôi' " (13)* (Hai Mươi Năm Trước).

Những trí thức tìm đến cái chết nhiều phần vì không chịu bị làm nhục, bị dày vò quá sức chịu đựng về thể xác. Trong gia đình Ba Kim, chính ông bị bắt bắt quỳ hằng giờ trên sàn đấu, bắt "*đi máy bay phản lực,*" (14) Tiêu San, vợ ông, bị bọn "tạo phản" quất dây da bịt đồng vào mặt, hành hạ bà đủ trò trước khi bà nhắm mắt vì bệnh ung thư (tháng 7.1972). Con cái Ba Kim bị đẩy đi công tác nông thôn, ở tít tắp những nơi gọi là vùng sâu vùng xa. Gia đình nào vướng vào vòng Đại cách mạng văn hoá vô sản thì số phận cũng tương tự như vậy. "*Tôi nghe người con dâu đồng chí Chu Tín Phương kể lại: bà Chu trước khi mất thường bị bọn đầu gấu lôi ra làm quả bóng xô đi đẩy lại, đến nỗi mình mẩy mềm nhũn. Có người khuyên bà trốn đi, bà nói: "Tôi mà trốn đi thì chúng nó lại hành hạ ông nhà tôi như thế thôi mà"* (Thương Nhớ Tiêu San). Nhà văn nổi tiếng Lão Xá cũng bị đánh cho tơi tả, thượng cẳng chân hạ cẳng tay, không hề nương nhẹ với kẻ chân yếu tay mềm.

Vợ Lão Xá kể: "*Tôi không thể nào quên được trong đêm khuya đã tự mình lấy bông thấm nước, lau từng chút một những vết máu trên đầu, trên mình người thân của tôi như thế nào, mà không rõ chuyện này ở đâu, tại sao lại ra nông nỗi ấy...*" (Lão Xá).

Đến như thân sinh nhà văn Giả Bình Ao (mới

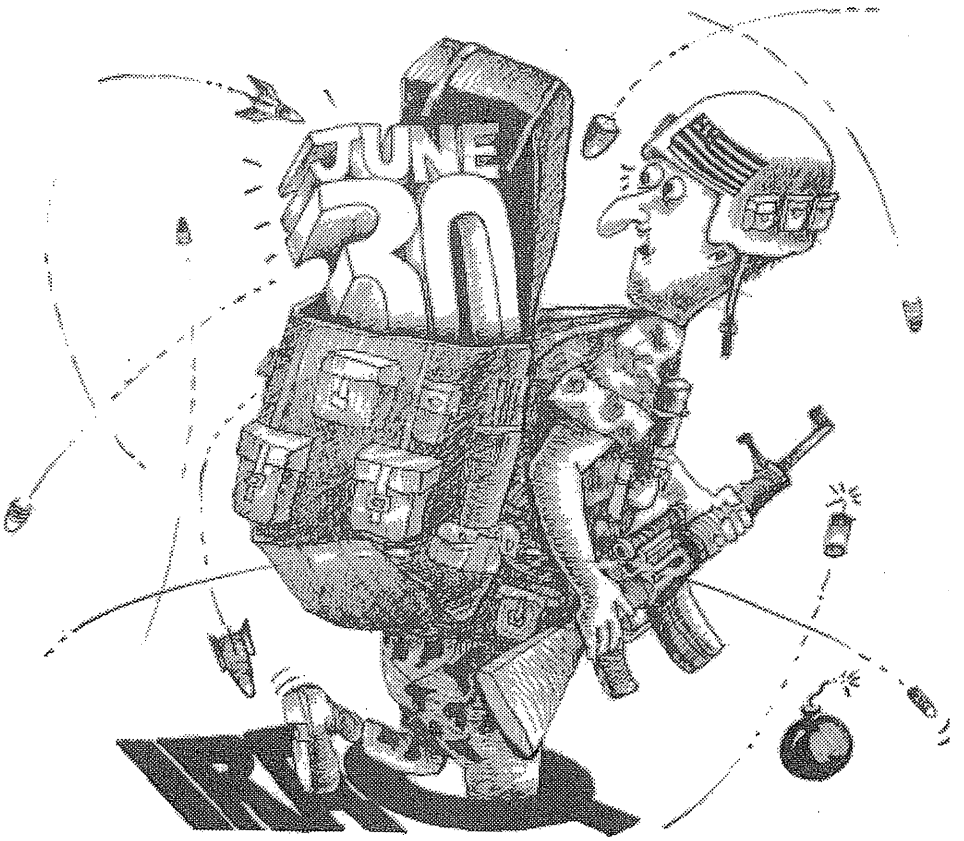

nổi tiếng sau này), chỉ là một thầy giáo làng (một trí thức cấp thôn xã) thôi, không biết cứng đầu thế nào mà cũng bị trấn áp, gia đình tan nát. Giả Bình Ao cho một nhân vật của ông kể về những ngày ấy: "*Ba năm trước, nổi lên một cơn gió, phải học tập Tiểu Cận Trang, kéo hết người ở ngoài đồng về, suốt ngày môi đỏ răng trắng nói a, hát a. Anh nhà tôi cáu kỉnh nói trước hội nghị xã viên: 'Nông dân mình bới đất kiếm cơm, khua môi múa mép làm gì? Ăn ngũ cốc không tiêu được hay sao mà bày ra cái trò vớ vẩn ấy,' hôm sau liền bị bắt. Trong trại giam họ đánh đập anh ấy, đánh gãy cả chân, vết thương bị nhiễm trùng, rồi anh ấy chết.*" Trong chuyện, người vợ kiên trì minh oan cho chồng, rốt cuộc bị các quan cấp xã cấp huyện trù dập, bị xã trưởng hiếp, tự tử mà chết.

Đấy là cái mà cách mạng vô sản mang đến cho trí thức, lớn cũng như bé. Sau này, mọi tội do Đảng cộng sản gây ra trong Đại cách mạng văn hoá vô sản đều được vẫn cái đảng cộng sản ấy đổ tuốt tuột vào cái thùng rác tiện lợi là phái "tạo phản."

Nhưng không phải mọi trí thức đều tuẫn tiết. Phần lớn trí thức không làm thế. Không phải họ không có dũng khí. Cũng không phải họ không biết chán chường. Một trong những lý do khiến họ phải cố gắng sống sót là họ đã ăn phải "*cháo lú*" (từ của Ba Kim).

Ba Kim tâm sự: "*Những ngày ấy, cuộc sống ấy, quan hệ ấy giữa con người và con người, thật là đen tối quá chừng, giống như đang chịu tội giữa*

địa ngục vậy. Tôi lấy làm lạ, bấy giờ tôi đã ăn cháo lú gì mà có thể giơ hai tay lên, hô to đả đảo mình, cam lòng nhận tội, để cho kẻ khác tước đoạt quyền làm người của mình". "Không phải là tôi đang nói mê. Năm 1966 quả thực tôi đã làm thế. Cháo lú đã làm tôi mê suốt mười năm. Năm 1983, nó lại định đưa tôi vào cảnh mộng một lần nữa, nhưng cái phép quỷ quái quen thuộc đã mất tác dụng làm cho tôi lú lẫn lần nữa" (Hai Mươi Năm Trước).

Sao mà giống những gì xảy ra ở Bắc Việt Nam đến thế! Hãy nhớ lại thời kỳ cải cách ruộng đất mà xem. Có phải là như thế không?

Nói cho đúng, sao mà Bắc Việt Nam giống Trung Quốc đến thế!

Ở Việt Nam, trong những cuộc chỉnh huấn bắt đầu từ năm 1950 (sau khi biên giới Việt Trung được khai thông) và kéo dài nhiều thập niên sau, cứ thỉnh thoảng lại nổi lên một đợt, hiện tượng ăn phải "cháo lú" cũng y hệt ở Trung Quốc. Người ta tự hành hạ mình bằng cách tự kiểm thảo, không phải là nhìn lại quá khứ để rút kinh nghiệm, mà là tự nói ra những khuyết điểm trước Đảng, có nghĩa là trước cấp trên, theo cách biểu diễn, bằng một sự thành khẩn không thể tin được, tức là thổi phồng những khuyết điểm ấy càng lớn càng tốt, rồi tự xỉ vả bằng những lời lẽ xúc phạm nặng nề nhất, thậm chí bịa đặt ra những tội lỗi mình không hề có, tự mình đả đảo mình (cũng giống như Ba Kim ở Trung Quốc). Đi xem phim Bạch Mao Nữ (Cô Gái Tóc Trắng), người ta bắn lên màn ảnh khi thấy hình tên địa chủ xuất hiện. Đi xem kịch người ta ném đá vào diễn viên đóng vai cường hào. Tất cả những cái đó được nhập cảng ồ ạt từ Trung Quốc đỏ. Thứ "cháo lú" này tôi đã được thấy tác dụng của nó như thế nào. Khi một đám đông đã ăn phải "cháo lú" tức thì xuất hiện sự "lên đồng tập thể." Con người bỗng chốc mất hết tính người, tính thú nổi lên. Cuộc tổng đàn áp, tổng giết chóc, không cần tới tay những người cộng sản nữa, dân chúng tự giết lẫn nhau là đủ.

Nhưng cũng lại phải nói cho công bằng, về đại thể, mức độ tàn bạo của những cuộc "vận động" cách mạng do đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo quả có thấp hơn ở Trung Quốc nhiều, quy mô quả có hẹp hơn nhiều. Đơn giản vì Bắc Việt Nam là nước nhỏ, cái gì ở đó cũng chỉ "tiểu" thôi, chứ không thể "đại" (ở Trung Quốc đã Nhảy Vọt rồi người ta cũng phải thêm Đại vào cơ, cho nó oách).

Khốn thay, số phận con người thì ai cũng như ai, cách mạng đại hay cách mạng tiểu thì cũng thế, mỗi con người chỉ có vỏn vẹn một cuộc đời để mà sống, người Trung Quốc cũng y như người Việt Nam, chẳng có gì khác nhau. Bi kịch cho một con người lớn chẳng kém bi kịch của số đông chút nào, có khi còn lớn hơn. Bởi một con người là cái cụ thể, cái thấy được, cái biết được, rõ ràng hơn bất kỳ con số thống kê nào. Có người sẽ bảo: dân Trung Quốc hơn một tỉ, Đại cách mạng văn hoá vô sản có làm chết đến mươi triệu không mà rộn? Mà có chết mươi triệu hay hơn nữa thì cũng chưa tới một phần trăm cơ mà. Xin thưa: một con người ở trong con số một triệu, hay mười triệu, vẫn là một người như tôi với ông đây này, có vợ có con, có mẹ có cha, có bằng hữu, có thân thuộc, có niềm vui nỗi buồn, có đau thương, có hạnh phúc..., có tất cả những gì thuộc về con người "không xa lạ với tôi," nói theo cách của Mác.

*

Hồi trước, khi còn ở trong nước, cứ mỗi khi sơ kết hoặc tổng kết một đợt học tập do đảng chủ trương, thì cán bộ phải viết thu hoạch, tức là viết ra giấy những gì mình đã học được. Tôi bỗng nảy ra ý muốn viết ra cái thu hoạch của tôi sau khi đọc Tuỳ Tưởng Lục.

Vậy, tôi đã thu hoạch được gì?

Một là, xã hội cộng sản vốn thù nghịch đối với trí tuệ. (15) Mọi thứ trí tuệ khác, ngoài chính trị, chỉ có thể tồn tại với điều kiện làm tay sai trọn vẹn cho chính trị. Tay sai mà không trọn vẹn cũng không được, phải loại trừ. Các đảng cộng sản (16) đều chủ trương như thế, nhất quán là thế. Từ đây mà ra khẩu hiệu "*chính trị là thống soái.*" Tức là chính trị đứng trên tất cả, chỉ huy tất cả. Bất cứ cái gì cũng phải ở dưới chính trị, làm tay sai cho chính trị, gọi thì dạ, bảo thì vâng. Đàng sau cái khẩu hiệu về địa vị ấy là quyền lực thực sự của đảng cộng sản nói chung, hoặc của một lãnh tụ hay một nhóm lãnh tụ nói riêng. Không một kẻ nào khác được phép len chân vào đấy. Trí tuệ không là cái gì hết. Đảng là ánh sáng soi đường, là lương tâm, là trí tuệ của dân tộc, của nhân loại. Đảng độc tôn mặc sức muốn làm gì thì làm. Không kẻ nào được cãi lại. Thậm chí không được rón rén phát biểu ý kiến khác với những điều đảng đang nói (bởi vì lúc này đảng nói A lúc khác đảng nói B, không biết đàng nào mà lần). Cứ nghển cổ lên mà đánh hơi, rồi tha hồ tự do phát biểu ý kiến theo kiểu gió chiều nào theo chiều ấy. Trong một xã hội khép kín như thế, đảng cộng sản có làm điều gì sai đến mấy thì cả xã hội

cũng phải chịu. Không ai được cãi lại. Người dân không còn quyền gì khác ngoài quyền được cúi đầu vâng lệnh và xưng tụng công đức kẻ cai trị. Cũng từ đây mà ra cái sự tung hô chủ nghĩa Mác-Lenin là vô địch, là bách chiến bách thắng, là chân lý vĩnh cửu, tồn tại muôn đời. Nền chuyên chế được thiết lập thì cũng là lúc lưỡi gỗ lên ngôi. Khi toàn bộ phương tiện truyền thông lưỡi gỗ được vận dụng hết công suất để phục vụ kẻ cai trị thì người dân ắt bị đẩy vào tình trạng mụ mẫm.

Về tình hình này, Ba Kim tả: "*Nhưng tôi năm 1970 và tôi năm 1967-1968 không còn là một người nữa. Từ tháng 9 năm 1966 trở về sau, dưới sự uy hiếp và lãnh đạo bằng roi da của phái 'tạo phản,' tôi hoàn toàn suy nghĩ bằng đầu óc người khác; người khác gào 'Đả đảo Ba Kim!', tôi cũng giơ tay hưởng ứng." "Càng nghĩ càng thấy phái 'tạo phản' nói phải, càng nghĩ càng thấy mình có tội. Nói tôi là 'hứa tử hiển tôn' của giai cấp địa chủ, tôi thừa nhận. Nói tôi viết Dòng Nước Xiết là 'dựng bia, lập truyện' cho giai cấp địa chủ, tôi cũng thừa nhận. Năm 1970, chúng tôi xuống lao động ở nông thôn ba năm, bị lôi ra ruộng để cùng bị đấu với địa chủ ở đó, tôi cũng cúi đầu nhận tội." "Năm 1967 trở đi, tinh thần và diện mạo tôi khác hẳn. Trong tâm linh tôi có cái gì tích lũy được từ trước tôi bỏ sạch. Tôi uỡn ngực tiếp thu vô điều kiện mọi chỉ thị của phái 'tạo phản.' Về sau tôi tự phân tích nói là ăn phải bùa mê thuốc lú, tôi bị thôi miên, nên không hay biết gì nữa. Kỳ thực tôi chưa đào sâu đấy thôi. Trong khoảng hai năm ấy, những khi tôi thành khẩn bái mộ thần linh, bên tai tôi lúc nào cũng văng vẳng một tiếng nói nhân từ :'Tin thần linh thì cả nhà sẽ được cứu.' Nguyên thuỷ chung tôi vẫn giữ trong đầu cái triết lý 'bảo toàn tính mạng.' Lúc ấy, tôi cho rằng mình có tội thì cách chuộc tội là thật sự cải tạo, cách cải tạo là cứ thực hiện đúng từng câu mọi huấn thị, mệnh lệnh, quyết nghị của phái 'tạo phản'.*" (Mười Năm, Một Giấc Mộng). Món "cháo lú" được nấu theo đúng tinh thần "chính trị là thống soái" đem đến kết quả là thế. Một tình hình tương tự người Việt Nam đã được thấy trong cải cách ruộng đất, ở cuộc vận động trí thức và các thứ đám đông khác đánh "hội đồng" nhóm "Nhân văn - Giai phẩm." Cái khác là nhóm "Nhân văn - Giai phẩm" còn dám nho nhoe đòi "trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ," chứ Ba Kim và nhiều người bạn ông chưa kịp đòi gì. Trường hợp của Ba Kim chắc cũng giống như trường hợp Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo... và một số trí thức khác. Tuy không thuộc nhóm "Nhân văn - Giai phẩm," nhưng đảng cầm quyền cũng tiện thể đánh luôn.

Cái sự trấn áp bằng bất cứ phương tiện gì, bằng bất cứ giá nào đối với những trí tuệ không giống mình, được gọi một cách miệt thị là ngoại lai, tạo ra bùa mê thuốc lú cho cả xã hội. Xét đến cội nguồn của nó ta thấy đó chính là sự sợ hãi của nền chuyên chế đối với trí tuệ. Nếu trí tuệ sống thì quyền lực độc tôn không thể tồn tại. *"Kẻ nào suy nghĩ khác ta, kẻ đó chống lại ta,"* đó là lời Lê Duẩn. Nhưng đó cũng là chủ trương của mọi chế độ độc tài chuyên chế, phát xít hay cộng sản thì cũng vậy. Mặc dầu bị ăn "cháo lú", nhà văn Ba Kim có lúc cũng tỉnh ra. Ông viết: "*Những người cho chúng tôi là nô lệ, cầm roi da huơ huơ trước mặt chúng tôi, thật ra chúng chẳng có cái quái gì hết! Chúng không biết ngày mai chúng sẽ ra sao nữa. Có lẽ có người thấy tôi nghĩ như thế cho là kỳ quặc. Thật ra cũng dễ lý giải thôi. Mấy mươi năm tôi viết sách làm văn, cuối cùng còn có được một chút 'trí thức'; bây giờ thì tôi biết rõ vì sao 'lũ bốn tên' hận thù 'trí thức' làm vậy! Dù chỉ với một chút 'trí thức,' 'mày' cũng còn thấy được khe hở của 'tao,' huống chi là 'phần tử trí thức,' huống chi là kẻ có văn hoá!"* (Mười Năm, Một Giấc Mộng). Có coi mọi người dưới quyền cai trị của mình là nô lệ thì mới có tình trạng "*Trương Xuân Kiều tuyên bố công khai không cho tôi sáng tác nữa*," là Ba Kim hết được viết. Trương Xuân Kiều không cần phải là trí thức giỏi hơn, sáng suốt hơn Ba Kim. Trương Xuân Kiều chỉ cần là Đảng.

Trong *Tuỳ Tưởng Lục*, như nhận xét ở trên, Ba Kim còn chưa dám nói thẳng điều ông nghĩ. Ông ngần ngại, ông do dự. Bởi vì ông vẫn còn nằm trong vòng kiềm toả của chế độ. Ông còn sợ, nói thẳng ra là như thế. Nhưng ta chỉ cần thay "lũ bốn tên" bằng "chế độ hiện hành" là bức tranh xã hội mà ông vẽ ra trong *Tuỳ Tưởng Lục* lập tức có đủ màu sắc chân thực, sinh động. Gần đây có tin nhà cầm quyền Trung Quốc định đúc tượng đồng của ông trong lúc ông còn sống. Phải chăng đó cũng là cách để cho Ba Kim ngậm miệng?

Nhà cầm quyền một xã hội như thế, bất kể ở nước nào, không chỉ sợ những "tư tưởng thù địch" hiện đại, mà cả những nhà tư tưởng cổ xưa. Hãy xem báo Tiền Phong, số ra ngày 16.8.1973 tại Hà Nội (tức là trong lúc Đại cách mạng văn hoá vô sản còn đang hoành hành ở Trung Quốc) với bài: "*Quét sạch những tàn dư tệ hại của Khổng giáo*" thì thấy. Bài báo viết: "*... cần phải khẳng định dứt khoát rằng: lễ giáo phong kiến, đặc biệt*

là lễ giáo Khổng tử, không có một chút nhân tố tích cực nào nữa... Chúng chỉ là những xiềng xích những độc hại... Là thế hệ thanh niên của thời đại Hồ Chí Minh, chúng ta đang sống, chiến đấu, lao động, học tập vì độc lập tự do của Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải bảo vệ sự sáng tạo của chủ nghĩa Mác — Lênin. Chính vì thế mà chúng ta không thể dung hoà được với Khổng giáo cùng với hệ tư tưởng phản động và tư tưởng bảo thủ của nó. Vì sự nghiệp cách mạng, chúng ta phải kiên trì đấu tranh để quét sạch nó ra khỏi mọi lĩnh vực của đời sống xã hội như quét sạch những đống rác vậy." Tác giả Nguyễn Thanh Dương, tổng biên tập báo, dưới tên ký là Thanh Bình, đã viết đúng như thế. Khi có người hỏi tại sao ông ta lại đánh cả Khổng giáo, thì Nguyễn Thanh Dương trả lời: "*Tôi viết theo chủ trương của trên. Tôi chỉ làm nhiệm vụ mở đầu, các báo và tạp chí khác đang được lệnh viết tiếp. Đây là một chiến dịch do trên chỉ đạo đấy...*" (17)

"Trên" ở đây là Lê Duẩn, Lê Đức Thọ. "Trên" của "trên" là Quang Minh Nhật báo ở bên Tàu. Tờ này đăng một bài với nội dung y hệt, nhưng sớm hơn tờ Tiền Phong ở Việt Nam ít ngày.

Với những người cầm quyền như thế, chỉ có một tư tưởng được phép sống, được toàn quyền thống trị, là tư tưởng Mác-Lê, hay, lại nói cho đúng hơn, tư tưởng Mao Trạch Đông, tư tưởng Hồ Chí Minh, tư tưởng Lê Duẩn, hoặc, lạy Chúa tôi, tư tưởng Nông Đức Mạnh...

Hai là, xã hội cộng sản là một xã hội trái tự nhiên. Bây giờ thì ai cũng biết rằng cái gọi là xã hội xã hội chủ nghĩa là một sản phẩm thuần tuý tư biện, từ Mác. Nó không phải là một xã hội tự nhiên thành. Nói nôm, là một xã hội bịa đặt. Kể ra nghe cái luận điểm rằng loài người ngu tối trước kia chỉ biết cúi đầu chép sử, nay đã đến lúc nó đứng dậy tự làm ra lịch sử cho mình, thì khoái cái con ráy lắm. Khốn nỗi, tự nhiên có quy luật của nó, không phải muốn thế nào cũng được. Nước thì phải chảy xuôi. Thứ sản phẩm bịa đặt muốn tồn tại được phải nhờ vào dối trá. Thành thử trong cái xã hội đó kẻ cầm quyền phải thay đổi mọi khái niệm thông thường vốn có của loài người, tạo ra một hệ khái niệm khác hẳn để biện minh cho việc làm của nó. Không thể lấy sự hiểu thông thường vốn dĩ có ở các xã hội thông thường để hiểu hắn ta nói cái gì. Chẳng hạn, về tự do báo chí, theo cách hiểu của tổng bí thư Nông Đức Mạnh là: "*Báo chí viết gì, nói gì, thông tin gì, bao giờ cũng phải vì lợi ích của cách mạng, của đất nước, của Đảng*" (Nói tại Thông tấn xã Việt Nam, tháng 6.2003). Tổng thư ký Hội nhà báo Việt Nam Vũ Văn Hiển trước đó cũng đã nhấn mạnh với các hội viên của ông ta: "*Nếu nói đến tự do báo chí ở Việt Nam thì cần hiểu đó là việc tự do hoạt động để phục vụ Đảng*" (báo Nhân Dân, 20.6.2002). Những lời nói như thế ở các xã hội thông thường chỉ có thể là những lời nói mê nói sảng. Trong một xã hội chuyên chế, mà xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội như thế, những định chế của nó chỉ còn cái tên là giống với những định chế của các xã hội khác, chứ chúng, hoặc rỗng ruột, hoặc được thay thế bằng nội dung khác hẳn, thậm chí trái ngược.

Trải qua Đại cách mạng văn hoá vô sản, Ba Kim than thở: "*Nước chúng ta có Hiến pháp 1954, quyền công dân của tôi đáng ra phải được Hiến pháp bảo vệ. Hiến pháp ấy đã được toàn thể đại biểu bỏ phiếu thông qua, trong đó có lá phiếu của tôi... Nhưng đến khi đáng ra phải phát huy tác dụng của nó thì chúng ta chẳng ai tìm thấy nó ở đâu cả, phảng phất như nó chẳng hề tồn tại, hoặc giả là vô ích, không bằng báo chữ to. Hai mươi năm trước, tôi đã bị nhốt 'chuồng bò' như thế đấy. Hiến pháp đã mất tăm mất tích, nhân quyền bị dày xéo. Tôi giơ cao quyển 'sách đỏ,' (18) đọc to 'chỉ thị tối cao,' đang là người biến thành súc vật, mặc cho người ta phanh thây, xé xác.*"

Tội nghiệp cho Ba Kim quá!

Ba là, xã hội cộng sản là một xã hội bất trắc. Nhìn bề ngoài, đôi khi người ta nhầm: cái xã hội ấy có vẻ ổn định đáo để. Lấy Bắc Hàn làm thí dụ. Ở đó không có lộn xộn — không đảo chính, không đình công, không biểu tình. Dân chúng im re, lúc nào cũng sẵn sàng rầm rập đồng ca những bài ca ngợi Kim tướng quân (tức là ông Kim Nhật Thành, Kim Bố), hoặc ca ngợi lãnh tụ vĩ đại (Kim Chính Nhật, Kim Con). Dân sống trong sự sáng tạo không ngừng, khi gần chết đói, họ phát hiện cỏ cho trâu bò ăn cũng muối dưa được, chẳng kém gì món Kim Chi. Cho đến khi hàng triệu người chết đói thực sự, xã hội Bắc Hàn vẫn "ổn định." Khi thấy dân chúng Bắc Hàn không còn cái gì mà ăn nữa, có cơ nổi loạn vì đói quá hoá liều, thì lãnh tụ Kim Con bèn mang vũ khí nguyên tử ra doạ cả thế giới: "Chúng mày không viện trợ cái ăn cho nước ông thì ông cho nổ bom nguyên tử đây này." Bom nguyên tử ở Bắc Hàn chưa chắc đã ném được ở đâu xa, điều chắc chắn là nó sẽ nổ được, ngay tại bệ phóng, ở trên đất Bắc Hàn.

Nhưng như thế thì Nhật và Nam Hàn cũng đã lĩnh đủ phóng xạ. Trước lời đe doạ ấy chỉ có Trung Quốc là bình chân như vại, chắc còn tin ở lời dạy của Mao Xếnh Xáng: "Chiến tranh có thể làm chết vài chục triệu người Trung Quốc, nhưng bọn đế quốc rồi sẽ bại, Trung Quốc sẽ tất thắng."

Xin đừng nghĩ rằng ở Bắc Hàn không có Hiến pháp, không có pháp luật. Nó có cả đấy, có hết. Chỉ có thừa chứ không thiếu.

Cái gọi là ổn định xã hội ở các nước gọi là xã hội chủ nghĩa, được thực hiện bằng dùi cui, về cơ bản là nhà tù, trước hết, và trong nội dung của nó, là ổn định quyền lực. Để ổn định một thứ quyền lực không hình thành bởi sự lựa chọn của các thành viên cùa xã hội, tức là dân chúng, thì không thể nào đặt ra được những định chế ổn định, mà phải thay đổi chúng xoành xoạch, đặng đối phó với mọi biến chuyển. Cái gọi là Hiến pháp mà Ba Kim tin rằng "*đã được toàn thể đại biểu bỏ phiếu thông qua, trong đó có lá phiếu của tôi*" thế tất chỉ có thể là bánh vẽ. Câu nói cửa miệng "chính quyền của dân, do dân, vì dân" (19) của các quan cách mạng không bao giờ được nhân dân coi là lời nói đứng đắn. Khi nhà cầm quyền — lúc này là đảng cộng sản, lúc khác là một nhúm người cơ hội nhân danh đảng cộng sản — thấy cần phải thay đổi, hoặc giải thích xuyên tạc điều này điều nọ trong Hiến pháp, thì nó chỉ cần ra một nghị quyết là mọi cái lại lộn tùng phèo. Cho nên mới có hiện tượng hôm nay Lâm Bưu - người học trò của Mao chủ tịch, người kế vị xứng đáng của Mao chủ tịch — ra mọi chỉ thị bắt cả xã hội tuân theo, được ca ngợi rầm trời, mai đã trở thành kẻ cầm đầu "lũ bốn tên" bị nguyền rủa hết nước hết cái. Chuyện Lưu Thiếu Kỳ, trong khi còn nguyên chức danh chủ tịch nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, "yên tâm" nằm dài dài trong ngục cho đến khi chết thối, là chuyện bình thường ở cái xã hội đó, nói gì đến Ba Kim.

Tôi có kinh nghiệm cá nhân trong chuyện này. Một năm sau khi Mao Trạch Đông khởi lên Đại cách mạng văn hoá vô sản ở Trung Quốc, Lê Duẩn chưa tuyên bố Tiểu cách mạng văn hoá vô sản, tôi lúc ấy chưa kịp chống đảng cộng sản, chỉ mới tỏ ra khó chịu với nó mà thôi, thì đã bị nó bỏ tù rồi. Chắc hẳn nó bỏ tù tôi là vì trong khi không bằng lòng nó, tôi đã trót dại nói ra ở đâu đó, với ai đó, mà nó biết. Thế rồi chẳng cần đối chiếu việc làm (ở đây là lời nói) có vi phạm Hiến pháp và pháp luật hay không, nó cho tôi ở chín năm liền tù tì hết nhà tù này đến trại tập trung khác, không cần xét xử.

Bây giờ, trong nước Việt Nam ổn định, những công dân dám nghĩ tới tình trạng tụt hậu hiện tại và tiền đồ đen tối của đất nước, dám phát biểu đôi điều, đúng sai không cần biết, lập tức bị tống giam, rồi giải toả, xử án kín, hoặc không cần xử án. Tên của họ là: Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái, Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, Thích Huyền Quang, Thích Quảng Độ, Thích Tuệ Sĩ, Nguyễn Văn Lý, Phan Văn Lợi, Nguyễn Hữu Giải, Hà Sĩ Phu, Bùi Minh Quốc, Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Trần Dũng Tiến, Vũ Cao Quận, Nguyễn Khắc Toàn, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Lê Chí Quang..., và rất nhiều người khác nữa.

Mà chẳng cứ những người có ý muốn hoặc đã có hành động đấu tranh cho dân chủ hoá cái xã hội trong đó mình đang sống mới phải nơm nớp lo sợ sự trấn áp có thể giáng xuống đầu mình bất cứ lúc nào. Ai cũng sợ. Không sợ là điếc không sợ súng. Hoặc ăn quá nhiều "cháo lú" nên tưởng tai vạ nào rồi cũng chừa mình ra. Bởi vì mình là người được đảng tin tưởng chẳng hạn. Ba Kim thú nhận ông đã từng có ý nghĩ như thế.

Đảng cộng sản sợ dân chủ hơn sợ ma nhiều. Đảng thừa thông minh để biết rằng dân chủ hoá xã hội có nhiều cách, nhưng cách nào rồi cũng dẫn tới kết cục bi thảm cho những kẻ quen ăn trên ngồi trốc nơi "đỉnh cao trí tuệ". Kể cả cách móc nối hoặc tạo ra những chính khách nguỵ dân chủ để đánh lừa dân chúng trong bước đường cùng. Vì thế đảng cầm quyền phải tìm cách chống lại mọi biểu hiện dân chủ từ trong trứng. Cách chống tốt nhất là phải làm cho các công dân biết họ chỉ là những tù nhân dự khuyết.

Nhiều người chỉ nhìn thấy sức mạnh bạo lực của Đảng cộng sản mà không nhìn thấy nỗi sợ hãi được giấu kín sau bức bình phong dữ tợn của nó. Nó nói cứng đấy thôi, chứ trong lòng nó run rẩy. Nó sợ ảnh hưởng của những tư tưởng dân chủ đến nỗi trong tang lễ tướng Trần Độ, một công thần khai quốc của Đảng, nó trắng trợn cấm những người đi đưa không cho dùng hai chữ "vô cùng," trong dòng chữ "vô cùng thương tiếc" gắn trên vòng hoa phúng điếu. "Thương tiếc" thì nó còn chịu được, chứ "vô cùng" thì không.

Dựa trên sức mạnh của bạo lực được trả lương để bảo vệ chế độ, nhà nước xã hội chủ nghĩa của Đảng cộng sản sẽ còn tiếp tục đàn áp những công dân đòi dân chủ chừng nào nhà nước đó còn chưa trút hơi cuối cùng.

Một xã hội phi nhân bản không vì con người

như thế không thể có tương lai.

Bây giờ nói đến xã hội xã hội chủ nghĩa có thể phát triển tốt là người ta dẫn Trung Quốc ra. Trung Quốc quả đang có những bước tiến rất dài trong phát triển kinh tế, chủ yếu dựa vào biện pháp khuyến khích phát triển tư doanh, là cái mà trước kia họ chống đến cùng. Điều đó chẳng hề có nghĩa là nhà cầm quyền Trung Quốc đang đi trên con đường xây dựng cái chủ nghĩa xã hội nọ (20). Vì chẳng ai nhìn thấy bóng dáng nó đâu ở chân trời tít tắp. Các ông Con Trời bèn khẳng định rằng đúng thế, ta chưa thấy được xã hội cộng sản bằng mắt thường, nhưng dưới sự lãnh đạo duy nhất đúng đắn và vô cùng sáng suốt của ban lãnh đạo đảng hiện tại, cái xã hội mơ ước ấy sẽ trở thành hiện thực sau... một thế kỷ. Tức là vào lúc chẳng có ai trong những người nói và những người nghe hôm nay còn sống. Bất cứ ông thầy bói tay mơ nào cũng có quyền phán một lời tiên đoán tương tự. Ấy là chưa kể ban lãnh đạo đảng hiện tại có bền vững lâu dài không, hay sẽ trở thành một "bè lũ ba tên" hoặc "bè lũ năm tên rưỡi" vào một lúc nào đó. Ai dám nói chắc? Chỉ biết rằng cái xã hội Trung Quốc bây giờ đang tiến nhanh được về kinh tế là nhờ cấu trúc lại cái xã hội chủ nghĩa què quặt theo mẫu cái xã hội tư bản mà các đảng cộng sản vẫn thường phỉ báng. Trong dạng thô sơ của nó, có tên gọi là tư bản rừng rú.

Điều mà chúng ta biết chắc là ở Liên Xô, chủ nghĩa xã hội đã tồn tại và phát triển đến mức cao nhất nó mà có thể đạt tới trong hơn hai phần ba thế kỷ, đã đưa Liên Xô trở thành một trong hai cường quốc lớn nhất thế giới, thế mà rồi sụm đổ như một "người khổng lồ chân đất sét" (từ của Lênin dùng để chỉ xã hội tư bản). Cái xã hội bị các nhà mác-xít coi là bất toàn hoá ra không phải là cái chứng minh cho sự tồn tại cái xã hội mà họ cho rằng hữu lý.

Con người là một sinh vật có tư duy. Cho dù có phỉnh nịnh, cưỡng bức nó ăn thứ "cháo lú" trộn lẫn với bạo lực, trước sau gì nó cũng sẽ suy nghĩ đến điều phải nghĩ ra.

Như Ba Kim đi đến kết luận cho cái xã hội mà ông đang phải sống:

"Chúng ta mở miệng ra là nói "xã hội mới," nhưng cái xã hội mới ấy, chúng ta càng ngày càng không hiểu nó ra làm sao cả, càng ngày càng thấy nó dễ sợ. Bạn bè, người này tiếp người kia, bị quăng xuống vực thẳm trước tôi."

"Và cả sau tôi nữa!"

Ông có nói thêm lời tiên đoán như vậy cũng không sai./.

Chú thích

(1) Hình như sau năm 1975 hậu quả của Đại cách mạng văn hóa vô sản cũng còn kéo dài đối với những trí thức bị trấn áp.

(2) Trích Mao tuyển

(3) Ba Kim phu nhân

(4) Hai thứ đấu này chưa được nhập khẩu vào Việt Nam, «bồi đấu» là bị đấu nhưng là đấu phụ, không phải là nhân vật chính của cuộc đấu ; «dạo đấu» là không phải bị đấu ở đơn vị sở tại, địa phương sở tại, mà đơn vị khác, hoặc địa phương khác mượn về đấu để «nâng cao lập trường.»

(5) Trường 7.5 là một thứ trại tập trung.

(6) Cụm từ này chắc chắn không có trong từ vựng của bất cứ ngôn ngữ nào.

(7) Có quá nhiều tên văn nghệ sĩ được Ba Kim nhắc tới. Họ đều là những người có tên tuổi trong nền văn nghệ Trung Quốc, nhưng ít được người đọc Việt Nam biết đến. Xin miễn chú thích.

(8) Tứ 20 năm sau.

(9) Ý nói chết.

(10) Ba Kim ngờ có cả nhiều trường hợp bị giết chết rồi đổ cho là tự sát.

(11) Đại cách mạng văn hóa vô sản.

(12) Một cuộc «đấu tranh» trước Đại cách mạng văn hóa vô sản.

(13) Ba Kim viết rất thực tâm trạng của ông, cũng là tâm trạng nhiều trí thức xã hội chủ nghĩa khác.

(14) Ba Kim không miêu tả kiểu nhục hình này. Có thể đoán là bị treo lơ lửng.

(15) Nói cho chính xác hơn : xã hội theo chủ nghĩa cộng sản, chứ nó chưa phải/không phải là xã hội cộng sản, theo định nghĩa của chính Mác; ở đây ta tạm gọi thế cho tiện, đỡ tốn chữ.

(16) Đây là nói về các đảng cộng sản đã nắm được chính quyền.

(17) Tạp chí Xưa và Nay, số 149, tr. 14

(18) Chỉ cuốn «Mao tuyển» (trích những lời của Mao Trạch Đông), môt 5thời là Kinh thánh của các công dân Trung Quốc, đi đâu cũng phải mang trong túi ngực bên trái (không được để ở túi quần). Ba Kim cũng vậy.

(19) Câu nói nổi tiếng này là của tổng thống Mỹ Lincln sau trận đánh lớn ở Gettysburg (1863), chứ không phải của cán bộ cộng sản nào.

(20) Ngày 28.12 Trung Quốc loan tin họ sẽ kỷ niệm long trọng 110 năm ngày sinh của Mao Trạch Đông, với rất nhiều album nhạc, sách báo nói về công trạng của «Người,» tác giả chính của Đại cách mạng văn hóa vô sản. Cái con đường xây dựng xã hội chủ nghĩa sau một trăm năm còn đầy những hiểm họa, biết rồi mà không tránh, hoặc không thể tránh.

Văn Với Báo

Tuy Hai Mà Một, Tuy Một Mà Hai

VŨ THỤY HOÀNG

- Những Điểm Giống Nhau, Khác Nhau Giữa Văn Và Báo
- Báo Là Văn Chương Mới, Là Đường Đi Cho Hầu Hết Những Người Khởi Đầu Nghề Viết

Bạn bè và những người quen biết thường giới thiệu tôi là nhà báo hoặc nhà văn trong những lần gặp người lạ. Có người hỏi tôi: "Anh vừa là nhà báo, vừa là nhà văn, vậy anh thích được gọi là nhà văn hay nhà báo?" Câu hỏi này phân loại nhà văn, nhà báo ở hai vị thế khác nhau, và có vẻ như ngụ ý ở hai đẳng cấp khác nhau nữa.

Trước khi dự tính cầm bút viết, bạn có thể phân vân tự hỏi: mình viết văn hay viết báo? Viết truyện giả tưởng, hay truyện thật? Văn và báo có gì giống nhau? Hai lối viết khác nhau ở chỗ nào?

Theo ý niệm thông thường của nhiều người, nhà báo là người viết báo, thường là những vấn đề thời sự; còn nhà văn là người viết sách, thường được hiểu là truyện, tiểu thuyết. Nhưng trong giới nhà văn, nhà báo, lại có nhiều loại: tiểu thuyết gia, người viết kịch, phóng viên, thông tín viên, người sửa bài, chủ bút.

Lối phân loại căn cứ theo hình thức báo và sách không hoàn toàn đúng. Có nhà báo cũng viết sách, và có nhà văn cũng viết báo. Trong trường hợp này, người viết đội hai mũ ở trên đầu: vừa là nhà văn, vừa là nhà báo.

Lối phân loại căn cứ vào sách cũng gượng gạo đối với một số người khác. Ông Trần Trọng Kim viết quyển Việt Nam Sử Lược và mấy cuốn sách giáo khoa, đâu có nghe thấy ai gọi ông là nhà văn. Các chính trị gia, như các ông De Gaulle của Pháp, Winston Churchill của Anh, Richard Nixon của Mỹ, Nguyễn Cao Kỳ của Việt Nam, có tên ngoài bìa sách, mà có mấy người gọi những ông này là nhà văn. Những người viết sử, những nhà nghiên cứu, những người hoạt động trong ngành chuyên môn như kinh tế, tài chánh, khoa học, y tế, giáo dục, thể thao, khi viết về lãnh vực của họ, thường được gọi là sử gia, kinh tế gia, khoa học gia, bác sĩ, giáo sư, hoặc gọi chung là tác giả.

Có người là tác giả nhưng không phải là người viết sách, như trường hợp một số chính khách, tài tử, ca sĩ nổi danh của những quyển tự truyện hay hồi ký. Những tác giả này đóng góp vào việc biên soạn sách bằng cách kể chuyện về đời họ, hoặc cung cấp tin tức, tài liệu, rồi có người khác viết hộ. Người viết hộ nhiều khi không để tên ở sách, nên được gọi là "cây viết ma."

Một số người đưa ra tiêu chuẩn: nhà văn viết truyện dài, truyện ngắn thuộc loại hư cấu và chỉ những loại truyện này được coi là văn chương. Còn loại không hư cấu, trong đó có báo chí, viết về những sự việc xảy ra để tường thuật tin tức, trình bày sự kiện và giải thích tình hình. Tiêu chuẩn này cũng không được chỉnh. Một số tác phẩm trong thời gian mấy chục năm gần đây không thuộc loại hư cấu mà đã được giải thưởng văn chương lớn trên thế giới. Trong số này đáng kể nhất là *Quần Đảo Goulag* của Aleksandr Solzhenitsyn đoạt giải Văn Chương Nobel năm 1970. Cuốn sách viết về những trại tù lao động ở Nga dưới thời Lenin và Stalin, và dựa vào kinh nghiệm tám năm tù đầy của chính bản thân tác giả cùng hơn 200 tù nhân khác mà ông đã chuyện trò và phỏng vấn. Ông cũng đã sưu tầm, tra cứu tài liệu về chế độ cộng sản trong thời gian đó để tác phẩm được thêm xác thực.

Con ghẻ của văn chương?

Báo chí đã một thời không được coi là văn chương, vì văn chương theo định nghĩa ở thế kỷ 19 chỉ gồm có thơ, kịch, tiểu thuyết và truyện ngắn. Báo chí khi mới ra đời thường loan báo tin tức và hoạt động trong cộng đồng, phổ biến thông cáo của nhà cầm quyền. Sau báo chí tường thuật thêm những vụ đâm chém, bắn giết nhau, rồi tới những cuộc bầu cử, những vụ tranh giành quyền thế, nên dễ gây ra những tranh cãi vì lập trường đối nghịch nhau. Báo chí thời trước đã có nhiều

khuyết điểm, như đăng cả tin đồn, tin bịa đặt, tin giật gân để khai thác thị hiếu của độc giả. Có báo Mỹ vào cuối thế kỷ 19 đăng truyện hoang đường của những người dơi có chân dài sống trên mặt trăng. Một số nhà báo không chú trọng đến sự kiện, chưa biết thu lượm và giải thích sự việc theo lối khoa học. Khi phóng viên thú nhận đã bịa đặt truyện, tờ báo cũng chẳng thèm cải chính. Báo chí khi ấy viết vội vã để kịp in ra mỗi ngày, lại không có ban sửa bài, nên văn từ không được chăm sóc cẩn thận và lập luận dễ thiên lệch, một chiều. Thi sĩ người Anh Mathew Arnold (1822-1888) vì vậy mới nói "báo chí là văn chương viết vội vàng."

Khi báo chí bắt đầu phát triển vào hậu bán thế kỷ 19, với những báo có số in hàng trăm ngàn tờ một ngày, đã cạnh tranh và đe dọa ngành in sách. Một số người, trong đó có những nhà xuất bản sách, không muốn nhận báo chí vào làng văn, nên nói báo chí không phải là văn chương. Hai anh em Edmond và Jules de Goncourt ở Pháp có nhà xuất bản, sau thành lập Hàn Lâm Viện và giải thưởng văn chương Goncourt, nói toạc rằng "báo chí là kẻ thù tất nhiên của sách, như gái điếm là kẻ thù của phụ nữ chính chuyên."

Trước cuộc tranh luận giữa văn chương và báo chí, Oscar Wilde (1854-1900), nhà văn và là cây viết hài hước người Anh, mới bảo sự khác biệt giữa báo chí và văn chương là "báo chí không thể đọc được, còn văn chương không ai đọc." Mark Twain (1835-1910) , nhà báo và là nhà văn dí dỏm của Mỹ, cũng nói "văn chương cổ điển là thứ ai cũng ca tụng, nhưng chẳng đọc."

Báo chí từng bị một số người coi nhẹ, như con ghẻ của văn chương, vì báo chí dễ sai lầm khi loan báo tin tức, nên thường mang tiếng "làm báo nói láo ăn tiền." Hoặc người viết báo, với lập trường chính trị khác biệt, dễ gây ra những bất đồng ý kiến, những chống đối. Có người, vì mục đích chính trị hay hậu ý nào khác, đã thiên lệch, uốn nắn ngòi bút để cố lái người đọc theo chiều hướng mình muốn, tạo ra những ý kiến va chạm, nên không dễ được cảm tình bằng những truyện hư cấu thường có tính cách tiêu khiển. Nhà văn kiêm nhà báo Lê Văn Phúc cho rằng "thi sĩ làm một bài thơ, hay nhạc sĩ làm một bài hát, nếu được ưa thích sẽ được người ta ngâm vịnh hoặc hát nghêu ngao. Nếu người ta không thích thì không ngâm hoặc không hát, chứ không ghét. Còn nhà báo viết một bài, nếu họ không thích, họ có thể ghét mình."

Với đà phát triển và lớn mạnh mau lẹ của báo chí, việc phân biệt giữa báo chí và văn chương càng khó hơn nữa khi sang thế kỷ 20 báo chí trở thành phương tiện truyền thông đại chúng, một món ăn tinh thần hàng ngày trong xã hội. Tại Mỹ vào đầu thế kỷ 20 có báo đã đạt số phát hành tới cả triệu mỗi ngày. Với hai cuộc chiến tranh thế giới và mấy cuộc chiến tranh khác, số binh sĩ Mỹ đi tham chiến hoặc đồn trú ở nước ngoài, cũng như những cuộc tiếp xúc giữa các nước được mở rộng, người dân đọc báo chí nhiều hơn để theo dõi tin tức thời sự, những biến chuyển trên hoàn cầu. Cùng với phát thanh và truyền hình, báo chí trở thành nguồn tin tức hàng ngày, đi vào mọi gia đình, và người đọc muốn biết những sự việc xảy ra ở trong nước cũng như ở trên thế giới.

Độc giả những tạp chí trước kia chuyên về truyện hư cấu đã đòi hỏi những tác phẩm không hư cấu nhiều hơn. Câu Lạc Bộ Sách Mỗi Tháng (Book-of-the-Month Club) ở Mỹ, được thành lập năm 1926, trong thời gian từ 1926-41 đã chọn hầu hết tiểu thuyết làm sách hàng tháng. Từ 1946 đã có những tác phẩm không hư cấu được chọn lựa. Một số tạp chí ở Mỹ, như *Saturday Evening Post, Life, New Yorker*, trước kia thường đăng những truyện giả tưởng, sau đăng dần thêm những bài hoặc truyện không giả tưởng. Từ 1960 trở đi, 90% chỗ để đăng bài được dành cho bài không hư cấu, theo nhận xét của William Zinsser. Ông từng là nhà báo, bình bút gia của tạp chí *Life*, chủ biên Câu Lạc Bộ Sách Mỗi Tháng và là tác giả hơn một chục cuốn sách.

Viết sách, dù là tiểu thuyết hay truyện thật, thường đòi hỏi thì giờ và công lao nhiều hơn một bài báo. Nhưng báo chí ngày nay, dù có viết vội, không phải chỉ giới hạn trong phạm vi thông tin, mà còn có nhiều bài đặc biệt, hoặc bài dài đăng từng loạt, viết thật công phu, có tìm tòi, nghiên cứu kỹ lưỡng, rất có giá trị và hấp dẫn, trong lúc không thiếu những cuốn sách viết tầm thường và ít giá trị.

Văn chương, dưới mắt một số người, là những tác phẩm do người viết sáng tạo với lời lẽ văn hoa, thơ mộng. Sáng tạo từ cốt truyện, nhân vật, lời đối thoại, bối cảnh, đến tả cảnh, tả người, tả tình, tả tâm tư và cảm xúc trong lòng. Báo chí và loại viết không giả tưởng cũng làm được những điều đó, không thua gì những truyện giả tưởng. Những tác phẩm này cũng đi sâu vào những khía cạnh thầm kín bên trong, tìm hiểu sự việc xảy ra như thế nào, trong trường hợp nào, vì đâu nên

chuyện, những nguyên nhân nào đưa đẩy tới sự việc. Khác với người viết truyện giả tưởng, người viết báo không phải lo đến cốt truyện, nhân vật, lời đối thoại và bối cảnh, vì truyện đã có sẵn dựa trên sự việc xảy ra, trong đó có cả nhân vật, bối cảnh, cùng lời người trong cuộc kể lại. Thực tế trong cuộc sống thường ngày, nhiều chuyện thật xảy ra còn kỳ lạ và hấp dẫn hơn cả truyện giả tưởng. Nhiều cây viết về những vấn đề không hư cấu đã viết đàng hoàng, hấp dẫn và duyên dáng. Họ biết dùng kỹ thuật kể chuyện để tạo ra tác phẩm hay và thích thú như tiểu thuyết, đôi khi còn hay hơn nữa.

PHẠM CÂY TRÂM

Tống Biệt

Tiễn người ta tiễn vài chung rượu
Say nắm bàn tay – thương rất thương
Trời không nắng ấm làm ngây ngất
Mà ngất ngây tình mãi vấn vương

Tiễn người ta tiễn qua hơi thở
Thở nghẹn lòng đau – xa cách xa
Vắng người trăng gió quanh lưu lạc
Nhật nguyệt trần gian trắng tuyết sa

Tiễn người ta tiễn bài thơ nhớ
Thơ lạc vần gieo – buồn rất buồn
Còn đâu xướng họa khi xuân đến
Đâu rượu hoàng hoa chén nhập cuồng

Tiễn người ta tiễn tình chung thủy
Tình biển trời xanh - hoa kết hoa
Dầu sông muôn nhánh, đời muôn ngã
Bên cạnh người luôn hiện bóng ta

Tiễn người... ta tiễn thôi người nhé
Thơ rượu ta trao người mang theo
Phương trời nhung nhớ đem tâm sự
Mà thản nhiên ôm cái hút heo

Dâu biển chuyện đời ơi! cố nhân
Ta người trời bắt kiếp phong trần
Gần xa, sinh tử nay muôn mặt
Tiễn người đau điếng cái ta thân.

Loại văn chương mới

Người viết văn, viết báo về căn bản chỉ là người kể chuyện. Nhà văn kể truyện ngắn, truyện dài qua sách. Nhà báo tường thuật sự việc xảy ra trên mặt báo. Người đọc sách thích đọc truyện, người đọc báo muốn biết sự việc diễn ra quanh mình hoặc trên trái đất. Báo chí sau này, ngoài việc loan báo tin tức, đã dùng lối viết truyện để tường thuật hấp dẫn những sự việc xảy ra hàng ngày, vừa cung cấp tin tức thời sự và những kiến thức hữu ích cho người đọc, vừa có công dụng giải trí độc giả. Lối viết mới này một phần nhằm lôi kéo độc giả, phần khác giúp báo chí cạnh tranh với phát thanh và truyền hình. Những đài này có lợi điểm loan tin mau lẹ hơn báo chí, nhưng vì thì giờ eo hẹp chỉ loan tin vắn tắt và sơ lược mà thôi.

Truyện hay, văn hay, như vậy không phải chỉ có trong tiểu thuyết, mà ở cả trong sách báo thuộc loại không hư cấu. Hay, hoặc không hay, là ở người viết, chứ không phải ở hình thức sách hoặc báo. James B. Stewart, tác giả *Den of Thieves*, một trong những quyển bán chạy nhất ở Mỹ và từng đoạt giải Pulitzer, đã viết trong cuốn *Follow The Story* rằng hư cấu hoặc không hư cấu đều có thể viết hay. Những kỹ thuật kể chuyện từng được hun đúc qua bao thế kỷ đã được áp dụng thành công trong lãnh vực không hư cấu, làm truyện sáng tỏ, phong phú, gần gũi như nắm bắt được, để độc giả sáp nhập vào những tình huống của đời sống hàng ngày, suy ngẫm và đáp ứng lại.

Vì ranh giới giữa văn và báo thường trùng hợp, xen kẽ với nhau, một số người cho văn chương và báo chí như hai trẻ sinh đôi dính liền với nhau nhưng khác biệt nhau, hay nói theo kiểu của Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu là "tuy hai mà một," "tuy một mà hai." Tom McGuane, tác giả đương thời ở Mỹ, nổi tiếng về những truyện ngắn, tiểu thuyết

và truyện phim, nhận định vào năm 1987 rằng "hầu như không có sự khác biệt giữa ngành báo chí với ngành viết hư cấu, chắc chắn là không có khác biệt quan trọng." Frank O'Connor, tác giả người Ái Nhĩ Lan ở thế kỷ 20 và được coi là bậc thày về những truyện ngắn, cũng nói trong tất cả những người viết giỏi đều có yếu tố báo chí. Nhà văn Nga Anton Chekhov (1860-1914) còn nói mạnh hơn nữa: yếu tố báo chí chiếm tới 95%. David M. Murray, nhà báo kỳ cựu từng đoạt giải Pulitzer, đã có tập thơ và hai quyển tiểu thuyết được xuất bản, một thời vẫn nghĩ về căn bản ông là nhà báo chứ không phải nhà văn theo nghĩa văn chương mà nhiều người hiểu. Cho tới một hôm ông mới nhận thấy những bài thơ, những truyện giả tưởng và những tác phẩm không giả tưởng mà ông đã viết đều dựa trên nền tảng vững chãi của báo chí.

Biết vậy người ta không ngạc nhiên khi thấy nhiều cây viết nổi tiếng, từng được giải thưởng văn chương Nobel, đã xuất thân hoặc ở trong ngành báo chí, như Albert Camus của Pháp, Ernest Hemingway, John Steinbeck của Mỹ. Camus gia nhập làng báo lúc 25 tuổi. Hemingway vào nghề phóng viên cho báo *Kansas City Star*, làm phóng sự cuộc chiến tranh ở Tây Ban Nha, rồi thế chiến thứ hai, sau mới quay sang viết văn và đoạt giải Nobel năm 1954. Steinbeck đã viết cho báo *San Francisco News* về cuộc sống của công nhân di dân ở nông trại, rồi sau đấy viết thành truyện *Grapes of Wrath* (Chùm Nho Uất Hận.) Quyển truyện được giải Nobel năm 1962 và được quay thành phim. Gần đây những người đoạt giải thưởng văn chương Nobel như Gabriel Garcia Marquez, năm 1982, người Colombia thuộc Nam Mỹ, và Imre Kertesz, năm 2002, người Hung Gia Lợi, đều từng là nhà báo.

Tại Việt Nam, những nhà văn nổi tiếng Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam trong Tự Lực Văn Đoàn đều là cột trụ của báo *Phong Hóa*. Tiểu thuyết *Nửa Chừng Xuân* của Khái Hưng và *Đoạn Tuyệt* của Nhất Linh được khởi đăng đầu tiên ở báo *Phong Hóa*. Trước đấy, Trương Vĩnh Ký, Huỳnh Tịnh Của, những người có công phát triển chữ quốc ngữ thành phương tiện truyền thông hữu hiệu và góp phần đáng kể vào việc khởi đầu hình thành nền văn chương mới của Việt Nam, cũng như những người kế tiếp là Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh, được coi là những nhà văn hóa, đều là những nhà báo. Nhiều nhà văn Việt Nam khác đã xuất thân từ nhà báo, và nhiều nhà văn đã bước vào ngành báo. Không muốn phân biệt nhà văn với nhà báo, Nguyễn Hiến Lê đã chọn từ "văn nhân" để chỉ hết thảy những người cầm bút từ ký giả đến tiểu thuyết gia, thi sĩ, khảo cứu gia.

Ngày nay số người kiếm sống bằng nghề viết báo nhiều hơn số người kiếm sống bằng nghề viết truyện giả tưởng. Số tác phẩm không hư cấu được in và phát hành nhiều hơn số sách hư cấu. Trên thế giới, thị trường sách không hư cấu vượt xa sách hư cấu. Art Spikol, tác giả sách *Magazine Writing*, cho rằng thị trường không hư cấu gấp từ 20 đến 40 lần thị trường hư cấu. Vào năm 2000, trị giá thị trường sách hư cấu trên thế giới là 25 tỉ, còn thị trường sách không hư cấu là 55 tỉ, theo Dan Poynter viết trong *Writing Non Fiction*. Mặt khác, độc giả khi đọc truyện giả tưởng để giải trí thường không cần nhớ lâu đến truyện, nhưng người đọc truyện thật dễ có khuynh hướng nhớ lâu hơn bằng cách giữ sách hay bài báo làm tài liệu tra cứu về sau.

Theo William Zinsser, tác giả cuốn *On Writing Well* (Viết Giỏi), lịch sử Mỹ cho thấy báo chí hay trở thành văn chương hay, ngành viết không hư cấu đã trở thành văn chương mới, và báo là loại văn chương mới. Ông viết thêm việc trình bày và diễn giải rõ ràng tin tức trong ngành báo chí là một nghệ thuật, và ngày nay đối với hầu hết những người học viết, con đường đi là ngành viết không hư cấu.

Nếu văn là chữ viết được trau chuốt, thì viết văn, viết báo hay viết sách mà diễn đạt ý tưởng được gọn gàng, trong sáng và dễ hiểu đều là văn chương, là nghệ thuật. Chọn lựa lối viết văn hay viết báo là tùy ở bạn. Tùy theo sở thích, ý hướng và khả năng mà bạn thấy thích hợp cho lối viết hư cấu hay không hư cấu. Đừng quan tâm đến việc được gọi là nhà văn hay nhà báo. Bạn có thể viết cả hai loại, nếu thấy thích.

Tháng 5, 2004

Người viết có 48 năm trong ngành báo chí trong đó 33 năm với Washington Post, và là tác giả ba quyển sách **Sài Gòn Tuyết Trắng:** Việt Nam tháng 4, 1975, **Quê Hương Thương Ghét:** Nỗi Lòng Người Việt Hải Ngoại, **Rồng Vàng Vượt Biển**. Bài trên được trích đăng từ quyển thứ tư **Múa Bút**: Thuật Viết Văn, Viết Báo, Hồi Ký để Viết Dễ, Viết Nhanh, Viết Hay, phát hành trong tháng 6, 2004. Sách dày 300 trang, giá bán $20. Đặt mua tại: Catherine Vũ, P.O. Box 5060, Springfield, VA. 22153.

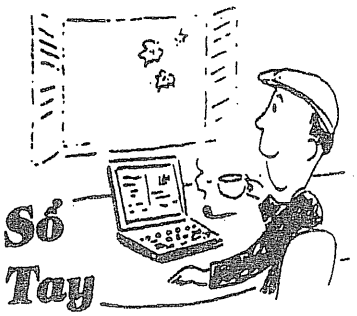

NGÔ NHÂN DỤNG

Bảo thủ và cấp tiến ở Mỹ

Về Montréal năm nay tôi đã tới thăm một ông bạn già gần 80 tuổi, đang bệnh. Jacques Langlais là một linh mục, quen biết và hoạt động chung với tôi hơn 25 năm nay. Một câu hỏi đầu tiên của Jacques là "cái ông tài tử nhiều bắp thịt" ở California bây giờ ra sao? Ý nói đến thống đốc Arnie, cựu tài tử các phim Terminator! Tôi trả lời là hắn ta khá lắm, lấy con gái nhà Kennedy nên làm chính trị rất giỏi! Ông bạn tôi rất cấp tiến về mặt chính trị, xã hội, mặc dù về đạo đức chắn chắn ông bảo thủ hơn nhiều người Canada khác. Chúng tôi gần nhau được lâu năm vì cả hai đều cấp tiến và bảo thủ giống nhau. Trong lúc đó ở Canada đang mùa tranh cử. Còn một ông bạn khác của tôi, cũng là linh mục và mới ngoài 70 tuổi, thì nói thẳng rằng cả đời ông không bao giơ đi bỏ phiếu! Vì ông chống cả hệ thống chính trị "dân chủ giả hiệu!" Ông này mới thật là thứ cấp tiến hạng nặng! Nhưng nếu không cấp tiến như vậy thì họ không bỏ cả cuộc đời đi tranh đấu cho các nền văn hóa sống hòa hợp với nhau, và tranh đấu cho các giống thổ dân cư ngụ sớm nhất ở Canada. Tôi đã chịu ảnh hưởng của họ rất nhiều. Năm nay suýt nữa thì dân Canada đưa Đảng Bảo thủ (Conservative) lên cầm quyền vì Đảng Cấp Tiến (Liberal) bị mang tiếng là kiêu căng và tham nhũng, theo kết quả các cuộc nghiên cứu dư luận. Nhưng dân Canada vốn có khuynh hướng cấp tiến nên sau cùng chùn lại, vẫn cho đảng Liberal đa số ghế trong Nghị viện, dù chưa đủ quá bán.

Ở Bắc Mỹ, khuynh hướng chính trị cấp tiến hoặc bảo thủ đều gồm cả hai khía cạnh, xã hội và kinh tế. Những người bảo thủ chủ trương tin tưởng triệt để ở thị trường, chống các chính sách cho guồng máy nhà nước can thiệp vào kinh tế, kể cả việc thâu thuế nhà giầu để phân phối lợi tức. Về mặt xã hội, cánh bảo thủ chủ trương bảo vệ các giá trị luân lý cổ truyền, đặc biệt là tôn giáo. Còn phe cấp tiến thì quan niệm ngược lại. Ở Mỹ, tiêu biểu cho khuynh hướng bảo thủ là những người đàn ông, da trắng; còn đàn bà và da mầu thường có khuynh hướng cấp tiến hơn. Tài sản không nhất thiết quyết định thái độ chính trị. Nhiều tỷ phú rất cấp tiến, như ông Soros đang bỏ mười lăm triệu mỹ kim ra quyết tâm đánh bại ông Bush. Ngược lại, nhiều người lao động và ở vùng quê lại rất bảo thủ. Ở thành phố thì thường người giầu bảo thủ hơn người nghèo, da mầu cấp tiến hơn da đen.

Vào giữa thế kỷ 20, người Mỹ coi "cấp tiến" là một niềm hãnh diện. Các vị tổng thống đảng Dân Chủ hồi đầu thế kỷ như Wilson, Roosevelt đã lãnh đạo nước Mỹ thắng hai cuộc đại chiến. Ông Roosevelt đã cứu nước Mỹ thoát khỏi thời kinh tế khủng hoảng với sự can thiệp của nhà nước vào thị trường và ban hành các chính sách xã hội. Cả hai ông tổng thống này đều trương cao ngọn cờ tự do, dân chủ của nước Mỹ ra khắp thế giới. Tổng thống Kennedy đã tiếp tục tinh thần đó với thái độ lạc quan, lý tưởng, đề cao tiến bộ. Phong trào cấp tiến đạt tới đỉnh cao nhất khi Tổng thống Johnson đưa ra chương trình "Xã hội mới" với các đạo luật về dân quyền và bảo vệ những người có lợi tức thấp.

Phong trào bảo thủ đã được ứng cử viên Goldwater phục hoạt trong cuộc tranh cử năm 1964, mặc dù ông năm đó ông thua ông Johnson. Tổng thống Ronald Reagan đứng dưới lá cờ của Goldwater, thừa kế vai trò lãnh đạo và nổi bật lên, phong trào bảo thủ cũng lên theo. Sau tám năm ông Reagan làm tổng thống, chữ "cấp tiến, liberal" ở Mỹ đã trở thành một tiếng có nghĩa xấu. Năm 1988, Phó Tổng thống George Bush chỉ cần gắn cho đối thủ Michael Dukakis nhãn hiệu "liberal" là đủ khiến cho vị thống đốc tiểu bang Massachssetts phải dồn mọi nỗ lực để cải chính, chống đỡ, không còn sức tấn công nữa, và cuối cùng chịu thất cử. Ông Dukakis được phe ông Bush (tổng thống thứ 41) mô tả là người quá dễ dãi đối với tội phạm. Ngày nay, Tổng thống George W. Bush (thứ 43) cũng tìm cách nhắc mọi người rằng ông John Kerry là một "nghị sĩ cấp tiến của tiểu bang Massachussets" với cùng một dụng ý. Tối cao Pháp viện tiểu bang này đã công nhận quyền hôn phối của những người đồng tính ái; trong khi ông Bush 43 ủng hộ việc sửa hiến pháp để ngăn cấm quyền này, một đề tài phe bảo thủ rất quan tâm, sẽ

mang lại cho ông Bush rất nhiều phiếu bảo thủ.

Cuộc tranh cử tổng thống và quốc hội năm nay vẫn được đảng Cộng Hòa diễn tả như cuộc tranh đua giữa hai nhãn hiệu, bảo thủ và cấp tiến. Trong khi đó đảng Dân Chủ tìm cách đội cho mình một cái mũ mới, thay thế chữ "liberal" bằng chữ "progressive" (tiến bộ.) Ngọn gió chính trị ở Mỹ có thể đang xoay chiều. Hai ngày trước khi ông Reagan qua đời, tờ nhật báo bảo thủ của Wall Street đăng một bài trên trang nhất báo tin phong trào cấp tiến đang phục hồi ở nước Mỹ. Có thêm nhiều người Mỹ tự coi mình là cấp tiến trong khi số người tự coi mình là bảo thủ giảm xuống. Không những thế, các ứng cử viên đảng Dân Chủ lại đang thu hút được nhiều tiền ủng hộ để tranh cử không thua gì các ứng cử viên Cộng Hòa.

Phái Cấp tiến đang lên

Trong lúc tờ báo của phe bảo thủ vui mừng về tình trạng kinh tế khả quan như vậy, thì những người thuộc phái cấp tiến cũng vui mừng, vì khuynh hướng cấp tiến đang lên cao trong dân chúng Mỹ. Vẫn theo tờ báo của Phố Wall, một cuộc nghiên cứu cho biết vào tháng Năm vừa qua có 21 phần trăm người Mỹ tự nhận mình thuộc phái "cấp tiến;" tăng gần một phần ba so với tháng trước đó. Trong cùng thời gian, những người tự coi mình là bảo thủ giảm đi, từ 41 phần trăm xuống 37 phần trăm. Cũng trong nhật báo *Wall Street*, họ cho biết số người tự nhận là theo đảng Cộng Hòa đang xuống, đảng Dân Chủ đang lên. Năm 2002 cuộc nghiên cứu dư luận của báo này thấy có 37 phần trăm dân Mỹ tự nhận là Cộng Hòa, 36 phần trăm Dân Chủ. Năm nay có 42 phần trăm Dân Chủ và 39 phần trăm Cộng Hòa; hai con số này đều lớn hơn trước chứng tỏ dân Mỹ bây giờ có thái độ chính trị rõ ràng hơn và quyết liệt hơn, nói cách khác là chia rẽ hơn. Đó cũng là do ảnh hưởng của nhiệm kỳ Tổng thống Bush, số người yêu ông hoặc ghét ông ngày càng trở nên rõ rệt và thâm sâu hơn.

Một hiện tượng khác khiến nhật báo Phố Wall nhận thấy phe cấp tiến đang lên, là thị trường sách báo. Những cuốn sách chỉ trích Tổng thống Bush đang bán rất chạy, những cuốn sách ca tụng ông cũng bán chạy nhưng không bằng. Có hai tờ tạp chí tiêu biểu cho hai khuynh hướng. Số bán của tờ The Nation cấp tiến tăng lên, từ 102 ngàn năm 2001, lên 140 ngàn giữa năm 2003, bây giờ lên 160 ngàn. Tạp chí bảo thủ National Review năm 2001 bán được 159 ngàn, năm nay xuống 155 ngàn.

Khi nói "bảo thủ" hay "cấp tiến" hiểu theo hai nghĩa, kinh tế hoặc xã hội, dân Mỹ có thể đi hàng hai! Một người ủng hộ cắt thuế và đòi tự do cho các xí nghiệp, là bảo thủ về kinh tế; nhưng người đó cũng có thể chọn thái độ cấp tiến về xã hội, chẳng hạn đồng ý phụ nữ có quyền phá thai hoặc chấp nhận hôn nhân đồng tính. Ngược lại, có những người nghèo ở nông thôn không đồng ý các đạo luật cắt thuế nhưng quyết liệt chống phá thai, chống hôn nhân đồng tính và bảo vệ quyền mua súng tự do. Khi một cử tri như vậy muốn chọn ai để bỏ phiếu, họ phải quyết định coi đối với họ quyền lợi kinh tế mạnh hay thái độ xã hội mạnh hơn. Một điều khó khăn cho đảng Dân Chủ là ông Kerry chưa tạo được một liên minh vững chắc ngay trong phe cấp tiến. Cựu Tổng thống Clinton đã thắng trong hai lần tranh cử vì ông tự trình bầy như một người "Dân Chủ trung dung." Những người ủng hộ ông Kerry bây giờ phần lớn vì họ chống ông Bush về chiến tranh Iraq.

Còn cộng sản, còn tham nhũng

Một vị trọng thần nhà Nguyễn làm quan ba đời vua, khi chết đi thì vợ con vẫn trở về trong ngôi nhà cũ, ngôi nhà ông có sẵn từ trước khi ra làm quan. Khi các quan trong triều đến viếng, nhà chật quá không đủ chỗ. Gia phả con cháu ông còn giữ lại cho biết ông lúc nào cũng giữ lòng chính trực quang minh bảo vệ danh giá gia đình; chính ông cũng dặn dò con cháu nếu làm quan hãy giữ đức liêm chính để khỏi làm mất danh thơm của tổ tiên.

Đời xưa ở nước ta đã có nạn tham nhũng, mà đời nào ở đâu thì cũng có. Nhưng tham nhũng đời trước không có hệ thống như bây giờ. Thời nhà Nguyễn, khi ông Nguyễn Công Trứ đi làm doanh điền sứ, nhà vua thấy ông túng thiếu vì đồng lương không đủ dùng đã cho thêm tiền tiêu, gọi là tiền "dưỡng liêm," nghĩa là nuôi tấm lòng liêm khiết cho khỏi bị cám dỗ. Từ ngữ Hán Việt này lại mới được tờ báo Thanh Niên ở trong nước dùng lại. Báo này loan tin Tòa án Tối cao ở Việt Nam đã dành cho các quan chức trong ngành tư pháp như thẩm phán, thư ký tòa án, mỗi tháng lãnh thêm 120,000 đồng Việt Nam, "gọi nôm na là tiền dưỡng liêm." Số tiền đó tương đương gần bằng 10 đô la Mỹ,

nhưng có thể bằng một phần năm lương thẩm phán mới vào nghề. Theo tờ báo trên, lương thư ký tòa án, tức là những người có triển vọng sẽ lên chức thẩm phán, là từ gần 500 ngàn ngạch một đến gần một triệu, ngạch thứ 15. Nếu một thư ký làm việc tốt, hai năm được thăng ngạch một lần thì sau 30 năm sẽ lãnh lương gần bằng 80 đô la một tháng. Còn thẩm phán có chín ngạch, lương từ hơn 600 ngàn đến hơn một triệu đồng Việt Nam. Tờ báo Thanh Niên đã đã nêu lên nỗi trăn trở của những người cầm trong tay cán cân pháp luật, nghiênh về phía nào thì phía đó được hưởng hàng ngàn lượng vàng hay hàng triệu mỹ kim, phía bên kia phải trả. Những người nắm trong tay nhiều quyền lực như vậy mà đồng lương của chính họ chỉ đủ sống bẩy ngày trong một tháng, tất nhiên họ phải tìm cách xoay xở để sống thêm ba tuần lễ khác trong tháng! Đó là một lý do sinh ra nạn tham nhũng, không những trong giới quan tòa mà còn lan tràn trong nước!

Nhưng đó cũng không phải là lý do quan trọng nhất. Vì trong lịch sử nước ta không thiếu gì những vị quan án sát sống nghèo nàn, bổng lộc không đủ dùng phải trông cậy vào gia đình, nhất là nhờ các bà vợ đảm đang, tần tảo. Mà họ vẫn giữ được đức thanh liêm. Chế độ cộng sản bây giờ có những đặc tính khác với thời quân chủ, phong kiến xưa kia, khiến cho nạn tham nhũng hiện nay bành trướng và được cả guồng máy chế độ duy trì, nuôi dưỡng. Đó là một chế độ bản chất là "dưỡng tham" chứ không "dưỡng liêm."

Trước hết, độc tài sinh ra tham nhũng, chế độ cộng sản là độc tài toàn trị càng tạo thêm cơ hội cho tham nhũng hoành hành. Trong chế độ quân chủ, tuy trên nguyên tắc ông vua có toàn quyền nhưng trải qua nhiều thế kỷ tổ tiên chúng ta đã thiết định nhiều cơ cấu để hạn chế quyền vua và quyền hành của các quan lại. Trong triều đình, các cơ quan như ngự sử, đô sát viện, nội các và cơ mật viện độc lập với nhau và có bổn phận kiểm soát lẫn nhau. Nếu cơ mật viện thấy nội các quyết định hoặc làm những việc sai lầm thì có bổn phận phải tâu vua về các sai lầm đó, nếu không cũng chịu trách nhiệm vì không làm đúng bổn phận. Ngược lại, các vị thượng thư trong nội các cũng có thể tố giác những sai lầm của viện cơ mật. Làm cách nào các cơ quan trên có thể thi hành việc kiểm soát lẫn nhau, theo lối "check and balance" trong chế độ dân chủ ở Mỹ? Trước hết, vì họ không ở chung trong một đảng chính trị duy nhất, không chịu sự chi phối của một Bộ Chính trị. Chế độ cộng sản ngày nay không tạo được tính cách độc lập giữa chính phủ, quốc hội, viện kiểm sát, tòa án, vì tất cả đều cho Trung ương đảng chỉ huy, quyền lợi liên hệ chồng chéo với nhau.

Trong thời quân chủ, trong triều đình còn các chức quan ngự sử có quyền đàn hặc quan lại, thậm chí có thể viết sớ kể ra những sai lầm của nhà vua. Những ông Nguyễn văn Tường, Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ đã từng viết những sớ, biểu can gián vua, vạch ra các sai lầm của vua, mà sau đó họ vẫn tiếp tục được trọng dụng. Gần đây trong chế độ cộng sản ở Việt Nam cũng có những lãnh tụ đảng viết thư hoặc tuyên bố nêu lên những sai lầm của đảng, như Võ Nguyên Giáp, Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ, vân vân. Nhưng các người này chỉ trích giới lãnh đạo đảng sau khi chính họ đã mất quyền hành; nếu họ còn được nắm quyền thì họ cũng ngậm miệng hưởng thụ. Vì trong cơ chế đảng Cộng Sản cũng như trong chế độ nhà nước không có ai dám "đàn hặc" lãnh tụ mà không sợ bị phế bỏ, mất hết quyền hành và lợi lộc. So với chế độ quân chủ đời Nguyễn thì chế độ cộng sản thời nay còn chuyên chế hơn nhiều. Đó là một lý do cơ bản sinh ra tham nhũng và không bao giờ giảm bớt được tham nhũng.

Trong tháng Sáu qua, các lãnh tụ cộng sản đã đi thăm "cử tri" để chứng tỏ họ cũng quan tâm đến ý kiến của những người đã bầu họ vào quốc hội. Ông Nông Đức Mạnh thăm dân Hà Nội, ông Phan Văn Khải vào Hóc Môn, ông Nguyễn Văn An thì đi đà Nẵng. Theo tin báo chí trong nước, đi đâu các lãnh tụ cộng sản cũng phải nghe những lời than phiền về tham nhũng. Nói chung, các lãnh tụ cộng sản cũng như các bài trên báo chí cộng sản thường nhấn mạnh tới việc"tu dưỡng đạo đức" để chống tham nhũng.

Nhưng "tu dưỡng đạo đức" không đủ. Khi xã hội cổ xưa còn theo chế độ nhân trị, lấy cá nhân con người làm căn bản việc trị nước, thì nói "tu dưỡng đạo đức" là coi như đủ. Nhưng xã hội ngày nay phức tạp hơn, phân hóa hơn, đạo đức cá nhân không đủ để thay đổi đời sống xã hội, nhất là một xã hội đã sa đọa. Cần phải có cơ chế, pháp luật, và tinh thần trọng pháp, phân quyền rành mạch. Nghĩa là cần dân chủ hóa và xây dựng một

xã hội pháp trị. Từ đầu thế kỷ 20, Phan Châu Trinh đã diễn thuyết ở Sài Gòn phân biệt cho quốc dân thấy chủ nghĩa nhân trị đã lỗi thời, nước ta cần tiến đến con đường pháp trị. Nhưng các lãnh tụ cộng sản, từ Hồ Chí Minh trở xuống, đều đi ngược lại con đường mà Phan Châu Trinh vạch ra. Họ nhập cảng vào nước ta một chế độ lấy đảng trị làm gốc, và trong chế độ đó họ coi việc giáo dục cán bộ, đảng viên theo chính sách của đảng còn quan trọng hơn việc xây dựng các định chế pháp luật.

Nhưng tại sao các quan lại thời quân chủ chuyên chế đa số vẫn bảo vệ đạo đức cá nhân chứ không tệ hại như các ông cán bộ hải quan, công an, thẩm phán như trong chế độ cộng sản bây giờ? Vì thời xưa ở nước ta có một nền đạo lý chung, được toàn dân từ trên xuống dưới chấp nhận, là luân lý Khổng Mạnh. Hồ Chí Minh đã xóa bỏ nền đạo lý cổ truyền đó. Vì tuy ông Hồ lúc nào cũng nhắc đến các khẩu hiệu như "cần, kiệm, liêm, chính," của nhà Nho, nhưng chính ông ta đã xây dựng nên một chế độ trong đó lòng trung thành với đảng, tuân lệnh cấp trên là đức tính quan trọng nhất, vượt lên trên tất cả các đức tính cổ truyền khác. Trong chế độ đó, lòng trung thành với đảng, tức là với cấp trên, là thước đo duy nhất để mỗi người được thăng tiến trong xã hội. Ngày nay đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn tiếp tục chủ trương đó, các lãnh tụ bảo vệ lẫn nhau theo lối xử lý nội bộ, họ đứng trên luật pháp, do đó cũng bất chấp pháp luật. Chế độ đó không thể nào chuyển thành một chế độ pháp trị nếu đảng Cộng Sản vẫn còn tiếp tục chiếm độc quyền làm việc nước. Mà khi một đảng cứ tiếp tục chiếm độc quyền thì không thể nào giảm bớt tham nhũng.

Đạo lý suy vi, nói "tu dưỡng đạo đức" đến bao lần cũng không hiệu quả, cũng vì tự bản chất các đảng cộng sản đều là những đảng đạo đức giả. Một mặt họ vẫn hô hào những khẩu hiệu dân chủ, công bằng, mặt khác họ vẫn bảo vệ bằng được một cơ chế trong đó các đảng viên có thể chiếm những đặc quyền, đặc lợi. Mối lợi lớn nhất mà các đảng viên được hưởng chính là quyền hành, một thứ quyền hành tuyệt đối, không bị ai kiểm soát và không chịu trách nhiệm với ai ngoài cấp trên của họ. Khi các lãnh tụ cộng sản nói một đường, làm một nẻo mãi mãi, thì tinh thần đạo đức giả được phổ cập từ trên xuống dưới. Đạo lý của cả dân tộc bị suy vi từ đó. Trong một xã hội mà "người công nhân giả bộ làm việc, nhà nước giả bộ trả lương" ai cũng coi là chuyện bình thường, thì tất cả được thả lỏng hoặc khuyến khích đi ăn cắp. Những kẻ có quyền tất nhiên có khả năng ăn cắp nhiều hơn và dễ dàng hơn. Những vị thẩm phán lương chỉ đủ ăn bẩy ngày một tháng thì họ phải xoay xở ra sao? Nếu họ trở thành tham nhũng thì đó là do chế độ cộng sản đã đẩy họ tới đường cùng, chứ con người ta nhất là người Việt Nam không ai sinh ra đã là một thằng ăn cắp, tham nhũng, bán sỉ và bán lẻ quyền hành cả.

Cho nên, còn chế độ cộng sản thì còn tham nhũng mãi mãi. Muốn bắt đầu giảm bớt tham nhũng, trong tòa án cũng như trong nền hành chính, thì trước hết phải xóa bỏ chế độ cộng sản đi.

Tối Cao Pháp Viện khác Nhà Nước

Trong guồng máy hành chánh ở Việt Nam các thẩm phán được coi chỉ là những công chức thuộc bộ Tư pháp. Nhưng ở các nước theo truyền thống dân chủ thì chức vụ thẩm phán phải độc lập với ngành hành pháp. Có hai cách khiến vai trò độc lập của thẩm phán được bảo vệ. Người cầm cán cân công lý hoặc phải được dân chúng bầu lên chứ không do nhà nước bổ, hoặc được bổ nhiệm mãn đời không phải lo làm vừa lòng ai ngõ hầu được bổ nhiệm lần sau. Ở nước Mỹ, các thẩm phán Tối cao Pháp viện do các vị tổng thống chọn nhưng phải được Thượng viện thông qua, và họ có thể giữ chức cho đến khi tự ý nghỉ hay tạ thế. Các vị tổng thống đề cử ai cũng tự nhiên thiên vị chọn những người cùng chia sẻ quan điểm với mình, căn cứ vào quá trình của người đó khi xử án, khi diễn thuyết hay viết trên các tạp chí pháp luật. Có nhiều trường hợp các ứng viên của tổng thống bị hơn 40 Nghị sĩ chống là đủ để gây bế tắc không thể được Thượng viện thông qua. Nhưng một khi đã vào ngồi một trong chín cái ghế thẩm phán tối cao, các vị này hoàn toàn độc lập.

Cuối tháng Sáu nhiều vị thẩm phán tối cao ở Mỹ đã chứng tỏ tinh thần độc lập đó khi đưa ra ba phán quyết bác bỏ nhiều lý luận của chính phủ George W. Bush trong việc giam giữ những "chiến binh thù nghịch" trong cuộc chiến chống khủng bố, không theo đúng các thủ tục pháp lý của nước Mỹ cũng như không theo quy ước Genève về tù binh chiến tranh.

Tháng Hai vừa qua, bộ trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld nói rằng các tù nhân ở Guantánamo không phải là tù binh chiến tranh, cũng không

phải là những tội phạm, cho nên không được hưởng các thủ tục pháp lý thông thường của Mỹ và quy ước Genève. Chính phủ Bush cũng thường lý luận rằng Guantanámo không thuộc lãnh thổ Mỹ mà nằm trên đất Cuba cho nên những tù nhân ở đó không được hưởng các thủ tục pháp lý Mỹ. Họ không có quyền tiếp xúc với luật sư và không được kháng nghị lên các tòa án ở Mỹ.

Trong hai phán quyết, Tối cao Pháp viện đã phán những tù nhân "chiến binh thù nghịch" đó có quyền kháng nghị trước tòa án nước Mỹ chống lại việc giam giữ họ. Nhiều gia đình của những người bị bắt ở Afghanistan từ năm 2001, coi là thuộc tổ chức al Qaeda hay theo chế độ Taliban, hiện giam ở căn cứ quân sự Guantanamo của Mỹ ở Cuba, đã kiện đòi họ phải được xử theo đúng pháp trình (due process.) Trong trường hợp của Yaser Esam Hamdi, một công dân Mỹ bị giam ở một căn cứ quân sự tại tiểu bang South Caarolina như một "chiến binh thù nghịch" sau khi bị bắt ở Afghanistan, Tối cao Pháp viện cũng phán chính phủ Mỹ phải công nhận quyền kháng nghị của anh ta. Thẩm phán Tối cao Sandra Day O'Connor viết: "Tình trạng chiến tranh không phải là một tấm ngân phiếu trắng cho vị Tổng thống khi đụng tới những quyền của một công dân." Thẩm phán O'Connor nhắc lại một đạo luật năm 1971 của quốc hội Mỹ bác bỏ một luật thời chiến tranh thứ hai, cho phép chính phủ Mỹ giam giữ các công dân gốc Nhật Bản. Bà viết: "Chính trong những thời điểm bất trắc và gay go nhất mà mối quyết tâm theo đúng pháp trình của dân tộc ta bị thử thách một cách mạnh mẽ nhất. Chính trong những lúc đó chúng ta ở trong nước phải bảo vệ mối quyết tâm theo đúng các nguyên lý, mà chúng ta chiến đấu ở nước ngoài vì những nguyên lý đó." Luật sư của tù nhân Hamdi do chính phủ cung cấp miễn phí thì nói, "Có một điều thâm sâu ăn trong cá tính dân tộc Mỹ từ nhiều thế kỷ qua, là ông vua, người nắm quyền hành pháp, không được bỏ người ta vào tù rồi vứt chìa khóa đi!"

Nguyên lý "đúng pháp trình" (due process) được nhắc lại buộc chính phủ Mỹ phải tôn trọng quyền tự do của các "chiến binh thù nghịch," một khái niệm không phải thường phạm cũng không phải tù binh, mà Tòa án Tối cao không bác bỏ khái niệm đó. Thẩm phán tối cao John Paul Stevens nói rằng ngoài quyền kháng nghị đòi tự do theo quy tắc nhân quyền habeas corpus, các tù nhân ở Guantánamo còn có quyền kiện chính phủ Mỹ theo một đạo luật có từ năm 1789 và dành cho người nước ngoài, cho phép những người nước ngoài bị giam giữ ở Mỹ kiện chính phủ Mỹ vi phạm các hiệp định và sai với pháp luật của các quốc gia.

Những phán quyết của Tối cao Pháp viện Mỹ cho thấy tính chất độc lập của định chế này. Đó là cơ quan bảo vệ luật pháp quốc gia cao nhất, đồng thời cũng là một định chế bảo vệ nhân quyền, cho cả người nước ngoài, bất chấp các quan điểm chính trị phe đảng. Khi các thẩm phán liên bang Mỹ được chính phủ đề cử cho Thượng viện phê chuẩn, tất nhiên chính phủ nào cũng chọn những người cùng quan niệm về luật pháp với mình. Có những vấn đề giải thích pháp luật có thể bị ảnh hưởng của quan niệm đạo lý, tôn giáo hoặc xu hướng chính trị. Chẳng hạn những cách người ta giải thích giới hạn quyền hành của các cấp chính phủ liên bang và tiểu bang, người theo đảng Cộng Hoà ở miền Nam đề cao quyền của tiểu bang nhiều hơn những người khác. Vấn đề quyền phá thai, vấn đề hôn nhân của những người cùng tính phái, hay quyền mua và sử dụng súng, đều thay đổi tùy khuynh hướng chính trị bảo thủ hoặc cấp tiến. Vị tổng thống nào cũng muốn đem vào Tối cao Pháp viện những thẩm phán cùng quan điểm với mình để tạo ảnh hưởng lâu dài trên chính sách chung của quốc gia, vì làm tổng thống có thời hạn chứ thẩm phán tối cao thì còn đó mãi.

Nhưng sau khi nhậm chức, các vị thẩm phán tối cao không còn lệ thuộc vào đảng đã đề cử mình nữa. Ý kiến của họ có thể thay đổi trong từng phán quyết, mặc dù các quy tắc luật pháp của họ không đổi. Tổng thống Eisenhower, đảng Cộng Hòa, đã từng nói rằng nhầm lẫn lớn nhất trong tám năm làm tổng thống của ông là đề nghị ông Eral Warren làm Chánh án Tối cao Pháp viện. Ông Eisenhower biết thẩm phán Warren là một người có khuynh hướng bảo thủ, cho nên mời làm chánh án tối cao. Nhưng chính ông Warren năm 1954 đã phán quyết bác bỏ chính sách kỳ thị mầu da trong trường học, trong vụ án nổi tiếng Brown kiện Hội đồng giáo dục (Brown v. Board of Education.) Ông đã trở thành một thẩm phán tối cao rất cấp tiến, như khi bảo vệ quyền của các bị can.

Sau kinh nghiệm đó, các ứng cử viên tổng thống đảng Cộng Hòa trong lúc vận động tranh cử thường vẫn cam kết sẽ đề cử các

thẩm phán tối cao bảo thủ nếu có chỗ trống khi họ nhậm chức. Nhưng sau khi được Tổng thống Nixon bổ nhiệm, thẩm phán Harry Blackmun lại là người đã viết phán quyết Roe v. Wade công nhận quyền phá thai, một án lệ được phe cấp tiến hoan nghênh và bảo vệ đến cùng. Các thẩm phán tối cao Lewis Powell, do Tổng thống Nixon bổ, Stevens do Tổng thống Ford bổ, cuối cùng thường bỏ phiếu theo khuynh hướng cấp tiến. Bà Sandra Day O'Connor là vị thẩm phán tối cao đầu tiên do Tổng thống Reagan bổ nhiệm, bà vẫn giữ tinh thần nảo thủ nhưng thường hay bỏ phiếu giống ông Powell. Ông Anthony Kennedy cũng do ông Reagan đề cử còn tỏ ra cấp tiến trong nhiều vụ án hơn nữa. Cựu Tổng thống George Bush (cha) có cùng một kinh nghiệm với việc bổ nhiệm thẩm phán tối cao David Souter, một người ông tin là bảo thủ. Nhưng năm 1992 ông Souter đã bỏ phiếu giống bà O'Connor và ông Kennedy bảo vệ phán quyết Roe v. Wade. Từ đó giới chính trị bảo thủ ở Mỹ đã thề không bao giờ để cho một vụ Souter khác xẩy ra. Giữa các nhiệm kỳ tổng thống Cộng Hòa trên, ông Carter không bổ nhiệm thẩm phán tối cao nào vì không có chỗ trống. Thời ông Clinton, ông bổ nhiệm hai người tương đối ôn hòa, trung dung là bà Ruth Bader Ginsberg và ông Stephen Breyer. Hiện nay đa số các thẩm phán tối cao do các vị tổng thống đảng Cộng Hòa bổ nhiệm, nhưng điều đó cũng không khiến cho họ quyết định theo khuynh hướng của vị tổng thống cùng đảng. Vì vậy chúng ta mới được thấy phán quyết bác bỏ những lý luận của chính phủ George W. Bush trong việc giam giữ các người tình nghi khủng bố.

Làm sao kẻ sĩ giữ độc lập?

Yếu tố quan trọng để bảo vệ tinh thần độc lập của các thẩm phán, nhất là thẩm phán tối cao, là họ được bổ nhiệm mãn đời, không lệ thuộc vào quyết định tái bổ nhiệm của người nắm quyền hành pháp. Tất nhiên, lương bổng của họ, ngân sách để tổ chức văn phòng, thuê mướn nhân viên của họ đầy đủ, chứ không nghèo nàn và tùy thuộc nhà nước như ở Việt Nam. Nhưng còn một yếu tố khác khiến các vị thẩm phán, cũng như các chuyên viên làm việc cho chính phủ vẫn giữ được tinh thần độc lập, chính là bầu không khí đạo đức trong xã hội. Những vị được tổng thống Mỹ bổ nhiệm vào Hệ thống Dự trữ Liên bang chẳng hạn, họ cũng không quyết định chính sách lãi suất theo nhu cầu chính trị của ông tổng thống. Vì trong xã hội mọi người chia sẻ một quan niệm kính trọng đức trung thực, chí công vô tư, nghiêm cẩn của những nhà trí thức và chuyên môn. Họ đều có danh dự nghề nghiệp phải bảo vệ, không để lợi lộc chi phối làm mất danh tiếng của mình.

Kẻ sĩ ở nước ta ngày xưa cũng như vậy. Khi Phan Thanh Giản dám viết sớ đàn hặc các lỗi lầm của nhà vua, ông biết mình có thể bị mất chức, có thể còn bị bắt bớ giam cầm. Nhưng danh dự của kẻ sĩ khiến ông làm đúng bổn phận của mình. Thứ sĩ khí đó được bảo vệ do một định chế là tinh thần đạo lý bao trùm cả một dân tộc. Kẻ sĩ không lo mất quyền lợi bằng lo mất tiếng tốt, mà tiếng tốt là do xã hội quyết định ban cho người nào xứng đáng. Nền đạo lý trong xã hội được lịch sử bảo vệ, cho nên kẻ sĩ lúc nào cũng thấy mình đứng trước tòa án của lịch sử, nghĩ đến tên mình sẽ được ghi trong sử xanh như thế nào.

Như vậy thì tại sao có những người trí thức hoặc chuyên gia ở nước ta bây giờ không giữ được phẩm giá của kẻ sĩ thời xưa?

Phải nói rằng dưới chế độ cộng sản đạo lý đã bị đảo lộn. Chủ nghĩa cộng sản muốn lật nhào tất cả các bậc thang giá trị cổ truyền để thay thế bằng một nền đạo đức Mác Lê mới, bắt đầu với việc phá bỏ giềng mối gia đình, tình lân lý. Họ coi chỉ có đảng cộng sản mới là quan trọng, lòng trung thành với đảng thay thế tất cả các thước đo đạo lý khác. Thực tế, đó là lòng khiếp sợ và vâng lời cấp trên trong đảng.

Nhưng chính những người ở trên cùng đó, như Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Trường Chinh, Lê Đức Thọ, tại sao họ không quan tâm đến tiếng tốt hay xấu, không cần biết xã hội và lịch sử sẽ phê phán họ như thế nào? Có lẽ đầu óc độc đoán, kiêu căng của họ là do thói quen dùng thủ đoạn tuyên truyền mà ra. Họ không cho phép ai phê phán, ngăn cấm tự do ngôn luận, không chấp nhận đối lập; cho nên cuối cùng họ chỉ được nghe những điều gì họ nói tốt cho chính mình! Họ đã học được của Stalin cái thói viết lại lịch sử, sửa chữa lịch sử, cho nên họ tin rằng dù họ làm cái gì thì đời sau cũng bị lừa. Nước ta muốn phục hưng xã hội và văn hóa thì cần chấm dứt tình trạng độc quyền ngôn luận và độc quyền viết lịch sử. Còn chế độ cộng sản do Hồ Chí Minh để lại vẫn nắm độc quyền thì khó lòng thay đổi./.

XEM PHIM ẢNH BẰNG DVD

THANH THẢO

Mấy tuần lễ nay bận rộn với công việc nên ngày nghỉ người viết chỉ thích làm vườn, dọn dẹp nhà và chơi với các con đến lúc sực nhớ đến cuốn phim định chở con đi xem thì các rạp hát đã ngừng chiếu cuốn phim này. Không lẽ chủ các rạp hát không thích kiếm tiền sao mà lại ngưng chiếu phim mới sau có... ba tháng? Hay việc rạp ngưng chiếu phim sau ba tháng do một nguyên nhân nào khác mà người tiêu thụ chưa được rõ?

Trước đây đa số phim màn ảnh rộng được trình chiếu tại các rạp hát ít nhất là từ năm đến sáu tháng rồi phim mới được ngưng chiếu. Khán giả có nhiều thời giờ chọn xem thích đi coi phim nào tại rạp. Sau khi phim đã ngừng chiếu và đa số khán giả cũng quên bớt tình tiết cốt truyện rồi phim mới được tung ra thị trường bán lẻ dưới dạng đĩa phim DVD. Nếu phim hay người khán giả có thể đi mua DVD để xem lại. Còn nếu lỡ dịp xem phim tại rạp, người khán giả phải chờ đợi khá lâu nên họ thường chịu khó xếp hàng đi xem tại rạp trong thời gian phim được chiếu.

Nhưng nay tuần tự thời gian kể trên đã đổi thay nhiều.

Ngày nay đa số phim được chiếu có ba tháng rồi ngưng chiếu để các nhà tài phiệt Hollywood có cơ hội kiếm thêm thật nhiều tiền. Theo bài tường thuật đăng trên tạp chí *BusinessWeek*, các công ty sản xuất phim ảnh thu lợi nhờ tung ra thị trường các đĩa phim DVD và bán thêm những sản phẩm liên quan đến các nhân vật của những bộ phim này cao gấp đôi hoặc gấp nhiều lần so với tiền thu vào từ vé bán ra tại các rạp chiếu phim.

Công ty chuyên quan sát các hãng sản xuất phim ảnh Adams Media Research cho biết chính vì lý do này mà hãng phim Miramax của công ty Disney sẽ tung ra thị trường phần hai của bộ phim ăn khách "Kill Bill volume 2," do nữ tài tử Uma Thurman thủ vai chính, chưa đầy bốn tháng sau khi phim này rầm rộ ra mắt tại hàng loạt nhiều rạp hát toàn quốc.

Hãng phim Sony cho biết cũng sẽ đồng loạt giới thiệu các phim ăn khách của hãng chẳng hạn phim "Hellboy" chừng ba đến khoảng bốn tháng sau khi trình chiếu tại rạp.

Nhưng không phải quyết định tung phim dưới dạng DVD của các hãng sản xuất phim làm hài lòng mọi giới. Ngoại trừ giới thanh niên thiếu nữ choai choai thích vào rạp hát để xem phim theo lối tụm năm tụm ba, đa số người có gia đình hoặc phải làm hai, ba công việc trong giới tiêu thụ có thể hài lòng vì không cần phải chờ lâu mà có thể xem cuốn phim mới trên DVD chỉ chừng ba tháng sau khi chiếu tại rạp trong sự thoải mái tại nhà riêng.

Nhưng cũng chính vì giới tiêu thụ không còn cảm thấy cần đi xem phim tại rạp mà giới chủ nhân các rạp chiếu phim màn ảnh rộng cảm thấy bất an. Nguồn lợi nhuận từ việc bán vé phim khoảng $9.50 vé người lớn; $8.00 vé trẻ em đâu phải là nhỏ. Họ phải làm sao đây?

Giới chủ nhân các rạp chiếu bóng đã hợp lực phản đối ý định tung phim ra thị trường bằng DVD dưới thời hạn ba tháng của các công ty sản xuất. Để chứng tỏ xác quyết của mình, các rạp hát đã định tẩy chay không chiếu phim "From Justin to Kelly," một phim mùa Hè của giới trẻ do công ty Fox thực hiện chỉ vì Fox đòi bán DVD phim này trong vòng sáu tuần lễ. Công ty Fox đành phải nhượng bộ chờ đợi sau ba tháng mới tung DVD ra thị trường. Các rạp hát còn tăng số rạp chiếu cùng một phim trong thời hạn chỉ có ba tháng ngắn ngủi trước khi bị thị trường DVD cạnh tranh. Vì lý do này quí vị thấy dễ tìm rạp chiếu phim mới hơn thời gian trước nhiều.

Trong bất cứ lãnh vực nào cũng thế, sự giằng co của các thế lực cạnh tranh thường mang lợi cho người tiêu thụ. Chỉ mong sao các rạp hát và các công ty sản xuất phim ảnh đừng giằng co mạnh tay quá vì câu tục ngữ Việt "già néo đứt giây" áp dụng trong trường hợp này đúng hết cỡ.

Phần người viết, tuần này trong ngày Chủ Nhật tha hồ mua DVD về xem phim với con tại nhà. Nhiều DVD để chọn quá không biết phải xem phim nào trước đây?

BẢO PHÍ NHÀ VÀ NẠN MỐC

Hàng năm cứ vào mùa Hè người chủ nhà nào cũng lo ngại tiền bảo hiểm nhà tăng. Có năm tỉ lệ tăng này cao xấp xỉ mức lạm phát. Có những

năm, như năm ngoái, tỉ lệ tăng vượt mức lạm phát nhiều như mức tăng 7.4%. Năm nay theo cơ quan phổ biến về bảo hiểm Insurance Information Institute, tỉ lệ tăng của bảo phí tai nạn nhà chỉ có 2.8%, mức tăng ít nhất trong năm năm qua.

Lý do nào các hãng bảo hiểm lại tăng bảo phí chỉ bằng 1/3 năm ngoái trong năm nay?

Theo tạp chí *BusinessWeek* số phát hành ngày 21 tháng 6, 2004 có hai lý do chính dẫn đến giá bảo phí nhà tăng ít trong năm 2004.

Lý do thứ nhất là vì giới điều hành các hãng bảo hiểm nhà toàn quốc Hoa Kỳ vừa thở phào nhẹ nhõm khi biết quyết định của chính quyền 46 tiểu bang về trách nhiệm của các công ty bảo hiểm.

Phán quyết quan trọng này cho rằng các công ty bảo hiểm không bị buộc chịu trách nhiệm về những đơn kiện liên quan đến chứng mốc meo, tức là "mold," mọc trong nhà.

Tháng Năm vừa qua kết quả một cuộc nghiên cứu về tác hại của mốc meo được công bố. Theo cuộc nghiên cứu này mốc không hại cho sức khỏe con người nhiều như lầm tưởng trước đây.

Cũng vì những đơn kiện về tác hại của chứng mốc trong nhà mà các hãng bảo hiểm đã phải bồi thường trên $ 3 tỉ Mỹ kim năm 2002 khiến giá bảo phí trong năm 2003 tăng vọt đáng kể.

Lý do thứ hai là vì giới chủ nhà yêu cầu mua thêm bảo hiểm chống họa khủng bố trong năm 2003 giảm nhiều so với năm 2002. Một phần vì người Mỹ nghĩ rằng tỉ lệ họa khủng bố xảy ra ngay trong nước Mỹ không cao như họ lo sợ vào thời kỳ ngay sau vụ khủng bố tấn công ngày 11 tháng 9, 2001.

Họa khủng bố là điều chúng ta không thể kiểm soát nên theo thời gian và nỗ lực đề phòng của quốc gia và từng địa phương sự lo ngại có thể giảm dần hy vọng không có lần tấn công nào khác.

Còn nạn mốc meo tuy không còn là trách nhiệm của các hãng bảo hiểm nhưng vẫn là trách nhiệm của người chủ nhà cho dù có ý định bán nhà hay tiếp tục cư ngụ trong căn nhà có nạn mốc. Chú tâm một chút người chủ nhà có thể tìm ra nạn này trước khi trở thành nạn nhân của một tiến trình sinh học bình thường trong không gian này.

Theo ông Jeffrey C. May, một chuyên gia về chất lượng không khí và đồng tác giả của sách *My House Is Killing Me!* và *The Mold Survival Guide*, do công ty Johns Hopkins University Press xuất bản, chủ nhà cần chú ý đến một vài điều sau đây nhằm chặn đứng nạn mốc trong nhà mình.

1. Những dấu hiệu nhà có mốc: Nếu quí vị ngửi thấy trong nhà có mùi ẩm mốc và nếu bạn bè, người thân cho biết quần áo của quí vị có mùi mốc quí vị cần chú ý tìm nơi có mốc trong nhà. Điều này đặc biệt cần thiết nếu quí vị bị bệnh ho, suyễn (asthma) và xoang mũi (sinus) mà nằm dưỡng bệnh trong nhà đã không khỏi còn thấy bệnh có vẻ nặng hơn. Nhiều người bị dị ứng với nạn mốc lên cơn suyễn mà có khi nguyên nhân gây mốc chỉ là củ hành tây bị hư hoặc ống dẫn hơi máy điều hòa không khí bị mọc mốc.

2. Những nơi mốc thường sinh sôi nhiều nhất: Nếu trong nhà quí vị có hệ thống điều hòa không khí toàn căn nhà mốc thường lan ra dễ dàng hơn. Kế đến là máy sưởi vì ống dẫn hệ thống này thường phải chạy vào những nơi ẩm thấp trong nhà. Khi ống hơi giữ nước đọng lâu ngày cơ hội mọc mốc sẽ tăng. Lúc bật máy điều hòa không khí hoặc máy sưởi quí vị tạo cơ hội cho những cụm mốc lan ra những nơi khác trong hệ thống ống dẫn các máy này hoặc lan ra toàn căn nhà.

3. Thảm và những nhà có hầm: Khoảng 90% thảm trải trong những căn hầm nhà (thường chỉ thông dụng tại miền Đông và trung tâm nước Mỹ) thường có mốc, những loại vi trùng hoặc các loại bọ hoặc sinh vật khác, theo ông Jeffrey C. May. Tuy đa số những loại trùng bọ và sinh vật này vô hại với khoảng 3 phần 4 người không bị chứng dị ứng nhưng người mắc chứng dị ứng thường bị bệnh vì các sinh vật này.

4. Cách trị nạn mốc trong nhà: Quí vị có thể trị được nạn mốc trong nhà bằng cách sửa hết những nơi có nước đọng hoặc rỉ nước từ mái nhà cho đến ống thoát nước mưa. Giữ độ ẩm trong những căn hầm nhà dưới 50% và mua máy đo độ ẩm (digital hygrometer) trong nhà. Máy đo độ ẩm loại tốt thường vào khoảng $40 Mỹ kim. Chuyên gia cho biết độ ẩm vào khoảng 70% đến 80% bảo đảm môi trường phát triển thuận tiện nhất cho nạn mốc. Nếu nhà quí vị có độ ẩm cao, quí vị nên mua máy giảm độ ẩm (dehumidifier) để giảm nạn mốc. Khi đã làm mọi cách mà nhà vẫn có mùi mốc, quí vị cần mướn chuyên viên dò tìm mốc tại những công ty chuyên kiểm tra tình trạng nhà để biết tình trạng mốc trong nhà mình và nhờ đúng chuyên viên trị nạn mốc này.

5. Cách đề phòng chứng mốc trong nhà: Trong trường hợp nào đề phòng cũng tốt hơn chữa trị. Những ống nước trong phòng tắm nên được

giữ cho đừng rỉ nước. Chỗ ống nước nối từ tường ra cần được giữ cho khô ráo kẻo mốc có thể mọc bên trong bức tường nếu nước rỉ lâu ngày. Để đề phòng nạn mốc trong nhà quí vị có thể bắt đầu bằng việc làm vệ sinh toàn bộ hệ thống ống dẫn hơi máy điều hòa không khí trong nhà và thay những filter trong các hệ thống máy này. Theo ông Jeffrey C. May loại filter mỏng manh rẻ tiền không tốt. Quí vị cần mua loại filter dày có xếp giống quạt giấy, loại không giặt rồi dùng lại được, mới đủ sức lọc bụi và sinh vật nguy hại.

Hy vọng những ý kiến thu góp trên đây giúp quí vị đề phòng và chữa trị được nạn mốc trong nhà mình. Một niềm vui nho nhỏ là với bảo phí nhà tăng ít nhất trong 5 năm qua quí vị có thể dành một ít tiền cho việc đề phòng và chữa trị nạn mốc meo để bảo đảm sức khỏe cho mình và những người cùng sống trong nhà.

THÁNG CỦA NHỮNG VỊ TỔNG THỐNG

TRẦN QUÁN NIỆM

Tháng 6 thật là một tháng đáng ghi nhớ. Cựu tổng thống Ronald Reagan qua đời ngày 5 tháng 6 ở tuổi 93. Một tuần sau, 12 tháng 6, cựu tổng thống Bush cha kỷ niệm sinh nhật 80 năm bằng cách nhẩy dù (rơi không) từ cao độ 13,000 feet. Cũng trong tháng này ngày 22, cựu tổng thống Bill Clinton ra mắt cuốn hồi ký Đời Tôi (My Life).

Ngựa nản chân bon...

Là tài tử điện ảnh Hollywood khi còn thanh xuân, nên Reagan phải học cưỡi ngựa, sau đó mê luôn môn thể thao trưởng giả này và là một kỵ sĩ giỏi. Ông xuất thân nhà nghèo, trong thời kinh tế suy thoái cha nghiện rượu, làm nghề bán giày. Reagan làm đủ nghề để mưu sinh trước khi nhẩy vào nghề đóng phim năm 1937 và xuất hiện trong 53 cuốn phim.

Năm 1966 đắc cử Thống Đốc tiểu bang California. Năm 1981 tuyên thệ nhậm chức Tổng Thống nước Mỹ và tái đắc cử nhiệm kỳ 2 vào năm 1984. Trong hai nhiệm kỳ, Reagan đã thực hiện được nhiều điều tốt đẹp cho nước Mỹ, như phát triển kinh tế, chận đứng lạm phát, gia tăng việc làm, và tăng cường kế hoạch phòng thủ quốc gia. Nói chung dưới triều đại Reagan, quốc gia phú cường, nhân dân an lạc.

Nụ cười lúc nào cũng tươi vui trên môi, Reagan nổi tiếng hùng biện và dễ mến.

Nhưng giai đoạn cuối đời của ông không được hanh thông, trót lọt. Ông mắc bệnh lú lẫn (Alzheimer). Khởi đầu từ năm 1993, ông bắt đầu quên dần, rơi vào vùng bóng tối mênh mông của tri thức. Vào những năm cuối cùng, bà Reagan, người vợ (thứ hai) gắn bó với ông trên 50 năm, luôn kề cận săn sóc. Hàng đêm bà ngủ chung giường mặc dù mỗi sáng thức dậy ông không còn nhớ nổi bà là ai.

Thượng tuần tháng Sáu, ông ra đi êm ả vào cõi vĩnh hằng, hoàn toàn không mảy may vướng bận, ưu phiền. Kéo chiếc xe thiên cổ (chiếc xe kéo súng đại bác được đóng từ thế chiến thứ nhất) trên đó có linh cữu là sáu tuấn mã mầu nâu sậm, trên lưng là những kỵ mã lực lưỡng trong nhung phục oai nghi. Theo sau xe tang là một con ngựa đầy đủ yên cương, không người cưỡi với đôi boot Reagan thường đi (treo ngược) và thanh kiếm kiếm chỉ huy. Con tuấn mã này là tượng trưng chủ nhân nó đã ra đi vĩnh viễn.

Trên nền trời thủ đô Hoa Thịnh Đốn, 21 phản lực cơ gầm rú bay vút qua, theo lộ trình của đoàn xe tang.

Ông vẫn còn gân

Năm 20 tuổi, trong đệ nhị thế chiến, tổng thống Bush cha là phi công Hải Quân. Máy bay bị trúng đạn phòng không, ông bắt buộc nhẩy dù xuống Thái Bình Dương.

Hận đời vì không được tự mình nhẩy dù khỏi máy bay, ông tự hứa thế nào cũng phải thực hiện được giấc mơ này. Cuộc đời chính trị bận rộn trôi qua, khi về hưu, ông nhớ lại lời nguyện xưa. Dĩ nhiên khi làm Thái Thượng Hoàng với ông con đứng đầu thế giới, đầy quyền bính trong tay, điều mong ước của Bush cha cũng dễ được toại nguyện. Ông tập luyện trong hầm gió (wind tunel) cho quen với sức gió trên cao. Ngự y đo đo, check check để chắc ăn là long thể an khang. Toán khác lo mọi dịch vụ sẵn sàng, kể cả mấy anh cận vệ nhẩy cùng, dìu ngài xuống, đề phòng mọi bất trắc.

Năm 1992, ở tuổi 75 ông nhẩy dù tại vùng Yuma, tiểu bang Arizona.

Năm nay nhân ngày sinh nhật thứ 80, ông chơi trội hơn, từ cao độ 13,000 feet, nhất quyết nhẩy dù rơi không một đoạn, nắm tay giăng hàng ngang với các cận vệ thân tín, rồi mới bung dù đáp xuống đám đông trên 4,000 người đang chờ dưới bãi với chiếc bánh sinh nhật và lời chúc mừng.

Được phỏng vấn, cha già dân tộc Bush vừa thở hổn hển vừa nói: "Không gian thật tuyệt diệu,

khó mà diễn tả được. Thú nhất lại đoạn rơi không, rồi đến bung dù lơ lửng trong không gian tịch lặng, an bình." Bush nói thêm: "Tám mươi tuổi đừng coi là mình đã già. Vẫn còn gân chán. Đó là điều tôi muốn chứng tỏ với mọi người."

"Đời tôi"

Trời NewYork xám xịt và mưa dầm dề, nhưng những người hâm mộ Clinton, đội mưa đứng đợi trước tiệm sách (dài cả block) để chờ mua ấn bản đầu tiên của cuốn hồi ký dầy 997 trang ông viết từ ba năm nay (hay có người viết hộ). Bà Esther Quadrino, nhiệt tâm nhất, mang mền gối đến trước tiệm Barnes & Noble từ 9 giờ tối hôm trước, ngủ trên vỉa hè để sáng hôm sau là người đầu tiên xếp hàng với hy vọng lòng thành của bà thấu tới cửu trùng để Clinton ban cho một chữ ký trên đầu quyển sách. Tối hôm trước, khoảng 1,200 người tham dự lễ Ra Mắt Sách tại Bảo Tàng Viện Nghệ Thuật (Museum of Art) hy vọng nhìn được dung nhan Clinton với vợ và cô con gái cưng Chelsea.

Khi được hỏi tại sao chịu khó bỏ công chầu chực như thế, bà Quadrilo cho hay, bà muốn tỏ lòng biết ơn Clinton vì trong tám năm ông làm tổng thống, kinh tế phồn thịnh, thế giới hòa bình. Đây cũng là cảm tưởng chung của đám đông. Không ai còn tò mò về Monica nữa, dù rằng mấy tuần trước, ông Clinton có nhắc đến cô này, nói: "Khi vợ tôi hay chuyện, bả cho tôi ngủ ngoài salon hơn một tháng." Ông nghĩ rằng câu chuyện tình lăng nhăng với cô bồ nhí đã một thời làm rúng động nước Mỹ và lung lay chiếc ghế tổng thống, cũng là một điểm để câu khách mua sách.

Miệng nhà sang có gang có thép, quả thật thế. Chuyện đời của một anh phó thường dân thì ba xu không đắt, câu chuyện đầu cua tai nheo của Clinton thì được trả trước 10 triệu MK tiền bản quyền. Nhà xuất bản Alfred A. Knopf in đợt đầu 1.5 triệu cuốn, căn cứ trên kinh nghiệm bán sách Living History cho bà Hillary. Nhà sách Barnes & Noble ước lượng đã bán 100,000 quyển trong ngày ra đầu tiên mắt sách. Tổng cộng cho tới thứ Ba 22 tháng 6, 2004 "My Life" đã bán được 400,000 quyển trên toàn quốc, một con số kỷ lục, chưa kể 35,000 bộ casset ghi âm cuốn sách cho những kẻ lười đọc. Clinton ký khoảng trên 5,000 chữ ký. Mỏi đừ tay.

Thật là bá nhân bá tánh, trong khi thiên hạ có biết bao nhiêu người hâm mộ, thì vẫn có những kẻ khác ghét cay ghét đắng. Một danh hài Mỹ đọc trại ra là "My lies" (những lời nói dối).

Các nhà phê bình chuyên nghiệp nhận xét về quyển này ra sao? Không thuận lợi lắm. Bỉnh bút của tờ *NewYork Time* phê bình "dở ẹc, tự đề cao cá nhân, tẻ nhạt."

Nhưng với những người ngưỡng mộ Clinton, thì đó không phải là vấn đề chính. Ed Stone nói "dưới thời Clinton, mọi sự đều tốt đẹp. Tôi chẳng biết bao nhiêu phần trăm do tài năng của ông, bao nhiêu phần trăm do các yếu tố khác, nhưng phải công nhận thời đại Clinton huy hoàng, dễ thở." "Còn vụ Clinton nói dối vợ khi có bồ thì sao?" "Nếu tôi có bồ, dại gì mà tôi nói thật với vợ tôi. Chuyện cá nhân của ông ta, tôi không quan tâm."

Trong tháng Sáu năm 2004, ứng cử viên tổng thống thuộc đảng dân chủ là ông Kerry đã bị mờ đi dưới các biến cố Reagan và Bush cha, nay lại bị cái bóng to lớn của Clinton đè bẹp.

Đối với những người không hâm mộ Clinton, sự xuất hiện của ông này vào thời điểm này gợi lại hình ảnh một Clinton phóng đãng, thiếu đạo đức cá nhân, làm họ càng thêm chán ghét. Giận cá chém thớt, hình ảnh tiêu cực này sẽ gây ảnh hưởng không tốt đẹp cho đảng Dân Chủ và ứng cử viên Kerry.

Đúng ra cuốn sách chỉ nên xuất hiện sau mùa bầu cử, nhưng nói như thế có nghĩa không hiểu tâm lý của một Clinton lúc nào cũng muốn nổi và của nhà xuất bản muốn bán chạy sách. Sau mùa bầu cử, không khí nguội mất rồi, sẽ chẳng ai chú ý đến nữa. 10 triệu MK chứ có phải ít đâu.

Chuyện Nước Pháp

TỪ NGUYÊN

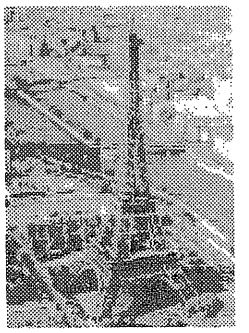

BAGUETTE VÀ MISTER KAPLAN

Mũ nồi, chai rượu đỏ, mẩu thuốc lá trên môi : đó là hình ảnh về một người Pháp trong đầu óc của các dân tộc trên thế giới. Theo với thời gian, chỉ còn một thứ được nhắc đến: bánh mì baguette.

Có 98% người Pháp và ít nhất một người Mỹ yêu thích bánh mì baguette này. Người Mỹ là

Steven Kaplan, 60 tuổi, tác giả cuốn sách chỉ dẫn nơi nào tại Paris bánh mì ngon nhất. Bao nhiêu công khó mới viết được cuốn sách như thế này, nhan đề là «Cherchez le pain, guide des meilleures boulangeries de Paris» do Plon xuất bản, giá 15 euro. Sách ra mắt trong tuần lễ bánh mì (từ 9 đến 16 tháng 5).

Tác giả từng nhấm nháp bánh mì Pháp lần đầu và thấy ngon cách đây 35 năm. Từ ngày đó, ông giáo sư đại học Cornell và trường Cao đẳng Sư phạm này đã đi thăm hơn 600 hiệu bánh mì (để ăn hay viết sách) và chọn ra 100 hiệu mà ông cho là ngon nhất.

Được báo phỏng vấn rằng có phải bánh mì Pháp ngon nhất thế giới không, ông nói như sau :

«Mười hay hai mươi năm trước đây, tôi không dám chắc điều gì! Hồi đó thật là xuống dốc tệ hại. Nước Đức chẳng hạn, đã qua mặt các ông (Pháp) đấy! Ngày nay thì khác. Không có nước nào bì kịp với *baguette tradition* của Pháp. Bánh mì Ý, nhạt nhẽo ; Tây Ban Nha được được thôi. Còn ở Anh và Mỹ không ra gì. Nhưng mà tại Anh hay Mỹ chủ hiệu bánh mì cũng là người Pháp. Vậy thì bánh mì baguette là văn hóa đặc biệt của người Pháp.»

Nơi nào trên đất Pháp tìm được bánh mì ngon nhất ? Tại Paris, trong một số thành phố lớn của nước Pháp. Từ thời Napoléon cho tới thế chiến thứ hai, tại thôn quê, bánh mì ngon hơn ở thành thị nhưng nay thì lại khác. Tài năng dồn về những thành phố lớn, nơi đây, khả năng tài chánh dồi dào hơn.

Ông giáo sư Mỹ chê bánh mì của các restaurant Pháp: mỗi khi đi ăn hiệu, ông đem theo bánh mì! Dở nhất là trong các quán ăn của trường học khiến ông lo sợ rằng khi lớn lên, trẻ em Pháp không còn thích bánh mì baguette nữa. Lo sợ thế thôi chứ không có bánh mì thì ăn gì ngày hai bữa?

Nghe chuyện một người Mỹ viết sách chỉ dẫn bánh mì, có người Pháp lấy làm bực bội. Một bà chủ hiệu bánh mì nhún vai, hỏi lại khách hàng nhà văn nhà báo nhà biên khảo người Pháp đi đâu hết không viết được một cuốn sách như vậy? Chuyện cũng dễ hiểu thôi, đối với người Pháp, xếp hàng nơi cửa hiệu gần nhà một ngày hai lần thì có gì lạ đâu mà viết!

Như người bán hàng dưới chân tháp Eiffel, chưa bao giờ có ý nghĩ rằng có ngày mình cũng sẽ mua vé lên coi mấy tầng trên kia như mấy chục ngàn người mỗi ngày từ đâu đến, lôi thôi lếch thếch trèo lên tột đỉnh!

Chi tiết kỹ thuật: Mỗi năm người Pháp nuốt 10 tỉ ổ bánh mì baguette, mỗi ổ 165 grammes. Lý tưởng ăn mỗi ngày 300 gr. Bánh mì không làm mập, mau đói hơn ăn cơm. Các nhà dinh dưỡng của bệnh viện Hotel-Dieu ở Paris khuyên những người bệnh tim mạch, tiểu đường, nên ăn bánh mì hơn là thứ gì khác.

Bánh mì baguette Pháp mà bỏ đồ chua và thịt theo kiểu Việt Nam thì mới là thần sầu - chuyện đó ông Kaplan chưa được biết tới.

CHUYỆN NGHỈ HÈ

Người Pháp bao giờ cũng đi nghỉ hè trễ hơn người Mỹ vài tuần nhưng chuẩn bị và bàn tán đến chuyện đó thì lại đã từ lâu, có thể nói là từ năm ngoái, lúc vừa về sau một chuyến đi nghỉ khá mệt nhọc. Coi vậy mà không phải ai cũng có thể đi hè, và ngày nay không còn đi luôn một tháng như mấy chục năm trước đây. Mấy năm sau này, số trung bình ngày nghỉ hè của dân Pháp chỉ còn là 16 ngày.

Theo cuộc thăm dò dư luận của công ty BVA cho bộ Du lịch thì cứ hai người mới có một được hưởng cái thú đó thôi, nói rõ hơn, chỉ có 54% sẽ đi nghỉ hè trong năm nay (năm ngoái 53%). Vì lý do tài chánh, những người không đi hè ngồi phơi nắng trên bao lơn hay đi thăm Paris-Plage. (Thế mới biết rằng, tiền bạc không đem lại hạnh phúc nhưng cũng cho phép con người bỏ nhà ra đi vui thú vài tuần !)

Nơi nào cũng vậy, nếu có người tính kỹ chuyện nghỉ hè từ năm trước thì cũng có người vào phút chót mới quyết định. Nghĩa là giờ này, 11% chưa biết đi đâu. Theo cuộc thăm dò dư luận 72% sẽ đi trong nước Pháp vì vừa rẻ vừa có nhiều chọn lựa. Đa số đi về vùng biển (48%) phơi nắng hơn là đi núi (16%) và về nhà quê (33%) hơn là về các thành phố (26%).

Khi nói chuyện đi ngoại quốc nghỉ hè, họ nhắm tới các nước láng giềng : Tây ban nha, Ý đại lợi vừa có nắng vừa có biển. Những nước mới gia nhập Liên hiệp Âu Châu cũng là những nơi hấp dẫn mới, giá cả lại rẻ.

NƯỚC PHÁP SẴN SÀNG CHỐNG NẠN HẠN HÁN

Tai nạn xảy ra năm rồi khiến cho 15 000 người lớn tuổi tử nạn như là một vết thương đối với bộ Y tế và chính phủ Pháp. Vì vậy mà việc chống nạn hạn hán bảo vệ những người lớn tuổi coi như là một ưu tiên quan trọng. Tới nay, hầu hết các

nhà dưỡng lão, nhà thương, đều được soát xét lại máy lạnh hay thoáng khí. Tư gia có người lớn tuổi cũng đã sắm thêm quạt máy, máy lạnh hay nhận được những cuốn chỉ dẫn chống nóng được Bộ Y tế in ra hằng triệu cuốn.

Nhà nước còn đặt ra hệ thống báo động: khi nhiệt độ lên tới mức nào đó tùy vùng là lệnh báo động được tung ra, nhân viên được huy động để giúp những gia đình có người già chống nóng.

Chỉ có một chuyện được báo chí nói đến: đường dây điện thoại cấp cứu có vẻ như không chạy ngon lành. Tòa Đô chính gởi thư đi cho chừng 180 000 người trên 75 tuổi, nhắn rằng xin gọi điện thoại khi nhận được thư để bắt nhịp cầu. Biết đâu có khi cần đến một cách khẩn cấp. Cho tới nay, một tháng sau, chỉ có 634 người (517 bà, 117 ông tuổi trung bình 84) gọi về mà thôi.

Số điện thoại đó là 08 20 00 75 75. Khi nhiệt độ lên tới 31 độ C, có thể kêu về đây xin cấp cứu. Chữa lửa, SAMU và các hội đoàn thiện nguyện sẵn sàng tới giúp đỡ.

ÂU CHÂU BẤT BÌNH VỀ EURO?

Không phải chuyện đá banh, mà là chuyện tiền bạc. Euro, đồng tiền chung của Âu châu, coi bộ không khá. Hơn một năm lưu hành, ai cũng than thở: Hoặc là giá trị của nó cao quá so với đồng đô la khiến cho vật giá đắt đỏ hơn trước nhiều ; hoặc là các loại tiền không đủ cho việc mua bán hay tiêu dùng. Mà tại nhiều nước chứ không riêng chi nước Pháp.

Tây Ban Nha đặt tên cho đồng 500 euro là Bin Laden. Như người cầm đầu tổ chức khủng bố Al-Qaeda, ai cũng biết rằng có đó mà không ai trông thấy ở đâu. Nhưng khi có được tờ giấy năm trăm thì cũng là chuyện vất vả vì rất khó tiêu xài !

Người Pháp chỉ muốn tờ giấy nhỏ hơn : tiền giấy 5 euro không tìm thấy đâu mỗi khi cần tới. Tương đương với chừng hơn 30 F trước đây, việc sử dụng tờ 5 này rất là tiện lợi mà lại nhẹ nhàng. Có điều là ít khi tới tay mình thôi!

Sau khi điều tra mới biết rằng tại Pháp giấy bạc 5 euro chỉ có 4,7% so với các nước khác. Lý do là vì các nhà băng không muốn dùng tới. Trong các máy rút tiền cũng không có vì rằng tiền giấy 10 hay 20 euro cũng chiếm chừng đó chỗ nhưng giá trị hơn. Do đó mà dân Pháp vẫn thiếu tiền giấy 5 euro.

Người Đức thì kêu rằng thiếu tiền kẽm và đồng một, hai euro đến nỗi ngân hàng trung ương của Đức phải lên tiếng giải thích: đó là tình trạng chung của nhiều nước. Tội lỗi đổ về nước Trung Hoa. Nước này đang cần kim khí, và bị nghi ngờ vơ vét tiền kẽm của thế giới. Khẩu thuyết vô bằng!

Khổ sở nhất phải kể là người Ý. Một euro, hai euro, so với tiền cũ giá trị biết bao nhiêu! Vậy mà chỉ có bằng tiền kẽm mà không có bằng tiền giấy. Tiền kẽm đối với người Ý đâu có giá trị gì! Không ai muốn giữ tiền kẽm, tiêu ra cho mau hết nên euro, tại Ý bị trách rằng đã tạo ra tình trạng hoang phí.

TRÁI TIM CỦA THÁI TỬ LOUIS XVII TRỞ VỀ MỘ PHẦN HOÀNG GIA

Âu châu vẫn còn nhiều nước có vua và chuyện về gia đình hoàng tộc bao giờ cũng được dân chúng chú ý theo dõi một cách thích thú, những người còn sống cũng như những người đã chết. Ngày 9.6, một hoàng tử 12 tuổi, tên là Amaury de Bourbon-Parme, cầm một hộp kiếng đựng trái tim của Thái tử Louis XVII đi vào thánh đường Saint-Denis, ngoại ô Paris. Đó là lễ mai táng trái tim con trai của Vua Louis XVI và Hoàng hậu Marie-Antoinette, hai người bị quân cách mạng chặt đầu tại Công trường Concorde năm 1789.

Năm 1792, Thái tử Louis XVII lúc đó bảy tuổi bị giam trong ngục, sống thiếu thốn, lo sợ, nhục nhã. Ba năm sau, chết vì bệnh lao, lúc đó là ngày 8 tháng 6 năm 1795. Theo thông lệ có từ thế kỷ thứ XIV khi chôn cất người trong hoàng tộc, trái tim được giữ riêng. Trường hợp của Thái tử Louis XVII, không được ghi rõ nên hậu thế đã nghi ngờ không biết có phải trái tim khô này là của ông ta hay không.

Khoa học đã giải đáp giùm hoàng tộc thắc mắc đó. Nhờ lối truy tầm ADN, tháng tư năm 2000, người ta biết rằng quả tim này chính là của Louis XVII, nhưng hoàng tộc chờ đợi đến năm nay mới làm lễ đưa trái tim vào mộ phần ở Thánh đường Saint-Denis.

CHỈ VỚI 5,000 E LÀ CÓ XE MỚI

Vì chuyện xăng tăng giá trên thị trường mà dân tình chú ý đến xe hơi. Hãng xe Pháp, Renault vừa loan báo: Một chiếc xe hiệu Renault, với đầy đủ bộ phận và tốt như xe bình thường, sẽ được tung ra trên thị trường với giá 5000 euro, chừng hơn 6000 đô la Mỹ. Mang tên là X 90, loại xe này lúc ban đầu sẽ được chế tạo trong xưởng Dacia nước Lỗ Mã Ni với giá thành không ai có thể địch nổi.

Renault coi đây là một công tác nổi vì dự tính

bán ra về lâu về dài mỗi năm 700 000 chiếc khắp bốn phương trời ngoại trừ nước Pháp. Ví dụ đợt đầu sẽ bán tại Lỗ Mã Ni, dĩ nhiên, 200 000 chiếc, 30 000 chiếc ở Maroc, 60 000 ở Nga, 300 000 ở Iran. Những nơi khác như Trung Hoa đang được thương lượng. Đây không phải là xe hơi cho nhà nghèo vì những bộ phận cấu thành vẫn là thứ tốt. Công ráp và nguyên liệu rẻ nên xe rẻ, thế thôi.

Vấn đề đang được thảo luận trong công ty là có nên bán ra tại Pháp hay Tây Âu nói rộng ra? Tại sao không? Sợ giảm uy tín của hãng xe Renault. Sự thực thì nếu thêm những thứ phụ tùng khác, giá tiền cũng cao lên.

Theo với tình hình giá xăng đắt đỏ, lại muốn nhắm vào khách hàng đại chúng, nhiều hãng khác cũng đã sản xuất những loại xe rẻ tiền này. Fiat là công ty tiên phong với loại xe Palio từ giữa năm 1990. Đắt quá và không thích hợp với những nước đang mở mang nhưng Fiat cũng đã sản xuất tới một triệu chiếc.

Bi quan hơn Renault là công ty Volkswagen cũng đang chuẩn bị một xe nhỏ cho thị trường Ba Tây và Hoa lục, mang tên là Tupi, cũng như công ty Ford lấy hiệu là Blue Macao. Thật sự thì cuộc phiêu lưu của Renault cũng đã được tính toán kỹ: Sau khi mua chiếc X 90, ăn nên làm ra họ sẽ mua những chiếc Renault khác cao cấp hơn, nói theo lời một hãng tham vấn quảng cáo.

MỸ KIỀU TƯỞNG NIỆM REAGAN

Mỹ kiều tại Paris cử hành lễ tưởng niệm tổng thống Reagan trong phòng chiếu phim mới khai trương của khách sạn Novotel Paris Tour Eiffel lúc linh cữu đang được quàng tại thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Đại sứ Mỹ tại Pháp và Robert Pingeon, chủ tịch đảng Cộng hòa tại Âu Châu và cộng sự viên thân cận của tổng thống George W. Bush có mặt trong buổi họp mặt này.

Theo chương trình sắp đặt trước, một cuốn phim dài 52 phút quây cho Đài truyền hình A 2 của Pháp nhan đề là *Ronald Reagan: ký ức xóa nhòa* do Claude Brovelli và Jeremy Marc thực hiện và Alain Delon và Cyril Viguier sản xuất. Tổng thống thứ 40 của Hoa Kỳ từ trần trong tuần đã khiến cho cách thức tổ chức đã thay đổi đôi chút. Không khí của buổi họp mặt, lẽ dĩ nhiên trang nghiêm và tình cảm hơn nhiều.

Bắt đầu là viết lưu niệm vào cuốn sổ vàng, cuốn sổ sẽ được gởi về Simi Valley, California là nơi có trụ sở thư viện tổng thống Reagan.

Cuốn phim tài liệu được quây lúc ông Reagan còn mạnh như cảnh ông đang đốn cây để làm nhà bếp trong Rancho del Cielo, Santa Barbara hay là xuất hiện trong một *spot* quảng cáo cho General Electric của thập niên 50.

CHÚNG TA ĐANG Ở TRONG MÙA *SOLDES*

Soldes (đại hạ giá) mùa hè năm nay tới sớm hơn mọi năm mấy ngày, dân sành điệu vẫn hưởng ứng đông đảo. Các cửa hiệu tấp nập, làm như hễ có đâu hạ giá là đua nhau tới, rẻ được chút nào hay chút nấy cho dù trong mấy tuần đầu mức giảm giá không hơn 50%.

Từ 8 giờ sáng, trước các cửa hiệu bán áo quần đắt tiền hay áo quần thể thao Adidas hay Decathlon đã có những hàng dài của những người kiên nhẫn chờ đợi. Các siêu thị cũng đã đông nghẹt người. Một vài cửa hiệu tại Champs Elysées như Celio hay Morgan mở cửa tới nửa đêm. Các báo hằng ngày đăng những bài điều tra so sánh hàng họ, giá cả, chỉ đường đi nước bước cho dân chúng.

Năm nay nước Pháp không *soldes* đồng loạt cùng một lúc nên người ở miền nam đua nhau về Paris hay lên miền bắc chen lấn với dân địa phương. Nhiều người về Paris từ cuối tuần trước ở lại dự ngày hội âm nhạc (fête de la musique) trong mưa gió để hôm sau thám sát tình hình trước khi đi xếp hàng trước cửa hiệu (đã nhắm tới).

Một năm hai lần, *soldes* mùa hè như lần này thường không hấp dẫn bằng trong mùa thu đông. Mùa hè kéo dài không đầy hai tháng, áo quần mùa hè đơn giản nếu không muốn nói là chẳng có gì đắt tiền.

Các nhà hàng thường không chuẩn bị kho riêng để tung ra bán cho mùa hạ giá giữa năm. Ngược lại, những món hàng đang ăn khách, «dại gì mà hạ giá,» lời của người nhà hàng Galeries Lafayette. Lần đầu tiên làm như ở Luân Đôn, cửa hiệu này mời một ca sĩ khá nổi tiếng, Ophélie Winter, tới khai mạc mùa *soldes*.

CHUYỆN CỦA MỘT BÀ GỌI TÊN LÀ CAROLE

Nếu có giải vô địch, bà Carole sẽ được huy chương vàng. Là một bà mẹ trẻ tân thời ở Paris, bà canh chừng để mua một năm hai lần, không phải riêng cho mình mà cho cả nhà. Vậy thì trong năm, trường hợp đặc biệt lắm mới mua sắm, còn thì ráng chờ đến ngày *soldes*. Cũng đỡ mất thì giờ la cà.

Ngân sách lần này bà dành ra là 500 euro, không có bao nhiêu, bà biết chớ. Nhưng làm sao hơn, với ba đứa con đi học và tất cả những món tiêu khác, ăn uống, thuê nhà, xăng nhớt cứ tăng

lên mãi. Từ ngày đổi tiền từ đồng francs qua euro, vật giá như là cao lên: đi chợ mua vài ba thứ là phải đưa đồng 20 euro ra.

Vì vậy mà bà đặt ra tiêu chuẩn rõ ràng: một quần jeans không quá 20 euro, một T-shirt, không quá 10 euro. Cũng như giày *basket*. Trong năm, với tiền đó thì chỉ rớ tới những loại... rẻ tiền, đi soldes được thứ khá hơn.

Kế hoạch của Carole thì cũng như những bà trẻ bà già khác: Hai ba ngày đi thám sát trước. Không chỉ nhìn mà làm như sắp mua, vào *cabin* thử đàng hoàng, và đi ra, cười giả lả, để lại chỗ cũ. Nhớ lấy chỗ đó. Rồi coi đi coi lại áo quần giày dép cho các con.

Vấn đề đối với bà Carole và của tất cả bà mẹ trẻ khác là ngày nay mỗi lần đem hàng về là một lần phải nài nỉ ỉ ôi. Con gái, con trai đã lớn có ý thích riêng, đâu có muốn những gì mẹ mua sắm cho! Chúng chỉ thích những hiệu áo quần đặc biệt chúng bạn đang mặc. Những thứ đó không được xếp hạng trong số những hàng bán *soldes*. Đứa con gái của bà ngắm nghía cái T-shirt ngắn ngủn có gắn kim tuyến óng ánh: Hạ giá rồi vẫn còn 40 euro!

SÁCH CỦA BILL CLINTON TỚI PHÁP

Hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau khi được tung ra trên khắp nước Mỹ, cuốn sách của cựu tổng thống Bill Clinton nhan đề là *My Life* dày hơn 900 trang (giá sách ở Mỹ là 35 $, nhiều nơi bớt 30%) xuất hiện tại Pháp. Không phải nguyên bản mà bản dịch *Ma Vie* (1025 trang) do Odile Jacob xuất bản, đề giá 25,90 euro.

"Chúng tôi đã dịch, trình bày và in ra 150 000 cuốn trong vòng sáu tuần lễ," lời của nhà xuất bản về công trình "vĩ đại" này. Nhà XB Odile Jacob từng in sách của nhiều nhân vật nổi tiếng trên thế giới đã phải nhờ tới 9 dịch giả gạo cội dịch gần 1 000 trang sách để in cho kịp ngày ra mắt. Sau 150 000, đã tính in thêm 50 000 với giá thấp hơn giá ở Mỹ.

Từ Bush – cha và con – tới Francois Mitterrand, ngang qua Gorbatchev, nhà xuất bản đã nổi tiếng săn sóc tác phẩm của nhiều nhân vật thế giới. Odile Jacob đã phát hành cuốn sách trước đây của Bill Clinton năm 1996 : *Khi lịch sử và niềm hy vọng gặp nhau* (Quand histoire et espoir se rencontre) và bán ra tới 73 800 cuốn.

Đa số dân Tây chú ý đến những gì có liên hệ, dính dáng. Ví dụ như một đoạn trong sách Bill Clinton đã khen các tổng thống Pháp Francois Mitterrand và Jacques Chirac. Với Chirac, ông viết : *Chirac đã có những cảm tình nồng nhiệt với nước Mỹ. Thiếu thời, ông đã sống trên đất Mỹ. Ông ta rất muốn tìm hiểu về nhiều vấn đề của nước Mỹ. Tôi rất thích ông ta và tôi càng thích nữa khi biết rằng bà Chirac cũng làm chính trị và có con đường riêng của bà, lời của cựu tổng thống.*

MỘT NGÀY KHÔNG CÓ BÁO

Ngày thứ năm tuần rồi (17- 6) Paris không có báo. Cũng là một chuyện lạ, vì nhân viên phát hành báo ít khi đình công. Báo tại Pháp do nghiệp đoàn sách Syndicat du Livre phân phối, và lần này nghiệp đoàn động viên một ngày để chống lại quyết định giảm nhân viên của các báo.

Theo lời kêu gọi này thì tất cả các ngành đều bị liên lụy: giảm 1 000 nhân viên trong số các nhật báo vùng, 160 nhân viên trong nhà in của nhật báo *Le Monde*, 130 trong nhật báo *Le Figaro*, và 400 trong công ty tổng phát hành NMPP (Nouvelles Messageries de la Presse Parisienne).

Bình thường thì một chuyện như vậy là phải đem ra thương thuyết, nay thì các chủ báo đã quyết định đơn phương nên mới có chuyện phản đối. Song song với chuyện này còn một chuyện khác, ly kỳ hơn, nhiều người tưởng rằng vì vậy mà không có báo: báo bị đánh cắp từ nhà in.

Không phải là ít: có thể tới 300 sạp báo liên lụy đến vụ này, kéo dài từ mấy năm nay. Ba bốn ngàn tờ nhật báo, tuần báo mỗi lần bị lấy cắp và đem phân phối cho các sạp với nửa giá. Người bán được lời gấp năm bảy lần thay vì 18 xu nếu nhận từ tổng phát hành. Cả hai bên đều lợi, chỉ có tòa báo là thiệt, có nơi tới bạc triệu.

Cảnh sát mới điều tra tới chừng 40 sạp, 13 người đã bị bắt trong lần bố ráp mới đây nhất.

TÚC CẦU EURO 2004

Giải túc cầu Euro 2004 đang diễn ra tại Bồ Đào Nha tới hồi kết cuộc. Mấy tuần nay dân ghiền của Pháp theo dõi ngày đêm trên màn ảnh truyền hình để sống với những phút hồi hộp của cầu trường, kẻ khóc người cười. Tất cả chuyện quan trọng được gác qua một bên. Đội banh của Pháp *les Bleus* đang chơi trội nên lại càng được theo dõi tận tình.

Cả thành phố Paris như sống với giải túc cầu này. Đội banh nào thắng, những người ủng hộ, đông đảo và hung hăng, lái xe chiếu đèn bóp còi inh ỏi trên đại lộ Champs Elysées, tại các công trường lớn, hay trong các khu vực đông dân cư. Cả thế giới như thu nhỏ lại trong một khu phố. /.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

BIA

Nhậu rượu sang hơn nhậu bia, chẳng phải vì rượu đắt hơn bia mà vì nhậu rượu có... tư cách hơn! Một ông chỉ khoái rượu đã dè bỉu: "Uống bia chỉ tổ đi đái!" Nhưng trời nắng chang chang, nóng muốn cởi đến cả chiếc nhẫn hột xoàn, mà có một chai bia lạnh, nốc vài hụm, khà một cái, đã hết biết!

Bia phải uống lạnh. Bia không lạnh thì chẳng ra cái thống chế gì. Muốn bia lạnh, người ta bỏ bia vào tủ lạnh hoặc bỏ đá lạnh vào bia. Cách trước được ưa chuộng hơn vì nó không làm loãng bia. Đi quá một bước, ngày trước, ở Sài Gòn người ta làm bia đặc bằng cách bỏ bia vào ngăn làm đá của tủ lạnh cho đông đặc lại thành đá. Nghề nghiệp hơn, trong các quán nhậu, người ta bỏ bia vào freezer, sản xuất bia đặc hàng loạt. Cái gì đi quá đà cũng... việt vị! Bia đặc chỉ được cái lạnh nhưng uống vào thì dở ẹc. Chất bia đi đằng chất bia, nước đi đằng nước rất vô duyên. Khi uống, vừa phải chờ cho bia tan, vừa cố nút như con nít ăn đá nhận, mất hết phong thái. Trước nữa, khi tủ lạnh thì chỉ có ở... nhà tây thì muốn cho bia lạnh, người ta thả bia xuống giếng, chờ cho lạnh rồi kéo lên uống. Thả bia xuống giếng, bỏ bia vào tủ lạnh hay kiếm mấy cục đá bỏ vào ly bia, thứ nào cũng mất công. Thả bia xuống giếng thì phải chờ, quên bỏ bia vào tủ lạnh trước thì tiêu, mấy cục đá nhiều lúc cũng tìm mỏi mắt không ra. Muốn có cái rụp, búng chóc hai ngón tay là có bia lạnh ngay, được không? Được chứ! Ông Barney Guarino, Giám Đốc Điều Hành hãng Tempra Technology ở Anh, đã dõng dạc gật đầu. Ông là tác giả lon bia "lạnh tức thời" sắp được tung ra thị trường vào mùa hè này. Lon bia IC (Instant Cool) gồm có hai phần. Phần trên đựng bia được bao quanh bởi một lớp *gel* lỏng. Phần đáy chứa chất *dessicant* hút nước trong chân không và một khoang đặc biệt hút hơi nóng. Muốn uống, vặn một cái, lớp ngăn cách giữa hai phần bị vỡ. Chân không hút *gel* và hơi nóng vào phần đáy. Chất *dessicant* đưa tất cả hơi nóng và *gel* vào khoang. Nhiệt độ bia giảm đi 16 độ C. Lon bia trở thành bia lạnh. Độ lạnh này được giữ trong một tiếng, dư đủ để nhậu hết lon bia.

Nhậu bia không cần bày vẽ. Trái cốc, trái ổi, chùm ruột, mấy lát khế, mấy viên đậu phọng... cũng xong. Nhưng bia thường đi với mực nướng. Tình lắm, mà bắt lắm! Tuy vậy, bia cũng không chê thịt thà, nghêu sò ốc hến. Bia rất dễ tính.

không rượu mà say tít
nhấm nháp cánh và đầu...
em cũng như gà vịt
ngon nhất cái phao câu...

(Lê Vĩnh Thọ)

Ở Saigon, trời nóng, bia mới phát huy được hết... tần số của nó. Cứ chiều chiều là vỉa hè được bia chiếm lĩnh. Vỏ bia lăn long lóc trên đất. Sang nhất là bia Heineken. Sang hơn nữa là uống một nửa đổ một nửa! Không hiểu dân nhậu Sài Gòn học được lối... sang trọng này ở đâu mà phí bia đến thế. Lối học làm sang này dẫn đến một màn rất... khó cười! Số là một hãng cà phê ngoại quốc dựng bảng quảng cáo trong đó có viết câu: Ngon đến giọt cuối cùng! Nhà cầm quyền ta, khí khái đầy một bụng, nổi giận liền! Quảng cáo như vậy là khinh dân Việt Nam nghèo phải uống vớt vát đến giọt cuối cùng, bèn ra lệnh dẹp ngay tức khắc. Hãng cà phê nước ngoài đành phải... nhập gia tùy tục: dẹp mà không hiểu mình mắc tội gì. Cũng chỉ có ở Việt Nam, bia nhậu với... ôm. Cũng thịt đấy. Nhưng thịt sống. Thịt chín ngon hơn, nhưng thịt sống... say hơn!

Dân Việt Nam ta ở hải ngoại, khi tụ nhau lại nhậu bia, cũng vẫn rất nặng về... mồi. Khác với dân bản địa. Uống bia là chỉ có bia hoặc cùng lắm vài miếng chip, mấy thứ hạt nhè nhẹ. Thế thôi. Uống bia có phong thái của bia. Nó là một thứ nước giải khát có tí chất cồn. Đầu thập niên 70, trong một chuyến ghé Tokyo, tôi ngụ tại một khách sạn nằm ngay trung tâm thành phố, có sân thượng là một lồng kính quay, cứ mỗi nửa giờ là quay xong một vòng. Giữa phòng là hai nhạc sĩ chơi dương cầm và vĩ cầm những bản nhạc tình quen thuộc, khách ngồi theo bàn đặt ngay sát tường kính, tầm mắt rộng rãi nhìn thấy phong cảnh thành phố Tokyo chầm chậm thay đổi dưới chân. Tối tối, tôi và một ông bạn Việt nam đi chung, leo

lên ngồi uống bia nghe nhạc. Nơi quầy bia lừng lững một tấm bảng giăng ngang: " Nơi đây có đủ tất cả các loại bia trên thế giới!" Máu nghịch ngợm nổi lên, tôi bảo ông bạn mình thử gọi bia 33 xem có không? Ông bạn, vốn tay mê bia, muốn uống thử các loại bia ở Việt Nam không có, gạt ngang. Bộ ở Việt Nam uống chưa chán sao, vài ngày nữa về tha hồ uống! Khi anh bồi tới, mặc kệ ông bạn muốn đi chu du tới đâu thì đi, tôi gọi bia 33. Họ mang ra thật! Tối đó, nhìn chai bia 33 lùn tì chen chân với các chai bia đủ quốc tịch chung quanh, tôi bỗng thấy vui vui. Nhấp hớp bia, thấy ngon vô tả!

Bia, hình như ai cũng thích. Chẳng thế mà trên thế giới hầu như nước nào cũng có bia. Lạc trên một hoang đảo không có bia quả là một cực hình.

Robinson lạc trên hoang đảo đã lâu ngày, cuộc sống thiếu thốn làm anh thèm khát đủ thứ. Một ngày kia, trong lúc đi bắt cá trên bờ biển, anh chợt phát hiện một cô gái đẹp, gần như trần truồng, đang ôm một chiếc thùng cố gắng bơi về phía đảo. Robinson cứu sống cô gái rồi hỏi:

"Cô có mang theo người được thứ gì không?"

"Gần như không – cô gái đáp – Tôi chỉ có thứ mà đàn ông ai cũng thích thôi!"

Robinson sáng mắt lên hỏi như reo:

"Thật ư? Nghĩa là, cái thùng này chứa đầy bia?"

Bia do ai sáng chế ra mà thần sầu như vậy? Chính dân chúng thành Babylone đã là tác giả của bia từ 8000 năm trước Công nguyên. Khoảng 2000 năm sau đó, người Ai Cập mới biết làm bia chứa trong những bình lớn. Tới thế kỷ thứ 17, nhà bác học Antonius Van Leeuvenkoek mới quan sát các yếu tố tạo nên bia. Hai thế kỷ sau, nhà bác học Louis Pasteur mới chứng minh được là sự lên men bia không phải chỉ là phản ứng hóa học, mà còn có sự tham gia của các vi sinh vật kỵ khí, đó chính là men bia. Men bia là một loại nấm đơn bào nhiều công dụng thường được dùng để sản xuất bia, rượu, rượu vang, bánh mì...

Men bia sống thường được sử dụng làm thuốc trong các dược phẩm chữa cơ thể mệt mỏi, kiệt sức, thiếu máu, kém ăn, chậm tăng trưởng, bị stress, rối loạn thần kinh. Khi kết hợp với *selen*, nó tạo thành phân tử *selen* hữu cơ, có tác dụng gia tăng hiệu năng làm chậm quá trình lão hóa, bảo vệ tế bào gan, bảo vệ tim mạch, chữa các bệnh ngoài da do gan suy yếu. Men bia sống còn có tác dụng chống nhiễm trùng bằng cách tăng cường hệ miễn dịch hoặc làm thực phẩm bổ sung cho phụ nữ mang thai và cho con bú. Chưa hết, men bia còn giúp tái tạo những vi khuẩn cần thiết cho sự tiêu hóa ở đường ruột, thường được dùng song song hay sau một đợt điều trị bằng kháng sinh, hoặc khi bị loạn khuẩn ruột. Men bia còn có tác dụng lên da, tóc và móng. Lợi ích của men bia đa dạng như vậy nên người ta thường nói: mỗi ngày uống một lon bia, khỏi cần đi bác sĩ!

Uống một lon thôi, làm một hơi hơn một lít, dám xỉn lắm! Rượu say thì bia cũng say được vì bia cũng có chất cồn như rượu. Chuyện xỉn vì bia nó... lảo đảo lắm. Cháu tôi, rượu quất vài ly như không, bia nhúng miệng vào là chân nam đá chân chiêu ngay. Em tôi, chỉ một hớp bia là mặt biến thành mặt... Quan Công, ngay cả thứ nước cam có chất hơi Bireley's ngày xưa ở Việt nam cũng có khả năng tô hồng cả mặt mũi. Bạn tôi thì cả két bia vẫn cứ nói cười rổn rảng, kê người nọ hích người kia như thường. Bia say hay không... tùy người đối diện!

Chưa hết một két bia đã xỉn, trên đường mò về nhà anh bợm bị ngã rách mông. Tới nhà, khi thay quần, liếc trong gương thấy vết thương, bợm nhậu cố gắng băng bó sau khi sát trùng cẩn thận. Ngả lưng xuống giường, vợ vẫn ngủ say, anh yên chí là đã qua mặt được... hiền thê. Đến sáng, bừng tỉnh vì tiếng tru tréo của vợ, anh tỉnh queo hỏi:

" Có chuyện gì vậy?"

" Tối hôm qua ông lại xỉn phải không?"

Anh gạt ngang:

" Bậy nào! Đâu có!"

Vợ gằn giọng:

"Thế ai bôi thuốc đỏ, dán bông băng đầy cánh tủ gương đây?"

Say, nó bắt mình làm nhiều chuyện lắm. Có người say đứng ôm cột đèn mà khóc. Có người thì giương cặp mắt lờ đờ, nhìn hết người này đến người khác, cười ngu ngơ. Người thì phá phách ồn ào, chửi bới om sòm, người thì lẳng lặng leo lên giường ngủ. Có một điểm chung là chẳng ai nhận là mình say.

Một anh chàng say khật khưỡng bước vào nhà, làm mặt tỉnh, ngồi phịch xuống ghế nệm, mắt cố nhướng lên nhìn về phía chiếc tivi. Rất lâu sau, anh ta càu nhàu:

" Phim gì mà chiếu mãi một cảnh rừng cháy thế này?"

Vợ càu nhàu lại:

" Uống vừa thôi, ông! Tivi bán rồi, còn trơ lại cái lò sưởi đấy!"

Thi sĩ say lại khác. Hết Budweiser đến Coors, thơ cứ hùa theo hơi bia mà lần về những ngày cũ,

rất anh rất em.

Từ Bud đêm chạy qua Coors
Đến khi Coors hết đời thua luôn rồi
Đêm ngồi nói chuyện trời ơi
Xuống tới đất hỡi có bồi hồi nhau
.....
Như anh thương em một ngày
Vói tay nhành ổi đã bày rốn xưa
Bây giờ áo mới che vừa
Không ai nhỏ nữa mà sao đưa ve

(Nguyễn Nam An)

Tuổi nào nhìn thấy rốn mới biết yêu? Tuổi nào mới học đòi biết say bia? Câu hỏi trước không trả lời được. Câu hỏi sau, ông Thống Kê Canada mới trả lời đây. Theo bản nghiên cứu dựa trên cuộc phỏng vấn 4296 em tuổi từ 12 tới 15 thì tuổi trung bình say lần thứ nhất trong đời là 13.2. Lớn hơn một chút, 15 tuổi, thì có tới 44% em cho biết là đã nếm mùi say. Bắt đầu nếm mùi bia hay rượu thì có 42% em ở tuổi từ 12 tới 15, 66% em ở độ tuổi 15. Học đòi theo ông Lưu Linh sớm hơn là các em có cha mẹ lơ là hoặc ít nghiêm khắc với con cái. Sự khác biệt là 1,1%. Các em có cha hoặc mẹ ghẻ có tỷ số nhậu và dùng cần sa gấp đôi số các em có gia đình đầy đủ cha mẹ ruột. Không có sự cách biệt nhiều giữa các em sống ở thành thị và vùng quê.

Bia tưởng là "hiền" hơn rượu, nhưng đối với những người có bệnh thống phong thì không phải vậy. Bệnh này, tiếng Anh gọi là *gout*, đã hành tới cả vua Henry VIII và nhà khoa học Charles Darwin. Nó làm sưng tấy và đau nhức trong các khớp xương từ tay tới chân. Bệnh phát sinh vì trong máu có nồng độ cao chất acid uric. Thông thường acid uric được thải ra theo đường tiểu, nhưng nếu trong máu có quá nhiều acid uric thì chúng sẽ kết tinh lại quanh các khớp xương và gây ra đau đớn nhức nhối. Theo Bác Sĩ Hyon Choi, tác giả của bản nghiên cứu vừa được phổ biến trên tạp chí y học *The Lancet* thì đau đến nỗi người bệnh không thể đắp một tấm trải giường lên chân được! Nhóm chuyên gia tại bệnh viện đa khoa Massachusetts (Mỹ), đã theo dõi 47 ngàn nam nhân viên trong 12 năm và đã ghi nhận được có 730 người bị "gút". Bia có liên hệ đến bệnh thống phong này vì, cũng theo cuộc nghiên cứu, những người uống trên hai chai bia mỗi ngày, có tỷ lệ mắc bệnh cao gấp 2,5 lần những người không uống. Nhưng những người uống rượu thì lại chỉ có tỷ lệ 1,6 lần nhiều hơn. Tại sao vậy?

Theo Tiến sĩ Hyon Choi thì khả năng bị bệnh thống phong của những người uống rượu ít hơn người uống bia là vì chất *purine*, một chất có nhiều trong bia và có rất ít trong rượu. Chất *purine* này có thể tác động lên acid uric trong máu và làm gia tăng tác hại của chất cồn đối với cơ thể.

Đi đứng khó khăn, bước lên mỗi bậc thang là một cực hình thường là "hình phạt" cho các chiếc bụng bia có tuổi. Nhưng tại các nước đã phát triển thì bệnh này đang lên cao trong giới trẻ. Từ xưa tới nay, bệnh thống phong thường là độc quyền của nam giới. Nữ giới chỉ bị bệnh này khi mãn kinh vì, theo các chuyên gia, chất kích thích tố nữ estrogen đã giúp cho thận lọc được acid uric ra khỏi cơ thể.

Bia "gút" mà không... *good!* Nó đã tạo ra bệnh đi lệch bệch lại còn tạo ra thói xấu. Thói nhét các thứ tạp nhạp vào chai bia vừa uống cạn chẳng hạn như mẩu thuốc lá, kẹo cao su, vỏ chanh, giấy gói kẹo, vỏ đậu phọng... Thói xấu này làm phiền các nhà sản xuất bia vì ở Bắc Mỹ, nơi chúng ta đang sống, vỏ chai bia được thu lại để... đựng bia tiếp. Thường thì một vỏ chai có thể dùng đi dùng lại được 15 lần rồi mới phế thải. Về phương diện... rì xai, việc dùng lại này rất lợi, vừa đỡ rác rưởi, vừa đỡ tốn tiền. Một vỏ chai bia giá khoảng 15 xu, vứt đi sau khi xài là vứt luôn 15 xu. Rửa sạch và dùng lại thì chỉ tốn 2 xu! Xu, nghe ra thì nhỏ, nhưng cứ tưởng tượng một nhà máy bia trung bình cho ra 200 triệu chai bia một năm thì số tiền tiết kiệm được là bao nhiêu? Những thứ tiện tay nhét vào vỏ bia thỉnh thoảng lại được phát hiện vẫn nằm trong chai bia chưa khui thì... tăm tiếng cả một nhãn hiệu bia. Chai bia... tạo phản này mà được đưa lên mặt báo vẽ vời thêm thì hậu quả khôn lường cho nhà sản xuất.

Vì vậy, các nhà sản xuất rất thận trọng trong việc tái sinh vỏ chai bia. Điển hình là tại nhà máy bia Labbatt ở LaSalle, Québec, mỗi năm sản xuất 850 triệu chai bia, các vỏ chai thu về được các nhân viên kiểm soát trên dây chuyền để bảo đảm chai đã được mở nắp và xếp hàng ngay ngắn đúng vị trí trước khi chui vào máy rửa chứa được một lúc 10 ngàn vỏ chai bia. Trước hết, máy xúc chai với nước nóng 75 độ C, làm bắn ra tất cả các tạp chất trong chai. Sau đó chai được ngâm vào một hỗn hợp *caustic soda* để rửa bên trong và bóc giấy nhãn bên ngoài chai. Chai được đưa vào nhiều khoang khác trong 20 phút để rửa với hỗn hợp *sodium hydroxide* rồi được tráng rửa trong 10 phút với nước nóng 20 độ C. Tới đây, vẫn có những tạp chất chưa chịu buông tha chai nên người ta

phải khám xét chai bằng máy chụp hình điện tử. Máy sẽ chụp phía trên và dưới mỗi chai rồi so sánh với chai tiêu chuẩn mẫu. Chai nào không vượt qua được cửa ải sẽ bị gạt ra ngoài dây chuyền. Thường có khoảng 1 % chai... rớt trong lần kiểm tra điện tử này. 99% chai... đậu kỳ sát hạch sẽ được xả nước lạnh lần chót trước khi được đưa vào dây chuyền tròn để được đổ đầy bia mới và đóng nắp. Rửa kỹ như vậy nên trong năm 2002, hãng Sleeman ở Guelph, Ontario, chỉ có 14 chai bị than phiền trong 200 triệu chai xuất xưởng và trong năm 2003, con số này xuống còn có bốn chai! Cũng trong năm 2003, hãng bia Molson cứ trong một triệu chai sản xuất thì chỉ có sáu chai... có vấn đề!

Bia là một chữ tiếng Việt dùng đỡ của tiếng Anh. Nó có nghĩa là... la-de! (lại một chữ nhại theo La Bière của tiếng Pháp). Nhưng nguyên thủy tiếng Việt cũng có... bia. Những ai đã ở trong quân trường chắc hẳn chưa quên những giờ đi bãi thực hành tác xạ. Tay giữ chắc súng, nòng chĩa thẳng ra phía trước, mắt dán vào từ lỗ chiếu môn đến đỉnh đầu ruồi, và khi nghe tiếng hô " Bia Lên" thì bóp cò súng, nhắm vào bia vừa được dựng lên phía trước mà xả đạn.

uống bia thì tôi thích
làm bia thì còn khuya...
có em rất có ích
vì em thích làm bia...
bọt bia vọt trúng đích
em đỡ đạn rất xuya...

Ơ hay, cái ông nhà thơ Lê Vĩnh Thọ này, nói chuyện bia mà chẳng thấy quân trường đâu cả!

05/2004

XE ĐẠP

Khi được sáng chế ra, xe đạp là một món quà tuyệt vời. Nó giúp người ta nuốt những đoạn đường dài nhanh hơn cái thứ... vừa bằng lá đa đi xa về gần. Nó có giá trị bằng... một con bò! Một anh nông dân được mời mua một chiếc xe đạp đã khăng khăng lắc đầu:

"Thà tôi bỏ tiền mua một con bò sữa còn hơn!"

Anh gạ bán xe cố gắng thuyết phục:

"Hãy thử nghĩ xem! Trông anh thộn tới mức nào nếu cưỡi con bò ấy mà đi!"

"Nhưng nếu tôi cố vắt chiếc xe đạp ấy cho ra sữa thì trông còn thộn gấp bội!"

Cái anh nông dân này ham uống sữa, nói làm chi! Trên đường đi, xe đạp ăn đứt con bò, dĩ nhiên! Nhưng thời của xe đạp cũng ngắn như những vòng đạp pê-đan. Xe gắn máy, xe mô-tô, xe hơi, xe lửa, xe điện... thứ nào cũng có thể cho xe đạp ngửi bụi. Từ một thứ xe tiện ích nhanh nhẹn, xe đạp xuống cấp thành một thứ... đồ chơi! Kỳ vọng hơn vào chiếc xe mảnh khảnh có hai bánh nhẹ nhàng là không thực tế.

Thành phố Montréal của tôi, cứ khi những vạt nắng hè nhuộm vàng những đám cỏ vừa bắt đầu xanh, là xe đạp lại được mang ra chơi. Nhiều đường phố được xẻo một dọc sát lề làm đường đi riêng cho xe đạp. Cũng hai chiều đi lên đi xuống, tấp nập những dân khoái đạp xe chạy đi chạy về như mắc cửi, mặt mũi rạng rỡ như nắng hè. Bạn đừng mất công tìm tôi trong số người này. Không bao giờ có tôi đâu! Mười năm kẹt lại Việt Nam sau 75 là mười năm... đạp. Đạp xe đi làm đã đành, ngày nghỉ còn... cua-rơ tới tận Củ Chi, Bình Dương, Hóc Môn... để kiếm gạo! Hồi đó Sài Gòn gạo hiếm và đắt, có giờ rảnh rỗi là vọt đi các nơi lân cận kiếm về một hai chục kí gạo với giá tương đối rẻ hơn cũng đỡ cho những cái dạ dầy lép kẹp của vợ con lắm. Đạp xe đường dài, chở nặng, gian truân thì có gian truân nhưng vẫn còn... hạnh phúc chán. Nỗi cực nằm trong những mánh khóe qua mặt được sự kiểm soát của không biết cơ man nào là các thứ chức quyền đứng chặn đường đón bắt. Khi thì phải bỏ đường lộ men theo đường ruộng, khi thì phải canh giờ nghỉ của... các thày để vọt qua, khi bị vào rọ thì kể lể năn nỉ van xin, khi phải lì mặt ngồi hàng giờ để... bảo toàn gạo. Đã có một liên hệ thiếu thân ái với xe đạp như vậy, dễ gì còn can đảm leo lên xe đạp khi xe hơi vun vút qua lại. Ngồi xe hơi dĩ nhiên hạnh phúc hơn chổng mông trên yên xe đạp. Xe đạp, cuối cùng, chỉ có một điểm khả ái là nó giúp cho cặp mắt yêu chuộng những hình ảnh khỏe đẹp có dịp chiêm ngưỡng những cặp đùi tròn trịa đầy sức sống nhún nhẩy trên đường phố! Cái vẻ đẹp... thể thao đó, tuy cũng thích thú nhưng khác xa với những dáng vẻ ẻo lả trên những chiếc xe mini của các nữ sinh áo dài của thuở xa xưa.

cô bắc kỳ nho nhỏ
tóc "demi garcon"
chiều đạp xe vô chợ
mắt như trời bao dung
anh vì mê mải ngó
nên quên thù đám đông!

(Nguyễn Tất Nhiên)

Cuối tháng 5, đầu tháng 6 mỗi năm là dân xế độp Montréal mở cờ trong bụng. Họ tấp nập đóng tiền tham dự cuộc đạp xe vòng quanh thành phố mang tên Tour de l'Ile. Cuộc đạp xe... hội đồng được tổ chức vào hai ngày Chủ Nhật. Một dành

cho trẻ em và một dành cho người lớn. Ngồi trên yên xe đạp là dân ái mộ xế độp từ nhiều nơi trên thế giới đổ về. Trẻ em đạp 21 cây số, người lớn nuốt 45 cây số. Ai đạp không nổi tới đích thì cứ tự động... tan hàng. Số người tham dự lên tới nhiều ngàn người mỗi năm. Trong số người lúc nhúc hì hục chổng mông này, không có tôi. Vậy mà tôi cũng chưa bằng lòng vì còn phải lầu bầu với nạn cấm đường. Ngày các anh các chị nhấp nhổm trên yên xe đạp là ngày tôi ngồi... viết phiếm! Ra đường làm chi! Không lái xe vòng vèo mua đường cũng phải chờ đợi đến phát điên người lên. Vừa tốn xăng, vừa tốn mồ hôi!

Tháng 7, tháng linh đình của dân Canada, với nắng, với nhiệt độ lên phơi phới, với tắm biển, với phơi nắng, với... chuổng cời. Edmonton, thủ phủ của tỉnh bang Alberta, góp vui với cuộc thi Vô Địch Quốc Tế Đưa Thư Bằng Xe Đạp. Khoảng 500 tay đua từ 18 quốc gia đổ về. Cuộc đua diễn ra khoảng vài tiếng đồng hồ để chọn nhà vô địch giao thư nhanh nhất từ 8 đến 12 điểm đến ở khu trung tâm thành phố.

Chạy xe đạp chuổng cời? Ở đâu? Mấy ông bạn tôi nhẩy nhổm lên hỏi. Montréal nè, Victoria nè, Vancouver nè, Toronto nữa nè! Đó chỉ mới nói ở Canada, còn ở Mỹ, Anh, Tô Cách Lan, Đức, Tây Ban Nha và, không thể thiếu được, Hà Lan. Cuộc chạy hấp dẫn này mang tên *World Naked Bike Ride*, khởi đầu ở Montréal vào ngày 12 tháng 6 này. Tại sao xe đạp phải cõng một thân hình trần trụi như vậy? Có nhiều lý do. Một là để nhắc nhở mọi người nên dùng một phương tiện chuyên chở không cần xăng nhớt. Thứ nữa là để phản đối sự áp đặt tiêu thụ áo quần. Lý do lớn nhất là đạp xe cởi truồng... *fun* lắm! Đó là... biện chứng pháp chuổng cời của Rebecca McMackin, Trưởng ban Tổ Chức cuộc đạp ở Victoria!

Hà Lan, vương quốc của xe đạp thì tháng nào cũng là tháng đạp xe. Mùa xuân 2002, nhà văn Mai Kim Ngọc cũng... góp chân với dân hoa tulip bằng cuộc du lịch Barge And Bike. Ban ngày đạp xe, ban đêm ngủ thuyền. Trên tạp chí *Văn Học*, số tháng 8 và 9 năm 2003, tác giả đã kể lại trong bài "Hà Lan Du Ký Xe Đạp": " *Mặc dầu văn minh bậc nhất Âu Châu, dân nước này sống gắn bó với xe đạp, từ em bé mới ngồi vững trên poóc-ba-ga được mẹ chở tới nhà giữ trẻ, cho đến vị đương kim thủ tướng đạp xe đến sở làm. Tính theo đầu người, họ nhiều xe đạp hơn Việt Nam. Dân chúng tuổi đạp xe mỗi người trung bình có hai chiếc, một tiện nghi chắc chắn để đi làm, một nhẹ và nhanh để tiêu khiển... Hà Lan quả là thiên đường của xe đạp. Ngay cả vỉa hè bến cảng, từ đầu phố này đến đầu phố kia là bãi đậu xe cho cả ngàn chiếc xe. Phần lớn là xe hạng trung, gia dụng, chắc chắn và có vẻ hơi nặng... Xe đạp có lối đi riêng, chỗ nào gặp đường lớn là được xe hơi nhường.*" Không hiểu trong cái thiên đường xe đạp này có bao nhiêu xe đạp Việt Nam? Năm 2003, Việt Nam đã xuất cảng 1 triệu 311 ngàn xe đạp qua Thị Trường Chung Âu Châu. Nói là Việt Nam chứ trong chín xí nghiệp sản xuất xe đạp xuất khẩu qua thị trường này thì đã có tới sáu xí nghiệp có 100% vốn Đài Loan! Và xe đạp Việt Nam đang bị Hiệp Hội các Nhà Sản Xuất Xe Đạp Âu Châu kiện vì bán phá giá!

Thiên đường xe đạp Hà Lan, có cho không tôi cũng chẳng thèm! Tôi nhất định không... nhập quốc tịch Hà Lan. Cố Tổng Thống Trần Văn Hương có lẽ là người Hà Lan. Khi được bổ nhiệm làm Đô Trưởng Saigon, ông đã đạp xe tới Tòa Đô Chánh nhận chức. Anh gác cửa nhất định không cho vào. Đô Trưởng gì mà chẳng... máy móc chút nào cả!

Xe đạp, chẳng phải cứ nhảy lên là đạp phăng phăng được đâu. Phải tập đi. Có ai trong chúng ta chẳng bị xe đạp vật xuống đường xây xước, máu me, sưng mặt sưng mày ngày tập đạp xe hồi nhỏ không? Những ngày Hà Nội thời đó, lũ trẻ chúng tôi cứ để dành được đồng bạc nào là lo cúng vào các cửa hàng cho thuê xe đạp. Dắt được chiếc xe ra khỏi cửa tiệm, mừng như bắt được của, móc trong túi ra hai chiếc kẹp phơi quần áo bằng gỗ kẹp hai ống quần dài cho xích xe khỏi nghiến, hăm hở leo lên, nhờ một đứa bạn tay giữ yên xe, tay giữ ghi-đông vừa chạy theo vừa đẩy. Lạng quạng như anh say rượu một vài ngày rồi cũng đạp được một mình, sau khi đã hoan hỉ nhận vài cái té. Tập xe đạp, *fun* lắm!

Trên sân sau của một trường nội trú nữ sinh, các cô đang cười đùa hò hét tranh nhau một chiếc xe đạp. Quá ồn và ngứa mắt, bà Giám Thị bước ra quát to:

"Này các chị! Có bé cái miệng lại được không! Tôi mà lấp cái yên xe vào là mất vui đi đấy!"

Thành thạo đạp xe vẫn không bảo đảm xe không cho đo đất dù là... Tổng Thống. Tháng 5, mùa hè năm nay, Tổng Thống Bush của Hoa Kỳ chán ngồi limousine, đạp 17 dặm xe đạp cho vui. Tới dặm thứ 16, Tổng Thống ngã ngựa! Phát Ngôn Viên Tòa Bạch Ốc Trent Duffy cho biết là Tổng Thống bị trầy da, bầm tím ở cằm, môi trên, mũi,

tay phải và cả hai đầu gối! Đủ món ăn chơi! Sau đó Tổng Thống can đảm leo lên xe đạp tiếp cho hết đoạn đường 17 dặm. Chỉ còn một dặm chót, suýt soát tới đích, Tổng Thống... thọ hình. Đời ông hình như chỉ là những suýt soát. Bốn năm trước, ông đắc cử Tổng Thống với số phiếu chỉ nhỉnh hơn số phiếu của ông Gore chưa đầy... một dặm! Đối thủ của ông trong cuộc chạy đua vào Tòa Bạch Ốc năm nay, ứng cử viên Đảng Dân Chủ John Kerry cũng... té xe đạp. Ông đang cùng các nhân viên mật vụ đạp xe qua Conrad, cách Boston khoảng 18 dặm thì lăn quay khi chiếc xe đạp của ông đâm vào một đụn cát. Xe đạp, dễ chừng chúng có liên quan đến... quốc sự!

Hươu thì có liên quan gì đến xe đạp, vậy mà có! Gần 10 năm nay, năm nào cũng vậy, cứ đến mùa hoa hồng là vợ chồng Djoern và Monica Helemb lại... phiền. Vườn hồng đẹp đẽ của họ ở Vuoggatjalme thuộc phía bắc Thụy Điển, luôn luôn được một vị khách không mời tới... thưởng thức. Vị khách có bốn chân, hai tai bị méo mó, không yêu hoa nhưng thích ăn hoa. Năm nay, hai vợ chồng Helamb nghĩ ra một diệu kế: chắn vườn hoa bằng một chiếc xe đạp. Chú hươu tai méo thản nhiên chui đầu qua khung xe đớp hoa như điên. Ăn xong, không rút được đầu ra khỏi khung xe, chú chôm luôn chiếc xe đi bằng cách cõng xe trên cổ! Khi hai vợ chồng đi tìm xe mới thấy nó nằm cách vườn hoa gần nửa cây số. Chiếc xe bị cong veo, gẫy nát!

Uổng chưa! Ở Việt Nam, sau 75, đã có thời xe đạp là vàng! Các anh cán bộ từ Nam về Bắc, anh nào cũng thủ một chiếc khung xe và một xách phụ tùng xe đạp. Dân chúng thì quý xe còn hơn thân mình. Đó là chiếc cần câu cơm. Nhiều nơi có thể kiếm bạc được bằng... xe ôm.

Hai anh đàn ông nói chuyện với nhau. Một người bảo:

"Này, có tiền và không có tiền đúng là khác nhau một trời một vực cậu ạ!"

"Cậu nói thế là có ý gì?"

"Này nhé! Ai có tiền thì đi xe hơi, uống bia ôm. Còn ai không tiền thì cố lắm cũng chỉ đi xe ôm và uống bia hơi thôi!"

Xe đạp còn cõng trên lưng đủ thứ hầm bà làng. Ôm đồm như vậy nên nó rất nghênh ngang trên đường phố. Những chiếc xe đạp thồ rất... sáng tạo có thể làm xiếc với vài chiếc lu sành loại lớn ngất ngưởng hai bên xe. Xe chở rơm thì kín mít và phồng ra như một chiếc xe hơi với bác tài chìm mất trong đống rơm. Xe chở than kềnh càng những bao than no tròn như một nàng heo nái nằm chen nhau từ đầu tới quá đuôi xe. Xe chở gạo cõng bẩy tám tạ trên mình ì ạch bò trên đường phố. Xe chở người, nguyên một gia đình vợ chồng con cái bốn năm trự ép vào nhau... phi thân trên xe!

Xe đạp cần câu như vậy kiếm đâu ra ở các nước khác? Ngay cả vương quốc xe đạp Hà Lan chắc cũng chịu thua. Nói chi tới... đảo quốc Montréal, nơi mỗi năm tiêu thụ khoảng 200 ngàn xe đạp, phần lớn nhập cảng từ Trung Quốc. Martin Schwartz, Chủ Tịch Công Ty Dorel Industries chuyên nhập cảng và bán sỉ xe đạp, cho biết là thị trường xe đạp càng ngày càng phình ra. Nhu cầu thì nhiều mà số lượng xe sản xuất thì có hạn. Sau 41 năm hoạt động, Công Ty mới đạt được mức doanh thu 1 tỷ đô la một năm vào năm 2003. Năm nay, họ dự định bán ra từ 1,6 tỷ đến 1,8 tỷ qua các cửa hàng bán lẻ Costco, Wal Mart và Target ở Mỹ và Canada. Từ 1 tỷ tới 2 tỷ, đoạn đường chắc ngắn hơn đoạn đường 41 năm nhiều, rất nhiều. Ngày nay, dân chúng đang được khuyến khích dùng xe đạp đi làm để vừa làm sạch môi trường vừa cho các anh chủ các hãng xăng hết làm eo làm sách. Thành phố Montréal đang phát động phong trào này dưới tên Ride-to-Work với khoảng 70 ngàn viên chức có thể mượn xe đạp tại 19 địa điểm tại trung tâm thành phố. Muốn mượn xe, dễ ợt! Chỉ cần xuất trình một giấy căn cước và cho biết nơi làm việc. Nếu đi xe riêng thì rất *welcome*. Các phương tiện chuyên chở công cộng sẽ sẵn sàng cõng xe đạp vào thành phố. Các chuyến tầu ngoại ô có khoảng 1000 chỗ cho xe đạp, 15 lộ trình xe buýt cũng nhận chở xe đạp và thành phố có chừng 100 tắc xi có giá để xe đạp.

Xe đạp nhiều khi... đạp nhầm ngôn ngữ! Một vị truyền giáo bỏ ra nhiều năm để truyền bá nền văn minh cho một bộ lạc thổ dân. Bỗng một hôm, ông nghĩ là nên dậy họ nói tiếng Anh. Ông dắt vị tù trưởng đi bộ vào rừng, chỉ một thân cây và nói:

" This is a tree."

Vị tù trưởng nhìn cây, lẩm bẩm: "Tree!"

Họ đi thêm vài bước, vị truyền giáo chỉ một hòn đá và nói:

"This is a rock."

Nghe thế, vị tù trưởng nhắc lại: " Rock!"

Nhà truyền giáo rất hài lòng. Khi ông nghe tiếng sột soạt trong một bụi cây bèn ngó trộm vào trong và thấy một đôi nam nữ đang quấn lấy nhau. Ông hết sức bối rối và nhanh chóng phản ứng:

"Riding a bike!"

Vị tù trưởng thoáng nhìn đôi nam nữ, lập tức lôi cây súng ra và bắn chết họ. Nhà truyền giáo nổi giận và la mắng vị tù trưởng tại sao đã học lối sống văn minh mà còn giết người một cách dã man như vậy. Vị tù trưởng lạnh lùng nói:

"My bike!"

Xe đạp của tôi! Tôi bỗng nhớ chiếc xe đạp những ngày Trung học. Chiếc xe *dura* được chùi thuốc đánh đồng lúc nào cũng bóng loáng như gương là niềm tự hào đối với bạn bè. Những vòng quay lấp lánh đã đưa lũ học sinh vừa chín tuổi mộng mơ chúng tôi thân cận với những chiếc xe *mini* nhỏ nhắn dễ thương. Đường phố Sài Gòn vàng óng lá me như những mặt thảm êm ái đưa chúng tôi vào những cuộc tình đầu đời. Và khi những cuộc tình vụng dại vụn vỡ làm nhức nhối những con tim còn rất khờ khạo, những vòng quay đã đưa người tình si đi tìm lại tiếc nuối.

Anh nhớ nhà em có cửa sơn xanh
Có một hàng rào, có thầy, có mẹ...
Có ngựa chạy trong trường đua, người đi ngoài phố
Nên anh đạp xe đi
Rồi đạp xe về
Mà chẳng có đôi ta...
Mùa xuân buồn lắm em ơi
Mỗi lần đạp xe về anh vẫn nghe lòng bỡ ngỡ
Chiếc xe còn nguyên màu sơn xanh
Nhưng tâm hồn đã ngả sang màu sắt rỉ
Bởi vì từ Sài Gòn lên tận trường đua Phú Thọ
Hết cả tiền uống một ly nước mía
Mà cũng không gặp em
Nên khát đắng linh hồn.

(Nguyên Sa)

06/2004

TIỆN

Cho tới bây giờ vẫn có giả thuyết cho Trạng Quỳnh là một nhân vật không có thực tuy rõ ràng là ở Sài Gòn có đường Cống Quỳnh. Ông là một người thông minh, tinh quái, giỏi thơ văn. Nếu ông sống vào thời nay chắc sẽ được gắn cho cái mác... ma lanh! Chuyện về ông rất nhiều, toàn những chuyện... ma lanh. Có một chuyện được kể như thế này. Có một lần sứ Tầu sang Việt Nam, ông được cử ra đối đầu. Ông giả làm người lái đò chở sứ Tầu. Khi đò đang rong ruổi trên sông nước, anh sứ Tầu lỡ chột bụng tạo ra một tiếng kêu. Để chống đỡ, anh bèn ngạo mạn đọc: "Sấm động Nam Bang!" Trạng Quỳnh chơi lại anh sứ xấu bụng này bằng cách ra mũi đò, tụt quần, đi một đường cầu vồng và đối lại: "Vũ qua Bắc Hải!" Anh sứ Tầu ngẩn tò te. Một tên lái đò mà đối hay đến như vậy thì dân khoa bảng của nước Nam phải giỏi đến mức nào! Bèn rét, hết nghênh ngang.

Trạng Quỳnh đi một đường tiện nhỏ chống lại cái tiện giữa của anh sứ Tầu. Thường tiện nhỏ, người ta không ngang nhiên hoạt động giữa trời như vậy. Nó có chỗ đàng hoàng. Ông bạn Luân Hoán của tôi, thơ cũng nghênh ngang phát khiếp, vậy mà trên đường di tản sang Canada, máy bay ghé lại một phi trường của Ý, bụng đang rối bời vì vừa dứt bỏ quê hương, cũng... kỷ luật như ai.

tàu bỏ ta trên đất Ý
vài giờ đợi đổi đường bay
ngồi không bỗng dưng mắc đái
bỗng thèm rửa mặt rửa tay

kéo nhau đi vào toilette
gởi đây chút kỷ niệm này
biết đâu thấm vào thớ đất
nuôi mầm sống nứt lên cây

Hồi còn viết "phim" cho các báo Sài Gòn, tôi có một lần quá tay đến ân hận. Số là bữa đó, trên đường đi làm, tôi bắt gặp quả tang một ông Cảnh Sát đang tưới cây bên đường. Tưới cây bên đường? Chuyện nhỏ! Người ta làm hà rầm.

cùng Cao Bá Quát Tú Xương...
Ngâm thơ uống rượu đái đường Huyền Trân...
đâu cần thề thốt trăm năm
vỗ mông Thị Điểm nựng cằm Xuân Hương...

(Lê Vĩnh Thọ)

Nhưng Cảnh sát đứng thực thi sự bình đẳng với thân cây thì thành... phiếm! Có lẽ ông đang đứng gác đường, nhìn ông đi qua bà đi lại, thấy anh dân nào vi phạm luật là thổi tu huýt ghi phạt, bỗng cái bụng sinh chuyện óc ách, đô thành lại còn hà tiện chưa làm những nhà tiểu công cộng nên ông phải... tự phát huy sáng kiến. Chuyện khá tréo cẳng ngỗng. Một anh chuyên môn rút viết ghi phạt những anh bị bệnh... *diabete* bỗng bị bắt gặp cũng đang... đái đường! Phải phiếm là cái cẳng. Độc giả thích phải biết. Vì "bạn dân" chẳng bao giờ được dân coi như bạn cả! Tôi phiếm liền. Để nói có sách mách có chứng, tôi ghi rõ địa điểm và thời gian hoạt động... ngầm của ông Cảnh sát. Bài báo làm Xếp Chúa Cảnh Sát nổi giận vì quá mất mặt bàu cua. Viên Cảnh Sát được triệu về lãnh phạt. Hình như hình phạt rất nặng. Nghe được chuyện, tôi thấy hối hận vì đã vô tình hại một người làm một chuyện bất khả kháng. Đang đứng đường, chỗ đâu mà... kín đáo!

Trong ba anh em nhà họ... Tiện, tiện nhỏ thường có chỗ có chàng đàng hoàng. Tiện lớn cũng vậy, trừ phi có những anh chàng ngẳng đời thích làm... quận công! Riêng cái chú tiện giữa thì số phận hẩm hiu, chẳng nhà chẳng cửa nên tiện đâu ghé vào đó. Lông bông như vậy nên mới bị nhiều thị phi.

Bà đang mải mê chơi với cháu nhỏ lẫm chẫm biết đi. Bỗng cháu làm rơi một tiếng kêu khá chất lượng. Mắt cháu trợn lên, rồi phá ra cười. Bà cũng lăn ra cười. Tiếng cười còn to hơn tiếng cười của cháu. Hai bà cháu rũ rượi mãi mới dứt được. Bà mắng yêu: "Mẹ mày! Cứ chịu khó đi theo mày chắc cũng nhặt được một rổ!"

Già trẻ lớn bé, ai cũng như có họ hàng với cái anh tiện giữa này. Anh ẩn nấp trong mỗi chúng ta và tùy hoàn cảnh xuất hiện một cách lặng lẽ hay ồn ào. Ẩn nấp bằng cách nào? Bằng những thức ăn hàng ngày, bằng sự thiếu vận động hay bằng một hội chứng y khoa gọi là hội chứng nhột bụng. Trong những thức ăn tạo ra nhiều hơi, giữ chức vô địch là sữa và các chất có sữa. Theo sau là giá, các thức ăn có chất cám, các loại đậu, bắp cải, các loại đường nhân tạo, các loại nước có ga, và rượu. Nếu bạn thích nhai kẹo cao su, cũng nên coi chừng! Nếu bạn hút thuốc và nuốt khói, cũng cần đề phòng! Căng thẳng trong người cũng nguy hiểm lắm.

Một anh chàng có tính cả thẹn, có người yêu đã lâu rồi mà chưa biết... hôn là gì. Anh chàng than thở với bạn và được bày kế:

"Thế này này, cậu rủ cô bồ đi chơi, đưa vào chỗ văng vắng. Tới lúc nào muốn hôn thì cậu nói: 'Em ơi! Trăng đêm nay cao quá!' Khi cô bồ của cậu ngước mắt lên trời nhìn thì cậu tiếp: 'Anh hôn em vào má!'

Tối đó, y như lời chỉ dẫn, chàng rủ nàng đi chơi nơi vắng người. Đến thời khắc quan trọng nhất thì đột nhiên chàng run và câu thơ biến thành: 'Em ơi! Trăng đêm nay cao... tít!'."

Ai cũng là một nhà máy tiềm tàng chất hơi nên mọi người dễ thông cảm với nhau. Sự lỡ bụng là... ba cái lẻ tẻ. Có chi mà nghiêm trọng! Cứ coi như là chuyện vui đùa thì đời... dễ thở biết mấy!

Hồi nhỏ, mỗi mùa gặt, căn nhà ngang của gia đình tôi đầy nhóc các tá điền về gặt lúa. Họ đều là những người khỏe mạnh, chân chất. Cơm ăn mỗi người mỗi bữa vài chục bát là thường. Buổi tối rỗi rảnh, họ tụ nhau lại nói chuyện, hút thuốc lào, uống nước vối. Chuyện của họ vui lắm. Lũ nhóc chúng tôi ưa la cà nghe chuyện. Có những tối họ hè nhau... thi đua. Một loại thi đua cây nhà lá vườn. Họ luộc một nồi khoai lang lớn, chia nhau ăn. Xong, họ thi... tít. Có những kiện tướng sản xuất được cả trăm tiếng. Đoạt chức vô địch rồi, còn chầu thêm vài tiếng bonus!

Cái việc có thể làm đỏ mặt nhiều người sao lại biến thành một trò chơi cộng đồng ồn ào như vậy? Có lẽ họ thiếu trò giải trí. Nhưng nói là ồn ào chứ thực ra chẳng ồn ào một chút nào cả. Các đối thủ phải hết sức hà tiện... sức, chỉ ghi điểm bằng những tiếng nhỏ nhẹ vừa đủ nghe. Cái lối vui chơi "nhà quê" đó có xuất hiện ở thành phố không?

Trong một lần vào tiệm Dollarama, một tiệm chuyên môn bán đồ... một đô, tôi đã bắt gặp một thứ rất lạ mắt. Đó là một thứ hình thù như chiếc bánh tiêu làm bằng cao su mềm, ở giữa có một cái lỗ nhỏ, được gói trong bao nhựa trong đẹp mắt, có in tên hiệu, hình vẽ và... ghi chú đàng hoàng. Đọc kỹ mới biết đó là thứ đồ chơi giả làm anh tiện giữa. Máu tếu trong người tôi nổi dậy, tôi nhẩm đếm số cháu nhỏ của khắp các gia đình quen biết, nhân đôi lên, lựa một bọc, ra quầy trả tiền trước cái cười nửa miệng nhiều ý nghĩa của cô thâu ngân. Tôi phát cho mỗi cháu hai cái. Các cô các cậu thích như bắt được... vàng. Nhà inh ỏi lên những âm thanh khi thì sầu muộn, khi thì oai dũng, khi thì nỉ non, khi thì khép nép tùy theo tay bóp nhẹ hay mạnh. Trẻ con quả có nhiều sáng kiến. Chúng dấu những bao cao su này trong nệm ghế, người lớn vô ý ngồi xuống liền... ngơ ngác trước những tiếng nổ phụ hình như do mình gây ra mà trong người không có một triệu chứng đáng nghi ngờ nào cả. Khi phát giác ra cớ sự thì lớn bé đều cười với nhau. Huề!

Nhạc phụ tôi, cố Giáo Sư Lê Nguyên Diệm, nguyên Hiệu Trưởng trường Hàm Nghi (Huế) và trường Võ Tánh (Nha Trang) là một ông Hiệu Trưởng rất nghiêm khắc. Nghiêm khắc là do tính tình ông như vậy. Không phải chỉ với học trò, ông nghiêm khắc cả với những người khác và nghiêm khắc ngay cả với bản thân ông. Học trò sợ ông một phép. Chắc không ít cô cậu coi ông là... hắc ám! Là Giáo Sư Toán nhưng ông lại thích ngâm vịnh, bàn chuyện thơ văn với bạn bè, và... làm thơ. Trong số thơ ông để lại, có những câu khá tinh nghịch, chứng tỏ trong cái vỏ nghiêm khắc cũng có một tâm hồn dí dỏm ra phết. Ông giỡn cả với anh tiện giữa.

Súng nổ nghe ra mình tưởng dữ
Ai ngờ mưa nhẹ gió hiu hiu!

Anh tiện giữa hư quá nhé! Chẳng chừa một ai mà anh không rủ tham gia vào... cuộc vui. Ấm ức

với anh, không nên! Hậu quả dám là... lay-off lắm!

Bà già bảo cô con gái:

"Tao không ưa cái con nhỏ bay mới mướn săn sóc cho tao."

Cô con gái biết tính mẹ già, nhỏ nhẹ hỏi:

"Con nhỏ đó vừa ngoan vừa chịu khó, sao mẹ không ưa? Con thấy nó đẩy xe lăn đưa mẹ đi chơi rất cẩn thận. Khó mà mướn được một đứa như nó mẹ à!"

Bà già lắc đầu:

"Bây thử nghĩ coi. Tao làm gì nó cũng cản tao hết. Tao nhấc người lên là nó vội đè xuống. Bên trái bên phải gì nó cũng không cho hết. Tức cái bụng muốn chết! Muốn xả một cái cho nhẹ mà con ranh đó không cho!"

Cái bụng muốn nhẹ, chẳng phải chỉ có cách nhấc một bên người lên. Còn có nhiều cách khác làm bớt hơi trong bụng. Chẳng hạn như khi ăn nên ăn chậm và nhai kỹ. Vì đầy hơi là kết quả của thức ăn không được tiêu hóa tốt. Nhai chậm là nghiền kỹ cho nát thức ăn và giúp cho các loại men trong nước bọt góp phần tối đa vào việc tiêu hóa. Ăn uống thoải mái, tránh căng thẳng cũng tránh được đầy hơi. Đi bộ, vận động nhẹ nhàng sau khi ăn và tập thể dục thường xuyên cũng giúp đẩy hơi xuống phần dưới của ruột. Nếu bị đầy hơi nhiều và thường xuyên có thể tập động tác thể dục như sau: Nằm ngửa, co đầu gối phải lên ngực, ép xuống, giữ khoảng 10 giây, rồi đổi qua bên trái, lập đi lập lại nhiều lần.

Tự túc tự cường như vậy mà không xong, anh tiện giữa vẫn cứ tự tung tự tác, đành phải cầu viện tới thuốc. Thông thường nhất, không cần toa bác sĩ, là dùng những thứ thuốc chứa chất simethicone có thể giúp làm vỡ các bóng hơi trong phần trên của hệ thống tiêu hóa. Chất này có trong các thứ thuốc như Di-Gel, Mylanta Gas, Maalox... Chất lactase làm giảm sự đầy hơi do các thức ăn có chất sữa có trong các loại thuốc như Lact-Aid, Lactrase hay DairyEase. Ngoài ra, trong thuốc Beano có chất men alpha galactosidase giúp tiêu hóa các loại bột, chất đường có trong các loại đậu và một số rau trái. Chất bismuth trong thuốc Pepto Bismo, than hoạt tính, hoặc nước ấm hay nước trà có pha vào vài giọt dầu bạc hà, quế hay gừng, uống vào sau khi ăn cũng đỡ ấm ách cái bụng lắm. Muốn thứ... xịn hơn, phải có toa bác sĩ. Đi bác sĩ? Cũng ngại lắm chứ!

Một phụ nữ đến gặp bác sĩ, vòng vọ giải thích rằng mình mắc bệnh xì. Cô ta nói:

"Nhưng cũng may là chúng không bốc mùi và không kêu thành tiếng. Thực ra, nãy giờ ngồi nói chuyện với bác sĩ mà tôi đã... hai lần rồi đó!"

Bác sĩ kiên nhẫn chờ bệnh nhân kể dông dài về hết các triệu chứng xong, viết đơn thuốc rồi đưa cho cô. Cô đọc, ngạc nhiên hỏi:

"Cái gì? Thuốc nhỏ mũi à?"

Bác sĩ gật đầu:

"Vâng, tôi cần chữa khứu giác cho cô trước, sau đó sẽ tới thính giác!"

Mùi, đó là cái phần bất tiện nhất của anh tiện giữa. Nó là kẻ nội thù giấu mặt. Đi tầu ngầm mà cứ bị địch quân phát giác ra hoài.

Một cặp tình nhân đi du dương với nhau bằng xe hơi. Bỗng nghe trong xe phảng phất có mùi. Anh liếc sang chị. Chị nhìn xéo qua anh. Tình thế hết sức căng thẳng. Cứ làm một con tính loại thì đích danh thủ phạm phải đang lù lù một đống bên cạnh. Cuộc tình có lẽ chẳng cách gì thơm tho được. Nhưng, khổ một nỗi là cả hai người tế nhị đáng thương chẳng thể ngờ được, là cái máy xe hơi vào mùa đông nhiều khi chơi khó nhau như vậy!

Hai cái xe không người lái Spirit và Opportunity vừa được Cơ Quan Hàng Không Và Không Gian Hoa Kỳ NASA thả xuống Hỏa Tinh. Trong số các dữ kiện do hai chiếc xe thám hiểm này gửi về, có những dữ kiện để các nhà khoa học dự đoán được mùi của Hỏa Tinh. Hỏa Tinh có rất nhiều lưu huỳnh nằm ở dạng quặng muối sulfate. Điều đó chứng tỏ là đá trên Hỏa Tinh không những được hình thành trong nước mà còn trong một môi trường có nồng độ acid rất cao. Khi có đủ mặt acid, kim loại, lưu huỳnh dưới bầu khí quyển đầy thán khí của Hỏa Tinh thì mọi thứ bắt đầu... bốc mùi! Jim Garvin, Trưởng Dự Án Thám Hiểm Mặt Trăng và Hỏa Tinh, cho biết : "Chúng ta có lưu huỳnh và một môi trường oxy hóa tốt để tạo ra muối sulfate. Kết hợp với nồng độ acid cao, chúng ta thu được acid sulfuric H2SO4. Đồng thời một sản phẩm phụ xuất hiện, acid sulfitre H2S, và mọi thứ bắt đầu bốc mùi." Mùi như thế nào? Đó là mùi thum thủm như mùi trứng ung.

Mùi thum thủm? Nghe sao mà quen quen. Chẳng lẽ cái anh sứ Tầu xấu bụng đã lẻn được lên tới Hỏa Tinh!

04/2004

Website: ***www.songthao.com***

Cập nhật hóa khoa học:

Cholesterol và bệnh tim

NGUYỄN VĂN TUẤN

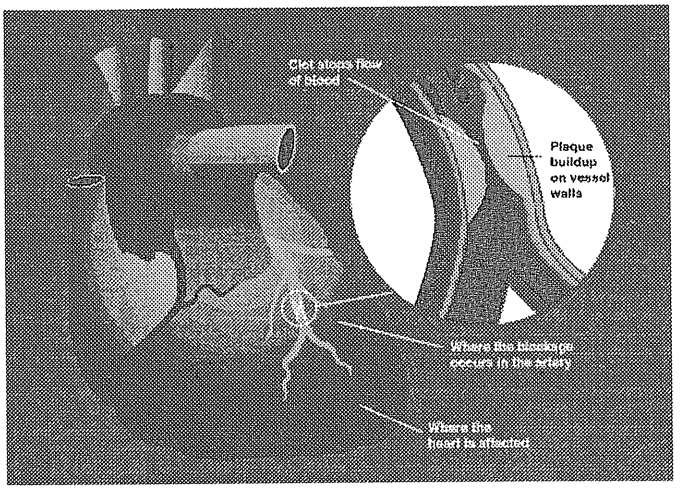

Vài thập niên trở lại đây, giới y tế thường khuyên quần chúng nên tìm cách giảm lượng cholesterol (thường được báo chí Việt ngữ đề cập đến một cách thiếu chính xác là "mỡ trong máu") để bảo vệ trái tim. Ngày nay, với vài bằng chứng mới, một số nhà khoa học và bác sĩ nghĩ lời khuyên đó thiếu cơ sở khoa học...

Mối liên quan giữa cholesterol trong máu và nguy cơ bị bệnh tim gần như không hiện hữu. Không chỉ thế, nếu bạn chưa từng bị bệnh tim, giảm lượng cholesterol trong máu sẽ chẳng làm cho bạn sống lâu hơn. Sau cùng, thuốc statins (một loại thuốc làm giảm cholesterol bán chạy nhất hiện nay mà giới y tế khuyến khích dùng) chẳng có hiệu quả gì đối với phụ nữ.

Trên đây chỉ là một vài phát biểu "động trời" của một nhóm khoa học gia thường được biết đến như là những người hoài nghi giả thuyết về mối liên hệ giữa cholesterol và bệnh tim. Nhóm này tự gọi là "The International Network of Cholesterol Skeptics", hay viết tắt là THINCS. Nhóm khoa học gia này trực tiếp thách thức một thuyết có thể nói là một trong những nền tảng của nền y học hiện đại và chính sách y tế công cộng ở Tây phương. Nói một cách ngắn gọn, thuyết này cho rằng chất béo làm tăng cholesterol; cholesterol làm nghẽn động mạch; nghẽn động mạch dẫn đến bệnh xơ vữa động mạch, đau tim, và hậu quả là chúng ta chết yểu. Thành ra, mấy thập niên qua (và thậm chí ngày nay), chỉ cần hỏi chuyện vài bác sĩ gia đình về vấn đề cholesterol, họ sẽ cho bạn biết rằng nếu lượng cholesterol trong máu của bạn cao hơn 5 millimoles/L, bạn nên tìm biện pháp giảm nó, và một trong những biện pháp đó là uống thuốc statins.

Tuy nhiên, theo các nhà khoa học hoài nghi thuyết cholesterol (sẽ gọi tắt là THINCS) hậu quả của những lời khuyên đại loại như thế không những chẳng đem lại lợi ích gì cho những đàn ông đã từng bị bệnh tim, mà còn làm tăng ngân sách y tế của nhà nước. Sự hoài nghi của THINCS có cơ sở khoa học hay không?

Câu trả lời là có. Chẳng hạn như cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có một bằng chứng thuyết phục nào để phát biểu rằng những người tìm cách giảm lượng cholesterol trong máu (qua dùng thuốc hay chế độ ăn uống) có tuổi thọ cao hơn những người không dùng thuốc. Kết quả của một số nghiên cứu lâm sàng cho thấy trên bình diện quần chúng, dùng thuốc như statins có thể giảm lượng cholesterol và giảm số tử vong vì bệnh tim chút ít, nhưng lại làm tăng số tử vong vì các nguyên nhân khác!

Cuối năm ngoái, trên tạp san y học của Anh, British Medical Journal, một nhóm nghiên cứu từ Canada, sau khi điểm qua những nghiên cứu về hiệu quả của statins, đã đi đến kết luận: dùng statins trên qui mô lớn (tức cả dân số) không làm giảm tỉ lệ mắc bệnh nhồi máu cơ tim hay bệnh đột quị. Các nghiên cứu khác phát hiện một sự thật quan trọng hơn: Đối với những người 50 tuổi trở lên có lượng cholesterol trong máu bị giảm, tỉ lệ tử vong cũng tăng cao hơn trung bình.

Giáo sư Joel Kauffman (Đại học Philadelphia) cũng làm một nghiên cứu tổng hợp về hiệu quả của statins, và cũng đi đến kết luận tương tự: một khi điều chỉnh cho độ tuổi, không có mối liên hệ nào giữa lượng cholesterol và bệnh tim. Ông còn phàn nàn là các báo cáo khoa học liên quan đến cholesterol và bệnh tim thường phiến diện, bởi vì các tập san y học ít khi nào chịu công bố những nghiên cứu mà họ cho là "tiêu cực", tức những nghiên cứu không tìm thấy ảnh hưởng của cholesterol đối với bệnh tim ít khi nào được in.

Trên bình diện toàn cầu, mối liên hệ giữa cholesterol và bệnh tim còn mong manh hơn nữa. Ở Nga, tỉ lệ dân số bị bệnh tim tăng một cách nhanh chóng trong vài năm gần đây, trong khi đó lượng cholesterol trong người Nga thấp hơn nhiều so với người Mỹ và Anh. Thực ra, người Nga thường có lượng "cholesterol tốt" (HDL) cao và lượng "cholestrol xấu" (LDL) thấp hơn, so với người Anh và Mỹ. Ấy thế mà tỉ lệ người bị bệnh tim trong người Nga lại cao hơn người Anh và Mỹ!

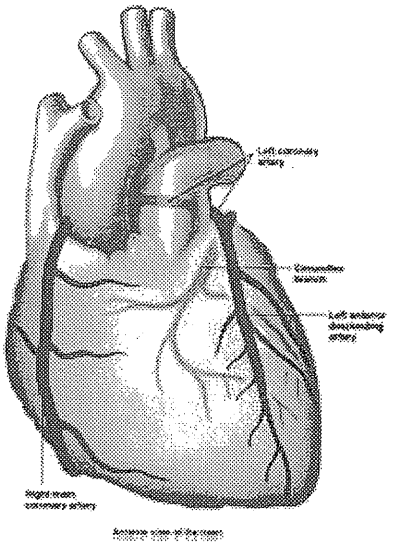

Giả thuyết về mối liên hệ giữa cholesterol và bệnh tim ra đời hơn 50 năm trước đây. Kể từ thập niên 50 và 60s trong thế kỉ 20 cho đến nay, giới y tế nghĩ rằng làm giảm lượng cholesterol bằng chế độ ăn uống ít mỡ sẽ đem lại lợi ích cho người dân. Nhưng quan niệm này đã và đang bị chất vấn gắt gao. Chẳng hạn như, ngày nay chúng ta có nhiều bằng chứng cho thấy chỉ có 50% những người bị bệnh tim có lượng cholesterol cao; phần 50% còn lại có lượng cholestrol bình thường hay thấp. Một nghiên cứu qui mô khác vừa công bố trên Tập san British Medical Journal vào năm 2001 không phát hiện một mối liên hệ nào giữa lượng mỡ trong thức ăn và nguy cơ bị bệnh tim. Nói cách khác, lượng cholesterol trong máu không giải thích được tại sao người ta bị bệnh tim, hay nếu quả thật cholesterol có ảnh hưởng đến bệnh tim thì ảnh hưởng đó rất khiêm tốn.

Sự thách thức của giới khoa học gia THINCS có ý nghĩa thời sự, bởi vì hiện nay, chính phủ các nước giàu có (như Anh, Mỹ và Âu châu) và giới y khoa cùng kỹ nghệ dược phẩm đồng lòng trong việc trợ cấp cho những người dùng thuốc giảm cholesterol. Họ tin rằng một chính sách như thế sẽ làm giảm tỉ lệ tử vong trong dân chúng và qua đó làm tăng tuổi thọ cùng năng suất kinh tế cho quốc gia. Niềm tin này dựa vào một nghiên cứu cho thấy số người bị chết vì bệnh tim giảm sau khi thuốc statins được đưa vào thị trường.

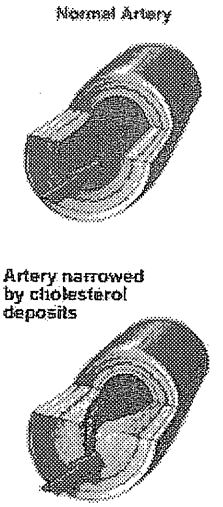

Tập san y học dang tiếng của Mỹ New England Journal of Medicine vừa công bố một nghiên cứu quan trọng, mà trong đó các nhà nghiên cứu tính toán rằng chỉ cần giảm lượng cholestrol trong máu khoảng 2 millimoles/L cũng có thể làm giảm nguy cơ bị bệnh tim và đột qui khoảng 16%. Một trong những loại thuốc dùng để giảm cholesterol là Lipitor, với thị trường toàn cầu lên đến 16 tỉ Mỹ kim. Cái thông điệp của nghiên cứu này là: giảm cholestrol càng nhanh càng tốt.

Thế thì tại sao không dùng thuốc để giảm cholesterol trong quần chúng? Ở đây, chúng ta cần phải phân biệt hai hệ thống y tế. Một là y tế ở bình diện cộng đồng (primary care), tức là khi bác sĩ gia đình của bạn cảm thấy bạn có nguy cơ bị bệnh tim bác sĩ sẽ ra toa thuốc để hi vọng giảm cholesterol. Thứ hai là secondary care, tức là khi bạn đã bị bệnh tim, và mục đích của điều trị là ngăn ngừa sao cho bạn không bị bệnh tim một lần nữa. Giới khoa học THINGS đồng ý rằng dùng statins sau khi bạn bị bệnh tim có hiệu quả làm giảm nguy cơ mắc bệnh tim lần thứ hai. Nhưng điều đó không có nghĩa rằng dùng statins trong primary care, trong những người chưa từng bị bệnh tim, sẽ làm giảm nguy cơ mắc bệnh tim. Thực ra,

chúng ta chưa có bằng chứng nào để nói như thế.

Thế còn một nghiên cứu gần đây cho thấy những người tình nguyện dùng statins trong cộng đồng có tỉ lệ bị bệnh tim và đột quị giảm 25% thì sao? Con số này thoạt mới nghe qua thì rất ấn tượng, nhưng đó chỉ là một thủ thuật thống kê thiếu thành thực. Nên nhớ rằng trong những người khoẻ mạnh, bệnh tim là bệnh khá hiếm. Công trình nghiên cứu này cho thấy số người dùng statins bị bệnh tim là 3%, và số người không dùng statins bị bệnh tim là 4%. Dùng con số phần trăm, đó là một giảm thiểu 25% (1 — Í), nhưng thực tế, nó chỉ giảm 1% (tức 3% — 4%) mà thôi. Ở Thụy Điển, người ta chỉ dùng statins trong môi trường secondary care.

Nhiều bác sĩ gia đình kêu gọi bệnh nhân mình tìm cách giảm cholesterol cũng không biết rõ câu chuyện phức tạp về mối liên hệ giữa cholesterol và bệnh tim. Tuy nhiên, những bác sĩ chuyên khoa có kiến thức sâu khi được chất vấn nghiêm chỉnh, họ thú nhận rằng lợi ích của việc giảm cholesterol trong phụ nữ không mấy rõ ràng. Phụ nữ nói chung có lượng cholesterol cao hơn đàn ông, nhưng phụ nữ thường bị bệnh tim từ 15 đến 20 năm sau đàn ông. Ngày nay, càng ngày càng có nhiều bác sĩ khuyến khích phụ nữ đã mãn kinh nên dùng statins thay cho HRT (hormone replacement therapy) vì HRT đã được chứng minh là có hại cho tim. Khuyến khích này có cơ sở khoa học không?

Câu trả lời từ một phân tích kết quả của 5 nghiên cứu lâm sàng là: "dứt khoát không". Các nhà nghiên cứu thuộc Đại học British Columbia (UBC) ở Canada công bố bản phân tích của họ năm ngoái, mà trong đó họ kết luận rằng "Kết quả nghiên cứu của chúng tôi không ủng hộ việc khuyến khích phụ nữ chưa từng bị bệnh tim dùng statins."

Cholesterol thấp trong máu tránh được tình trạng "kích ngất tim" (Heart Attack)

Các nhà nghiên cứu ở UBC còn nêu vấn đề "ảnh hưởng phụ" (side-effect) của statins. Statins thường được mô tả là một loại thuốc an toàn và có hiệu nghiệm. Song, các nhà nghiên cứu ở UBC kết luận rằng dù bệnh nhân dùng statins có nguy cơ bị bệnh tim thấp hơn nhóm đối chứng khoảng 1,4%, nhưng những bệnh nhân dùng statins lại bị ảnh hưởng phụ nhiều hơn nhóm đối chứng khoảng 1,8%. Nói là "ảnh hưởng phụ", nhưng thực ra là những ảnh hưởng nghiêm trọng, kể cả ung thư. Nhưng con số 1,8% cũng là một ước tính thấp, bởi vì chỉ có 2 trong số 5 nghiên cứu cung cấp số liệu về tỉ lệ ảnh hưởng phụ. Khi các nhà nghiên cứu yêu cầu các công ti dược cung cấp số liệu ảnh hưởng phụ của 3 nghiên cứu kia, họ không được trả lời!

Đối với người ngoài cuộc, những tranh luận này có vẻ lạ lùng bởi vì cả hai phe (ủng hộ và hoài nghi thuyết cholestrol) đều sử dụng cùng một nguồn số liệu để lí giải, để thuyết phục quan điểm của họ. Sự khác biệt nằm ở cách diễn dịch số liệu. Nhưng hai phát triển gần đây đã cung cấp cho phe hoài nghi một trọng lượng đáng kể hơn. Thứ nhất là sự phổ biến của chế độ ăn uống Atkins (còn gọi là "Atkins diet", do Bác sĩ Atkins phát triển). Kết quả nghiên cứu trong thời gian qua cho thấy một chế độ ăn uống với nhiều chất béo không hẳn làm tăng cholesterol trong máu. Kết quả này đi ngược lại 180 độ với thuyết cholesterol hiện nay. Bác sĩ Atkins (và những người ủng hộ ông) cho rằng một chế độ ăn uống nhiều chất sợi (carbohydrates), nhất là đường, mới là thủ phạm làm thương tổn đến mạch tim về lâu về dài.

Theo THINCS, một yếu tố chính trong quá trình mắc bệnh tim là viêm. Đây là một phản ứng tự vệ của cơ thể khi cơ thể cảm thấy bị tấn công. Theo đó, chỉ một chỗ nhỏ trên động mạch bị viêm cũng có thể làm cho động mạch bị nghẽn.

Trong vòng 2 năm qua, có 2 nghiên cứu lớn về vai trò của viêm trong bệnh tim. Hai nghiên cứu này khám phá rằng độ viêm trong cơ thể là một chỉ tiêu quan trọng hơn cholesterol trong việc tiên đoán ai sẽ mắc, hay có nguy cơ mắc, bệnh tim. Chỉ số viêm được đo lường bằng một protein gọi là C-reactive protein (thường viết tắt là CRP). Một số người không ưa thuyết cholesterol cho rằng khám phá vai trò của CRP làm cho thuyết cholesterol trở nên thừa. Thế thì câu hỏi được đặt ra

là: Nếu cholesterol chẳng dính dáng gì đến bệnh tim thì tại sao thuốc làm giảm cholesterol có thể làm giảm (dù khiêm tốn) nguy cơ bệnh tim? Câu trả lời của THINGS là có thể những thuốc làm giảm cholesterol trong thực tế cũng làm giảm mức độ viêm.

Cơ thể chúng ta sản xuất viêm qua một cơ chế sinh học phức tạp dính dáng đến một "chìa khóa phân tử" có tên là NFkB, và vài nghiên cứu gần đây cho thấy statins rất hữu hiệu trong việc làm giảm NFkB. Thực ra, đây cũng là cơ chế làm việc của phần lớn các thuốc và thức ăn làm giảm cholesterol như aspirin và a-xít béo omega-3 trong cá, tỏi và sinh tố E.

Nếu quả thật đây là cơ chế, và nhiều nghiên cứu hiện nay đang thử nghiệm giả thuyết này, thì câu chuyện cholesterol và bệnh tim sẽ là một câu chuyện lịch sử. Các biện pháp khác để giảm CRP là ngưng hút thuốc, giảm cân, và tập thể dục thường xuyên.

Nhưng thuyết cholesterol có lẽ sẽ không biến khỏi y học hiện đại trong một sớm một chiều, vì những quyền lợi kinh tế đằng sau nó. Một giả thiết được thử nghiệm một cách nghiêm chỉnh hôm nay có thể là một trò cười cho ngày mai. Nhưng cuối cùng thì một giả thiết đúng sẽ ra đời và tồn tại qua thử thách của thời gian.

Vấn đề mà những người hoài nghi thuyết cholesterol đặt ra làm cho chúng ta phải thay đổi suy nghĩ về bệnh tim và cholesterol. Như Karl Popper từng nói, "Sự phát triển của tri thức hoàn toàn tùy thuộc vào những bất đồng ý kiến", những vấn đề mà nhóm THINCS đặt ra cũng là một cách đóng góp vào quá trình phát triển y học hiện đại.

Tài liệu tham khảo và đọc thêm:

1. Shestov DB, Deev AD, Klimov AN, Davis CE, Tyroler HA. Increased risk of coronary heart disease death in men with low total and low-density lipoprotein cholesterol in the Russian Lipid Research Clinics Prevalence Follow-up Study. Circulation. 1993; 88(3):846-53

2. Perova NV, Oganov RG, Williams DH, Irving SH, Abernathy JR, Deev AD, Shestov DB, Zhukovsky GS, Davis CE, Tyroler HA. Association of high-density-lipoprotein cholesterol with mortality and other risk factors for major chronic noncommunicable diseases in samples of US and Russian men. Ann Epidemiol. 1995; 5(3):179-85.

3. Anderson KM, Castelli WP, Levy D. Cholesterol and mortality. 30 years of follow-up from the Framingham study. JAMA. 1987;257(16):2176-80.

4. Danesh J, Wheeler JG, Hirschfield GM, Eda S, Eiriksdottir G, Rumley A, Lowe GD, Pepys MB, Gudnason V. C-reactive protein and other circulating markers of inflammation in the prediction of coronary heart disease. N Engl J Med. 2004;350(14):1387-97.

5. Edwards JE, Moore RA. Statins in hypercholesterolaemia: A dose-specific meta-analysis of lipid changes in randomised, double blind trials. BMC Fam Pract. 2003;4(1):18.

6. Warburton RN. What do we gain from the sixth coronary heart disease drug? BMJ 2003;327:1237-1238.

7. Taubes G. The soft science of dietary fat. Science

8. Taubes G. The epidemic that wasn't. Science 2001; 291:2540.

9. Taubes G. What if Americans ate less saturated fat? Science 2001; 291:2538.

10. Taubes G. Studies of dietary fat and heart disease. Science 2001; 295:1464-1465.

11. Ravnskov U. High cholesterol may protect against infections and atherosclerosis. Q J Med 2003; 96:927-934.

12. Kauffman JM. Bias in recent papers on diets and drugs in peer-reviewed medical journals. J Am Physicians and Surgeons 2004; 9:11-14.

13. Willet C. Dietary fat plays a major role in obesity: No. Obesity Reviews 2002; 3:59-68.

Xin đọc **Múa Bút**

Thuật Viết văn, Viết báo, Hồi Ký

Viết Dễ, Viết Nhanh, Viết Hay

Vũ Thụy Hoàng

48 năm viết văn, viết báo

33 năm với Washington Post

- Chọn bắt đề tài
- Phỏng vấn, sưu tầm hữu hiệu
- Dàn bài, dựng truyện, tạo nhân vật
- Tránh tắc bút, cụt hứng
- Mở đầu hấp dẫn, kết thúc khéo
- Nắm vững kỹ thuật viết giỏi, viết hay
- Hồi ký: viết để đọc không bị ghét
- 300 trang, $20. Ngoài Mỹ $25.

Best Sellers Cùng Tác Giả

Sài Gòn Tuyết Trắng: VN 1975 để biết vì sao Nam VN sụp đổ. 370 trang. $20. Ngoài Mỹ $25.

Quê Hương Thương Ghét: những yêu, ghét, vui, buồn với thân nhân, đất nước. 430 trang. $20. Ngoài Mỹ $25

Xin gửi check, money order về:

Catherine Vũ

P. O Box 5060

Springfield, VA 22150

Web site:

www.geocities.com/vuthuyhoang

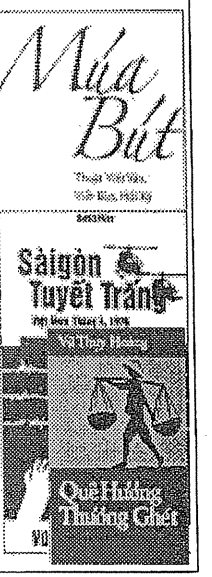

"Không, tôi là người viết truyện"

HOÀNG KHỞI PHONG

LTS: Suốt mấy tuần lễ từ đầu tháng Sáu, những người đọc báo trên mạng ở Việt Nam bị một bức "tường lửa" ngăn chặn, khiến cho họ không thể vào mạng lưới của Talawas, một tờ báo mạng do nhà văn Phạm Thị Hoài chủ trương và xuất phát từ Đức. Thoạt kỳ thủy mọi người cho là máy điện toán của họ bị trục trặc kỹ thuật. Nhưng chỉ vài ngày sau, người ta đã hiểu rằng chính quyền Việt Nam vì không muốn dân chúng theo dõi bài vở của tờ báo này, nên đã dựng lên những bức "tường lửa" hòng ngăn chặn. Trong hai tuần lễ vừa qua, rất nhiều người viết và người đọc ở Việt Nam, cũng như ở ngoại quốc đã lên tiếng về thái độ ấu trĩ của những "ông quan văn hóa" trong nước. Dưới đây là những ý kiến của nhà văn Hoàng Khởi Phong, tác giả của cuốn hồi ký Ngày N+... một cuốn sách vừa mới được Talawas đưa lên mạng vào cuối tháng Tư vừa qua.

Tôi muốn sử dụng chữ "biến cố tường lửa" với tờ báo mạng talawas vì tầm quan trọng của sự việc, thay vì cho đó chỉ là một "sự cố" về kỹ thuật.

Phần lớn những người chủ trương talawas xuất thân từ miền Bắc, đã sinh ra và lớn lên trong chiến tranh Việt Nam. Hơn ai hết, họ hiểu mình là ai, đang ở đâu, đang làm gì và mong mỏi điều gì (mong mỏi chứ không phải muốn). Chính vì thế mà nội dung của talawas chú trọng vào văn học, xã hội. Có thể nói bài vở của talawas 70% dính dấp tới văn chương, văn học. 30% còn lại thường là những vấn đề của xã hội. Nhìn chung thì talawas cho tôi cảm tưởng nhóm chủ trương cố giữ mình tránh xa địa bàn chính trị. Chính vì vậy mà trên talawas không hề có những bài vở kêu gào lật đổ chính quyền, chống lại nhà nước. Hình như tôi chưa bao giờ đọc được các bài vở liên quan tới những nhân vật như Lê Chí Quang, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Đan Quế... những người hiện đang đứng đầu gió của phong trào vận động đòi tự do, dân chủ, nhân quyền trong nước.

Một mặt khác, talawas cũng không thể không đề cập tới Bùi Ngọc Tấn, Hà Sĩ Phu, Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương... bởi vì các tính danh vừa kể cho dù giữ địa vị nào đó trong xã hội, họ cũng là những nhà văn, những người cầm bút. Khi đề cập tới các nhân vật này, có nghĩa là phải đi qua các tác phẩm của họ, và như thế cho dù có muốn làm một con đà điểu chúi đầu xuống cát để tránh né những vấn đề liên quan tới chính trị, e rằng không được, mặc dầu các nhà văn tôi vừa nêu trên chẳng một ai muốn làm chính trị, song những suy nghĩ của các nhà văn này thì đầy ắp chính trị, bởi vì họ là những kẻ đang bơi ngược dòng.

Nhiều bài dịch đăng trên talawas có động tới chính trị, nhưng phần lớn là chính trị của các nước khác, không phải là chính trị ở Việt Nam. Vả lại chưa có một quốc gia nào mà văn chương và chính trị bị trói gô lại với nhau thành một như ở Việt Nam, thành thử có muốn tránh né thế nào chăng nữa thì thỉnh thoảng talawas cũng có lần phải nhắm mắt đưa chân, mon men tới lãnh vực mà nhóm chủ trương muốn tránh là chính trị. Nói tóm lại những người chủ trương talawas hiểu rất rõ thân phận của mình, nhưng ác thay talawas có gượng nhẹ, e dè tới đâu chăng nữa, dưới cách nhìn của những viên chức ở trong nước, talawas cũng không thể nào thoát khỏi phải màng lưới thiên la địa võng của chính trị, xuất hiện dưới thiên hình vạn trạng.

Ở đây tôi tự hỏi điều quan trọng nhất là biện pháp ngăn cản người đọc talawas bằng "tường lửa" có hữu hiệu hay không? Tôi ngờ rằng không. Chẳng những biện pháp ấu trĩ này đã không ngăn chặn được những người đã từ lâu bị giam hãm trong bóng tối của hệ thống thông tin một chiều, nhờ kỹ thuật đã ngoi được lên mặt nước để thở, để nhìn thấy một bầu trời bao la, cùng các vì sao lấp lánh ở chân trời. Sự cấm đoán đó rút cục chỉ thúc đẩy cho những người này tìm mọi cách để vượt qua bức tường lửa, tìm kiếm xem thế giới đang thay đổi như thế nào, và những con người ở các châu lục khác đã tiến bộ như thế nào, so với Việt Nam và so với chính họ.

Tôi đã đọc một số sách biên khảo và các cuốn sử ở trong nước, đặc biệt trong giai đoạn Pháp thuộc, những cuốn sách này chỉ trích triều Nguyễn ngu xuẩn bế quan tỏa cảng, nhắm mắt bịt tai trước

những biến chuyển của thế giới bên ngoài... Hành động xây dựng những bức tường lửa này có khác gì cách quản trị đất nước dưới thời Thiệu Trị, Tự Đức...

Ở đây tôi nhớ tới hình ảnh người thanh niên Trung Hoa, đứng chặn đoàn xe thiết giáp tại Thiên An Môn vào giữa năm 1989. Cả thế giới nhìn thấy hình ảnh này ngay trong lúc nó đang diễn ra, đó là kỹ thuật cách đây mười lăm năm. Vào thời đó vẫn còn cần có sự hiện diện của các phóng viên quốc tế, với những phương tiện tối tân của các cơ quan truyền thông lớn nhất thế giới. Kỹ thuật của ngày nay đã bỏ xa thời đó một vạn dặm. Chỉ với một giàn computer bình thường, vài giây sau cả thế giới có thể biết điều gì mới xẩy ra ở khắp mọi xó xỉnh trên trái đất này. Và không có một bức "tường lửa" nào có thể dập tắt được hàng triệu ngọn lửa đang dâng lên trong lòng những con người khao khát tự do, dân chủ và nhân quyền.

Hơn thế nữa, trong thời đại của chúng ta, nếu như đại dương là biểu tượng của sự hòa hợp mọi dân tộc, thì mỗi dân tộc giống như một dòng sông, bươn bả chẩy ra biển cả. Ở các quốc gia khác, các chính phủ tìm mọi cách để khơi dòng cho con nước thoát đi một cách mạnh mẽ, thì những người cầm quyền ở Việt Nam đã tìm mọi cách chặn đà của con nước lại. Rút cục ở Việt Nam hiện nay chỉ có những đầm lầy úng thủy. Những đầm lầy úng thủy này mỗi lúc một loang rộng ra, giờ đây đã bao trùm toàn thể quốc gia, từ Ải Nam Quan cho tới Mũi Cà Mâu. Nơi những cánh đầm lầy ung thối này không thể sản xuất ra trái ngọt cây lành. Nhìn một cách tổng quát, từ những vùng môi sinh hư hoại như thế, đã nẩy sinh ra những con người như Năm Cam, Khánh Trắng, Đại Úy Vũ Xuân Trường... chen vai thích cánh với những người quyền thế chống lưng cho họ. Trên lãnh vực văn học thì đây chính là vùng môi sinh lý tưởng, cho các nhà văn, nhà thơ mà Nguyễn Huy Thiệp đã có lần đề cập đến, trong bài viết tạo nên sóng gió mới đây: "Trò chuyện với hoa thủy tiên và những nhầm lẫn của nhà văn." Trên lãnh vực kinh tế, những đầm lầy ung thối này chỉ có thể sản xuất những công ty như Minh Phụng, Ép Cô... và những viên chức tiêu tiền công quỹ như tiêu bạc giả, như bà Lã Thị Kim Oanh nào đó mới bị xử tử hình, vì làm thiệt cho công quỹ hàng chục tỉ đồng, bất kể đến hậu quả mà quốc gia nói chung và dân chúng nói riêng sau đó phải gánh chịu như thế nào.

HOÀNG HUY KHÁNH

Dạ Khúc

Nửa đêm nghe tiếng dương cầm
Tim như nhỏ máu hồn đầm lệ sa
Trần gian một bản trầm ca
Thủy chung rồi cũng chỉ là giọt sương
Cung sầu một sợi tơ vương
Từ trong dĩ vãng thuở tương tư người
Nghe như giọng nói tiếng cười
Còn vương vấn mãi bên đời thương đau
Phải chăng ai mộng bên lầu
Nhịp đàn lại rót nỗi sầu riêng ta.

Sáng nay tình cờ mở cuốn Văn Học số 217, vô tình tôi lật đúng bài của giáo sư Nguyễn Văn Trung viết về nhà văn Milan Kundera. Tôi xin ghi lại vài dòng đầu để tặng anh chị em nhóm chủ trương talawas:

"Kundera, Ông là Cộng Sản?"

"Không, tôi là người viết truyện."

"Ông là người bất đồng chính kiến?"

"Không, tôi là người viết truyện."

"Ông theo phe tả hay phe hữu?"

"Không, tôi không theo phe nào cả. Tôi chỉ là người viết tiểu thuyết."

Tôi không tin những bức tường lửa, những bức tường gạch, những bức tường sắt, những bức tường thép, những bức tường gì chăng nữa có thể ngăn chặn nổi các bạn./.

NHỚ VỀ THUỘC ĐỊA XA XƯA

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

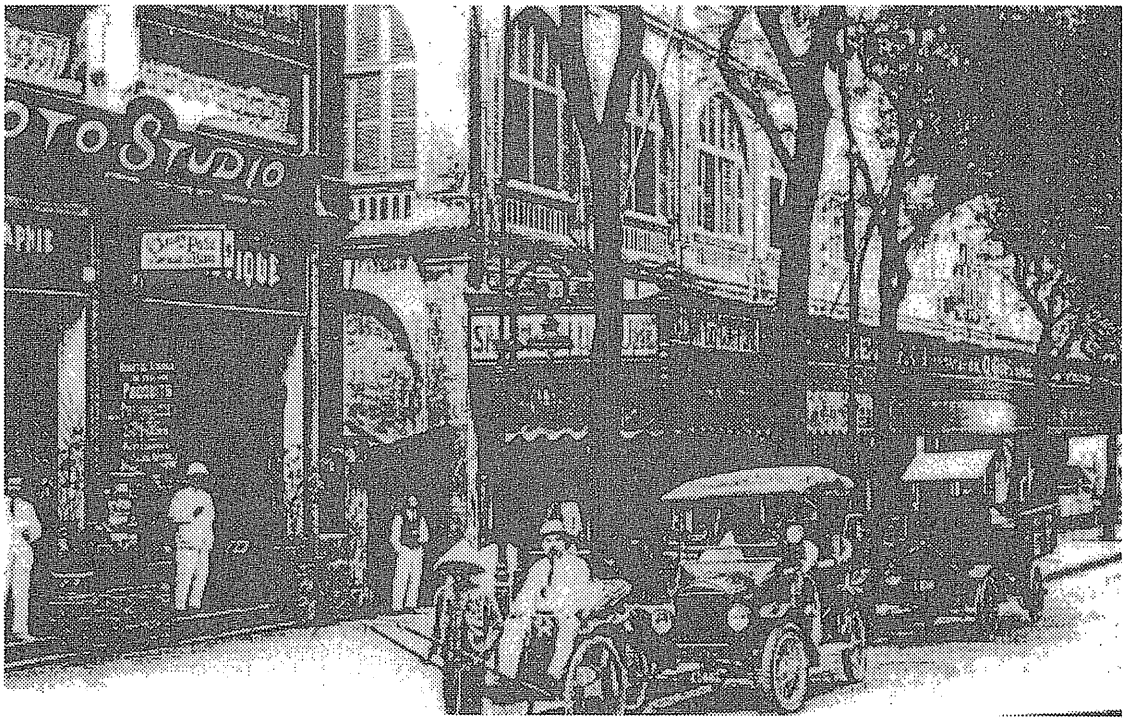

"... Đêm đã xuống, gió biển ác nghiệt nhưng con tàu vẫn đi. Tạm biệt nước Pháp. Tôi muốn khóc, nhưng là đàn ông, tôi sẽ không khóc. Bờ bể xa dần, giã từ đất liền, bây giờ toàn là biển. Boong tàu vắng ngắt vì mọi người đã trở về võng của mình. Chào em, người bạn dịu hiền của tôi, tôi yêu em." Anh hạ sĩ Maurice Damiens viết cho vợ chưa cưới vào mùa xuân năm 1950. Thư viết trên tàu Pasteur, con tàu chở hành khách xuyên đại dương, được tạm trang bị thành tàu vận chuyển quân lính. Mỗi chuyến đi, tàu chở từ bốn đến sáu nghìn người. Vào thời điểm này, chính sách thuộc địa của Pháp đã bắt đầu lâm vào tình trạng hiểm nghèo, quân Pháp bị tấn công liên tục ở biên giới Việt-Trung, bị tổn thất nặng nề và sau chiến dịch Cao-Bắc-Lạng thì không còn khả năng kiểm soát vùng biên giới nữa. Tướng Bigeard (thiếu tá Bigeard của Điện Biên Phủ) đã góp nhặt những thư tương tự cùng nhật ký, lộ trình của những người lính Pháp đã tham chiến tại Đông Dương, làm thành cuốn sách, Paroles d'Indochine, xuất bản mới đây, vào cuối tháng 4 năm 2004.

Trong đoạn đầu của thư, Damiens hãy còn hăng hái lắm. Anh tả một cách trìu mến và kiêu hãnh đoàn quân lê dương, mũ *képi* trắng, cùng những khúc quân hành hào hùng của đoàn quân này. Damiens mới có hai mươi mốt tuổi. Tôi hy vọng anh sẽ sống sót trở về để cưới "Dany yêu quý" của anh. Nhưng đó là một hy vọng khá mong manh vì chiến tranh thuộc địa này như cái thùng không đáy, ngấu nghiến, nuốt dần những thế hệ thanh niên, tương lai đầy hứa hẹn, của nước Pháp. Đồng thời với trận đánh Điện Biên Phủ, còn có những trận đánh khác không kém phần khốc liệt nhưng ít được biết đến hơn, mà cuối cùng đoàn quân viễn chinh Pháp vẫn bị nắm phần ngắn của ống hút, nhiều khi vô cùng ngắn. Thí dụ như số phận của GM100 (Groupement Mobile 100 – Nhóm Lưu Động 100). Suốt hai năm chiến đấu anh dũng ở Cao Ly, tổn thất vừa phải; sang Việt Nam, GM100 được tái thiết và trang bị lại, gồm gần bốn nghìn người. Bị đánh đuổi dọc Quốc Lộ

19 ở cao nguyên Trung Việt, GM100 cũng chiến đấu anh dũng không kém, nhưng khi chạy ra được đến bờ bể và lệnh đình chiến được công bố thì đoàn quân dũng mãnh này hầu như bị hoàn toàn tiêu diệt và sẽ không bao giờ hoạt động trở lại nữa: bộ Tổng Tư Lệnh Pháp ở Đông Dương ra lệnh giải tán nó vào ngày 1 tháng 9 năm 1954.

Ngót mười năm sau Điện Biên Phủ, nước Pháp dính vào một chiến tranh thuộc địa khác còn có phần tồi tệ, nhơ nhớp hơn, ở Algérie, với một số tướng tá phản loạn; chiến tranh Algérie được kết thúc bởi Tổng Thống De Gaulle. Dẫu vậy, trận đánh Điện Biên Phủ thường được coi là cái mốc đánh dấu sự chấm dứt chính sách thuộc địa của Pháp. Có một thời, Đế Quốc Pháp, cũng như Đế Quốc Anh, là đế quốc trên đó mặt trời không bao giờ lặn. Ngày nay, Đế Quốc Anh chỉ còn là con chuột nhắt (hay con chó con) biết gầm rống – a mouse (or a poodle) that roars. Muốn tìm lại sự huy hoàng của đế quốc xa xưa, tốt hơn hết, ta chọn con đường khác! Một chút hoài cảm, một niềm tiếc nuối có lẽ là liều thuốc tốt, có thể đem lại bình an trong tâm hồn.

Mới đây, tuần báo Pháp Le Figaro Magazine (*Le Fig Mag*) dựng một hồ sơ mang tên chung "Nhớ về Thuộc Địa Xa Xưa" – *Le temps retrouvé des colonies*. Tuần báo giải thích từ kỷ niệm 50 năm trận đánh Điện Biên Phủ cho đến bộ phim mới của đạo diễn Jean-Jacques Annaud, ngoại cảnh ở Cambodge, bên cạnh một loạt những quyển sách được xuất bản, tất cả các sự kiện này như mời gọi chúng ta tìm lại thời kỳ các thuộc địa xa xưa. *Le Fig Mag* mời bạn đọc lật dở những trang đẹp đẽ nhất của cuốn *album* quốc gia khi Đế Quốc Pháp còn gồm cả trăm triệu dân, trải rộng từ Châu Phi đến ngõ cùng Châu Á. Tuy nhiên *Le Fig Mag* đề nghị, thay vì chạy theo chiều hướng ăn năn, hối lỗi trong vấn đề nhạy cảm này, ta hãy nhìn nó dưới một lăng kính khác, có tính chất vừa hoài niệm vừa minh mẫn.

Theo chiều hướng đó, trang đầu tiên của hồ sơ đăng một bức ảnh khổ rộng, chụp cảnh đường phố Catinat ở Sài Gòn dưới thời Pháp thuộc, đường này là đường Tự Do trước 1975 và nay là đường Đồng Khởi, khúc gần khách sạn Continental, với những chiếc xe hơi cổ lỗ và những chiếc xe tay đậu bên đường. Trên một chiếc xe tay ngồi chễm chệ một ông Tây đầu đội nón cối mầu trắng trong bộ Âu phục cũng mầu trắng, tương phản một người phu xe Việt Nam gầy còm, tay nâng hai cái càng xe. Phần hình ảnh về Việt Nam thời xưa được nối tiếp ở các trang sau. Tính chất hoài cổ luyến tiếc thời xa xưa đã được Pierre Schoendoerffer, nhà đạo diễn từng làm bộ phim Điện Biên Phủ, ghi nhận bình luận như sau: nhìn lại các bức ảnh này, tôi có cảm tưởng là đang xem lại cu?n ảnh của chính gia đình mình, nơi đó là Việt Nam, cũng là nhà tôi.

Nhà tôi!? Đó không phải là khách sạn tôi tạm trú một ngày, một tuần hay một tháng mà là "nhà tôi," *chez moi*. Người đọc bỗng nhiên cảm thấy căn bản suy nghĩ của mình bị lung lay. Nếu trong bức ảnh trên, đáng lẽ là một ông Tây bụng phệ ngồi chễm chệ, ta thấy một bà phán béo tốt ngồi chễm chệ thì bức ảnh sẽ bình thường như trăm nghìn bức ảnh bình thường khác. Nhưng đây là một ông Tây. Một ý nghĩ thoáng qua: có lẽ ông Tây sinh đẻ ở nước này hay ít nhất trong ông đã nẩy nở những liên hệ tình cảm mật thiết, do đấy ông ta cũng có quyền sống ở nước này một cách thanh thản, thoải mái như bà phán hay bất cứ một ai khác. Tóm lại, ông có thể nói một cách rất tự nhiên và chân thành: "nhà tôi". Ý nghĩ này khiến tôi nhớ đến một cô bạn, thuộc gia đình Do Thái mấy đời lập nghiệp ở Algérie, *pied-noir* nhưng chân rất trắng. Vì tham lam hay xuẩn động, nước Pháp, qua những ông chủ nhà băng, tài phiệt, quân phiệt, dấn mình vào cuộc chiến tranh thuộc địa cuối cùng ở Algérie, nhớp nhúa, dã man đến độ khi chiến tranh kết liễu, bầu không khí độc hại, khó thở, nguy hiểm đầy hận thù đã khiến hầu hết những người dân gốc Âu, đa số sinh đẻ ở đây, gần một triệu người, phải bỏ nước mà đi. Đi đâu? Không có "nhà" để về, gia đình cô không đi Pháp mà đi Israel.

Nước Pháp, xứ sở của Descartes, đã cho nhân loại từ *cartésien* dùng để chỉ những việc làm có tính cách duy lý, có phương pháp, tỏ ra đã có nhiều hành động thiếu sót, nhiều mâu thuẫn trong vấn đề thuộc địa cùng bành trướng đế quốc. Về phương diện kinh tế, thuộc địa không có lợi ích gì cho nước Pháp, sau khi tính sổ chi thu các sử gia kết luận nước Pháp bị lỗ vốn lớn. Nhưng người ta đã nhắm nhầm mục tiêu. Không giống đế quốc Anh, một đế quốc cơ bản là gồm bọn con buôn; nếu đường xe lửa được xây cất thì nó được xây cất để chuyên chở nguyên liệu hay hàng hóa. Với tinh thần con buôn này, khi thấy thuộc địa

không còn gặm được nữa họ nhả nó ra, vô tình hay cố ý, để lại ít viên thuốc độc, *poison pills,* như ta thấy ở Kashmir hay Trung Đông ngày nay. Đế quốc Pháp không thế, đế quốc Pháp tự cho mình sứ mạng khai hóa, truyền bá văn minh – *mission civilisatrice* – một mâu thuẫn nội tại vì mục đích chính của thực dân là "hút máu mủ" chứ không phải là khai hóa.

Theo nhà văn Max Gallo, tác giả tiểu thuyết dài *l'Empire* gồm ba cuốn, xuất bản mới đây, người ta chiếm lập thuộc địa với danh nghĩa bình đẳng chủng tộc dù rằng người ta nhận biết có sự khác biệt giữa các chủng tộc. "Mục đích là để nâng cao 'những chủng tộc thấp kém' lên cùng với trình độ của chúng ta." Thật cao ngạo, nhưng không phải là không có lý; văn minh Pháp đã phải đụng độ với những văn minh khác trong đó tục ăn thịt người hay tế thần, ném con gái cho cá sấu ăn thịt là chuyện bình thường. Nhưng có lẽ điều nguy hiểm hơn cho sự tồn vong hay lợi ích của đế quốc là cho phép hệ lụy tình cảm tự do phát triển, "falling in love – khi đế quốc biết yêu," một tình huống "cậu cả con bà chủ và cô người làm," phiền toái mà nhiều gia đình Việt Nam biết rõ. Nhưng chính đây là vẻ duyên dáng đáng yêu, đầy nhân tính của đế quốc Pháp; nhìn dưới con mắt của dân thuộc địa cũ, sau khi những trang sử đen tối đã đi vào quên lãng, ta cảm thấy khoan khoái dễ thở, bùi ngùi, luyến tiếc những gì đã qua và ông Tây cũng trở nên dễ thương. Vì thế ta không lấy làm lạ, Việt Nam ngày nay là một thành viên của những quốc gia nói tiếng Pháp, *la Francophonie,* có hội nghị thượng đỉnh họp hàng năm và năm 1997 đã họp ở Hà Nội.

"Người Pháp đã thua trận vì họ giầu tình cảm quá", một cô bạn người Việt nói với nhà văn kiêm bác sĩ tâm thần Francois Lelord, cô này là con một ông tướng mà trước đó mấy chục năm đã từng tham chiến ở Cao Bằng và các nơi khác. Ngày nay, ông tướng đôi khi gặp lại các cựu chiến binh Pháp, đầy xúc động, họ cùng nhau trao đổi, kể lại tên của từng ngọn núi, ở trên đó họ đã mất biết bao nhiêu bạn bè cũ.

Lelord đã ghi lại cảm xúc của ông trong cuộc du hành từ Nam ra Bắc trong bài viết mang tựa đề Le dragon du Nord et la fée Nostalgie (Con Rồng Phương Bắc và Nàng Tiên Hoài Niệm). Hoài niệm quá khứ đến với tác giả ngay khi ông bước vào trong máy bay của hãng Vietnam Airlines, dưới dạng chiếc áo dài truyền thống mặc bởi các cô chiêu đãi viên. Những chiếc áo dài tha thướt bằng lụa, xẻ bên hông, tay dài, cổ cao, phủ trên cái quần kín đáo, cho những thiếu nữ này dáng vẻ của "những nàng công chúa trong truyện cổ tích đông phương, trái ngược hẳn với những bộ đồng phục buồn thảm theo kiểu nhân viên dân sự của lực lượng không quân mà đồng nghiệp của các cô thường phải mang trong hầu hết các công ty hàng không phương tây." Dẫu vậy, tác giả vẫn tỉnh táo nhận xét, "cũng trong những chiếc áo dài duyên dáng đó, cô bác của các cô chiêu đãi viên này ngày xưa có lẽ đã hầu trà ở bàn của những người thực dân hay tướng tá của chúng ta để rồi, đêm đêm, có thể một vài người trong bọn họ sẽ đi làm báo cáo với những tổ kháng chiến địa phương."

Từ quán rượu của khách sạn Caravelle Sài Gòn đến bãi bể Phan Thiết, qua những phố buôn bán của Hà Nội, đối với tác giả, nước Việt Nam ngày nay như đã gợi lại một cách lạ lùng một nước đã biến đi: nước Pháp ngày xưa. Hoài niệm, ngay chính từ này cũng mang tính hoài niệm: đau thương của quá khứ, một đau thương nhẹ nhàng chen lẫn khoái cảm. Đặc sắc hơn nữa khi tác giả đặt câu hỏi, "Nhưng tại sao hoài niệm khiến tim tôi se thắt ngay khi tôi vừa đặt chân trên đất nước Việt Nam, một đất nước tôi không có kỷ niệm riêng tư mà cũng chẳng có liên hệ gia đình?" Hoài niệm Đế Quốc xa xưa, như người ta nói!

Thời xa xưa đó cũng là thời của trận đánh Điện Biên Phủ, đánh dấu việc nước Pháp chấm dứt sự có mặt tại Việt Nam. Theo *Le Figaro Magazine*, vào đầu tháng 5 người ta làm lễ kỷ niệm sự kiện này, một sự kiện mà ngày nay đã được các sử gia phân tích một cách tỉnh táo và bình tĩnh. Bài viết của Jean Sévillia đã kể lại trận đánh dưới con mắt của một người Pháp và mang tựa đề "Diên Biên Phu 57 jours d'héroïsme" (Điện Biên Phủ 57 Ngày Chiến Đấu Anh Dũng). Đối với tác giả, cách đây 50 năm, trong một lòng chảo ở miền Bắc Việt Nam, 15 000 người trong lực lượng viễn chinh Pháp ở Đông Dương đã kháng cự lại mãnh liệt cuộc tấn công của quân Việt. "Trước một đối phương dũng cảm, trận chiến kết thúc bằng một thất bại cho người Pháp, nhưng đó là một thất bại vinh quang."

Une défaite glorieuse. May mắn thay cho người Pháp! Không hậm hực với một số bức xúc vụn

vặt, cảm thấy có nhu cầu sửa chữa, giải thích lịch sử, họ đã tìm lại được sự bình thản, thư thái trong tâm hồn. Những người đã chết, bên này, bên kia, đa số chỉ là những người dân thường, ít quan tâm đến chính trị, đã chiến đấu anh dũng và, như vậy, cho dù thất bại, quả thật, đó là một thất bại vinh quang.

Sau khi kể lại diễn tiến của sự kiện, nhấn mạnh những sai lầm của bộ tham mưu Pháp đã đưa đến thất bại, tác giả đề cập đến cái mà người ta gọi là "căn bệnh da vàng" – *le mal jaune* – tức là nỗi nhớ thôi thúc về thời kỳ còn ở Việt Nam. Sévillia kể lại một cách điềm đạm, "đã hơn mười năm kể từ khi Pierre Schoendoerffer được quay tại chỗ cuốn phim Điện Biên Phủ với sự hỗ trợ của Quân Đội Nhân Dân Việt Nam... Một bài học đẹp đẽ: những dân tộc có truyền thống lâu đời, khi cùng sống bên nhau, cuối cùng cũng sẽ tìm lại nhau. Cắn rứt bởi "căn bệnh da vàng," nhiều cựu chiến binh của đạo quân viễn chinh Pháp trở lại thăm viếng Việt Nam. Trong số này, nhiều người tỏ nguyện vọng, khi họ qua đời, muốn xác họ được thiêu và tro cốt được mang qua Việt Nam, rải rắc ở đó, trên những địa điểm mà họ hằng yêu mến và chịu nhiều đau đớn."

Chao ôi, những ông Tây *hopelessly sentimental*, giầu tình cảm hết thuốc chữa này. Nghe các ông, nhiều anh dân thuộc địa cũ không còn cảm thấy thẹn thùng hay bị kiềm chế. Hàng ngày ngắm nhìn cô đầm Catherine Deneuve thì thầm "Chanel..." quảng cáo trên truyền hình, từ trong chỗ cùng thẳm của tâm hồn, tất có anh, quên cả tự trọng lẫn nhân phẩm, sẵn sàng xin được đi làm *cu-li* để bóp chân cho cô như trong phim l'Indochine. Tôi thực không muốn phiền trách anh ta.

05/2004

PHÙNG CUNG

MƯA

Mưa từ hoang vắng
Đến hoang vắng
Giọt bào thai
Luân hồi muôn kiếp
Xoay quanh hồn nhỏ cô đơn
Biết làm sao
Kiếp sinh ra thế
Phận bạc phận
Nhỏ nhoi tôm tép
Năm, tháng, ao tù
Đui, điếc, rủi, may
Trên đầu tôi ngưỡng vọng
Một bàn tay
Quyết không chấp nhận
Những bàn tay hôi bẩn
Những bàn tay rình "mượn gió"...
Đã bao phen
Gió mưa quăng quật muôn phương
Tôi không có khả năng ra lệnh
Ngừng mưa gió
Thao thức không cùng
Nghiêng lòng thông cảm với cỏ cây
Vì gió mưa đêm ngày ủ rũ
Tôi nghiễm nhiên thành
Triệu phú trầm tư
Mưa từ dưới lên
Hay mưa từ trên xuống
Mưa từ đông sang tây
Hay mưa từ nam sang bắc
Vẫn – giọt bào thai
Luân hồi muôn kiếp
Vẫn xoay quanh hồn nhỏ cô đơn
Với tôi vẫn vậy, có gì hơn
Mưa từ hoang vắng
Đến hoang vắng

65

NGÀY CUỐI CỦA MỘT CỔ TRẮNG

TRẦN HOÀI THƯ

I

Tháng giêng 2003. Thêm một cơn bão mùa đông để lại vùng đông bắc một bãi chiến trường.

Trận bão bắt đầu từ Washington DC, rồi hướng lên phía Bắc dọc theo các vùng nằm bên bờ Đại Tây Dương.

Có đài nói là trận bão tuyết của thế kỷ. Ông không nghĩ vậy. Ông đã chứng kiến những cơn bão mùa đông dữ dội hơn, nhưng ông công nhận, chưa bao giờ vùng ảnh hưởng của trận bão lại lớn rộng như vậy. Từ Washington D.C lên Delaware, PA, NJ, CT và MA.

Sáng chưa mở mắt mà đài đã liên tiếp tường trình các tin tức về thời tiết. Các trường học đã được lệnh đóng cửa. Người đi làm công lại một phen ao ước được một phép lạ *hãng đóng cửa vì lý do thời tiết*. Nhưng cuối cùng ai nấy vẫn cầm xẻng ra xúc tuyết, cào tuyết, mở lối ra rồi rồ máy xe, mở đèn, theo đoàn xe nối đuôi chạy thật chậm trên những con đường mà hai bên lề là những ụ tuyết do những chiếc xe dọn ủi làm việc không ngưng nghỉ. Để đến một nơi có lẽ chẳng ai thích thú chút nào, nhưng cũng phải đến. Vì cơm áo. Nơi đó người ta biến thành tớ, thành kẻ làm công. Nơi đó người ta đặt số phận mình vào bàn tay của kẻ khác. Nơi đó, người ta xem là mái nhà thứ hai. Người ta trang hoàng, treo tranh ảnh, chưng hình con cái vợ chồng... Nơi đó, có lẽ trong kệ ngăn, có những cuốn sổ tay nhật ký, hay những lá thư bí mật mà chỉ một mình hắn biết. Nơi đó, hắn ngồi đến rách đáy quần, làm sao hắn lại có thể quên cho được. Con người có phải hơn con vật ở chỗ cái tình hay thua con vật ở chỗ cái tình?

Sáng nay, ông lại có mặt. Tuần trước, sếp Dahu gọi ông cho biết, ngày thứ ba này, ông phải có mặt để bắt đầu huấn luyện đám chuyên viên đến từ Ấn Độ. Sếp gốc Ấn này hình như hiểu được phản ứng của kẻ bị đàn áp nên đã chu đáo bắt mỗi người trong nhóm phải làm tờ trình huấn luyện và gởi đến sếp. Sếp khoảng 40 tuổi nguyên là nhóm trưởng của một nhóm khác, được tạm thời xử lý thường vụ nhóm của ông sau khi bà sếp cũ đã nhảy qua một bộ phận khác. Theo ông nhận xét, trong hàng ngũ cấp manager, nếu manager là Mỹ chánh gốc thì không khí và điều kiện làm việc tương đối thoải mái dễ chịu hơn nếu tay manager này đến từ các nước khác. Nhận xét này khi ông làm việc suốt 18 năm, qua nhiều manager khác nhau. Chỉ có manager Mỹ mới giúp đỡ nhân viên, ít khe khắc, không nịnh trên nộ dưới. Như bà Rita chẳng hạn. Còn tay sếp Dahu thì trái ngược. Hắn làm mọi cách để làm vừa lòng cấp trên mà không cần đếm xỉa gì đến thuộc cấp.

Ông đến hãng khi tuyết vẫn còn vần vũ. Lại nhấn nút thang máy. Lại lên lầu tư. Lại thẻ ra vào điện tử. Rồi cửa phòng mở. Hôm nay, cả một ngôi lầu vắng ngắt. Thằng Bajy làm việc ở nhà. Ông lên máy, xem e- mail. Bản dự thảo huấn luyện đám Ấn Độ được chuyển đến những người trong nhóm để thi hành. Trời ơi, tủi thân cho đám IT (Information Technology) cổ trắng ở Mỹ này. Có bao giờ họ được huấn luyện chu đáo, được kẻ đưa người đón như thế này đâu. Trái lại chỉ là một hai khoá học tu nghiệp, rồi nghề dạy nghề. Hay phải tự mình tìm cách để mà tồn tại. Không có cảnh chỉ một người được bốn kẻ thay phiên huấn luyện. Rồi mỗi ngày thứ năm, cả nhóm phải báo cáo chi tiết lên cấp trên. Rõ ràng đám khách này là cha mẹ.

Tuyết vẫn tiếp tục vần vũ. Nhìn ra ngoài ông thấy tuyết đã đầy phủ các xe cộ trên bãi đậu. Tình trạng như thế này, phải về trước khi tình trạng lưu thông trở nên tồi tệ. Ông gởi e mail cho Dahu thông báo là ông về. Trong thời gian còn lại ông sẽ làm việc tại nhà. *I will work from home. My home phone is.....*

Sau đó ông nhận e mail của Dahu, không phải gởi riêng ông mà cho tất cả nhóm. Hắn cho biết kể từ đây không ai được quyền làm việc theo kiểu *home office* nữa. Phải có mặt tại hãng để huấn luyện đám Ấn. Cuối cùng hắn hy vọng mọi người sẽ nhận thức được tầm quan trọng của công

tác huấn luyện này mà thượng cấp đã giao cho hắn...

*

"Ông Nguyễn à. Mình đừng nên tỏ thái độ bây giờ không tốt đâu." Baji khuyên khi ông đòi lên gặp ông Ree, sếp của Dahu.

"Sao vậy ?"

"Lúc này là lúc mình đi kiếm việc làm, mình cần phải lấy lòng hắn. Hắn không thể đối xử với nhân viên một cách không professionally như vậy. Làm việc tại gia (Home office) là chính sách của hãng. Hơn nữa, tiểu bang đã ban lệnh báo động, đóng cửa công sở, cảnh cáo không ra ngoài đường nếu không cần thiết. Ông biết không, tôi phải mất cả một tiếng đồng hồ để dọn tuyết. Nếu tôi bị heart attack thì ai chịu trách nhiệm? Tôi hứa với ông, nếu kiếm việc được tôi sẽ gặp ông Ree..."

Baji nói, bất mãn và chịu đựng. Phải, lúc này hắn, kẻ bị đuổi phải nương nhờ vào lời phê của Dahu. Khi bản resumé được gởi đi, luôn luôn có yêu cầu điện thoại của manager. Ôi thân phận cổ trắng IT !!

Ngay buổi chiều hôm ấy ông nhận một cú điện thoại của sếp. Sếp nói sẽ hướng dẫn người mới đến để gặp ông khoảng 30 phút nữa. Có bận gì không. Ông Nguyễn trả lời tôi không bận rồi gác ống điện thoại xuống. Ngoài trời tuyết rơi. Trận bão tuyết đã thật sự đến nơi này trước khi thổi dạt ra biển Đại Tây Dương. Cả một thinh không vần vũ bông tuyết như những mảng bông gòn. Có nên phẫn nộ không. Có nên trả thù không. Những đám bông tuyết vẫn bay bay, vẫn tiếp tục rơi xuống. Cả một thinh không đầy bông tuyết, và đất đai, bãi đậu xe, những chiếc xe, mái nhà, hàng cây... tất cả đều phủ một màu trắng. Ông cảm thấy nỗi hư vô xen lẫn cái phù du của đời người. Ông chẳng có gì để giận hờn hay trách cứ. Xã hội này là vậy. Muốn tồn tại phải chiến đấu. Ông đã chiến đấu quá nhiều. Gần mười năm trong lửa đạn bề bề, mấy năm trong tù tội, và bao năm ở đất người. Chiến đấu không mỏi mệt. Chiến đấu trong khi nỗi buồn của kẻ tha hương thì chất ngất. Bây giờ thì mệt mỏi rồi. Như cả một đất trời mênh mông tang trắng.

Phải. Đời thì thật ngạc nhiên. Mọi điều đều có thể xảy ra dưới ánh mặt trời. Ngay giữa lúc ông nghĩ là mình có một chỗ an toàn để bám trụ, một công việc vững bền để chờ ngày về hưu, bởi vì công việc của ông là công việc tối cần, phần hành của ông lại khó hiếm để có người thay thế, nhưng bây giờ, như thế đó. Trận bão tuyết cứ xảy ra vào cuối tháng giêng, như năm ngoái, năm kia. Chỉ có khác chăng là năm ngoái, cơn bão đã được lên hàng cơn bão của thế kỷ. Nó đánh dấu sự khởi đầu của một cuộc hành trình cay đắng lắm, tủi nhục lắm, gian khổ lắm, nhưng cũng thật hãnh diện lắm. Nó bắt đầu bằng một tên Maddu cáo già đến từ Ấn Độ, và bây giờ, cũng vẫn trận bão tuyết, lại thêm một lần vần vũ cùng những tay Ấn Độ khác.

Không, họ cũng như ông chỉ là những con ngựa con trâu kéo cày. Người ta sai bảo và họ chỉ biết tuân lệnh.

Ông thấy họ. Ông đứng dậy bắt tay. Có phải họ là kẻ thù của ông hay không. Ông chỉ thấy những ánh mắt còn tỏa nét lo âu, và rụt rè phảng phất. Hai người trẻ, cở 25, 26 tuổi là cùng. Chắc họ tốt nghiệp đại học. Ông mời họ ngồi, nhưng họ vẫn đứng.

Ông thù ghét thằng Maddu vì hắn đã làm ông muốn điên khùng trong những ngày đầu tiên.

Không! Ông không thể trở thành một tên Maddu thứ hai, hèn hạ, đê tiện mà ông đã từng nguyền rủa.

Tự nhiên lòng ông cảm thấy bình an kỳ lạ.

II

Mười một giờ sáng ngày cuối tháng 4 ông Nguyễn có mặt ở hãng. Cái ngôi lầu năm tầng, cửa quay, lobby với ông già gác cổng trong bộ đồng phục màu vàng ngồi trước cái bàn gỗ vuông, và bốn thang máy. Và tầng bốn. Và hành lang trải thảm. Và phòng làm việc của ông đề 4B433 ở ngoài cạnh cửa phòng. Phía dưới là tấm bảng gồm tên ông và Sanje dù Sanje đã rời ngôi lầu cách hai tháng trước.

Ông mở khóa, mở lại đèn. Phòng trống. Bàn kệ trống. Những chiếc ghế dựa cũng trống. Máy điện thoại có ai để *message*. Ông cũng chẳng buồn mở ra nghe. Ông có cảm giác mình thoát nợ, có phải ? Có nên mừng là từ đây, trí não mình sẽ không còn nóng bừng với những email, điện thoại, những tin đồn, những hệ lụy dây dưa... Có nên mừng là từ đây, cái màn ảnh computer không còn thấy bóng ông mỗi ngày tám tiếng... Thoát. Thoát rồi. Cho dù cuộc ra đi này chẳng lấy gì vẽ vang. Khi người ta xem ông là một là một kẻ không còn năng lực sản xuất, không ích lợi gì cho tổ chức nữa. Có nghĩa là ông bị laid-off.

*

Dahu bắt đầu hỏi cung:

"Ông còn thiếu nợ hãng không ?"

"Không."

"Ông còn làm chủ những tài sản của hãng không?"

"Có. Một computer cách đây 10 năm."

"Xin ông mang trả lại cho."

"Trời ơi, tao phải trả cái máy vất không ai thèm lượm ?"

Dahu cười không nói.

"May mà tao còn giữ. Nếu không tao không biết làm sao để trả nợ."

Ông Nguyễn cay đắng nói.

"Ông còn giữ thẻ thiếu chịu của hãng không?"

"Có."

Ông Nguyễn lục bóp lấy thẻ Diner Club trao cho thằng sếp. Hắn lấy kéo cắt ngang cắt dọc tấm plastic.

"Tôi nghĩ với kinh nghiệm của ông, ông sẽ gặp may mắn..."

Dahu an ủi.

"Phải. Kinh nghiệm của một kẻ mang danh là 'cổ trắng' được may mắn làm việc tại một trong những hãng danh tiếng nhất của nước Mỹ."

Ông trả lời châm biếm.

Dahu nói mình sắp hoàn tất thủ tục rồi. Bây giờ ông có thể trao chìa khóa phòng, thẻ nhân viên và ký giấy tờ cam kết.

"Cam kết gì ?"

"Cam kết không được rủ người của công ty nếu ông lập một công ty mới. Không được xử dụng 'tài sản xám' của công ty như sáng chế phát minh."

Ông vừa ký vừa đùa cợt:

- Sao hôm nay tao được hân hạnh ký nhiều giấy tờ vậy cà ?

Dahu cười nhún vai. Hắn là sếp bất đắc dĩ của ông bởi vì sếp thật sự của ông đã cao bay xa chạy từ lâu.

- Ông tìm được việc chưa ?

- Tao chưa có ý định. Ở nhà lãnh tiền thất nghiệp một thời gian...

- Ông có thể ghi danh những chương trình huấn nghệ. Hãng sẽ trả lại tiền học cho ông.

- Tao biết.

Ông trả lời cay đắng. Trời ơi, cơm áo gay go như thế ư. Chiến đấu đến bao giờ mới xong ?

Ngày cuối cùng của một người "cổ trắng." Hiu quạnh. Cô đơn. Không ai chia xẻ đoạn trường. Cũng chẳng có ai bắt tay để ấm chút tình người còn sót lại. Dahu nói ông cần tôi đưa xuống lầu không. Có lẽ nó nghĩ ông phải cần tấm thẻ plastic để qua cửa điện tử. Ông trả lời cám ơn tao đi một mình cũng được. Tao biết lối xuống lầu khỏi cần qua cửa điện tử. Khi bước vào nhà vệ sinh, ông gặp thằng Mike. Xem hắn ốm và già thấy rõ. Đáng lẽ hôm nay cũng là ngày chót của hắn. Nhưng nhờ tài chạy chọt, hắn được ở nán thêm một tháng nữa. Cứ mỗi lần gặp ông, hắn ném đôi mắt thảm sầu: Sao, mọi sự OK ông Nguyễn ? Hôm nay cũng câu hỏi ấy, để ông Nguyễn phải la lên: Hết OK rồi. Hôm nay là ngày chót của tao. Hắn nói sorry. Ông hỏi lại hắn: Còn mày thế nào? Kiếm được việc chưa? Mike trả lời buồn bã: thật khó tìm việc trong thời buổi này. Tôi lo lắm, ông Nguyễn. Tôi còn nhà phải trả. Tôi còn cần bảo hiểm y tế. Con gái tôi mới tám tuổi. Nó mới được đưa vào bệnh viện để giải phẫu tai. Vợ tôi thì không đi làm việc... Cả nhà chỉ nhờ vào tôi.

Mike kể lể. Trời ơi, rốt cùng, thân phận của người làm công không nghiệp đoàn thì vẫn như nhau, cho dù chức phận của hắn là một manager đi nữa. Rõ ràng, trong một xã hội tư bản, vua là chủ, là boss, là CEO, chairman. Chủ là Mặt Trời. Chủ thương thì nhờ ghét thì chịu. Chỉ có một lệnh của các ngài ban xuống là những kẻ làm công từ nhà cao cửa rộng, con học trường tư, hay chạy xe đắt tiền, bỗng xuống cấp làm kẻ bần dân thất nghiệp. Chỉ có một lệnh là nhà cửa bị đe dọa tịch thu hay phải bán lỗ để lấy tiền trả nợ... Chỉ có một lệnh là bao nhiêu mơ ước American dream đành phải vỡ đổ tan tành... Mike đã kể với ông từ sau khi nhận giấy thông báo nghỉ việc, nó đã mang thêm chứng bệnh mất ngủ và hay nằm mơ thấy ác mộng. Một tay Mỹ nặng gần 170 lb, chức vụ manager mà mới mấy tháng sau khi nghe hung tin lưng tự nhiên còm xuống, mắt trũng sâu như kẻ vô hồn.

Sao mà khủng khiếp đến như vậy. Có thật vậy không. Trước đây, khi nghe những chuyện liên quan về những người cổ trắng, ông không tin. Chẳng hạn một tay chuyên gia sau khi bị laid off đã xả súng bắn từ manager đến đồng nghiệp của hắn. Chẳng hạn một số người homeless thuộc thành phần trí thức, có nghĩa là có bằng cấp. Ông cho đó là trường hợp cá nhân, cá biệt, không phải là trường hợp chung. Bây giờ thì ông tin. Bởi chính ông là người trong cuộc. Ông đang thấy những nhát kéo tàn bạo. Ông đang thấm thía được thế nào là ngày cuối của một kẻ mang cà vạt, vắt óc, vắt não để đổi lại cơm áo. Ông đã thấy đoàn quân

từ Ấn, Tàu, thỉnh thoảng Việt Nam qua theo diện nhập cảnh H1-B (thợ ngoại quốc) chiếm đoạt việc làm của ông và đồng nghiệp của ông. Bọn ông đã bất lực nhìn người này tiếp đến người khác ra đi. Chẳng có ai kêu ca, khiếu nại. Chỉ biết cúi đầu chấp nhận. Để rồi bắt đầu nặn óc viết Resumé, tiếp tục một cuộc săn tìm khó khăn hay vô vọng trong lúc những bill trả tiền nhà, xe, y tế, học phí thì được gởi tới tấp. Kẻ may mắn thì còn nhà, xe. Kẻ không may mắn thì nhà mất, xe mất, và chưa chắc vợ cũng mất...

Có phải người cổ trắng là người cô thế nhất. Phải không? Không có nghiệp đoàn để cổ trắng chúng ta đoàn kết lại. Lực lượng thì đông, nhưng mỗi thân phận dường như chỉ biết lấy mình. Những năm đầu tiên khi chưa có cuộc cách mạng về Internet hay outsourcing có lẽ ngày tháng của họ được tô màu. Chủ hãnh diện. Khách hàng bằng lòng. Họ không làm việc theo giờ, không có over-time phụ trội, nhưng khi cần họ làm việc chết bỏ. Họ bị dựng đầu vào nửa đêm. Đôi khi họ phải ứng trực ngày cuối tuần. Và để bù lại, chủ vinh danh bằng cái bằng tuyên dương công trạng, và dĩ nhiên, lương sẽ được tăng, chức vụ sẽ được đề bạt. Họ mua nhà lớn, nhiều phòng. Con họ học trường tư thay vì trường công. Ôi đời sống quá đẹp. Tương lai quá huy hoàng. Để bù lại những năm tháng lao khổ nơi trường ốc hay những số tiền nợ mà họ đã vay từ nhà băng để trả học phí.

Họ không chuẩn bị một ngày đại bàng gãy cánh, đời là vô thường nay còn mai mất. Họ cứ đinh ninh việc làm của họ sẽ vững bền mãi mãi. Họ cứ nghĩ rằng hãng họ làm là hãng danh tiếng nhất nhì, chừng nào hãng vỡ nợ, họ mới ra đi. Dù không có nghiệp đoàn để bênh vực quyền lợi, nhưng họ cũng chẳng cần bận tâm. Hơn nữa, còn có mớ kinh nghiệm phòng thân, họ sẽ dễ dàng kiếm việc tương xứng.

Có phải không ?

Họ lầm. Kinh nghiệm của họ chỉ là kinh nghiệm lỗi thời. Khoa học kỹ thuật đã tiến quá nhanh. Ngôn ngữ C, hay COBOL của họ cũng đành bị lép vế với C++ hay Java. UNIX của họ cũng bị lép vế trước SAP hay WEB.... Đó là kinh nghiệm không cập nhật hoá. Cho dù họ biết vậy, nhưng một hai khóa học cũng không làm kẻ mướn hài lòng. Phải có kinh nghiệm on-hand. Trời ơi, các ông hãy cho tôi cơ hội. Dù không on-hand nhưng tôi tin tôi sẽ làm được. Ông nhớ có lần ông thách đố với một đám ba tên thi nhau phỏng vấn ông. Dễ quá mà. Ngày trước không quen thì ngày sau sẽ quen, hãy cho tôi cơ hội. Khái niệm, lý thuyết, ngôn ngữ nào cũng chuyên chở mục đích. Không, ông phải có kinh nghiệm thực tế, tối thiểu ba năm. Họ lầm. Ông lầm. Cổ trắng lầm. Lầm to vì không thể biết lòng dạ của chủ. Chủ hất họ vì có đoàn quân cổ trắng khác từ Ấn Độ, Trung Hoa, Việt Nam qua Mỹ theo diện H1-B sẵn sàng nhảy vào, chấp nhận đồng lương với bất cứ giá nào. Họ lầm. Bởi vì còn có hàng vạn agency khắp hoàn cầu sẵn sàng nhảy vào cung cấp chuyên viên cần thiết, dù hợp đồng chỉ một tuần hay một năm, khỏi cần quyền lợi như bảo hiểm sức khoẻ, hay tiền cấp dưỡng v.v... Rõ ràng, họ thuộc thành phần mà xã hội trọng đãi, nhưng họ lại bị cô thế hơn ai hết.

Ông đang lắng nghe nỗi lòng của mình. Ông hiểu sau khi rời khỏi chỗ này thật khó cho ông để tìm một việc làm khác. Tuổi ông đã cao. Ông cũng không thể bay nhảy như đám trẻ. Trí óc của ông cũng không minh mẫn như họ. Gần cả đời quanh quẩn với công việc quen thuộc, ngỡ đã an phận bám trụ chờ ngày về hưu, nhưng rốt cùng ông cũng như mọi người bị tống xuất một cách không thương xót, không tình nghĩa. Ngay cả một cái computer cũ mèm cũng phải giao hoàn lại huống gì một thân phận con người. Như chiếc thẻ Diner Club, thẻ điện thoại, thẻ nhân viên mà Dahu đã cắt ngang cắt dọc không thương xót.

Thật là bất công. Ông không thể hiểu nổi. Trong khi có những kẻ làm việc mà chỉ chờ chực nhảy, bí mật gởi resumé đến các hãng khác, không tha thiết gì đến việc làm, không thủy, không chung, nhưng vào ngày cuối của hắn cả bọn còn lại phải đóng tiền dẫn nhau đến nhà hàng, rồi chủ, sếp nói lời chia tay, vinh danh, chúc mừng, cám ơn về những đóng góp. Còn những kẻ sa cơ, suốt đời tận tụy, thì bị đối xử như tên tội đồ hay kẻ di dân bất hợp pháp, không một chút tình thân, không một giọt nước mắt dư thừa, không cái bắt tay để an ủi. May mắn thì được thông báo trước để chuẩn bị tinh thần, để xin việc khác, để dành thì giờ gởi resumé. Nếu không may mắn thì bị an ninh áp tải ra khỏi cửa hãng không kịp ngoái cổ lại từ giã đồng nghiệp của mình.

Như vậy, ông Nguyễn là kẻ được may mắn. Ông phải cám ơn GLOBAL IT. Có phải vậy không?

Tháng 7, 2003

(Trích Hành Trình của một cổ trắng, Thư Ấn Quán XB)

TRÊN MỘT DÒNG SÔNG

NGUYỄN LÊ HỒNG HƯNG

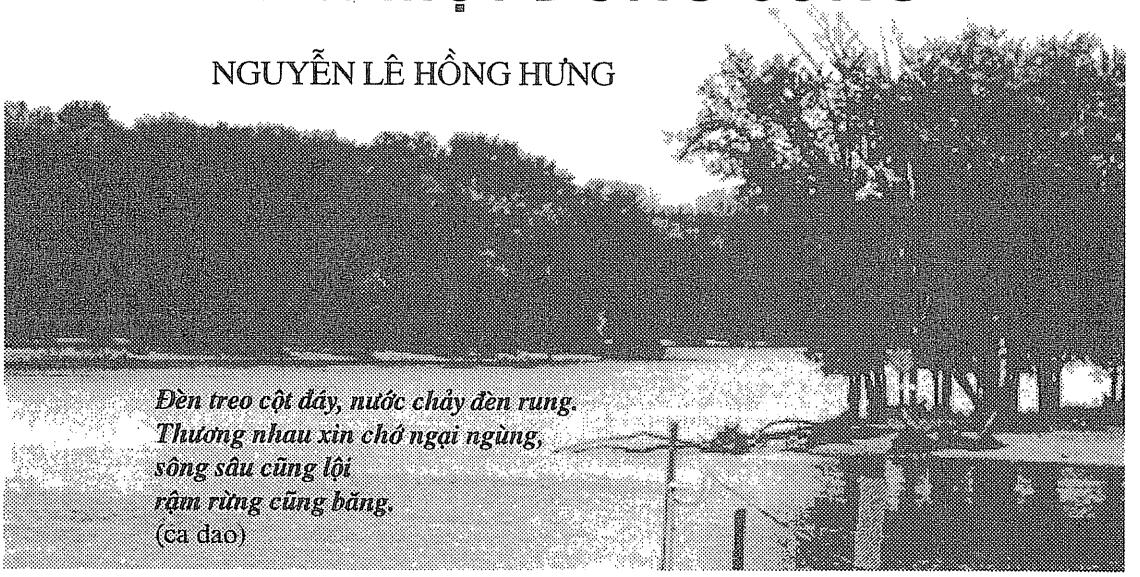

Đèn treo cột đáy, nước chảy đèn rung.
Thương nhau xin chớ ngại ngùng,
sông sâu cũng lội
rậm rừng cũng băng.
(ca dao)

Hải đứng lặng nhìn ra giữa dòng sông. Nước lờ lửng chảy, vài chiếc đò dọc thiếu khách chạy tà tà và trên bến sông thì vắng bóng người. Gió chướng hiu hiu không hãm được cơn nắng át của tháng ba. Hải nhớ hồi tháng ba năm ấy. Trên chiếc xuồng tam bản mui trần, mũi cột vô hàng đáy giữa dòng sông trong đêm trời đầy sao và con nước ròng chảy xiết. Cũng tại khúc sông nầy, anh với Lệ ôm nhau khóc, nước mắt tuông theo con nước róc rách dưới dạ xuồng. Lệ nghẹn ngào hứa chờ ngày anh trở về bến đáy. "Anh sẽ đìa với em." Đó là lời hẹn với Lệ trước ngày anh vượt biển.

Thoát một cái đã mười bốn năm dư và anh đã trở về. Những hàng đáy giữa dòng sông vẫn còn trơ trơ, đầu cột đáy có một con nhàn đứng ủ rũ như đợi chờ một tăm cá, nhưng chủ nhân của hàng đáy bây giờ là ai? Anh hỏi thăm không ai biết bến đáy nào của Lệ. Thiên nhiên đã thu hẹp, rừng cây cối lưa thưa, đứng trên bờ chẳng nhìn ra đâu là bến, chỉ thấy một dãy nhà sàn san sát dọc bờ sông. Hải phải hỏi thăm nhiều lần mới tìm được nhà anh Tài, anh của Lệ, bây giờ đã dời ra vàm sông Ông Đốc. Anh Tài đã đổi qua nghề câu mực, nhưng vẫn còn giữ nghề đóng đáy trên sông.

Trước kia nhằm mùa nước sổ mỗi khi xuồng đáy về, tôm cá đựng bằng cần xé, người ngồi lựa cá, người nấu nước luộc tôm. Ban đêm ánh đèn măng xông soi sáng một vùng, ban ngày tôm phơi ngập sân đỏ ối. Anh Tài nói:

- Bây giờ khổ lắm mày ơi, cá tôm mò đỏ con mắt mới được vài con.

Thiệt vậy, đêm hôm đổ đục về, chị Liên, vợ anh Tài bưng rổ cá tôm lộn xộn lên xốc xốc, lựa ra đếm được hơn chục con cá bống và cân được vài kí lô tôm. Thường ngày vợ chồng sai con bưng cá bưng tôm ra chợ bán, nhưng hôm nay có Hải, anh dành lại ăn.

Hải với anh Tài ngồi nhậu bia ăn tôm luộc. Anh Tài vắn tắt câu chuyện. Sau khi Hải đi, Thành Đất hỏi cưới Lệ rồi hai vợ chồng dắt nhau xuống Cái Đôi làm nghề đáy hàng khơi. Hải lặng thinh và trong lòng mênh mang niềm nhớ... Hồi sau anh Tài hỏi Hải:

- Mầy có muốn tao nhắn cô ấy về chơi hông?

Hải hớp một hớp bia, bóc con tôm lột vỏ bỏ vô miệng, nhìn ra giữa dòng sông.

- Về còn gặp lại anh cho tá túc là may lắm rồi, làm phiền cô ấy nữa không nên.

- Nhưng mà... mầy... mầy còn ở đây được bao lâu?

- Khi nào sơn, sửa xong mả của ba má tui thì tui đi.

- Mày còn về đây nữa hông?

- Tui cũng hổng biết nữa.

- Nhưng mà...

Hình như anh Tài muốn nói thêm điều gì nhưng ngại không nói, anh ngập ngừng rồi bưng ly lên cụng.

- Uống đi mầy.

- Đêm nay anh cho tui theo đóng đáy với.

- Đêm nay con Dung đóng đáy, mầy muốn thì đi theo nó.

- Ừa cũng được.

Dung là đứa con gái đầu lòng của Tài, con nhỏ hồi anh đi nó đâu hơn mười tuổi gì đó, bây giờ đã thành thiếu nữ. Trong lúc cột xuống chờ con nước ròng anh hỏi Dung:

- Cháu có bồ chưa?

Dung trả lời tỉnh bơ:

- Cháu đen thui thùi lùi như vầy ai mà thèm chú.

Hải day lại nhìn Dung, trong ánh đèn bão đủ sáng cho anh ngắm nghía thân thể đầy đặn, khoẻ mạnh, cặp ngực vun tròn nhô ra như muốn bứt tung hàng nút áo bà ba, nước da bóng màu xô-cô-la nguyên chất, mặt tròn không một vết mụn, trên môi lúc nào cũng tươi cười, cái nhan sắc ấy chỉ có ở những cô gái miền sông nước Amazon. Ngặt ở đây, cái xứ tận cùng đất nước Việt Nam, trong thì đồng, rẫy, ngoài thì biển xanh. Người ta chỉ chuộng những cô gái nước da trắng trẻo, ốm yếu chớ không biết chiêm ngưỡng một thân thể mặn mà, đầy đặn và tràn đầy sức sống.

- Mấy thằng con trai miệt nầy đui hết rồi mới hổng thấy cháu đẹp.

Nghe Hải khen cô nhỏ cúi đầu mỉm cười, ngẫm nghĩ một lát Dung ngước lên:

- Ở trong xóm mấy anh con trai kêu con là Dung đen.

- Mai mốt thằng nào kêu con như vậy, thì con cứ nói lại, các anh có mù mắt hông, tui màu xô cô la chớ hổng phải màu đen, đồ ngoại chánh hiệu đó.

- Ai nói dzậy, kì thấy mồ à.

*

Nước bắt đầu chảy, hai chú cháu cài đáy. Chui đáy xong, buộc xuống vô cột đáy ở giữa dòng. Trong khi chờ đổ đục, mở cát sét lên nghe nhạc. Cô lấy bánh dừa ra lột vỏ đưa cho Hải, hai người vừa ăn vừa nói chuyện. Dung hỏi:

- Hồi đó chú với cô Tư sắp cưới nhau rồi chú đi phải hông?

Thấp thoáng dưới ánh sao trời, Hải trông gương mặt Dung giông giống Lệ. Hải nhớ cái đêm sắp xếp cho chuyến đi, cũng giữa dòng sông nầy, Lệ đã tặng cho anh của quí nhứt đời người con gái, khóc nức nở, hứa đợi chờ, vậy mà anh ra đi chưa đầy một năm thì cô ấy đã lấy chồng.

- Con biết rồi sao còn hỏi chú.

- Con muốn biết chú còn thương cô Tư con hông?

- Ngồi đây chú lại nhớ hồi chia tay với cô con.

- Cô con nhớ chú lắm, trước đây thấy Việt kiều dìa, cô cứ ngong ngóng, hỏi tại sao không thấy chú dìa, bây giờ chú dìa sao hổng đi thăm cô.

- Cô con đã có gia đình rồi, chộn rộn làm gì.

- Còn thằng Đợi chú hổng muốn gặp nó sao?

- Thằng Đợi nào?

- Ủa! Con của chú bộ chú hổng biết hả?

- Con chú!

Hải điếng hồn không nói thêm được lời nào. Nhìn lên bầu trời sao dầy đặc, cúi xuống nước ròng đương chảy xiết, anh vói tay khoát nước rửa mặt, lắc lắc cái đầu cho tỉnh. Nhớ lại những ngày sắp chia tay, ban ngày anh với Lệ ôm ấp với nhau trên chòi, tối xuống xuồng đóng đáy giữa dòng sông, làm chuyện xui xẻo trên xuồng, bất chấp phong tục cấm kỵ... Anh day qua nói với Dung:

- Chuyện trước kia chú với cô Tư cháu thương nhau chú biết, còn những chuyện xảy ra sau nầy chú hổng biết gì hết cháu à.

- Ba con sợ chú biết nhưng chú hổng muốn nhìn, ổng dặn cả nhà nếu chú hổng hỏi thì không ai được nói.

- Hồi chú đi ra tới ngoải, chú có gởi thơ dìa cho cô Tư con cả mấy chục lá, nhưng thư đi mà hổng thấy thư dìa, chú buồn hết sức vậy đó, chú tưởng ở nhà thất tán đâu đó. Sau nầy chú nghe bà chị của chú ở Úc nói cô Tư con đã có chồng rồi nên chú hổng viết thư nữa, thời gian đó chú như người khùng. Chú chỉ biết tới đó, sau nầy chuyện xảy ra cho cô con chú có biết gì đâu. Đầu đuôi ra sao con kể hết cho chú nghe đi.

- Hồi chú đi cô Tư bịnh liên miên, ói mửa, cô nằm vùi, mấy tuần sau cô mới biết mình mang bầu. Lúc đó cô như điên như dại, khóc hoài có khi ngồi một mình nói lảm nhảm như mắc nàng dưới. Ba con sợ chuyện xấu đổ ra ngoài nên sẵn dượng Thành, à chú còn nhớ dượng Thành lúc đó phụ mần đáy với ba con hông?

- Nhớ chớ, thằng Thành Đất chớ ai.

- Đúng rồi, lúc đó dượng cũng thương cô, ba con mới khuyên cô ưng dượng, cuối cùng cô Tư con đâu cách nào khác cổ đành nhắm mắt đưa tay, nhưng cổ nói thẳng cho dượng Thành biết cổ đã mang bầu với chú, chịu thì cưới không chịu thì thôi. Lúc đó dượng mê cô như điếu đổ cái gì cũng chịu, dượng còn nói chú với dượng là anh em kết nghĩa, con của chú cũng như con của dượng.

- Bây giờ hai người ra sao?

- Mần ăn cũng khá, cô còn sanh thêm cho dượng Thành hai đứa nữa vậy mà dượng vẫn thương thằng Đợi như con ruột của mình.

Thiệt vậy ngày xưa Hải và Thành là anh em kết nghĩa, tánh tình nó rất thật thà, từ ngày kết nghĩa anh em với nó cho tới ngày Hải bỏ đi, anh chưa bao giờ nghe thấy nó giận ai và chưa hề gây gổ với bất cứ người nào, nhà nghèo chăm chỉ làm ăn và hiền như cục đất, vì vậy nó mới có tên Thành Đất.

- Bây giờ chú tính làm sao?

- Theo con chú phải làm sao đây?

- Chú gặp cô Tư con đi.

- Gia đình cô ấy đương cơm lành canh ngọt con à.

- Con nghĩ dượng Thành cũng không tệ lắm đâu.

Hải chưa biết tính sao thì Dung đề nghị:

- Hổng ấy chú để con nhắn qua cô, nói chú đã về coi cổ tính sao.

- Ừ con tính sao thì tính miễn đừng làm xào xáo gia đình cô ấy là được.

*

Những ngày sau đó Hải để hết tâm trí cùng với anh em thằng Bình và An sửa sang, sơn phết lại hai ngôi mả của ba má anh, chuyện của Lệ anh phó mặc cho Dung và gia đình. Tuy vậy lòng anh cũng nôn nóng như lửa đốt, hổng biết sắp tới đây chuyện lành hay chuyện dữ? Đến ngày thứ ba thì hai ngôi mộ của ba má sửa sang lại coi như đã xong. Anh và hai đứa thợ đương đứng ngắm nghía hai nấm mồ nước sơn còn ướt. Chợt Dung đi ra mặt hớn hở hỏi:

- Xong chưa chú?

- Xong hết rồi, con coi coi có được hông?

- Đẹp lắm chú.

Thấy cô nhỏ hấp tấp trả lời anh bèn hỏi:

- Có chuyện gì mà trông con hớt hải dậy?

- Cô Tư mới vừa đìa.

Tuy biết trước chuyện sẽ đến nhưng trong lòng anh lo lắng bất an. Nhìn hai đứa nhỏ lom khom dọn dẹp đồ đạc định đi về, anh mượn cớ trì hoãn bằng cách mời hai đứa thợ đi ra tiệm ăn cơm. Day qua Dung Hải hỏi:

- Con đi ăn với chú hông?

- Chú hổng về liền được sao?

- Nhưng cho thợ thầy người ta ăn cơm cái đã.

Dung miễn cưỡng gật đầu:

- Vậy cũng được, nhưng mau mau nghe chú, cả nhà đương chờ chú đó.

Dung quày quả bước đi, Hải day qua hỏi:

- Hai đứa bây thấy con Dung ra sao?

Bình ngước lên nói:

- Con nhỏ đen như cột nhà cháy.

An cãi:

- Nâu chớ đen đâu mà đen, ông nói cho cố.

Hải vỗ vai An:

- Mày chấm nó chỗ nào.

- Ngực, mông hết xẩy chú.

- Chỉ có hai chỗ đó thôi hả?

Nghe anh hỏi ngặt thằng nhỏ đứng gãi đầu. Thấy thằng nhỏ bí lối, anh câu vai nó nói:

- Nhưng mầy chịu cặp ngực và cặp mông của nó hông? Tao làm mai cho.

- Con nghèo quá chú.

- Bộ nghèo rồi hổng có vợ sao? Nhưng thôi, dẹp cặp ngực và cặp mông qua một bên, mình đi ăn cái đã.

Hải kêu chủ quán dọn một bữa cơm thiệt ngon và bia lon ướp lạnh cho hai anh em Bình, An ăn, còn anh thì uống bia khan. Đầu óc cứ nghĩ đến chuyện gặp gỡ lát nữa đây, người ta nói chia ly là khổ, còn xum vầy là vui. Còn anh thì đương khổ sở cho cuộc xum vầy. Thằng Bình thấy anh cứ trầm ngâm và ngước cổ nốc bia, nó nhắc chừng:

- Theo con bữa nay chú uống ít thôi.

Hải nốc một ngụm bia, nhìn qua hỏi:

- Mầy biết chuyện gì hông?

- Chuyện của chú nổi như cồn, cả xóm mình ai hổng biết.

- Nổi như cồn à, sao tao hổng biết gì ráo.

An nói vô:

- Thôi chú dìa giải quyết chuyện gia đình đi, con nghĩ mọi chuyện trơn tru thôi, chú khỏi phải lo nghĩ nhiều quá.

- Hai đứa nghĩ dậy sao?

- Con nghĩ ai biết hoàn cảnh của chú đều nghĩ vậy hết.

- Bình, An chú phải tin dị đoan thôi, gặp hai đứa chắc chuyện gì thì cũng... bình an hết trọi.

Ba người cùng cười và đưa ly lên cụng:

- Thôi chú dìa đây, chừng nào xong chuyện chú làm mâm cơm cúng ông bà, chú sẽ mời hai đứa tới nhậu một bữa chết bỏ.

*

Khi Hải vừa bước tới cửa thì Thành từ trong nhà phóng ra ôm anh vừa mếu máo vừa nói:

- Anh dìa, em mừng quá.

Nỗi lo âu của Hải được thay bằng niềm xúc động mênh mang, anh trấn tỉnh lại:

- Vô nhà cái đã, từ từ rồi anh em mình tâm sự sau.

Hải câu vai Thành đi vô nhà, thì Lệ cũng từ nhà dưới đi lên.

- Sao mà ai cũng khóc hết vậy nè?

CHU VƯƠNG MIỆN

Gió Thốc Mưa Sa

ngã mầu vàng xậm rừng mơ
ôm em mù mắt mà chưa hết đời
đời còn nặng hạt mưa rơi
chịu hay chống chỏi chão xôi sũng dầu
tình mình vác lưới giăng câu
người thì phúc tạp dưới cầu lòng tong
trăm dâu đổ một đầu tằm
trăm con sóng vỗ mặt sông đấy mà
đêm nào gió thốc mưa sa.

Hải muốn trấn an mọi người nhưng chính ngực anh cũng đã nghẹn khi thấy một đứa con trai nép bên Tư Lệ giống anh như đúc. Anh tới ngồi xuống cạnh bên nó, vuốt tóc hỏi nhỏ:

- Con là Đợi phải không?

Nó gật đầu. Hải ôm nó vào lòng, nó mắc cỡ xô anh ra và lao nhanh xuống nhà dưới. Anh đứng lên hỏi Lệ:

- Đi đường xa em có mệt lắm hông?

Cô lắc lắc đầu mặc cho nước mắt tuông chảy lên hai gò má. Nghe tiếng ồn ào bên ngoài Hải ngó ra anh thấy trước cửa hàng xóm bu đầy nghẹt, anh lúng túng không nói được gì. Thành như hiểu ý anh nên bỏ đi xuống nhà dưới. Anh Tài từ dưới nhà đưới đi lên nói:

- Thôi mình ra nhà sau ngồi lai rai nói chuyện.

Day ra anh nói với đám người tò mò còn lấp ló phía trước:

- Hôm nay, gia đình tôi đoàn tụ và có chút chuyện riêng xin bà con thông cảm cho nhé.

Bà con từ từ giải tán. Mọi người kéo nhau đi xuống nhà dưới. Đồ ăn đồ nhậu đã được ba người đàn bà dọn đầy bộ ván. Thành kêu Lệ:

-Em với thằng Đợi qua ngồi với anh Ba, cho cha con quen nhau cái đã.

Nhờ Lệ ngồi cạnh bên nên thằng Đợi mới dám lên ngồi gần, hai đứa em nó thấy vậy cũng chen vô ngồi sau lưng má nó. Cả nhà ngồi quây quần trên bộ ván rộng. Anh Tài bưng rượu lên:

- Hôm nay mỗi người phải uống để mừng gia đình mình xum hợp. Chú Ba tui mời chú trước.

Hải bưng ly nốc cạn dần cái cảm giác gờn gợn rùn người. Gia đình xum hợp! Vui quá xá chớ! Kể từ khi hay tin ba má anh qua đời, anh chị em tứ tán, Hải chưa bao giờ nghĩ mình còn có một gia đình trên quê hương xứ sở. Nếu ngày xưa không có chuyện chia lìa thì giờ đây bên anh là vợ, con, kia là anh chị vợ và thằng em kết nghĩa. Bây giờ mọi chuyện đã đảo ngược đâu vô đó hết rồi. Hải vuốt tóc thằng Đợi, hỏi:

- Ai đặt tên cho con?

Nó bẽn lẽn cúi đầu:

- Hổng biết.

Thành chen vào.

- Bả đặt đó chớ ai, Đợi có nghĩa là đợi anh đìa đó.

Lệ mắc cỡ mắng chồng:

- Cái thằng cha mắc dịch.

Té ra Hải cũng còn có những người chờ đợi anh nơi bến sông nầy, vậy mà từ lâu nay anh nào hay nào biết.

Anh Tài rót rượu vừa đưa từng người vừa nói:

- Bây giờ dùng món đặc sản của dượng Tư đem từ dưới Cái Đôi về cái đã.

Lệ đập vỏ càng cua, lấy thịt bỏ vô chén cho Hải. Hải bắt chuyện hỏi Thành:

- Bộ ở đây hổng có cua, vọp sao mà phải đem từ bển qua?

- Ở đây làm gì còn anh, cua em nuôi, vọp phải đặt dưới miệt Năm Căn mới có.

- Hồi đó mấy thứ nầy anh em mình xách bao xách mốc ra rừng một lát đem dìa cả đống, nhậu hổng hết chia cho bà con mặc sức mà ăn.

Anh Tài chen vô:

- Ôi người càng đông của càng hiếm con người tham lam càng nhiều, tranh dành với nhau từ rừng rú tới dòng sông, người nầy xâm phạm của người kia một chút thì chửi bới ỏm tỏi lên, đôi khi chỉ vì con cua, con vọp mà quánh lộn với nhau dập đầu chảy máu.

Họ nói chuyện đời sống một lát, cũng trở lại chuyện riêng tư của Hải. Anh nói với Lệ:

- Hổng biết thì thôi, biết rồi thì tôi phải có bổn phận.

Anh hỏi việc học hành của thằng Đợi, Lệ cho anh biết nó học hết lớp năm rồi nghỉ.

Anh day qua hỏi thằng nhỏ:

- Con muốn đi học nữa hông?

Nó lắc đầu.

- Hông, lớn rồi, đi học người ta chọc quê.

Hải thấy mình không nên xen vô chuyện gia đình của Lệ nhiều quá. Anh mới nói:

- Tùy chú Thành với Lệ tính sao cho nó cũng được, số tôi phong trần thì đành phải phong trần vậy, ở nhà có khó khăn gì thì cứ cho tui hay, khả năng của tui tới đâu tui phụ tới đó.

- Anh dìa nhìn nhận con để sau nầy nó khỏi tủi thân là được rồi. Tư Lệ vừa nói vừa lau nước mắt.

Thành chen vô:

- Ngày mai tui phải dìa bển sớm, để bả với thằng Đợi ở lợi chơi với anh vài ngày. Chừng nào anh đi thì tui qua tiễn anh.

Sáng hôm sau, trong lúc Thành sửa soạn trở về Cái Đôi vàm, trên chiếc ghe đóng đáy hàng khơi, cái máy Yanmar đầu xanh thời ông Thiệu chưa làm tổng thống đã đổi ra màu đen, Thành quây cà ì cà ạch hồi lâu mới nổ bành bành, khói đen phun ra mù mịt. Hải nói:

- Máy Yanmar đầu đen chớ đầu xanh khỉ mốc gì. Sao chú hổng thay máy khác?

Thành than:

- Chưa đủ tiền anh.

- Chừng bao nhiêu mới đủ?

- Nếu có hai cây nữa thì em đổi máy mới.

- Được rồi anh sẽ cho chú hai cây.

- Ý chết cha, em đâu có hỏi.

- Anh tự nguyện mà.

- Anh có lòng tốt giúp em, em cám ơn nhiều lắm, nhưng thong thả đi cái đã.

Thành chỉ vô cái máy nói:

- Coi cà tàng vậy đó mà chưa bao giờ nằm đường hết anh.

- Thôi chú đi đi, chúc chú mầy con nước nầy tôm cá đầy ghe.

Hải nhảy lên bờ tháo dây mũi liệng qua cho Thành. Hải vịn mũi nghe, chờ Thành khoanh dây lại rồi ra sau cầm lái, anh mới đẩy mũi ghe vạt ra lấy trớn để Thành vô số, rồ ga cho ghe chạy.

Khi cơn xúc động đã lắng xuống, mọi chuyện trở lại bình thường, Hải nghĩ, đối với Lệ và thằng Đợi anh thương lắm và tội nghiệp cho Thành Đất đã gánh gánh nặng cho anh, chắc hẳn anh phải có trách nhiệm với những người nầy. Anh định trước khi rời khỏi thị trấn ven biển anh đưa cho gia đình Thành Đất số tiền anh đã hứa, phần còn lại anh ngao du một chuyến ra Bắc.

Nào ngờ hôm sau, trời mới hừng đông, Hải đương ngủ ngon, chợt Lệ vô buồng đánh thức anh dậy:

- Anh Ba, gia đình có chút chuyện muốn bàn với anh.

Hải ngồi dậy dụi dụi mí mắt cho tỉnh ngủ rồi đứng dậy đi theo Lệ. Ở nhà dưới đèn thắp sáng chưng, vợ chồng anh Tài ngồi trên bộ ván. Giữa bộ ván một mâm trà bánh còn nguyên, hai người như có ý chờ Hải. Lệ lấy khăn và bàn chải đưa cho anh. Hải ra sàn lảng sau nhà đánh răng rửa mặt. Xong. Anh trở vô ngồi cạnh bên Lệ. Nhìn ai cũng ra vẻ khẩn trương làm anh nhột nhạt. Lệ rót nước trà cho Hải, anh hớp một hớp nước, để xuống. Anh Tài hớp một hớp trà rồi cất tiếng phá tan bầu không khí yên lặng:

- Thiệt ra thì tui mời chú xuống đây là muốn nhờ chú một chuyện.

- Chuyện gì anh? Hải hỏi.

- Ý tui là muốn nhờ chú bảo lãnh con Dung ra ngoải, chú thấy có được hông?

Nghe hỏi bất ngờ làm Hải lúng túng hồi sau anh mới tìm ra câu nói:

- Dìa đây tui hổng có ý định gì hết, bổng nhiên lòi ra thằng Đợi, bây giờ anh tính thêm chuyện nầy nữa.

Hải ngó qua Lệ:

- Theo em, em thấy sao?

Lệ không nhìn thẳng Hải mà cúi xuống ly trà, nói:

- Anh coi coi, giúp được cháu thì giúp.

- Hổng phải vậy đâu, tui thấy những cô gái ở niền quê ít học ra phố nếu không đi ở mướn thì cũng trở thành gái làm tiền. Ra nước ngoài cũng vậy thôi, nếu không có nơi nương tựa thì các cô cũng lang thang trôi nổi trong cái thế giới xô bồ xô bộn của tây phương. Còn tui thì cuộc sống bấp bênh, rày đây mai đó, không bà con thân quyến, nơi xứ lạ quê người, đem cháu sang rồi bỏ cháu bơ vơ một mình đâu có được.

Anh Tài nằng nặc:

- Hổng lẽ chú cứ lông bông hoài sao?

- Chuyện đột ngột quá anh chị cho tui thời gian suy nghĩ cái đã.

- Ừ cũng được, quan trọng là chú mầy chịu nó hay không.

Chịu nó! Hải nghĩ bụng, ông anh định chơi cha chắc.

- Thôi được, chuyện nầy tui sẽ trả lời sau.

Câu chuyện tạm ngưng lúc trời sáng bửng. Dung với thằng Đợi đi đổ đáy vừa về tới. Hải kêu thằng Đợi thay đồ và rủ má con nó ra quán ăn sáng, tiện dịp anh bàn chút chuyện. Thằng Đợi xin tiền đi chơi chớ không theo. Hải để ý, từ ngày gặp con cho tới nay, không bao giờ thằng nhỏ theo anh, ngoại trừ những lúc cần tiền mới tới hỏi xin. Mới chừng đó tuổi mà đi hết bàn bi da

này qua tới quán Karaoke nọ, có bữa anh thấy nó uống bia nữa.

Trong quán phở, ăn xong Hải hỏi Lệ:

- Hình như em nuông chiều thằng Đợi có hơi quá mức.

- Anh Thành đó, mỗi khi em rầy nó là ảnh binh.

- Con cưng là con hư, nhưng nói là nói vậy chớ anh làm sao có quyền chen vào chuyện gia đình em.

Lệ cầm muỗng quậy quậy ly trà đá, mắt nhìn nước trà đương sóng sánh trong ly, cô nói:

- Anh có trách em cũng hổng sao, ngặt vì thương anh nên ai cũng chiều thằng Đợi.

- Cám ơn em và chú Thành đã lo lắng cho nó.

- Anh khách sáo làm gì, anh Thành cũng thương anh, cho tới nay ảnh còn mặc cảm có lỗi với anh đó.

- Chú ấy đã săn sóc mẹ con em trong những ngày em khổ sở, hết kiếp nầy hổng biết anh có đền ơn nổi cho chú hông đây.

Hải móc sổ địa chỉ ra đưa cho Lệ:

- Em ghi địa chỉ ở Cái Đôi cho tui.

- Bộ anh tính đi hả?

- Chưa, tui nán lợi chơi với em và thằng Đợi vài ngày.

Lệ đổi giọng:

- Còn chuyện con Dung anh tính sao?

- Theo em tui phải tính sao đây?

- Thì anh coi giúp được cho cháu thì giúp đi.

- Đơn giản như vậy sao?

- Em thấy nhiều Việt kiều dìa cưới vợ cũng đơn giản dậy thôi. Anh lớn tuổi rồi cần phải có gia đình chớ. Hơn nữa trong họ hàng ai cũng thương anh, muốn gả nó cho anh anh còn đi đi dìa dìa, chớ hông thôi anh đi biệt xứ.

Biệt xứ! Hải nhìn ra ngoài, ánh nắng đã lên cao. Người đi chợ cũng thưa dần. Đây là quê hương xứ sở của anh, kia là người thân thân thuộc, chơn tình biết mấy.

- Thôi được, để thong thả rồi tính.

Bắt đầu từ hôm đó gia đình Tài coi Hải như người nhà. Ngày Dung lo miếng ăn, tối lo giũ chiếu giăng mùng, soi muỗi cho anh. Ban đêm Hải theo Dung đóng đáy. Từ ngày có Hải đi theo, cô nhỏ vui sướng vô cùng, Dung có cảm tưởng đi đóng đáy là cuộc phiêu lưu, thám hiểm hơn là chuyện mầm ăn, cho nên cô cứ nôn nao trong lòng mỗi khi con nước lớn vừa chựng lại. Khi nước bắt đầu ròng họ chui đáy xong đâu đó. Dung mở máy cát sét rồi cô đi lại ngồi cạnh Hải. Những năm luân lạc xứ người, không khi nào Hải mơ tới đàn bà Việt Nam. Các bà ngoài ấy cao xa quá, còn anh trước mắt họ bất quá chỉ là một tên vô gia cư. Mười mấy năm qua, anh không bao giờ dám ước mơ có một mái ấm gia đình. Hôm nay về đây tuy cảnh vật và người thương đã thay đổi nhưng anh không thấy mất mát điều gì. Trước một người con gái mơn mởn như hoa mùa xuân và dòng sông bon bon nước chảy, làm anh sống lại thời mới lớn. Tim anh đập, tay anh run run ôm cô gái trẻ, lòng thầm cám ơn bà cậu của miền sông nước... Anh ngất ngây theo tiếng hát du dương truyền cảm tỏa trên mặt sông: "... Anh ơi chim kia bay về tổ ấm, nước cũng xuôi về nguồn..."

*

Vậy là thời gian Hải dành cho chuyến du ngoạn ra Bắc coi như đi đứt. Chuyện đám tiệc theo Tài thì không khỏi phải rườm rà, chỉ nấu một mâm cơm làm lễ ra mắt ông bà đủ rồi. Hải kêu Dung nghỉ đóng đáy đi với anh ra thị xã mua sắm áo quần và bông đeo tai. Bữa tiệc thay cho đám cưới ngoài người trong gia đình ra, Hải chỉ mời anh em thằng Bình và thằng An tới. Hai đứa ngồi nhậu mà cứ nhìn anh cười cười như có ý chọc quê.

Sau bữa tiệc, Thành Đất chở vợ con về Cái Đôi vàm. Còn Hải lên thành phố đổi vé máy bay trở về Âu châu để lo thủ tục bảo lãnh.

*

Mọi chuyện xong xuôi trong vòng sáu tháng. Dung là vợ chánh thức của Hải từ khi cô nhỏ tới đất Âu châu nầy. Chờ Dung học xong khóa ngoại ngữ lấy xong bằng lái xe, hai người mới quyết định có con. Nhờ khoẻ mạnh Dung sanh rất dễ dàng, hai năm Dung sanh liên tiếp hai đứa con trai, thấy vợ cực khổ với hai đứa nhỏ Hải kêu ngưng nhưng Dung muốn có thêm đứa con gái, vậy là cô mang bầu sau đó đẻ thêm thằng con trai nữa. Anh biểu nghỉ nhưng Dung ham con gái quá, nằng nặc đòi mang bầu, nhờ trời thương đứa thứ tư cho ra con gái, có như vậy cô nhỏ mới chịu treo buồng trứng.

Từ ngày có Dung Hải xin việc làm dây chuyền trong một xưởng sửa xe. Dung may thuê vá mướn, dư ra đồng nào gởi về đồng nấy, một bên gia đình ba má Dung, một bên là cho vợ chồng Thành Đất. Bây giờ dân số trong gia đình anh tăng thì chi phí cũng tăng theo. Dung ôm bốn đứa con đâu có đi làm gì thêm. Còn lương tháng của anh trang trải nhà cửa, mua sữa và tã lót cho mấy nhỏ, ăn uống cũng phải dè sẻn mới đủ. Ấy vậy

bên nhà hổng biết mần ăn ra sao mà tiền gởi về y như gió luồng nhà trống. Thư cứ gởi qua hỏi tiền lúc đầu còn nói năng tử tế, dạo sau nầy hỏi thẳng kê những món cần xài ra hàng lô hàng lốc, những con số đọc lên thấy phát chóng mặt, tối thiểu một ngàn đô, khi thì cả chục cây vàng. Có lần ở nhà nói ba Dung bịnh gần chết, kêu gởi tiền về thang thuốc, làm Dung hoảng lên. Hải phải xin ngày nghỉ ở nhà giữ con cho Dung bay về bển. Nhưng Dung về vừa tới phi trường, cô tức muốn ói máu khi thấy ông già đứng đón tỉnh bơ trước cửa phi trường. Dung ở lại một tuần, dốc túi đưa hết số tiền đem theo lo cho ba bịnh, rồi bay trở về vừa khóc vừa kể cho Hải nghe.

Đó là gia đình ông Tài chớ thật ra thì với vợ chồng Thành Đất anh có cho thì gởi thư cám ơn, không thì thôi chớ chưa bao giờ biên thư hỏi tiền. Mới đây Lệ có gởi thư qua nói, thằng Đợi xách dao rượt chém Thành Đất rồi bỏ nhà đi. Đọc thư xong Hải cảm thấy buồn buồn cũng như lần đầu nhận con mình, anh đã cảm thấy cái hạnh thằng nhỏ không được tốt rồi. Vì vậy chuyện nó đánh ba nuôi nó là do bản tánh mất dạy của nó chớ hổng phải lỗi tại Thành Đất . Anh thấy càng liên lạc bên nhà bao nhiêu càng thêm rắc rối bấy nhiêu, vì vậy anh giao hết tiền bạc cho Dung. Anh dặn:

- Em làm sao thì làm miễn đừng để mấy đứa con thiếu thốn là được rồi.

Từ đó hễ ở nhà hỏi tiền thì ít nhiều gì Dung cũng gởi, gởi xong tối nằm thao thức, nén tiếng thở dài. Dung sanh ra chứng mất ngủ và kinh nguyệt cũng theo đó không đúng chu kỳ, thân thể vạm vỡ của Dung mỗi ngày một sa sút, da dùn, mặt mày rũ rượi trán có vết nhăn. Mới đây nhận thêm thư nhà Dung đem cho anh xem. Trong thư nói thằng Đợi về ở với cậu Hai, tức là ông già vợ của Hải, nó hỏi xin tiền mua chiếc Dream II và ở nhà xây thêm cầu tiêu và bồn tắm tổng cộng năm ngàn đô, xem thư xong Hải trao lại cho Dung:

- Em tính sao cũng được.

Đêm khuya Dung đánh thức Hải dậy, cô nói trong tiếng khóc:

- Anh ơi anh.

- Gì vậy em?

- Mình tính sao đây ?

Từ lúc Dung sanh chứng mất ngủ cho tới giờ, tuy Hải không nói ra nhưng lúc nào anh cũng chú ý đời sống tinh thần của vợ. Đến nước nầy anh cần phải lên tiếng thôi.

- Em nín khóc đi.

Hải ngồi dậy lấy bình nước rót một ly đưa cho Dung.

- Em uống đi, rồi nằm xuống hít thở một lát rồi ngủ, chuyện bên nhà để bên nhà lo khi nào vợ chồng mình giàu có rồi tính. Anh sẽ viết thư nói cho ba biết hoàng cảnh của gia đình mình.

- Ba má em thì được rồi nhưng còn thằng Đợi?

- Năm nay nó đã ngoài hai mươi rồi, nó biết cầm dao rượt chém ba nuôi nó, thì nó phải đủ bản lãnh ra đời kiếm sống, em nên dồn hết tâm trí lo cho bốn đứa con của em kìa. Xe trước lật rồi, xe sau tránh, hy vọng còn vớt vát lại mấy đứa nhỏ.

Thấy vợ bớt căng thẳng anh chỉ tay lên trán Dung pha trò:

- Đẻ cho cố rồi lo.

Dung bấu mạnh vai chồng lấy đà nằm xuống phủng phịu:

- Em muốn đẻ nữa.

Hải kê gối gối đầu và kéo mền đắp cho vợ xong, anh nằm xuống cạnh bên và luồn tay xuống dưới dạ bụng mân mê:

- Muốn vậy thì em phải đi bác sĩ nối buồng trứng lại.

Đợi Dung ngủ say, Hải qua phòng sách lấy giấy viết ra viết thư cho ông Tài. Anh nói thẳng cho ông biết, cũng vì u mê mà anh và ông mắc phải một sai lầm, làm cho tôn ti trật tự trong gia đình đã đảo lộn hết, bao nhiêu đó cũng đủ cho lương tâm ray rứt suốt đời rồi. Anh khuyên ông nên dừng lại, đừng quá tham lam mà gieo khổ cho con, cho cháu sau nầy...

Hôm sau Hải đưa thư cho Dung đọc và hỏi:

- Em thấy thế nào.

- Cũng được.

Dung trao thư lại cho anh đem đi gởi. Cũng từ hôm đó, tánh tình của Dung mỗi ngày một thay đổi, trong gia đình Dung lo cho chồng cho con rất là chu đáo, duy có một điều cô nhỏ càng ngày càng lạnh nhạt với anh, nhứt là chuyện chăn gối không còn mặn nồng như trước nữa. Có lần Hải thắc mắc hỏi thì Dung gượng gạo biểu, hổng có gì, rồi ôm anh thật chặt và gục đầu lên vai anh mặc cho hai dòng nước mắt tuôn chảy...

*

Bảy năm qua rồi ở bên nhà không thư qua nữa. Và cuộc sống tẻ nhạt của gia đình Hải vẫn tiếp tục điều trôi không biết tới bao giờ... Nhiều đêm ngồi một mình nhớ lại những chuyện đã xảy ra, anh tự hỏi: Hổng biết bên bển có còn ai đợi chờ anh như lần đầu anh rời xa bến đáy.

Dronten 02/05/04

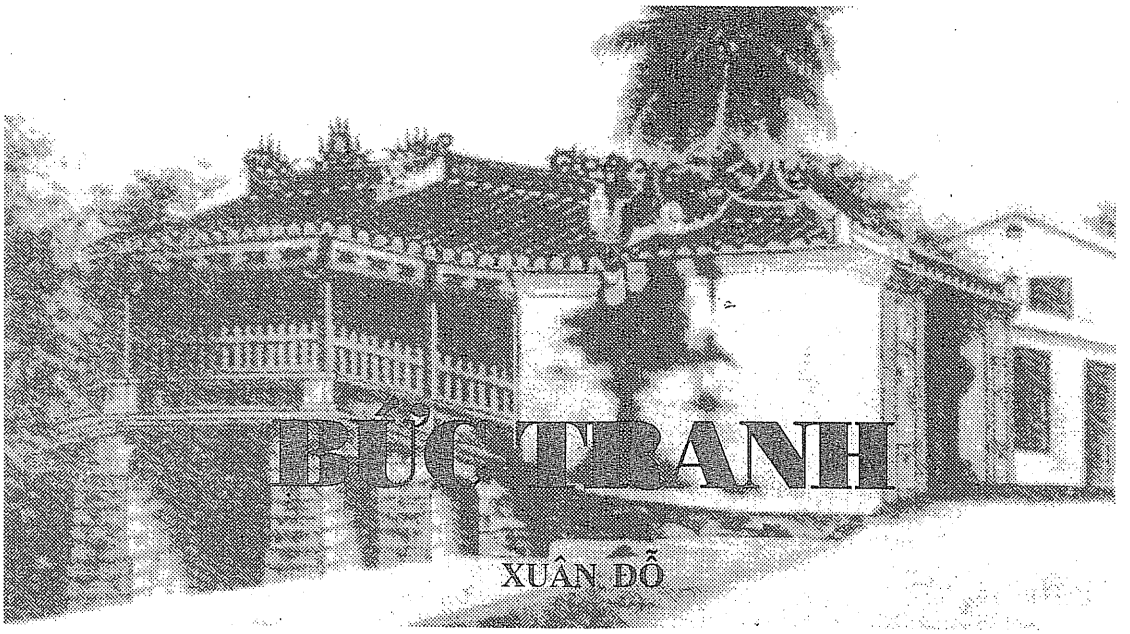

BỨC TRANH

XUÂN ĐỖ

Nhìn bức tranh trên tường, tôi giật mình. Thật đẹp. Bức tranh có vẻ mờ ảo trong làn khói sương ban mai. Ngôi chùa và cảnh vật hình như quen lắm. Chẳng lẽ ngôi chùa này ở Nhật mà lại giống ngôi chùa thân thiết của tôi, thời tuổi thơ ở Hội An? Chùa Cầu.

Tôi bước vào một tiệm bán đồ kỷ niệm ở phố Nhật tại San Francisco để tìm mua một bộ đồ trà. Tôi chọn được một bộ gồm chiếc bình và bốn chén nho nhỏ, màu thiên lý, thật dễ thương. Xong rồi, tôi dợm bước ra khỏi tiệm, định đi bộ lang thang trong buổi sáng mát dịu, trên đường phố nhiều dốc của thành phố vùng Vịnh này. Nhìn ra ngoài trời, mưa đang rơi, hơi nặng hạt. Tôi bước trở lui, vào nhìn lại bức tranh. Giống Chùa Cầu ở thành phố buồn hiu, rêu phong Hội An ngày xưa quá. Tôi không thể lầm được. Hai cô gái Nhật lúc nãy nói chuyện và chỉ dẫn cho tôi mua món quà kỷ niệm, đi qua, đi lại, đôi khi nhìn tôi cười cười, khi thấy tôi say mê nhìn bức tranh mãi không chán.

Nhìn ra ngoài cửa kính, trời vẫn còn đang mưa, tôi lại ngắm bức tranh trên tường. Phía dưới góc mặt, có chữ ký của tác giả, nhưng tôi không đọc được vì là chữ Nhật, và dấu triện son màu đỏ hơi nhạt, có lẽ bức tranh đã vẽ từ lâu. Một người Nhật lớn tuổi từ văn phòng ông đi ra bước lại gần tôi. Ông chào tôi cung kính:

- Thưa ông, tôi nghe con gái tôi nói rằng, ông đứng xem bức tranh này, có vẻ ngưỡng mộ lắm. Thật là một vinh hạnh cho chúng tôi.

Tôi cũng chào lại ông cung kính, nói:

- Vâng, tôi rất thích bức tranh này. Đây có phải là một ngôi chùa cổ ở Nhật Bản không ạ? Tôi muốn xem ai là tác giả bức tranh này, nhưng tôi không đọc được tiếng Nhật. Tiếc quá.

Ông ta cười rạng rỡ:

- Vâng, bên ngoài trời còn đang mưa, chắc ông cũng chưa vội ra về, vậy xin mời ông vào trong văn phòng tôi, uống chén trà và chúng ta nói chuyện cho vui.

1

Bức tranh đó do cha tôi vẽ. Ông vẽ năm 1944, tại Hội An, Việt Nam. Đó là Chùa Nhật Bản, vì khoảng bốn, năm trăm năm trước đây, người Nhật đến cư ngụ và làm ăn ở Faifo - một tên khác của thành phố Hội An, do người Pháp đặt , khi người Pháp đặt nền đô hộ trên đất nước Việt Nam- xây cất nên.

Tôi muốn đính chính, tên cúng cơm của ngôi chùa là Chùa Cầu, như người Hội An chúng tôi gọi, vì ngôi chùa xây cất trên một rạch nước và con đường chạy ngang qua lòng chùa, như một chiếc cầu vậy. Nhưng không muốn ngắt câu chuyện ông đang kể, tôi chỉ gật đầu, mỉm cười. Ông tiếp:

- Cha tôi tên là Moru Ashahito, là một nhà ngoại giao, có tâm hồn nghệ sĩ. Ông làm thơ, nhiều nhất thể hài cú, và viết văn, phần nhiều các truyện ngắn, các đoản thiên, tùy bút. Ông có xuất bản hai cuốn thơ, ba tuyển tập truyện ngắn và một cuốn truyện dài. Và về hội họa, ông vẽ rất tài tử, trong đời ông, ông chỉ vẽ đâu khoảng mười bức

tranh, mà bức tranh đang treo trên tường đó là bức ông thích và quí nhất, ông gìn giữ nósuốt trong thời kỳ chiến tranh ác liệt nhất và ngay cả sau khi chiến tranh chấm dứt, ông bị quân đội Đồng Minh bỏ tù gần hai năm, ông cũng xin gia đình, bằng mọi giá giữ bức tranh này cho ông.

Gia tộc chúng tôi, Ashahito, nhiều đời, sinh ra và lớn lên ở một phố nhỏ của cố đô Kyoto, thuộc phái Trọng Văn. Các tiền bối của tộc họ Ashahito nhiều vị làm quan văn, giữ những chức vụ cao cấp trong lịch sử Nhật Bản cận đại. Điều này khác với các tộc họ khác, xuất thân từ phái Trọng Võ, hậu duệ của các lãnh chúa, tướng lãnh ngày xưa. Người của hai phái tuy có cách xuất thân, xử thế, đi vào hoạn lộ và phục vụ quốc gia theo hai ngả khác nhau, nhưng các gia đình là những bạn bè tri kỷ, những thông gia, liên hệ qua lại với nhau thật thân thiết.

Từ thuở thiếu thời, Moru là một học sinh xuất sắc, cho nên khi lên đại học, ông được cấp học bổng về thủ đô Tokyo vào học trường Đại Học Hiệu Bang Giao Quốc Tế. Ông chuyên về văn hóa các nước Á Châu - Trung Hoa, Triều Tiên, Việt Nam, Ấn Độ vân vân... - Ra trường, ông được đưa đi tập việc trong phái bộ văn hóa Nhật ở Trùng Khánh, Trung Hoa. Năm 1942 ông được đưa qua Việt Nam làm tùy viên văn hóa cho sứ quán Nhật Bản tại Huế.

Từ truyền thống yêu chuộng hòa bình của gia tộc, Moru bước vào đời với nhiều khó khăn của một thời tao loạn tạo nên. Chiến tranh thế giới thứ hai đang gieo chết chóc, đau thương trên khắp nơi, từ Âu sang Á và đến tận cửa ngõ nước Mỹ, trong sự liên kết giữa bộ ba, Đức Quốc Xã của Hitler, Phát Xít Ý của Mussolini và chính sách Khối Thịnh Vượng Chung Đại Đông Á - Greater East Asia Co-Prosperity Sphere - của giới tướng lãnh Nhật hiếu chiến - nhất là khi Đại Tướng Hideki Tojo (Đông Điều) - giữ chức Thủ Tướng Nhật.

Trên cương vị của một tùy viên văn hóa sứ quán Nhật, tuy trong thời kỳ chiến tranh ác liệt, Moru thường có mặt và tiếp xúc với các nhân vật chính trị, văn hóa Việt Nam ở Huế, Hà Nội và Sài Gòn, đồng thời tham dự các sinh hoạt liên quan đến văn học, nghệ thuật, âm nhạc. Trong một cuộc trình diễn nhạc cung đình tại Huế, Moru ngồi cạnh một gia đình hoàng tộc. Sau buổi trình diễn, Moru được cô cháu gái và cũng là giảng sư về âm nhạc cho các gia đình hoàng gia, vọng tộc, dẫn giải về các loại đàn sử dụng cho cuộc trình diễn vừa rồi. Tên của cô là Vưu Tuyết Anh.

Tuyết Anh đẹp, khả ái, dịu dàng và trí thức. Cô đã từng du học Pháp về âm nhạc và khi về Việt Nam, cô đem khả năng âm nhạc tây phương để nghiên cứu thêm về âm nhạc cung đình Việt Nam qua các triều đại. Cô mang trong người hai dòng máu, Trung Hoa và Việt Nam.

Tổ tiên cô có người làm quan triều Minh bên Trung Hoa. Khi nhà Mãn Thanh lên chiếm ngôi cửu ngũ tại Bắc Kinh, ông Vưu Tiên Sinh chống đối lại và để tránh khỏi bị thanh trừng, ông đưa gia đình đi lánh nạn, và lưu lạc đến cửa biển Cửa Đại của Đạo Quảng Nam ngày xưa. Cùng với nhiều gia đình người Hoa khác, họ đã tập họp lại, dựng nên các làng gọi là Minh Hương, để nhớ về quê cha đất tổ bên Tàu. Cùng thời đó nhiều thương gia người Nhật cũng đến Hội An buôn bán lập nghiệp, biến thành phố nho nhỏ bên cạnh sông Thu Bồn trở thành một địa điểm buôn bán sầm uất đầu tiên của Việt Nam. Đàng Trong, dưới thời chúa Nguyễn, đã thông thương với người từ nhiều nước trên thế giới như Trung Hoa, Nhật, Ấn Độ, Bồ Đào Nha, Anh, Hòa Lan...

Sau lần hội ngộ đầu tiên, Moru và Tuyết Anh thường tìm cơ hội gặp nhau, cùng nhau chia xẻ nhiều vấn đề. Một dịp họ đi xem lăng tẩm các vua triều Nguyễn, Tuyết Anh nói:

- Thưa ông Moru Ashahito, tôi sinh ra và lớn lên ở Hội An, một nơi có nền văn hóa đa chủng Việt, Hoa, Nhật. Ngày nay ở Hội An không còn gia đình người Nhật hay gốc Nhật nào sinh sống. Nếu có dịp thuận tiện, tôi mời ông đến thăm Hội An, để nhìn thấy dấu ấn văn hóa Nhật còn lưu lại trên quê hương tôi.

Moru cúi gập người cám ơn Tuyết Anh, thật lễ phép nói:

- Thưa cô Vưu Tuyết Anh, tôi chân thành cám ơn nhã ý của cô. Đây cũng là ước muốn của tôi từ khi tôi nghiên cứu về văn hóa Việt Nam, trước khi qua nhận chức vụ Tùy Viên Văn Hóa của Tòa Đại Sứ Nhật Bản tại Việt Nam. Tôi có đọc một số sách lịch sử nói về tổ tiên chúng tôi, đã từng qua Việt Nam, đến Hội An lập nghiệp, buôn bán, để lại những kiến trúc tại đó. Được gặp cô là cái duyên hi hữu, tôi hân hạnh nhận lời sẽ cùng đi với cô một ngày nào đó đến thăm Phố Hội.

2

Lần đầu tiên đến Hội An do Tuyết Anh hướng dẫn, Moru ngẩn ngơ trước thành phố cổ kính, nhỏ bé, trầm buồn Hội An, với các cảnh chùa của

người Trung Hoa và Chùa Cầu của người Nhật. Đứng trước Chùa Cầu, Moru có cảm tưởng như đang đi thăm những chùa cách Kyoto cả trăm cây số. Cũng kiểu kiến trúc cổ xưa, cách đây cả năm, sáu thế kỷ, với mái ngói âm dương ôm nhau trong rêu phong ảm đạm. Trên nóc chùa cũng những hình long lân qui phụng quyện nhau như một khung cảnh thanh bình, yên ổn, không giết chóc, không hận thù. Những tấm ván trong lòng chùa, khi có những chiếc xe hơi hiếm hoi chạy qua, rung lên như không chịu nổi sức nặng của chiếc xe. Tượng hai con chó và con khỉ ở đầu và cuối cầu, như buồn bã theo sự vắng lặng của một thành phố nhỏ, quạnh hiu. Đi vào bên trong lòng chùa, cảnh tượng thật âm u trong ánh sáng mờ mờ của những ngọn đèn điện. Mùi hương trầm trên kệ thờ không đánh tan hết mùi ẩm thấp, rêu phong lưu cữu.

Tách đám tùy tùng đông đảo, Moru và Tuyết Anh đi xuống lòng con rạch, nhìn móng cầu ngâm trong dòng nước đen ngòm chảy ra sông Thu. Tuyết Anh hỏi:

- Ông Moru thấy thế nào?

- Vâng, tôi cảm động lắm. Xúc cảm dấy lên trong lòng tôi, y như gặp lại một người thân trong gia đình bị thất lạc lâu lắm, nay gặp lại. Không biết nhau, nhưng khi nhìn, biết rằng mình có liên hệ ruột thịt máu mủ mà vì hoàn cảnh xa cách, nay tình cờ gặp lại. Có lẽ sáng mai, thật sớm, tôi sẽ trở lại với giá vẽ, hộp màu, ghi lại hình ảnh của chiếc chùa đặc biệt này, để mang về quê hương Nhật Bản của tôi.

Tuyết Anh nói:

- Như vậy ông Moru có cần tôi thông báo cho nhà chức trách của thành phố Hội An để họ lo bảo vệ an ninh cho ông không?

Moru lắc đầu:

- Cám ơn cô, nhưng tôi thấy không nên. Tôi muốn đến, ghi lại nét hoang sơ của ngôi chùa trong tĩnh lặng, chứ nếu có người khác can dự vào, dù kín đáo, cảm hứng sẽ bay đi. Điểm này, một người có tâm hồn nghệ sĩ như cô, hẳn biết rõ hơn tôi.Tôi cũng muốn đến như một hậu duệ gặp lại bậc tiền bối ở một góc trời vắng lặng, tưởng chừng như có một duyên kỳ bí trong thuyết luân hồi của nhà Phật.

Tuyết Anh cười thật tươi:

- Thưa ông Moru, tôi chia xẻ những điều tâm cảm của ông. Tuy nhiên khi ông hoàn thành bức vẽ, ông cho tôi được hân hạnh làm người thưởng ngoạn đầu tiên nhé.

- Vâng, đó là hân hạnh cho tôi.

Cả hai cùng cười thoải mái, lên xe ra về chỗ trọ.

Sáng sớm hôm sau, trong xúc động dạt dào, Moru ghi lại hình ảnh ngôi Chùa Cầu trên lụa. Cảnh chùa trong buổi sáng tinh sương như mờ, như ảo, thực thực, hư hư. Có lẽ lâu lắm, trong cả năm bảy năm trời, Moru mới thấy được tâm hồn thanh thản như buổi sáng hôm đó, đắm mình nhìn ngắm ngôi chùa, rồi tô vẽ lên trên nền lụa mềm. Thế giới, khắp nơi con người đang quằn quại trong chết chóc, hận thù, chiến tranh tàn khốc. Là người Nhật có tâm hồn yêu chuộng nghệ thuật, văn chương, thi phú và tình yêu nhân loại, Moru chống đối lại chính sách hiếu chiến của giới quân nhân Nhật đang cầm quyền, đang dày xéo trên nỗi khổ đau của con người khắp nơi tại Đông Nam Á, nhưng ông và bạn hữu bên dân sự của ông đành chịu bất lực trước sức mạnh của bạo lực và hiếu chiến, hiếu sát của giới quân nhân. Hình như thành phố Hội An nhỏ bé cổ kính này cũng thấp thoáng vài ba chiếc xe nhà binh Nhật, đầy lính tráng, súng đạn đe dọa, chạy vụt qua trong những con đường hẹp, không đủ chỗ cho hai chiếc xe tránh nhau.

Moru miên man suy nghĩ và thở dài buồn bã. Moru có ý đợi Tuyết Anh đến, để cùng chia niềm vui, ghi lại một kỷ niệm về một nơi chốn có dấu ấn văn hóa Nhật để lại. Gió từ sông Thu Bồn thổi lên mát lạnh buổi ban mai đã chuyển thành hâm hấp nóng. Nắng đã lên cao và Moru bắt đầu rịn mồ hôi. Ông xếp giá vẽ, ôm bức tranh đi về quán trọ. Ông thắc mắc hoài, sao Tuyết Anh không đến xem bức tranh ông mới hoàn thành như nàng hẹn ngày hôm qua. Có điều gì quan trọng xảy ra, để nàng phải thất hứa? Một nữ lưu lịch sự, trí thức, duyên dáng như Tuyết Anh không thể quên được những gì mình nói ra. Moru trở nên lo lắng, bồn chồn, nhưng không biết nhà nàng ở chỗ nào để đến gặp.

Có chiếc xe nhà binh nhỏ chạy nhanh đến và dừng lại bên đường, cạnh lối đi bộ của Moru. Người sĩ quan Nhật nhảy xuống xe, đến trước Moru chào cung kính, nói:

- Thưa ông Moru Ashahito. Chúng tôi đi tìm ông có việc quan trọng. Xin ông lên xe đến trụ sở Hiến Binh, chúng tôi sẽ trình ông rõ sự việc.

Moru gật đầu, bước lên xe. Vừa đến văn phòng Sở Hiến Binh Nhật, trên lầu một căn nhà to lớn, bên đường bờ sông, viên Thiếu tá Hiến Binh Nhật chào ông, nói:

- Đêm qua chúng tôi có bắt tại Hội An đây bảy người Việt gốc Hoa trong tổ chức chống đối

lại Nhật Bản chúng ta. Đứng đầu nhóm này là một nhạc sĩ trẻ, khá nổi tiếng, có tên là La Hối và một người đàn bà trẻ đẹp, có quen thân với ông, có tên là Vưu Tuyết Anh. Cô Tuyết Anh và ông La Hối là bà con tộc họ với nhau. Chúng tôi đang hỏi cung sơ khởi và sẽ chuyển họ về Đà Nẵng để kiểm chứng thêm với các nghi can khác, bắt ở Huế và Đà Nẵng. Đồng thời chúng tôi cũng nhận được công điện từ Tòa Đại Sứ của ta tại Huế, yêu cầu ông trở về nhiệm sở trong ngày hôm nay. Chúng tôi sẽ có xe đưa ông đi an toàn. Ông có điều gì cần hỏi không?

Moru lắc đầu. Ông cảm thấy chán nản cùng cực. Ông biết rất rõ số phận đen tối của những người chống đối bị Sở Hiến Binh bắt giữ, điều tra. Ông cũng biết rất rõ sự bất lực của ông, nếu muốn can thiệp, cứu giúp Tuyết Anh ra khỏi tay của những người hiến binh hung bạo đó. Moru thở dài ngao ngán, thầm trách mình sinh ra trong một thời tao loạn. Nhưng nghĩ cho cùng, Moru tự trách mình hèn nhát, quá nặng về suy tưởng, biết quá nhiều mà chẳng mấy khi hành động quyết liệt. Dù có tự bào chữa thế nào đi nữa, Moru vẫn thấy mình hèn, ít ra với... chính mình.

3

Trích đoạn từ nhật ký của Moru Ashahito:

15 tháng 8 năm 1942: Ngày tôi đến Việt Nam trong sứ mạng một Tùy Viên Văn Hóa của phái bộ ngoại giao Nhật Bản. Tôi đã đọc khá nhiều về lịch sử, văn hóa... đất nước nhỏ bé này, qua biết bao cuộc chinh chiến, để tồn tại như một quốc gia độc lập. Điều làm tôi suy nghĩ nhiều nhất và cũng làm băn khoăn, lung lay trong suy tưởng của tôi là, phải chăng người Việt Nam đã giữ được nước của họ bằng các cuộc chiến tranh liên miên từ khi dựng nước. Điều này chứng minh rằng lịch sử của loài người là lịch sử các cuộc chém giết nhau. Điều này phản chứng lại suy tưởng của tôi, phải chăng con người trong khi đi tìm hạnh phúc cho mình, phải chọn chiến tranh như một phương tiện cho sự sống còn, để đạt hạnh phúc?! Thâm tâm tôi vẫn không nhận lý luận méo mó này. Hòa bình, tình thương và chia xẻ... phải đứng trên mọi tín điều về ý niệm quốc gia, quyền lợi và cả tín ngưỡng nữa. Nếu không, một khi tiếng súng nổ, hạnh phúc sẽ là cái bị giết chết đầu tiên. Hoặc giả hạnh phúc chỉ là một ý niệm trừu tượng, chỉ có trên, ngoài cuộc đời này?!

Lật qua nhiều trang...

...

1 tháng 5 năm 1944. Tôi nhờ người bạn thân, một đại úy bên Tùy viên Quân sự, tìm hỏi tin tức về Vưu Tuyết Anh. Sau cả mấy tháng chờ tin trong khắc khoải, anh bạn mới gặp cho biết, Vưu Tuyết Anh hy vọng được trả tự do vì cô ta chỉ là bà con họ hàng với người cầm đầu, nhạc sĩ La Hối, chứ không phải là người hoạt động đắc lực trong nhóm chống lại quân đội Thiên Hoàng. Nhưng người bạn có nói, bị Hiến Binh Nhật bắt giữ, điều tra, dù được thả về, không thành phế nhân cũng thành kẻ mất trí. Tôi nghe nói mà rụng rời tay chân. Trời ơi! một giai nhân tài sắc như Tuyết Anh sao chịu nhiều đau thương trong cuộc đời, do người đồng chủng của tôi gây nên. Trời ơi! Bàn tay tôi cũng vấy đầy máu của người tôi yêu. Tôi hèn nhát quá, không làm nên một hành động cứu người mình yêu và ngưỡng mộ. Tôi khác gì các kẻ hiếu chiến, hiếu sát trong chiến tranh kia. Dù có ngụy biện cách nào đi nữa, tôi cũng không trốn chạy khỏi tòa án lịch sử và lương tâm. Tôi có can đảm mổ bụng tự sát trong tinh thần võ sĩ đạo như những chiến sĩ lấy cái chết để tạ tội với Thiên Hoàng, với đất nước, khi thất bại. Điều này tôi đã chống đối từ khi còn là sinh viên trên ghế nhà trường. Họ có can đảm thật nhưng tôi đã từng suy tưởng, cái chết như vậy cũng không giúp giải quyết gì được tình cảnh mà chỉ mang thêm khổ đau vào thân phận con người.

15 tháng giêng năm 1944. Tin tức từ khắp các mặt trận dồn dập đổ về, quân đội Thiên Hoàng bị đẩy lui trên khắp các lãnh thổ chiếm được từ Trung Hoa qua Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan, Phi luật Tân... Những trận đại bại của hải quân quân đội Thiên Hoàng trên biển Thái Bình và ngay trên cửa ngõ của lãnh thổ thiêng liêng Nhật, đảo Okinawa, đang bị tấn công và có thể thất thủ và gót giày kẻ xâm lăng sẽ dày xéo trên quê hương tôi. Những đội quân cảm tử Thần Phong, nhảy lên máy bay, hướng về quê hương Thái Dương Thần Nữ, cúi đầu chào vĩnh biệt Thiên Hoàng, cha mẹ, quyến thuộc, lái chiếc máy bay đầy bom đạn, đâm xuống chiến hạm địch, xác thân nổ tung tóe với kẻ thù. Trời ơi! những sự hy sinh thiêng liêng đó cũng không cản được bước tiến của quân thù càng ngày càng tiến gần đến xứ sở tôi. Những hy sinh tuyệt vọng này kéo dài sự sống còn thoi thóp của nước Nhật vinh quang được bao lâu nữa!

Có những đêm thức trắng, về sáng trong chập chờn, tôi rơi vào mê loạn. Tuyết Anh đã đưa tôi ra pháp trường, vung lưỡi gươm sắc, chém xuống đầu, xuống cổ tôi. Tôi ôm chân nàng. Nàng ném

thanh gươm ra bãi cát pháp trường và ôm tôi cùng khóc.

Tình trạng sức khỏe của tôi suy yếu tồi tệ đến mức, tôi cứ bị ngất xỉu hoài trên bàn làm việc. Tôi được đưa qua nhà thương Huế để chữa trị, nhưng khổ nỗi, nhà thương Việt Pháp này cũng không có thuốc men gì vì đường giao thông với Sài Gòn và Hà Nội đều bị máy bay Mỹ bắn phá dữ dội. Một bác sĩ Việt Nam nói chuyện với tôi bằng tiếng Pháp, với nhiều cảm tình vì cùng chung màu da vàng, cùng chung mặc cảm thù ghét người tây phương da trắng, đã đô hộ Việt Nam gần một trăm năm, bây giờ hy vọng Nhật Bản với sức mạnh quân sự, xóa bỏ dùm cho các dân tộc Á Châu bị trị từ lâu, dành lại độc lập về chính trị và ngẩng mặt ngang hàng với người tây phương da trắng. Trên chiếc xe đạp cọc cạch, ông ta chở tôi đi lên chùa Thiên Mụ viếng cảnh và buổi trưa vào chùa, giữa chánh điện, quỳ dưới chân Đức Phật, để sám hối, để lòng mình trống rỗng.

Sức khỏe tôi có phục hồi lại được chút đỉnh. Trong dịp gặp ông đại sứ Nhật, tôi xin phép về Nhật để cùng chịu với dân tộc tôi trong cơn khốn cùng, quyết liệt chống trả lại sự xâm lăng của kẻ thù và không chịu cái nhục thua trận. Ông đại sứ vỗ vai tôi thân mật nhưng lắc đầu buồn bã và yêu cầu tôi ở lại làm việc cho tới giờ phút cuối cùng.

....

12 tháng tư năm 1945. Khá lâu tôi không muốn ghi chữ nào trên cuốn nhật ký này. Tôi muốn quên tất cả. Tôi muốn dối với chính tôi. Nhưng chiều nay, trong lúc tìm kiếm một vài hồ sơ trong kệ sách, tôi lại tìm thấy bức tranh tôi vẽ cảnh Chùa Cầu ở Hội An, ngày Vưu Tuyết Anh bị Hiến binh bắt. Bức tranh này, khi trở về Huế trong tâm trạng rối bời, âu lo mọi chuyện, tôi đã quên nó, vứt nó vào góc tường với bao sách vở, vật dụng, giấy má. Nay tìm thấy lại, ngồi nhìn bức tranh mờ ảo trong sương mai, tôi chợt ngộ ra lẽ vô thường của vũ trụ và kiếp nhân sinh trong tinh thần từ bi của Đức Phật. Tôi cũng như mọi người, đã tạo nghiệp, bây giờ nên thanh thản trả nghiệp cho chính mình. Tôi thấy hình như thấp thoáng trong tranh, bóng dáng Vưu Tuyết Anh. Nàng còn hay mất? Tôi tự hỏi chính tôi nhiều lần, tôi không biết trả lời làm sao cho chính mình và tôi đứng lên, treo bức tranh lên tường.

....

6 tháng 8 năm 1945. Đêm nay tự nhiên tôi thao thức, trằn trọc hoài. Linh cảm như báo cho tôi biết một chuyện gì quan trọng lắm, sắp xảy ra cho đời tôi. Buổi sáng khi tôi uể oải ngồi một mình uống chén trà mạn sen, thì anh bạn đại úy bên Tùy Viên Quân Sự xô cửa bước vào, nói hổn hển:

- Moru, Mỹ vừa thả bom nguyên tử xuống Hiroshima.

Vừa nói xong, anh ta ôm mặt, khóc rống lên, té nhào xuống đệm ghế bên cạnh, thở hồng hộc như

NGUYỄN HÀ TUỆ

Hương Bay

Hương bay và gió thoảng
mà đọng mãi bâng khuâng
Mắt người xa vời vợi
Người bước
bước phân vân

Trên chóp đỉnh non cao
đóa hoa hồn nhiên nở
chẳng vì ai vì sao
tỏa hương trên bát ngát
hương về đâu... về đâu...

Thong dong cùng mây nước
hoa có gì phân vân
Nổi trôi trong trời đất
người có gì bâng khuâng

Hương bay và gió thoảng
sông tìm biển tri âm
Dòng đời trôi thấp thoáng
núi chờ mây ngàn năm

Trên chóp đỉnh non cao
đóa hoa hồn nhiên nở
chẳng vì ai vì sao
tỏa hương trên bát ngát
hương về đâu... về đâu...

người lên cơn suyễn nặng. Tôi đứng bật lên, rớt chiếc chén trà xuống sàn nhà, vỡ tan. Hình như tôi ngất đi lâu lắm. Khi tỉnh dậy, bốn bề yên lặng. Anh bạn đại úy bên Tùy Viên Quân sự cũng không còn trên ghế nệm nữa. Tôi lảo đảo ôm đầu trong hai cánh tay run rẩy, đi như kẻ không hồn. Thế là hết. Những lo sợ ngấm ngầm trong tôi từ lâu nay đã là sự thật. Nước Nhật phải trả cái giá của kẻ gây nên chiến tranh, chết chóc, tàn phá. Bây giờ dân tộc Nhật phải nhận cái quả của tội lỗi mình gây nên. Bây giờ tôi không trách cứ ai cả, tôi cũng phải gánh chịu cái trách nhiệm này với mọi người, vì tôi đã câm nín, đã đồng lõa trong các tội phạm gây nên bởi chiến tranh, do người Nhật chúng tôi tạo nên.

....

9 tháng 8 năm 1945. Quả bom nguyên tử thứ hai thả xuống Nagasaki. Hai quả bom nguyên tử đã rơi xuống trên đầu dân tộc Nhật Bản của tôi. Có bao nhiêu người chết, nhiễm bụi phóng xạ trong hai thành phố đã thành bình địa? Giới quân sự chủ trương chiến đấu tới giọt máu cuối cùng, vẫn cương quyết không để cho Thiên Hoàng đầu hàng vô điều kiện trước quân thù. Thà chết hơn sống nhục. Trí óc tôi như thể tê liệt nhưng tận cùng trong tâm khảm, tôi tự hỏi, tương lai của dân tộc và đất nước tôi, có nên đặt vào canh bạc xả láng này không?

Tôi lại rơi vào những cơn mê loạn. Tôi không có can đảm dùng thanh gươm mổ bụng tìm cái chết như các bạn nhà binh của tôi. Tôi đi tìm khẩu súng lục nho nhỏ tôi cất trong xách tay, chưa một lần dùng đến. Thôi lần này tôi sẽ dùng nó kết liễu cuộc đời của tôi, để không còn khắc khoải, bứt rứt hoài. Nhưng oái oăm thay, súng của tôi không còn viên đạn nào nữa. Ghép đạn trống rỗng. Tôi chợt nhớ, từ lâu, tôi có bao giờ dùng đến súng đạn đâu! Tôi gọi xe kéo chở cho tôi qua nhà thương, đường sá vắng lặng, không một bóng người ngoài đường. Tôi đi bộ lang thang, qua cầu Trường Tiền, nhìn xuống dòng nước bình yên của dòng sông Hương. Tôi nghĩ, hay mình nhảy xuống sông này, kết liễu cuộc đời cho xong chuyện. Tôi lại nhớ, tôi là một tay bơi lội cừ khôi, dù có rớt xuống nước, trong bản năng sinh tồn, tôi lại bơi vào bờ. Chung qui tôi hèn nhát, sợ chết.

Tôi đi dọc theo bờ sông, đi qua một khách sạn, đi qua các trường học. Hình như có năm ba người đi xe đạp ngang qua, nhưng ai cũng đạp nhanh, hối hả. Hình như có tiếng thắng xe đằng sau tôi và một giọng nói quen thuộc, tiếng Pháp, nhỏ nhẹ:

- Moru, lên xe, em đưa anh đến nơi tạm trú an toàn trong lúc này.

Tôi giật mình quay lại, trời ơi! Vưu Tuyết Anh. Tôi tỉnh hay mê. Tôi bước đến ngồi lên sau xe và nàng đạp xe đi. Nàng đưa tôi đến một căn nhà gạch nho nhỏ, trong một xóm gần nhà thờ Thiên Chúa Giáo Phú Cam. Sau này tôi mới biết đây là Xóm Kho Rèn, An Cựu. Tuyết Anh ngừng xe, bước xuống, đi chân thấp chân cao. Tôi chợt xót xa.

4

Khi quân đội Trung Hoa đến Huế giải giới đoàn quân chiến bại Nhật Bản, Moru quyết định ra trình diện, trong lúc đó Tuyết Anh ngăn cản, nàng nói:

- Họ sẽ giết anh, anh Moru ạ. Em không muốn mất anh, cuộc đời chúng ta đã trải qua quá nhiều thảm cảnh, anh còn muốn đi vào tận cùng của đáy địa ngục hay sao?

- Cám ơn em. Cả một đời anh luôn luôn chống bạo lực, đề cao tính thiện của con người, nay nếu phải chết vì bạo lực, thì âu cũng là cái nghiệp mà thôi!

Nước mắt của Tuyết Anh đã giữ chân Moru một thời gian. Nhưng cũng chính do sự sắp xếp của Tuyết Anh, liên hệ với các giới chức chỉ huy Trung Hoa trong đoàn quân giải giới, Moru được bảo đảm sẽ được xét xử minh bạch, công bằng theo luật lệ, chứ không bị trả thù. Moru an tâm ra trình diện và được đưa vào nhà tạm giam chờ đợi lệnh.

Các biến cố chính trị dồn dập xảy ra tại Việt Nam khi thế chiến thứ hai vừa chấm dứt. Moru và các cựu viên chức trong Tòa Đại Sứ Nhật tại Việt Nam bị đưa vào Đà Nẵng, lên tàu thủy dẫn độ về Nhật ra tòa án Đồng Minh xử các tội phạm chiến tranh. Tuyết Anh theo Moru đi vào Đà Nẵng, chen chúc trong đám đông, nàng la thật to lên cho Moru nghe:

- Anh nhớ liên lạc với em theo địa chỉ ở Hội An. Em cầu nguyện cho anh được an bình và chúng ta có ngày gặp lại nhau.

Moru chỉ kịp đưa tay chạm vào tay nàng đưa tới, rồi bị những người đi sau đẩy đi. Nàng nói với theo:

- Em vẫn còn giữ bức tranh Chùa Cầu em tìm thấy trong phòng anh. Em sẽ giữ gìn bức tranh này cho anh, chờ ngày gặp lại anh.

Moru bị đẩy xuống xà lan đưa ra tàu lớn đậu ngoài xa. Qua màn nước mắt, Moru thấy Tuyết Anh vẫy tay, vẫy tay, rồi mất hút trong đám đông.

Về đến quê hương, Moru và các bạn bè bị đưa ngay vào nhà giam trên đảo Okinawa, chờ ngày ra tòa. Sáu tháng sau, trong một phiên tòa án quân sự chóng vánh trong hai tiếng đồng hồ, Moru bị kêu án tù ở hai năm.

Qua những tờ báo bằng tiếng Anh của quân đội chiếm đóng Mỹ, Moru biết được Việt Nam đang rơi vào cuộc chiến tranh dành độc lập với Pháp. Những bức thư gởi qua Việt Nam cho Tuyết Anh như những cánh chim bay vào không gian bão lửa, bị thiêu đốt ở một nơi nào đó, không một hồi âm. Moru quay quắt trong chờ đợi tuyệt vọng. Moru hiểu rõ và chia xẻ với Việt Nam trước sức bạo tàn, chết chóc của chiến tranh. Hai năm nằm trong nhà tù dài đằng đẵng như hai thế kỷ.

Ngày được ra khỏi nhà tù, Moru vội vàng về thăm quê hương, cố đô Kyoto, nay buồn thảm, đìu hiu trong vắng lặng. Moru muốn đến thăm và thắp nén hương tưởng niệm những nạn nhân của bom nguyên tử ở Hiroshima và Nagasaki, nhưng ông không xin được phép đến đó, nơi vẫn còn bụi phóng xạ nguy hiểm cho sức khỏe công cộng. Moru cũng nóng nảy muốn bay qua Việt Nam tìm Tuyết Anh, người đã hy sinh tất cả cho tình yêu, nhưng bây giờ số phận nàng không biết ra sao trong chiến tranh. Moru cũng bị từ chối cấp chiếu khán xuất ngoại, giản dị là ông là người mới từ nhà tù ra. Vả lại Việt Nam đang trong cơn tàn phá dữ dội của chiến tranh.

Moru tuyệt vọng, chỉ còn biết cầu nguyện cho người yêu qua khỏi cơn nguy khốn, mong một ngày gặp lại nhau. Mãi đến mùa hè năm 1952, Moru mới được phép trở lại thành phố xưa cổ Hội An trong lo âu, hồi hợp. Người phu xích lô chở ông đến một ngôi nhà lầu hai tầng ở đường Quảng Đông, theo địa chỉ ông đưa. Ông đứng gõ cửa, rồi đấm cửa thình thịch, lâu lắm mới có một bà, có lẽ là quản gia ra hỏi:

- Ông tìm ai?

Moru trả lời bằng tiếng Quan Thoại. Bà già lắc đầu, không hiểu. Moru nói qua tiếng Pháp, bà già lại lắc đầu. Bà ra dấu bảo ông đứng chờ, bà chạy vào nhà kêu người khác. Một lúc khá lâu, một người thanh niên khoảng hơn ba mươi tuổi, đi ra, hỏi bằng tiếng Triều Châu:

- Xin lỗi ông tìm ai?

Moru hiểu được phần nào tiếng Tiều bèn trả lời:

- Tôi là bạn thân của cô Vưu Tuyết Anh, trước năm 1945 ở Huế. Tôi muốn tìm cô Vưu Tuyết Anh?

Người thanh niên quay qua bà quản gia thầm thì với nhau một chốc, rồi trả lời:

- Bà Vưu Tuyết Anh là dì của tôi. Dì Tuyết Anh mất cách đây năm năm, cuối năm 1947, khi đi tản cư từ miền núi về. Dì bị bệnh sốt rét mà không có thầy thuốc chữa bệnh.

Moru nghe xây xẩm mặt mày. Tờ giấy ghi địa chỉ ông đang cầm, rớt xuống sàn nhà. Ông cúi xuống lượm, thấy tay mình run và nghe tim đau nhói trong lồng ngực. Người thanh niên nói:

- Xin mời ông vào nhà. Thưa ông có phải ông là Moru Ashahito, người Nhật?

- Vâng, tôi là người Nhật, tên tôi là Moru Ashahito, đúng vậy. Mấy năm trước đây tôi có gởi nhiều thư qua cho cô Vưu Tuyết Anh, anh có nhận được không?

- Vâng, chúng tôi có nhận nhiều lá thư gởi cho dì tôi, nhưng dì đã mất, chúng tôi để những lá thư đó trên bàn thờ dì.

Moru đứng lên xin phép người thanh niên, thắp một cây hương trên bàn thờ Tuyết Anh. Nhìn chiếc ảnh bán thân mờ ảo, Moru xúc động, cây hương trên tay rung lên trong nỗi xúc động. Moru thầm khấn vái:

- Tuyết Anh, anh trở lại tìm em, chỉ còn được nhìn lại di ảnh em. Anh yêu em. Xin vĩnh biệt em. Anh xin nguyện cầu em siêu thoát trên miền Cực lạc.

Có lẽ Moru đứng khá lâu. Tiếng người thanh niên làm ông giật mình:

- Xin mời ông lại bàn khách dùng chén trà.

Người thanh niên đi vào nhà trong, một lúc khá lâu trở ra, mang bức tranh trên hai tay, nói:

- Dì tôi trước khi mất có dặn, nếu ông có qua, gởi lại ông bức tranh này.

Bức tranh vẫn còn nguyên vẹn. Khi Moru ra về, người thanh niên cho bức tranh vào một chiếc bao bằng vải, trao cho ông.

Moru đi bộ dọc theo đường bờ sông, lên Chùa Cầu. Nhìn ngôi chùa sau hơn tám năm, Moru xúc động như gặp lại Tuyết Anh thấp thoáng đâu đó. Mái chùa đầy rêu xanh thẫm đen. Bức tường vôi ngã màu loang lổ. Moru ngồi xuống chiếc ghế đá cũ kỹ, nhìn mãi ngôi chùa vắng lặng trong buổi chiều.

Gió lành lạnh từ sông Thu Bồn thổi vào. Có lẽ trời sắp mưa. Moru đứng lên đi dọc theo đường bờ sông, nhìn dòng sông vẫn lững lờ chảy./.

Mùa Xuân Giáp Thân 2004
(Kỷ niệm chuyến đi San Francisco thăm cháu nội Emily)

Để tưởng nhớ những người thân đã lìa đời nhưng bóng họ vẫn còn phủ lên phần đất này của quê hương.

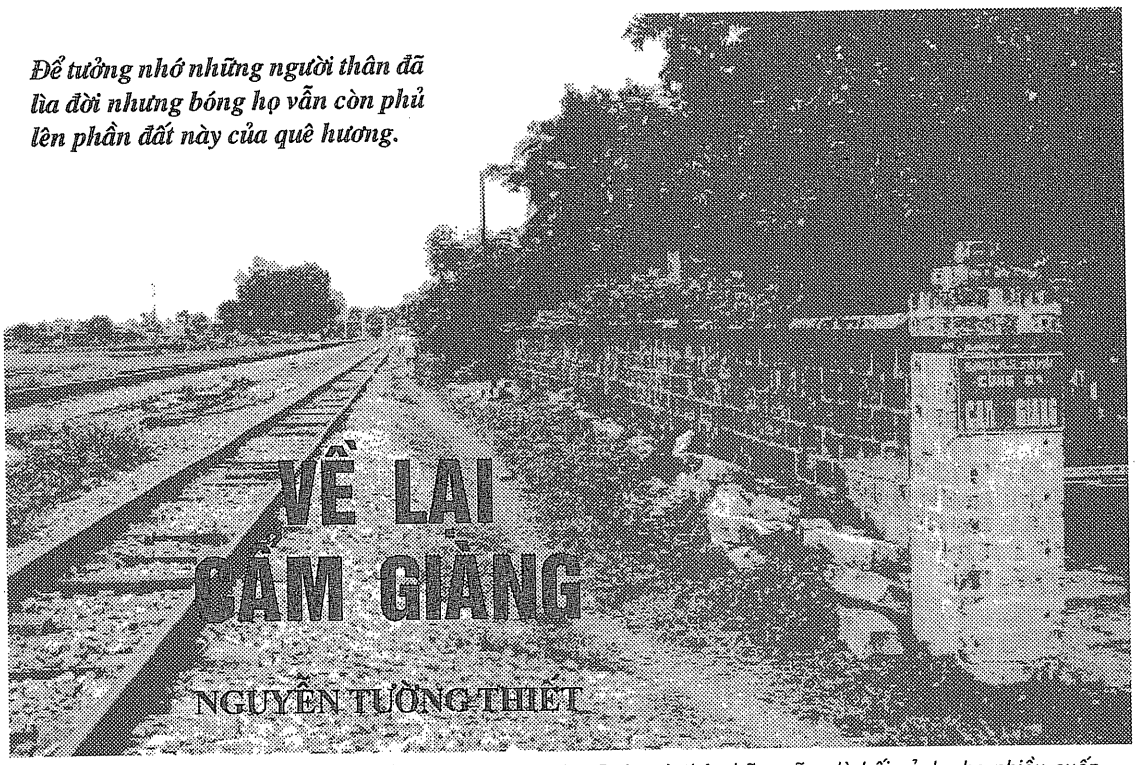

VỀ LẠI CẨM GIÀNG

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Trại Cẩm Giàng, nơi tụ họp đông đủ của nhóm Tự Lực Văn Đoàn và thân hữu, cũng là bối cảnh cho nhiều cuốn tiểu thuyết nổi danh, xưa kia nằm ở vị trí cuối bờ tường của bức ảnh này.

(Tiếp theo và hết)

Chúng tôi đi theo anh Ba ngược về phía ga. Anh nói:

- Mấy cụ ở đây không cụ nào biết. Cụ vừa rồi nói nên gặp ông chủ tịch xã. Cụ nói ông chủ tịch cái gì cũng biết. Nhà ông ở ngay phía sau ga.

Chúng tôi đi ngược lại con đường nhỏ có nhiều cây bàng. Đến gần sát ga, anh Ba rẽ trái vào một con đường đất nhỏ. "Nhà thứ năm bên tay trái." Anh vừa nói vừa đếm những căn nhà đi qua. Những căn nhà cũ bé nhỏ có hàng rào dâm bụt phía trước. Ngay chỗ rẽ vào một con đường đất khác, dưới một bụi tre lớn, anh dừng lại. Chúng tôi đứng tụ trước cửa một căn nhà gạch cũ, trước cổng có treo lá cờ đỏ. Bên vách tường có hàng chữ đỏ rất nhạt, nước sơn đã phai đi chữ còn chữ mất: "Không gì quý bằng độc... tự do ..."

Không gian êm ả quá. Tiếng gió rì rào. Bóng lá tre chạy loáng trên con đường đất. Không một bóng người. Cổng ngoài có khóa. Tiếng anh Ba nói to vọng vào trong sân:

- Có ông chủ tịch xã ở nhà không?

Anh lập lại hai ba lần. Không có tiếng trả lời. Bỗng từ phía trong sân. *Cúc cù cu ... cu...!* Tiếng gà gáy khứa vào không gian tĩnh lặng nghe như vọng về từ một cõi xa xăm của thời quá vãng. Tôi tưởng như vừa được nghe lại chính cái tiếng gà gáy xưa nổi lên, tiếng gáy đã ướp sâu vào tuổi thơ tôi từ trên một nửa thế kỷ qua.

Ở căn nhà sát cạnh một người đàn ông đi ra. Ông ta đội nón cối, mặc áo nhà binh bạc màu, lẳng lặng vắt chân lên chiếc xe đạp cũ, phóng đi, không nhìn chúng tôi. Đạp được mấy cái, cũng không quay đầu lại, ông ta ném về phía trước một câu nói trống không, thật to:

- Ông chủ tịch đi Hà Nội rồi!

Chúng tôi nhìn nhau, chưng hửng. Việc tìm mộ chưa chi đã kịch đường. Tôi đề nghị:

- Hay là mình không hỏi mộ nữa. Cứ hỏi vị trí ba cái ao, ba cái ao có cồn cây cối um tùm, như đã tả trong hồi ký của cô Năm.

Anh Ba nói:

- Không được! Huyện Cẩm Giàng có biết bao nhiêu là ao. Chắc gì bây giờ cái ao nó còn giống như ngày xưa.

Tiếng anh Việt xen vào:

- Thôi, hoãn cái việc tìm mộ. Bây giờ mình đi tìm cái trại Cẩm Giàng. Cũng gần đây thôi. Tìm được trại biết đâu láng giềng họ biết chỗ chôn của ông nội.

Anh Ba nói:

- Vậy thì anh đi trước dẫn đường đi!

Chúng tôi lại trở vào trong ga. Đứng ở ga nhìn ra con đường sắt anh Việt chỉ tay phải: "Đây là hướng Hà Nội." Tay trái: "Hải Dương!" Rồi anh ngừng lại suy nghĩ:

- Theo trí nhớ thì trại nằm về phía tay trái nhà ga cách ga cũng không xa lắm. Phiền nỗi là cái ga này được xây lại. Mà xây lại không biết có đúng vị trí ga cũ không. Xây ở bên này hay bên kia đường sắt? Nếu xây cùng bên thì phải đi về hướng này. Nếu xây khác bên thì phải đi hướng kia. Thôi thì cứ cho là ga xây đúng ở trên nền ga cũ... đi theo tôi!

Men một lối mòn sát cạnh đường rầy chúng tôi đi về phía Hải Dương. Bên trái đường mòn, tức phía bắc đường sắt, là hàng rào vườn sau của những căn nhà ngói xiêu cũ. Bên phải là đường xe hỏa, nhiều đoạn tôi phải dẫm hẳn lên thanh tà vẹt bước trên những hòn đá răm sắc cạnh. Bỗng tôi nhìn hai thanh ray song song và chợt thấy bề ngang giữa hai thanh hẹp quá! Từ hai mươi năm nay mắt tôi đã quá quen nhìn cái đường rầy rộng ở sở làm của tôi bên Mỹ.

Rất sâu dưới chân tôi, xuyên qua chiều dầy của quả địa cầu, trong khuôn viên của nhà máy lọc nước thải thuộc thành phố Renton, cô Suzanne với chiếc áo choàng trắng chừng vài giờ nữa sẽ bước đi trên những hòn đá răm sắc cạnh của con đường rầy rộng ấy. Mỗi sáng khi trời còn mờ tối cô bước đi lấy mẫu nước thải đem về phòng thử nghiệm hóa học của nhà máy để phân chất. Công việc đó đúng ra của tôi. Đáng lẽ tôi cũng sẽ bước trên đường rầy rộng ấy nếu không có chuyến nghỉ hè về Việt Nam ba tuần lễ để mang di cốt của bố mẹ chúng tôi từ Sài Gòn về chôn cất nơi nguyên quán ở Hội An và sau đó là chuyến đi Hà Nội về thăm Cẩm Giàng này. Khúc nhánh đường xe goòng đâm vào trong sở tôi được nối từ đường sắt chính của thành phố có mục đích để toa goòng một năm hai lần cung cấp cho nhà máy hoá chất chlorine thể lỏng, dùng khử trùng sau khi nước thải đã được tinh lọc. Tôi chợt nhớ tới việc về Hà Nội mua vài món quà nho nhỏ tặng Suzanne và bốn cô Mỹ cùng làm việc với tôi trong phòng thử nghiệm, như thông lệ chỗ tôi làm mỗi khi đi chơi xa.

Anh Việt ngừng lại. Phía trước chắn một con đường đất rộng. Đường ấy nằm theo hướng bắc nam cắt ngang đường sắt. Bên kia đường đất không có lối mòn, không nhà cửa, chỉ toàn một màu xanh vàng của cánh đồng lúa chín. Anh Việt quay trở lại đường mòn nhìn sâu qua hàng rào. Anh nói:

- Trại Cẩm Giàng phải ở chỗ này. Tôi nhớ là trại ở sát con đường đất băng ngang đường sắt. Lạ nhỉ? Không lý trại lại ở gần nhà ga đến thế. Cách ga có hơn trăm thước thôi à? Mình nhớ là không xa nhà ga lắm nhưng đâu đến nỗi gần quá như thế nhỉ. Hay là hồi bé mình thấy cái gì cũng xa xôi?

Chúng tôi nhìn qua hàng rào dâm bụt. Sau cái vườn hoang là một căn nhà gạch khá rộng trông cũ kỹ. Trên tường có sơn hàng chữ "nhà thóc" nét rất mờ. Nếu đây đúng là vị trí của trại Cẩm Giàng thì căn nhà thóc này hoàn toàn không liên hệ gì đến cái cái trại trong tâm tưởng của chúng tôi, cái trại đã bị thiêu rụi từ thời Pháp thuộc và nhà thóc này được xây trên nền hoang tàn của trại ấy.

Tôi nhìn mảnh đất xưa. Bốn năm trước cô Năm tôi đã qua đời ở Virginia, đất Mỹ. Tôi tưởng tượng khi đôi mắt cô khép lại lần cuối cô đem theo về thế giới bên kia trại Cẩm Giàng của cô cùng với hình ảnh những người thân thương mà bóng họ đã một thời phủ trên mặt đất trước mắt tôi.

"Mẹ tôi tính về Cẩm Giàng mua mấy mẫu ruộng ngoài cánh đồng làm nhà tranh. Ở quê có bà cả Hội bạn cân gạo của mẹ tôi ở Cẩm Giàng có hai mẫu ruộng ở khỏi ga ngay cạnh nhà bà. Mẹ tôi xem đất ưng ý ngay. Bắt đầu đào ao để lấy đất làm nền nhà. Xung quanh có hàng rào trồng toàn trúc. Nhà làm bằng gỗ lợp rơm, cột vuông, xung quanh nhà bốn mặt đều là hàng hiên rộng. Nhà có ba gian, gian đầu làm phòng khách, ở giữa thờ ông bà, gian trong để ở. Trần nhà lát nứa đập thẳng. Mái lợp rơm rất dầy, tới nửa thước, xén đều rất đẹp. Quanh nhà có lan can gỗ trông như nhà Nhật Bản, ai đi qua cũng khen nhà lợp bằng gì mà đẹp thế!

Hai mẹ con ra ngồi đầu hè trăng thanh gió mát, hồi tưởng lại những ngày ở Hà Nội nhà cửa chật hẹp, trò chuyện đến khuya mới đi ngủ. Mẹ tôi rất sung sướng vì đạt được ước nguyện. Có được căn nhà ở giữa nơi cánh đồng rộng rãi, lại gần quê ngoại. Tôi cũng không ngờ rằng trại Cẩm Giàng sau này là nơi tụ họp đông đảo của nhóm Tự Lực Văn Đoàn và thân hữu, nó còn là bối cảnh cho nhiều cuốn tiểu thuyết nổi danh của các nhà văn nổi tiếng, bạn bè của anh em tôi" (Hồi ký về gia đình Nguyễn Tường - Nguyễn Thị Thế).

Đó là hình ảnh trại Cẩm Giàng theo trí nhớ của cô Năm, người nữ duy nhất của gia đình bẩy

anh chị em thuộc thế hệ đầu mà ngày nay chỉ còn lại người em út. Chú Bách tôi. Sang đến thế hệ thứ hai - thế hệ đông đảo của tất cả các anh chị em họ chúng tôi đã ít nhiều có chung kỷ niệm thời thơ ấu dưới mái trại Cẩm Giàng - thì trại đã nhòe đi đường nét chính nhường chỗ cho thế giới mộng tưởng của cây lá hoa cỏ. Ba trích đoạn sau đây của Giang, con chú Sáu, của tôi và của chị Thoa là hình ảnh Trại những năm 1943-45, qua con mắt của những đứa bé - theo thứ tự - bốn, năm và bẩy tuổi. "Ngày xưa... Căn nhà Cẩm Giàng, nơi có nhiều đóa hải đường ven lối sỏi dẫn vào nhà, có những cây khế trong vườn lâu đời đến nỗi chúng tôi có thể trải chiếu nằm và há miệng cắn những trái thấp nhất, rồi một bụi ổi ở cuối vườn..." (Thạch Lam, Cha Tôi Trong Trí Tưởng 1971- Nguyễn Tường Giang). "Trong ký ức xa thẳm nhất của tôi về trại Cẩm Giàng là cái hàng hiên rộng và dài có rặng hoa ti-gôn rủ xuống và tiếng còi xe lửa rúc lên trong đêm khuya. Hai đoạn văn tả anh chàng Siêu thích sống ở căn nhà có hàng hiên và tiếng còi tàu ở Lăng Cụ Quận khiến tôi như sống lại những ngày rất xưa cũ." (Về lần tái bản Xóm Cầu Mới năm 2002 - Nguyễn Tường Thiết). "Mỗi khi có chuyến tàu hú từ đằng xa sắp về qua trại là các cháu không ai bảo ai chạy ùa ra cổng dẫm lên các hoa tóc tiên và các hoa bà trồng chạy thẳng tắp ra cổng. Cổng sơn xanh có cây bông giấy màu xác pháo, hai bên cổng là những cây xương rồng cao vút. Nhà cụ Hội bên ngoại trồng rất nhiều cúc trắng nhỏ như đầu ngón tay mọc đầy vườn nổi bật lên một khoảng trắng xóa. Cháu nhớ có lần ra ao hình bầu dục có cây sung cổ thụ, thân cây lớn nằm vắt ngang một phía mặt ao, dưới nước lăn tăn bèo tấm từng mảng. Thỉnh thoảng có vài con cá rô, cá riếc lay động dưới chân bèo." (Thư gửi chú thím Bách. Marseille 24/3/1999 - Nguyễn Kim Thoa).

Có tiếng thở nhẹ bên má tôi. Đầu của chị Thoa ghé sát. Hai chị em vạch hàng rào lá râm bụt nhìn sâu vào trong khu vườn hoang vắng của nhà thóc. Nơi đó chúng tôi nhìn thấy trong tâm tưởng hình bóng chính mình chạy ùa ra cổng. "Mỗi khi có tiếng còi tàu vang đến, thì không ai bảo ai, đều chạy ra bờ ao, thích thú nhìn hai chuyến xe gặp nhau tại nhà ga. Hai chuyến xe hỏa giống như hai người bạn, biết đợi nhau, gặp nhau rồi mới kéo còi từ giã nhau, rất có lễ độ, và bao giờ cũng nhường cho kẻ đến sau đi trước" (Trên Sông Hồng Cuồn Cuộn - Nguyễn Tường Bách).

Tiếng chị bên tai tôi như một hơi thở:

- Không còn một chút gì cả. Ngay cả cái ao ngày xưa cũng biến mất.

Sáu mươi năm sau. Không chừa một ai, không một lựa chọn nào khác, hai thế hệ những người đã từng in bóng trên nền đất này của trại Cẩm Giàng lần lượt bước qua làn ranh bên kia... bên kia thế giới... bên kia bờ đại dương... như thể định mệnh đã chụp xuống cho cả một cái chi nhỏ của dòng họ Nguyễn Tường, cái chi - lạ lùng thay - cũng khởi đầu bằng một chuyến đi xa.

Cụ tổ Nguyễn Tường Phổ, tiến sĩ khoa Nhâm Dần năm Thiệu Trị thứ hai (1842) là người đầu tiên của họ Nguyễn Tường rời bỏ đất Quảng Nam đi làm quan và lập nghiệp ngoài Bắc. Cụ không thể ngờ rằng cuộc hành trình định mệnh đi về phương Bắc của cụ sẽ dẫn dắt chúng tôi đi xa đến như thế...

Gối đầu giấc mộng chưa tan
Sáu mươi năm thoảng như làn hương bay...
(dựa thơ Khoa Hữu - Tưởng Niệm Nhất Linh)

Tiếng gọi của anh Ba kéo giật tôi về hiện tại. Anh đứng ở ngã ba đường đất, giơ tay chỉ về hướng bắc của con đường sắt. Chúng tôi đi đến chỗ anh đứng rồi cùng nhau rẽ trái. Bên phải đường đất là bờ tre, bên trái là dãy nhà gạch hai từng trông như mới xây cất. Anh Ba đứng lại ở một cây trụ điện trước dãy nhà gạch. Trên tấm bảng sắt sơn màu xanh dương có đề tên đường Thạch Lam. Không biết tình cờ hay cố ý con đường đất mang bút danh của chú tôi lại nằm ngay bên hông của trại Cẩm Giàng xưa. Và kỳ diệu hơn nữa chính trên con đường đất này lát nữa sẽ dẫn chúng tôi về tới ông nội.

Đường Thạch Lam ngắn. Đi xịch lên hướng bắc một quãng là hết đường. Ở ngã ba chỗ một con đường khác cắt ngang là một cái chợ nhỏ. Chợ ngoài trời bày bừa trên hai bên bờ đường đất, lan cả giữa lòng đường, xe cộ qua lại khó khăn. Chúng tôi đi lẩn vào chợ. Thủy chọn mua bánh gai. Chị Thoa tìm bánh đậu xanh Hải Dương. Anh Ba và anh Việt không thấy đâu, chắc là đi dò hỏi mộ. Tôi đứng dưới bóng mát của rặng tre bao phủ nhìn lên vòm lá và thấy gió ở trên ngọn cao. Một con chim chào mào đậu nhún theo đà ngả nghiêng của ngọn tre vút cong. Dưới cây bàng thấp một cái trõng tre bày chè nước và bánh trái. Bà cụ răng đen ngồi bán hàng ở phía sau làm tôi nhớ đến bà cụ bán hàng có cái yếm đỏ thắm bên gốc cây đa ở đoạn văn Về Thăm Làng của bố tôi trong truyện Xóm Cầu Mới. Bất giác tôi tưởng tượng mình là anh chàng Siêu trở lại cái chợ quê

hẻo lánh này. Không phải mười năm sau mà những sáu mươi năm sau. "Ít lâu nữa Mùi sẽ đi lấy chồng, có con và chàng cũng lấy vợ, ai người nấy hai cuộc đời riêng biệt hẳn, Siêu cảm thấy trước cái buồn của lòng chàng một hôm nào, độ mười năm sau chàng lại sẽ đến cái chợ này một mình, để có lại được cái tâm hồn chàng hiện nay và để buồn rầu một cách êm ái nhớ lại một hôm đã xa xôi ở đúng chỗ này lòng chàng đã rung động vì yêu Mùi" (Xóm Cầu Mới - Nhất Linh). Dù chỉ là tưởng tượng nhưng lòng tôi cũng se một nỗi buồn dịu dàng. Tôi vừa có cảm tưởng như là hôm nay tôi đã không trở về cái chợ quê này một mình mà có cả ba người là bố tôi, Siêu và tôi cùng dắt nhau về làng.

Anh Ba, anh Việt trở lại chợ cùng một lúc giục chúng tôi đi. Anh Ba nói chúng tôi phải đi ngược lại đường Thạch Lam vì các cụ đều chỉ về hướng một cái làng ở phía bên kia của đường tàu hỏa. Trên đường đất ở chỗ nhô cao băng qua đường sắt một cô bé đội nón lá khó nhọc đạp chiếc xe cũ trên vụn đá lởm chởm. Có tiếng anh Việt kêu:

- Này em ơi, em có biết chỗ nào có nhiều ngôi mộ cổ không?

Có bé hất mặt về phía trước, nói to:

- Làng La A !

Năm chúng tôi bước qua bốn thanh ray đi theo cô gái đạp xe trên đường đất hẹp. Hai bên là đồng trống. Một vài cây bàng đứng trơ trụi. Phía trước mặt, khoảng cây số, Làng La A như một cái mâm xanh đậy lên cánh đồng lúa.

Đi được nửa đường đến chỗ một cây bàng có tiếng Thủy nói với chị Thoa:

- Tôi chịu hai ông anh! Bẩy mươi tuổi rồi mà đi không biết mệt. Thôi chị em mình ngồi xuống đây nghỉ. Cũng quá trưa rồi, mình lấy cơm nắm ra ăn, có cả bánh gai mới mua...

Thủy đặt giỏ xuống đất chỗ có bóng mát, lục thức ăn.

- Giời ơi ! Lại quên mang nước uống rồi...

Tôi đặt ba lô xuống đất lấy ra chai nước suối mua ở Hà Nội đưa cho Thủy.

- Tôi có nước đây! Nhưng lại quên không mua cốc giấy...

Thủy nói:

- Uống chung cũng được có sao đâu. Các anh ở nước ngoài về chỉ vẽ vời.

Anh Việt đưa máy video về phía làng rồi anh chậm rãi xoay người thu vào ống kính một vòng tròn toàn cảnh huyện Cẩm Giàng. Tôi cũng đưa mắt nhìn khắp tứ phía, tìm cái cây đa mâm sôi đã một thời là cái đích cao nhất toàn huyện Cẩm Giàng. Cây đa này là có thực chứ không phải bố tôi tưởng tượng ra khi ông viết Xóm Cầu Mới. Nhưng cả một vùng rộng trống trải tôi không thấy bóng một cây nào to lớn.

Phía sau lưng Thủy và chị Thoa tôi thấy anh Ba đứng xây lưng ở giữa cánh đồng lúa, những cánh lúa chẹ phần dưới của anh, đầu anh cúi xuống. Tôi đặt máy ảnh xuống cạnh ba lô rồi theo một cái mương tôi đi lèn giữa những bông lúa về phía anh Ba đứng. Lần đầu tiên kể từ những ngày còn bé tôi mới lại được tiếp xúc với những bông lúa chín chĩu nặng chạm sát vào cánh tay trần của tôi. Mùi lúa đậm hương ngào nhạt. Những con châu chấu bé tí màu xanh mạ nhẩy búng trên những nhánh lúa giao động. Trí nhớ tôi vụt hiện hình ảnh thằng bé một thuở nào xa xưa chạy dẫm trên đám cỏ tranh cánh đồng lầng Phượng Vũ, từ dưới chân vô vàn những con cào cào xòe lớp cánh đỏ bên trong tung bay. Gần chỗ anh Ba đứng là một bãi cỏ hẹp, xung quanh lúa cao. Tôi nhìn thấy hình bóng bé tí của mình hồi đó ngồi chồm hổm xuống cỏ, chân đất chạm nền ẩm, buổi sáng sớm mờ tối còn đẫm hơi sương. Nó thấy lành lạnh ở hai mông. Những cọng cỏ cao ướt sương châm vào đít nó ngứa ngứa. Thằng bé khệnh khạng chuyển chỗ. Nó cúi xuống nhìn dòng nước tiểu xoáy vào đất ẩm bốc khói. Rồi nó cúi xuống sâu hơn nhìn ngược sau thấy cục phân của nó mềm mại uốn tròn, ngửi thấy mùi trong người nó tiết ra hòa với mùi lúa, mùi rạ ẩm, mùi cứt trâu, tất cả tạo thành mùi hương của quê đồng cỏ nội; mắt nó nhìn thấy những cọng cỏ ướt hơi sương đọng thành từng mảng như những mạng nhện bằng thủy tinh lóng lánh trên nền đất cỏ mờ mờ sương khói; nghe thấy trong không gian tĩnh lặng tiếng oạp oạp của ếch nhái nổi lên từng chặp đâu đây. Tôi khẽ rùng mình rồi đi theo anh Ba về chỗ cây bàng.

Sau bữa ăn trưa qua quýt chúng tôi tiếp tục đi. Chúng tôi rẽ trái qua một con đường đất khác. Ở một ngã ba gần đến làng dưới bóng cây bàng có dựng một mái tôn sơ sài, bên cạnh là một bãi sắt vụn. Dưới mái tôn, một thanh niên mặc chiếc áo màu ve cũ cầm búa gõ lên một thanh cảng sắt của xe ô-tô. Anh ta dừng búa nhìn năm chúng tôi tiến lại gần. Anh Việt hỏi:

- Chúng tôi đi tìm một ngôi mộ cổ của một người thân thích, chôn đã trên 80 năm. Các cụ ở bên Cẩm Giàng đều nói là ở làng này có nhiều mộ cổ. Nếu anh biết nhờ anh chỉ hộ chỗ những

ngôi mộ ấy. Ngôi mộ chúng tôi đi tìm thuộc một người họ Nguyễn Tường.

Anh thanh niên nhìn chúng tôi từ đầu đến chân, rồi anh đáp:

- Cháu ít tuổi không biết. Nhưng bố cháu có nói với cháu là ở trong làng, cạnh bờ ao, có một ngôi mộ của một người họ Nguyễn Tường, mộ được chôn rất sâu phải dùng đến bốn chão. Đã từ lâu đất ao lở, mộ đã chìm xuống dưới ao. Các chú cứ vào làng hỏi những người lớn tuổi ai cũng biết mộ ấy ở chỗ nào.

Ngừng lại một lát, như vừa nhớ ra anh ta nói tiếp:

- Bố cháu nói đó là mộ cụ thân sinh ra ông Nguyễn Tường Tam...

Tôi lặng người. Không có linh thiêng, phù hộ nào cả. Chính tên tuổi bố tôi lưu truyền qua hai thế hệ những người dân làng ở đây đã giúp chúng tôi tìm ra mộ mà bình thường không chút hy vọng tìm được. Sau này chúng tôi sẽ xây cất mộ ông nội tử tế. Sau này các thế hệ kế tiếp của dòng họ Nguyễn Tường có thể đến viếng mộ tổ khi có dịp trở về quê cũ Cẩm Giàng. Thực hiện được công việc quý hoá ấy là nhờ cái danh bố tôi để lại; quả thật bố tôi đã trả hiếu cho thân phụ mình một cách tuyệt hảo, tuyệt hảo như chính cuộc đời của ông, tuyệt hảo như chính cái chết của ông. Lòng tôi dâng lên một niềm thương cảm lẫn tự hào vô biên của tôi về một người cha.

Chúng tôi phấn khởi đi vào làng. Sau này tôi được biết làng này trước đây mang tên làng La Chữ. Họ đổi tên thành làng La A để phân biệt với làng La Bê ở cạnh. Đến cổng làng dưới hàng tre anh Ba và anh Việt tiến đến hỏi một bà cụ đang đứng một mình trên đường đất nhìn chúng tôi từ xa. Cụ có vẻ ngạc nhiên dương mắt nhìn năm người khách lạ mà cách phục sức chắc phải từ phương xa tới. Sau khi nghe anh Việt nói, cụ cũng lại nhìn chúng tôi từ đầu đến chân, rồi cụ đáp:

- Tôi biết rồi. Các ông đi tìm mộ cụ Phán Nhu!

Anh Việt mừng rỡ, hỏi lại:

- Vậy cụ biết ông Phán Nhu?

- Cụ Phán thì tôi không biết. Nhưng tôi biết cụ bà. Trước kia tôi ở bên Cẩm Giàng. Nhà tôi gần nhà bà cả Khẩn. Bà Khẩn ở cạnh nhà ông bà Phán Nhu.

Nghe đến tên bà cả Khẩn chúng tôi cùng reo lên: "Đúng rồi!" Trong họ tôi ai cũng biết bà hàng xóm lắm chuyện này, rất kình với bà nội chúng tôi. Chị Thoa xen vào:

- Quý hoá quá! Cụ Phán Nhu là ông nội chúng cháu. Cháu từ bên Pháp về tìm mộ ông. May quá được gặp cụ. Vậy chắc cụ biết mộ ông nội chúng cháu chôn ở đâu?

- Biết chứ! Mộ ở cạnh ao. Để tôi dẫn các ông bà đi!

Nói xong cụ đi trước. Anh Ba hỏi cụ:

- Thưa cụ năm nay cụ được bao nhiêu tuổi?

- Tôi cũng chẳng nhớ bao nhiêu. Chắc cũng hơn tám mươi lâu rồi.

Anh Ba khen:

- Cụ trông còn khỏe quá nhỉ!

Chúng tôi đi trên con đường làng lát gạch, hai bên là hàng tre. Những căn nhà ngói cũ thấp thoáng sau vườn. Nhà nào ở sát bên cũng có một đụn rơm to. Thỉnh thoảng lộ cái ao nhỏ, bèo xanh phủ kín mặt. Một con bò buộc ở gốc tre nhai cỏ chậm rãi. Không một bóng người. Một con chó con, chó mực, từ trong vườn chạy sộc ra sủa, kéo ran theo những tiếng sủa khác ở đâu đó. Chúng tôi đến gần, con chó con vừa lùi vừa sủa, đầu ngếch cao. Nó gấu gấu sủa tấm tức trong cổ họng. Một con khác to hơn, con vện, nằm dài dưới dậu mồng tơi chỉ hự lên vài cái lười biếng. Rồi có tiếng gà gáy nghe vọng từ rất xa. Tất cả những tiếng động đó chỉ làm tăng thêm cái yên vắng của làng quê, tương phản hẳn với tiếng xe ồn nhức nhối tôi nghe ở Hà Nội. Chúng tôi đi qua một cái ngõ tre. Nhìn sâu vào ngõ, thốt nhiên tôi thấy như tôi đã *sống* cái cảnh này một lần. Hình ảnh ngõ tre từ một thời rất xa tưởng đã chìm trong vũng sâu quá khứ đột nhiên ngoi lên. Một năm sau, ngồi đánh máy để tái bản cuốn truyện dài Xóm Cầu Mới của bố tôi, đến đoạn văn sau đây, tôi cứ rờn rợn như thể hai bố con tôi đã cùng nhìn vào một cái ngõ tre và cùng cảm thấy cái huyền bí của nó: "Đi khỏi nhà ông Chánh Hoạt, Siêu ngừng lại để nhìn vào một cái ngõ; cái ngõ ấy hai bên tre cao rào sát nhau nên bao giờ cũng tối và đầy lá khô; cuối ngõ lộ ra một quãng cánh đồng sáng và ở chân trời, hình lờ mờ và tím nhạt của một trái đồi nhỏ. Trước kia đi học về qua, lần nào chàng cũng không quên nhìn vào cái ngõ ấy và có cái cảm tưởng như đứng ở một thế giới nhìn qua ngõ tre sang một thế giới khác."

Tôi bước lên trước đi cạnh bà cụ. Tôi hỏi cụ:

- Cháu nghe nói huyện Cẩm Giàng ngày xưa có một cây đa rất to và cao, gọi là cây đa mâm sôi. Cụ có biết nó nằm ở đâu không?

- Có. Cây đa lớn lắm! Nó đổ lâu rồi. Nó cũng nằm gần đây thôi ở phía làng La Bê!

À, ra nó nằm ở phía nam đường sắt! Khi viết

Xóm Cầu Mới bố tôi đã bứng cả cái cây vĩ đại đó đặt lên phía bắc. Tôi lại hỏi cụ:

- Thưa cụ, lúc nãy cụ nói nhà cụ ở ngày xưa gần nhà bà cả Khẩn, vậy cụ có nhớ cái trại Cẩm Giàng của ông bà nội chúng cháu bây giờ ở chỗ nào không?

Bà cụ trả lời tôi:

- Trại đó cháy lâu lắm rồi. Chỗ đó bây giờ người ta xây nhà chứa thóc.

Rồi cụ quay phía sau nói với anh Việt:

- Bên cạnh đây là cái ao. Mộ cụ Phán ở phía bên kia ao.

Chúng tôi đi ra khỏi vùng rợp của bóng lá tre rẽ vào một lối mòn đến khu đất có nhiều gò đống. Những ngôi mộ lác đác lẩn trong đám cỏ tranh. Nhiều ngôi trông lạ mắt, không phải hình chữ nhật như tôi thường thấy, mà hình tròn, ba bốn lớp gạch tròn chồng nhau nhỏ dần ở trên.

Đến trước một cái ao, bà cụ chỉ vào một mô đất sát bờ ao, nói:

- Mộ cụ Phán chỗ này. Đúng ra không phải ở ngay đây mà xích ra chừng hai thước. Vì đất lở nên mộ vùi xuống ao. Nhưng mộ cụ chôn sâu lắm, sâu những bốn chão cơ.

Tôi nhìn cái ao phủ đầy bèo, thấy cái ao cũng không to lắm như tôi tưởng. Bên kia bờ ao là nhà cửa, cây cối san sát um tùm. Tám mươi năm trước chắc hẳn đây là vùng đất ít cây nên cô Năm tôi mới có thể trông thấy cùng lúc ba cái ao. Anh Việt hỏi:

- Thưa cụ, cụ có chắc chắn mộ ở chỗ này không?

- Tôi chắc chắn lắm nên mới chỉ cho các ông bà. Với lại một người thì có thể lầm chứ cả làng này họ đều chỉ vào một chỗ thì làm sao mà lầm được!

Chúng tôi ngồi nghỉ ở bờ ao. Anh Việt xách máy quay phim đi trở ngược vào trong làng, anh nói là anh đi thám thính xem thực có ba cái ao như cô Năm viết trong hồi ký hay không. Chặp sau anh quay trở về nói có ba cái ao gần nhau, nhưng ao bé lắm, không to như cô Năm tả đâu. Cùng thời gian anh Việt quay trở lại có hai thanh niên đạp trên hai chiếc xe từ trong làng lại gần. Một trong hai người chính là cái anh chúng tôi đã gặp ở bãi sắt. Vừa quẳng chiếc xe đạp anh ta đến ngay sau mô đất ở bờ ao, nói với chúng tôi:

- Bố cháu chỉ mộ cụ thân sinh ông Nguyễn Tường Tam chôn ở chỗ này này.

Chúng tôi lúc đó mới hết nghi ngờ. Anh ta tên là Nguyễn Hữu Thọ. Địa chỉ Thôn La A, xã Kim Giang, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Anh ta còn cho chúng tôi cả số điện thoại. Còn anh thanh niên kia đi xe đạp cùng với Thọ tên là Ngô Như Lợi. Lợi là con trai trưởng bà cụ đã chỉ ngôi mộ cho chúng tôi. Anh Ba tiến tới gần bà cụ và hai thanh niên, anh thay mặt tất cả chúng tôi ngỏ lời cám ơn. Sau đó anh Việt bàn với chúng tôi là khi về Hà Nội phải đi thửa ngay một tấm bia, hai ngày nữa chúng tôi sẽ cùng trở lại đây để dựng bia chỗ sát bờ ao. Chúng tôi cần đánh dấu ngay địa điểm ngôi mộ. Sau này chúng tôi sẽ thuê một xe đất đổ xuống bờ ao để xây mộ chính thức lên trên. Anh Lợi sốt sắng tình nguyện giúp chúng tôi dựng bia. Chúng tôi đưa tiền cho anh để mua xi-măng, hẹn anh hai ngày sau chúng tôi trở lại đây với tấm bia. Tôi đề nghị với anh Việt mộ bia nên viết giản dị như sau:

NGUYỄN TƯỜNG NHU
1881-1918
Mất: 23-10-Mậu Ngọ

Tôi ngồi xuống cạnh Thủy và anh Việt. Thấy chúng tôi tìm được mộ ông dễ dàng, Thủy cứ tấm tắc khen mãi là chúng tôi có phúc đức lắm. Bởi vì chính Thủy cũng ra công tìm mộ bố, tức là cậu Tín, em ruột mẹ chúng tôi, từ bao nhiêu năm nay mà không kết quả. Cậu Tín bị sát hại và chính anh Việt lúc tản cư với mẹ chúng tôi ở phủ Thường Tín đã chứng kiến cậu Tín bị bắt còng tay với bác Nguyễn Tường Cẩm. Như vậy nếu Thủy tìm được chỗ chôn cậu Tín thì chắc chắn xác bác Cẩm chúng tôi cũng ở chung một chỗ.

Bà cụ anh Lợi nhất định mời chúng tôi ghé nhà cụ uống chén nước trước khi ra về. Chúng tôi lại đi theo cụ trở ngược vào làng. Thọ và Lợi dắt xe đạp đi cùng với chúng tôi. Nhà cụ cũng không xa mộ mấy. Qua một cái cổng gạch chúng tôi đi qua một cái vườn có trồng nhiều cây cau. Nhà ngói cũ ba gian, trên một cái nền cao, phía trước là bực tam cấp. Gian giữa là phòng khách, bộ bàn ghế gỗ mun đen trông cũ kỹ nhưng còn chắc chắn, sau là tủ chè. Bàn thờ bầy trên tủ. Hai gian bên đặt hai phản lớn ở giữa. Bà cụ rót nước vối. Lâu lắm tôi mới lại uống thứ nước giải khát này. Anh Việt và anh Ba hỏi anh Lợi về những thủ tục cần phải làm về việc xây mộ. Bà cụ nói chúng tôi không phải lo việc này vì chủ tịch xã cũng là người nhà cả.

Trong nhà gian giữa hơi tối nên hai cánh cửa sổ nhỏ bên hông sáng hẳn lên. Căn nhà yên vắng. Có tiếng con chim chích chòe hót đâu đây. Lại có tiếng Thủy và chị Thoa nói chuyện ở ngoài

vườn. Mắt tôi vẫn không rời cái cửa sổ. Khung cửa một màu nắng xanh êm dịu. "Qua cái cửa sổ chấn song nhỏ, ánh sáng ở ngoài đưa vào phơn phớt xanh; vẫn còn nguyên mấy cành lá cây na rủ sát cạnh cửa sổ và làm cho ánh sáng căn buồng của chàng hình như có nhuộm thứ ánh sáng trong và cả tuổi thơ của chàng hình như có nhuộm thứ ánh sáng trong và mát ấy. Siêu nhìn ra ngoài cửa sổ và lúc đó chàng tưởng thời gian ngừng hẳn lại" (Xóm Cầu Mới - Nhất Linh).

Tôi uống hết chén nước vối rồi đứng dậy đi ra cửa. Đứng ở bực tam cấp tôi nhìn khu vườn cau. Mắt tôi dừng lại ở cái đụn rơm dưới một bụi tre. Mấy con gà con rúc vào bụi rơm. Sau cái đụn rơm, dưới một cái đầm nhỏ, là một con trâu gầy gò đang nằm. Trên nền sân đất mịn có hoa nắng loang lổ. Cái cảnh này gần với đoạn văn sau đây của bố tôi trong chương Bắn Vịt Trời: "Hải nhìn qua những cành tre ở cạnh cổng. Một cơn gió thoảng qua; bóng lá tre và bóng nắng chạy loang loáng trên sân đất nhẵn bóng và quét sạch. Hai con gà đứng sưởi nắng ở cạnh gốc đậu ván, lấm tấm hoa tím. Cả những cảnh nhỏ nhặt ấy chàng cũng để ý và thấy đẹp như trong một thế giới bồng lai nào."

Thốt nhiên một cảm nghĩ thoáng qua làm tôi rung động. Lần đầu tiên từ ba tuần nay tôi chợt ý thức mình *đang* ở Việt Nam. Ba tuần lễ bận rộn trôi đi nhanh quá và cuối tuần này tôi trở về Mỹ. Tôi không có một giây phút nào để dừng lại lắng xuống, để cảm một cách sâu sắc, dù chỉ khoảnh khắc, mình đang ở trên mảnh đất quê hương, nơi tôi đã rời xa hai mươi sáu năm trước. Cuộc sống giật trôi. Mấy chục năm du đi như thể mình đã không sống. Những giây phút hiếm hoi sực tỉnh. Tôi *đang* ở Cẩm Giàng. Một rung động êm ái. Tôi tin rằng trong cuộc đời rất bận rộn của bố tôi ông cũng đã rất nhiều lần, như tôi bây giờ, ngừng lại, lắng đọng. Để nghe những giây phút hạnh phúc tuyệt vời mà mỏng manh. Tôi bước xuống bậc thềm. Thủy và chị Thoa đang rửa chân ở cạnh một giếng nước. Thủy nói:

- Anh Thiết à. Nước giếng mát lắm. Anh xuống đây mà rửa mặt rửa chân.

Tôi nhìn sâu xuống lòng giếng, giật dây hai ba lần cho gầu úp ngược xuống, rồi từ từ kéo cái gầu nặng lên khỏi miệng giếng, đổ nước vào một cái thau nhôm. Nước sóng sánh những ánh nắng. Từ một thuở xa xôi trong kí vãng có tiếng còi tàu hỏa rúc lên, thằng bé chạy xiêu vẹo theo những người anh lớn của nó ùa ra cổng trại Cẩm Giàng, nó vấp một cái thau đồng ai để trên lối sỏi có nước lấp lánh, thau đồng khắc những đường vân ở dưới đáy nổi gợn lên rung rinh.

Có tiếng anh Việt ra giục chúng tôi sửa soạn đi về. Trước khi từ biệt anh Việt biếu bà cụ anh Lợi số tiền hai trăm ngàn, nói khéo là để nhờ cụ lo việc hương khói cho mộ ông nội, nhưng cụ nhất định từ chối. Cụ hứa sẽ chăm lo mộ và mặc dù anh Ba có nói thêm hết lời cụ vẫn nhất định không nhận tiền. Sau cùng trong lúc cụ mải nói chuyện, chúng tôi phải nhờ chị Thoa lén bỏ số tiền vào túi áo cánh của cụ.

Chúng tôi ra khỏi làng La A thì đã năm giờ chiều. Anh Việt tỏ ý lo vì chúng tôi đã trễ chuyến xe hỏa cuối cùng về Hà Nội. Đến chỗ bãi sắt dưới gốc bàng chúng tôi đến chào Thọ lúc ấy đã trở về từ trước và đang làm việc. Chúng tôi bắt tay từ biệt anh và hẹn ngày kia sẽ trở lại. Xong anh Việt nói với Thọ:

- Tôi đương lo không biết cách nào để trở về Hà Nội vì chuyến xe hỏa cuối cùng đã rời Cẩm Giàng từ 15 phút trước rồi.

Thọ đáp:

- Các chú khỏi lo. Cô chú có thể đón xe hàng về Hà Nội từ ngã tư Quán Gỏi. Để cháu gọi năm cái xe máy lại đây ngay.

Nói xong, trước cặp mắt gần như kinh ngạc của chúng tôi, Thọ rút trong túi quần một cái cell phone, bấm số rồi nói vào máy:

- Anh Tư hả? Anh điều động ngay cho tôi năm chiếc xe máy đến bãi sắt chở khách đến ngã tư Quán Gỏi. Nhớ nghe, năm chiếc! Khẩn trương đấy, khách chờ!

Tôi vỗ vai Thọ:

- Anh này sang hơn tôi. Tôi ở Mỹ mà đến giờ này cũng chưa có cell phone. Con cái tôi cứ chê bố mẹ gì mà lạc hậu quá.

Anh ta không giấu được vẻ hãnh diện:

- Cháu dân làm ăn. Không có cái điện thoại di động này bất tiện lắm.

Siêu nhìn ra ngoài cửa sổ và lúc đó chàng tưởng thời gian ngừng hẳn lại... Đó cũng là cảm tưởng của tôi khi tôi rời khỏi Cẩm Giàng. Vẫn lũy tre xưa. Vẫn nền đất cũ. Tôi mang theo mình về đất Mỹ ba hòn đá xanh - Thạch Lam - như mang về một phần của Cẩm Giàng nguyên vẹn. Đã hơn một nửa thế kỷ trôi qua mà ở cái huyện nhỏ bé của chú Sáu tôi bên con đường sắt tất cả vẫn nguyên như ngày xưa. Trừ cái cell phone cất trong túi quần của Thọ!

Seattle, cuối thu năm 2003

TẠI CANNES
Niềm Vui Á Châu

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN
tường trình tại chỗ

BEIJING NEW PICTURES FILMS

Takeshi Taneshiro (giữa) trong phim *Thập Diện Mai Phục* (*House of Flying Daggers*) của Trương Nghệ Mưu.

Nếu phim *Fahrenheit 9/11* không đoạt giải Palme d'Or (Cành Cọ Vàng), có lẽ ban giám khảo Cannes đã trở thành chi nhánh của các ban giám khảo giải Kim Tượng, Kim Khánh, hay một giải Á Châu nào đó.

Không thể tránh khỏi cảm tưởng đó, khi có 9 giải thưởng lớn thì hết 5 lọt vào châu Á. Chưa kể một buổi tiếp tân và trao giải đặc biệt dành riêng cho Củng Lợi (Gong Li).

Cả hai giải diễn viên nam và nữ đều vào tay người Á châu. Giải nam diễn viên xuất sắc của Cannes trao cho tài tử 14 tuổi Yagira Yuuya trong phim *Nobody Knows* của đạo diễn Hirokazu Koreeda người Nhật. Giải nữ diễn viên xuất sắc trao cho minh tinh Maggie Cheung tức Trương Mạn Ngọc trong phim *Clean* của đạo diễn Olivier Assayas người Pháp.

Giải "Mention Spéciale Caméra d'Or" tương đương hạng nhì cho phim đầu tay được trao cho phim *Lu Sheng* (tên tiếng Anh: *Passage* tạm dịch "Hành trình") của đạo diễn Yang Chao người Trung Quốc. Hai thanh niên thôn quê thi rớt đại học bèn dùng tiền mua sách đi ra tỉnh tìm một tương lai sáng lạn hơn.

Giải Prix du jury tương đương hạng ba được trao cho phim *Sud Pralad* (Quái Vật – tên tiếng Anh: *Tropical Malady*) của đạo diễn Apichatpong Weerasethakul người Thái Lan, từng đoạt giải Un Certain Regard tại Cannes 2002. *Sud Pralad* kể truyện hai người bạn yêu nhau và một người gặp những tình huống ly kỳ có phần thần bí.

Giải Grand Prix, tương đương hạng nhì ngay sau giải Palme d'Or, được trao cho phim *Old Boy* của đạo diễn Park Chan-wook người Nam Hàn. Trong *Old Boy*, một chàng trai bị bắt cóc và nhốt trong 15 năm rồi sau đó bỗng được thả ra. Anh tìm mọi cách để điều tra lý do mình bị bắt nhốt.

Ưu Thế Ngay Từ Đầu

Trong chương trình Cannes 2004, được xem là nhiều thay đổi để bù cho Cannes 2003 từng bị đánh giá là "tệ nhất từ xưa đến nay" (*New York Times*), phim Á Châu có ưu thế đặc biệt. Năm 2003, khá nhiều đạo diễn giỏi, nổi tiếng, có phim mới (và hay) nhưng không được mời tham dự: Wong Kar-Wai, Emir Kusturica, Joel & Ethan Coen, v.v. Năm 2004, họ đều tham gia.

Trong danh sách 18 phim truyện dài tranh giải, đã có 6 phim của Á Châu. Thái Lan có *Sud Pralad*. Nam Hàn có hai phim, *Woman Is the Future of Man* của đạo diễn Hong Sangsoo, và *Old Boy*. Nhật cũng có hai phim, phim hoạt họa *Ghost in the Shell 2 : Innocence* của đạo diễn Oshii Mamoru, và *Nobody Knows*.

Hong Kong đóng góp phim *2046* của đạo diễn Vương Gia Vệ (Wong Kar-Wai), với thành phần diễn viên có Lương Triều Vỹ (Tony Leong Chao Wai), Củng Lợi , Chương Tử Di (Zhang Ziyi), và Kimura Takuya, một minh tinh của Nhật. Họ Vương cũng là đạo diễn phim *In the Mood for Love* (ở Việt Nam gọi là *Tâm trạng khi yêu*) được khán giả Pháp rất yêu thích, thành công tại đây vượt trội hơn hẳn với thị trường Mỹ.

Về phía ban giám khảo có trưởng ban giám khảo, đạo diễn Quentin Tarantino, đã thú nhận mình là một "fan" cuả điện ảnh Á Châu. Điều này đã thể hiện rõ ràng trong hai phim *Kill Bill vol. 1* và *Kill Bill vol. 2*. Tarantino cũng là một người không xa lạ với Cannes. Ông là đạo diễn

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Nhóm làm phim *2046* họp báo (từ trái): Carina Lau, một thông dịch viên, Takuya Kimura, Vương Gia Vệ, Lương Triều Vỹ, Chương Tử Di, và Chang Chen.

phim *Reservoir Dogs* (từng chiếu tại Cannes 1992), *Pulp Fiction* (đoạt giải Palme d'Or tại Cannes 1994).

Cũng trong ban giám khảo 9 người còn có đạo diễn Tsui Hark, người Hoa sinh tại Việt Nam. Tsui Hark từng đạo diễn phim *Knock Off* với tài tử Jean Claude Van Damme cũng như hàng mấy chục phim chưởng Hong Kong trong đó có loạt phim *Wong Fei Hung* (tên Việt : *Hoàng Phi Hùng*, tên Mỹ: *Once Upon A Time In China*). Điều đáng để ý là Tsui Hark cũng như các đạo diễn phim chưởng Hong Kong khác chưa hề có phim nào chiếu tại Cannes.

Sud Pralad Gây Ngạc Nhiên

Cuốn phim gây ngạc nhiên lớn nhất trong buổi phát giải là *Sud Pralad* (Quái Vật, tựa tiếng Anh: *Tropical Malady*) của đạo diễn Apichatpong Weerasethakul người Thái Lan. Năm nay mới 33 tuổi, anh đã từng đoạt giải Un Certain Regard tại Cannes 2002.

Cuốn phim kể truyện hai người bạn trẻ yêu nhau, một anh lính và một anh nông dân. Nhưng rồi anh nông dân bị mất tích, và sau đó ít lâu một con thú dữ xuất hiện xông vào làng. Dân làng hoảng hốt, lo sợ, và họ bắt đầu kháo nhau rằng con thú dữ ấy là chàng nông dân thành tinh. Anh lính bỏ làng lùng theo dấu vết con thú dữ. Ở đây anh gặp những tình huống ly kỳ, có tính thần bí.

Tuy nhiên, kỹ thuật làm phim và lối kể truyện trong phim khá vụng về. Cấu trúc phim gượng gạo, tuy cũng có tính đột phá nhưng làm người xem khó chịu nhiều hơn là cảm phục. Suốt đoạn sau của cuốn phim, từ lúc người lính đi lùng dấu vết con thú, cuốn phim không có đến một lời đối thoại. Lại thêm nhiều cảnh trong rừng quay đen kịt không thấy gì cả, kéo dài đến 4-5 phút, làm khán giả ngẩn ngơ. Trong buổi chiếu ra mắt, khá nhiều khán giả bỏ về nửa chừng.

Thế nhưng phim *Sud Pralad* lại đoạt giải Prix du Jury, đồng hạng với nữ tài tử Irma P. Hall trong phim *The Ladykillers* của anh em nhà Coen. Giải Prix du Jury tương đương giải hạng ba. Trong những ngày trước lễ trao giải, không một nhà báo nào tại Cannes tiên đoán được việc *Sud Pralad* đoạt giải.

Sự kiện này chứng minh một trong hai điều: Hoặc là giới báo chí chưa hiểu gì về Cannes, hoặc là ban giám khảo có "gu" rất khác khán giả điện ảnh. (Trong buổi họp báo của ban giám khảo, đạo diễn Tsui Hark là người bảo vệ quyết định trao giải cho *Sud Pralad*; nên có tin đồn rằng ông là người xúi giục các bạn đồng liêu.) Hoặc có chăng là Cannes xưa nay vẫn có di sản trao giải cho ít nhất một phim không ai muốn xem, và năm nay không là ngoại lệ.

Vương Gia Vệ "Quậy"

Trong số các phim Á Châu dự thi, cuốn phim gây xáo trộn nhiều nhất là *2046* của đạo diễn Vương Gia Vệ.

Sau hơn một tuần chiếu phim gần như trôi chảy, Cannes gặp trở ngại với phim *2046*. Trong khi rất nhiều người trông đợi phim này, ban tổ chức đã phải thông báo hai buổi chiếu phim bị hoãn lại.

Lỗi tại Vương, lỗi tại Vương, lỗi tại Vương mọi đàng.

Giới thạo tin cho hay nhà đạo diễn này cách

BEIJING NEW PICTURES FILMS

Diễn viên Takeshi Kaneshiro trong phim *Thập Diện Mai Phục (House of Flying Daggers).*

đây 3 tuần còn quay lại vài cảnh, nên đến ngày trước hôm chiếu phim ban tổ chức vẫn chưa nhận được phim. Vào phút chót, họ Vương mới gửi phim từ Bangkok đến Paris vào chuyến bay đáp xuống lúc 5 giờ sáng, ù té mang đi làm phụ đề, để lại mang lên máy bay xuống Cannes và chiếu suất tối 19 giờ. Hai suất trước đó để chiếu cho báo chí xin miễn.

Sự náo loạn do Vương Gia Vệ gây ra khiến báo chí bực bội với phim này. Khi đoàn làm phim họp báo sau buổi chiếu ra mắt, nhiều phóng viên đã chỉa mũi dùi vào ông đạo diễn có tính làm việc theo cảm hứng này.

Không phải một hay hai, mà là ba lần có người hỏi: "Vậy ông thực sự làm cuốn phim này xong chưa? Còn sửa nữa không?" Một phóng viên *Newsweek* còn hỏi: "Tại sao ông cho mình lại xứng đáng được nhận giải Palme d'Or?" Đạo diễn điềm nhiên trả lời: "Câu hỏi của cô có nhiều giả thiết chưa chắc đúng. Trong đó tất nhiên có giả thiết rằng cuốn phim sẽ đoạt giải. Nhưng còn có giả thiết rằng các cố gắng của cả đoàn làm phim đều không đáng gì cả, rằng không một ai trong đoàn làm phim xứng đáng nhận được gì cả." Như thể chính đạo diễn cũng biết rằng sự xáo trộn do ông gây ra đã ảnh hưởng đến những người chung quanh.

Lại lỗi tại Vương mọi đàng.

Trong phim, 2046 vừa là số một phòng trọ của quá khứ, vừa là năm trong tương lai, năm 2046 đó mọi chuyện sẽ không bao giờ thay đổi vì từ đó trở đi, ai ai cũng có khả năng trở về quá khứ để làm lại cuộc đời. Vương Gia Vệ giải thích tại sao ông chọn năm 2046: "Vì khi Hong Kong trở về chủ quyền Trung Quốc năm 1997, chính quyền Bắc Kinh đã bảo đảm cho Hong Kong không thay đổi trong 50 năm." Tức là đến 2046.

Hầu hết chuyện đều xảy ra trong thập niên 1960 , với những cuộc tình dang dở của nhân vật do Lương Triều Vỹ đóng. Những vết thương lòng, những niềm hối hận. Sự trưởng thành của một tay chơi.

Vương Gia Vệ quay hai cuốn *2046* và *Tâm Trạng Khi Yêu* gần như cùng lúc với nhau. Ông quay *2046* trước, giữa chừng lại quay *Tâm Trạng Khi Yêu,* xong trở lại với *2046.*

Quay hai cuốn phim cùng lúc, mà muốn hai cuốn phim ra khác nhau, cần phải có kỷ luật cao. Mà "kỷ luật cao" là những chữ sẽ không ai dùng để miêu tả cách làm việc của Vương Gia Vệ.

Điều này dẫn đến điểm yếu nhất của *2046,* là sự giống nhau giữa nó và *Tâm Trạng Khi Yêu.* Màu sắc, lối quay, và nhất là cảnh trạng chung quanh phim đều rất giống. Kết quả đáng tiếc là *2046* đã không đạt được giải gì tại Cannes.

OCEAN FILMS

Diễn viên Củng Lợi (Gong Li) trong phim *2046* của đạo diễn Vương Gia Vệ (Wong Kar-Wai).

Thập Diện Mai Phục Chiếm Cảm Tình

Sự khác nhau giữa họ Vương và họ Trương (ở đây là Nghệ Mưu) nổi lên rất rõ khi so sánh sự hiện diện tại Cannes của *2046* và *Thập Diện Mai Phục* (tựa tiếng Anh: *House of Flying Daggers*).

Trả lời phỏng vấn một phóng viên Nhật tại Cannes, tài tử Takeshi Kaneshiro so sánh cách làm việc của hai đạo diễn: "Mỗi người một kiểu. Vương Gia Vệ làm việc theo cảm hứng nghệ sĩ, ít khi chuẩn bị trước, mỗi buổi sáng đến phim trường chẳng bao giờ tôi biết ngày đó sắp làm gì, còn Trương Nghệ Mưu thì ngược lại, ông chuẩn bị sẵn sàng tất cả mọi thứ, rất chu đáo, tính đến từng chi tiết. Rất khác nhau."

Buổi chiếu ra mắt phim *Thập Diện Mai Phục* của đạo diễn "rất chu đáo" Trương Nghệ Mưu đã được khán giả và báo giới tại Cannes đón nhận nồng nhiệt. Ngay khi phim mới bắt đầu được chưa đến mười phút, sau cảnh tài tử Chương Tử Di múa trống và đấu võ với tài tử Lưu Đức Hoà, khán giả đã vỗ tay rào rào, một điều hiếm xảy ra khi còn đang giữa phim.

Sự thành công của phim *Thập Diện Mai Phục* cũng là tin vui cho các diễn viên. Trả lời tạp chí

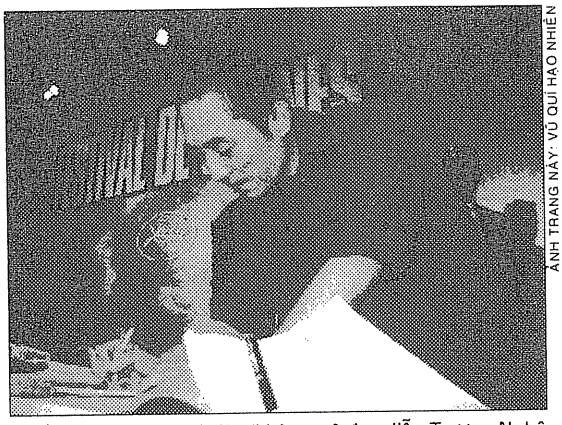

ẢNH TRANG NÀY: VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Nhiều nhà báo cũng là "fan" hâm mộ đạo diễn Trương Nghệ Mưu. Sau buổi họp báo tại Cannes, đạo diễn họ Trương đã phải nán lại ký tặng các ký giả xin chữ ký của ông.

Thế Kỷ 21, ông Chi-Hui Yang, một giám đốc Hiệp Hội Truyền Thông Người Mỹ gốc Á – *NAATA*, tiên đoán, "sự thành công của phim *Thập Diện Mai Phục*báo hiệu sự trở lại của diễn viên Takeshi Kaneshiro (mẹ Đài Loan, bố Nhật) vì đã lâu Kaneshiro chưa có một vai quan trọng nào."

Thập Diện Mai Phục lấy bối cảnh thời mạt Đường, khi nhiều nhóm phản loạn nổi dậy chống

Cảnh Sát Làm Gì Ở Cannes?

"Chúng tôi đến từ khắp các départements của nước Pháp," viên cảnh sát nói với tạp chí *Thế Kỷ 21*. "Năm nay, chúng tôi đến đông hơn mọi năm vì dự trù có thể có vấn đề với nhóm intermittents du spectacle" – nhân sự làm tạm trong ngành sân khấu.

Người cảnh sát viên đứng tuổi từ chối không cho biết tên và cũng không tiết lộ có bao nhiêu cảnh sát đến Cannes. "C'est confidentiel" – bí mật, ông nói. Khác với cảnh sát Mỹ, quân phục ông này không ghi tên. Ông so sánh Cannes "cũng giống như khi có trận bóng đá giữa hai đội tuyển Pháp – Anh, chẳng hạn, cảnh sát quốc gia được điều động đến từ khắp nơi. Có khác là trận bóng chỉ kéo dài một ngày, đằng này Đại Hội Điện Ảnh Cannes kéo dài cả hai tuần, nên vấn đề tổ chức khó hơn nhiều."

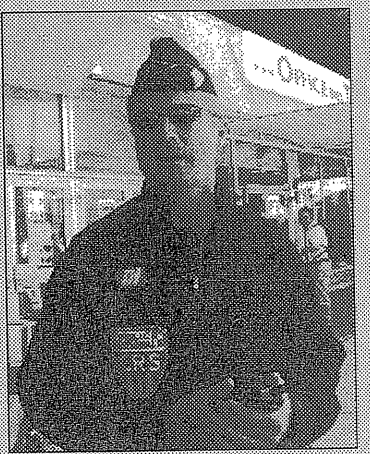

Ông nói thêm, "Chúng tôi là công chức, nên được hưởng chế độ nghỉ cuối tuần, không thể bắt cùng một người làm việc liên tục, nên phải luân phiên."

Những chiếc xe van chở cảnh sát đậu đầy đường, xế cửa Palais des Festivals, nơi diễn ra hầu hết các sinh hoạt của Đại Hội Cannes. Bảng số xe cho biết họ đến từ đâu: Bảng số 33 đến từ Girond tức Bordeaux, bảng số 13 đến từ Marseille, cách Cannes đến trên 200km.

Sự có mặt của cảnh sát khắp nơi, tuy nhiên, không ngăn ngừa được biến cố với nhóm intermittents. Tại một buổi chiếu phim trong khuôn khổ "Marché des Films" bên lề Đại Hội Điện Ảnh Cannes, một nhóm

triều đình. Một trong những nhóm này là Phi Đao Hội, mặc dù thủ lãnh đã bị ám sát nhưng vẫn còn kiên trì chống đối. Hai võ quan triều đình là Leo (Andy Lau tức Lưu Đức Hoà thủ vai) và Jin (Takeshi Kaneshiro đóng) bèn lập mưu thâm nhập nhóm này. Nghe đồn rằng trong vùng có nàng kỹ nữ Mei (do Chương Tử Di đóng) là con gái vị cựu thủ lãnh Phi Đao Hội, Leo lập kế bắt cô này vào tù và Jin thì giả phá ngục cứu cô ra.

Leo và Jin đoán rằng Mei sẽ dẫn Jin đến sào huyệt đảng Phi Đao. Thật vậy, Mei chỉ đường cho Jin đi trong khi Leo lần theo dõi. Ngờ đâu, vị tướng chỉ huy trong vùng lại sai lính đi lùng giết hai người này thật. Trong cuộc hành trình đầy nguy hiểm, hoàn cảnh khiến kẻ "phản động" và chàng "cảnh sát" đã phải lòng nhau. Câu chuyện sẽ gỡ rối như thế nào khi họ lọt vào sào huyệt Phi Đao Hội? Đâu là những bí mật giấu trong tim cặp nhân tình ?

Đó là những câu hỏi chính trong đầu đạo diễn Trương Nghệ Mưu. Ông cho biết, "Tôi muốn làm loại phim võ thuật riêng kiểu tôi, trong đó có tình yêu, có đam mê. Cuốn phim có thể là phim võ thuật, nhưng nó cũng là một câu chuyện tình lãng mạn."

Hình ảnh trong phim rất đẹp, hài hòa giữa những hành động trong phim và cảnh núi, rừng chung quanh. Để có các cảnh theo ý mình, đạo diễn đã quay cuốn phim này tại Ukraine (thuộc Liên Xô cũ). Trong buổi họp báo, ông giải thích "Ở Ukraine tôi mới tìm được các cảnh cần cho tôi quay. Nhiều ngoại cảnh tại Trung Quốc không còn nữa với sự phát triển đô thị, mặc dù đã có các chương trình trồng rừng nhưng cảnh rất khó tìm." Ông cho biết thêm, "Nhân công rẻ ở Ukraine cũng là một yếu tố, nhưng ngược lại có những khó khăn khác, tất nhiên đầu tiên là trở ngại ngôn ngữ."

Nhiều tài năng đã từng làm phim phim *Anh Hùng (Hero)* cũng do Trương Nghệ Mưu đạo diễn quy tụ về với *Thập Diện*. Ngoài tài tử nữ chính Chương Tử Di, còn phải kể đến võ sư Tony Ching Siu-tung và đạo diễn ánh sáng Zhao Xiaoding.

Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là *Thập*

intermittents đã xông vào chiếm rạp Star khiến nhà làm phim không chiếu được. Cảnh sát tràn vào trong rạp, đòi những người intermittents phải đi ra. Một cuộc cãi cọ tay ba diễn ra giữa cảnh sát, nhóm intermittents, và một số khán giả. Ai đó (cảnh sát bảo không phải họ) bắt đầu động chân động tay, và kết quả 8 cảnh sát viên bị thương.

Nhưng giải quyết xong những vụ thế này thì cảnh sát làm gì?

Làm tất cả những gì bất cứ ai khác đến Cannes cũng làm: xem phim và chụp ảnh kỷ niệm.

Cảnh sát coi phim chiếu miễn phí ngoài bãi biển

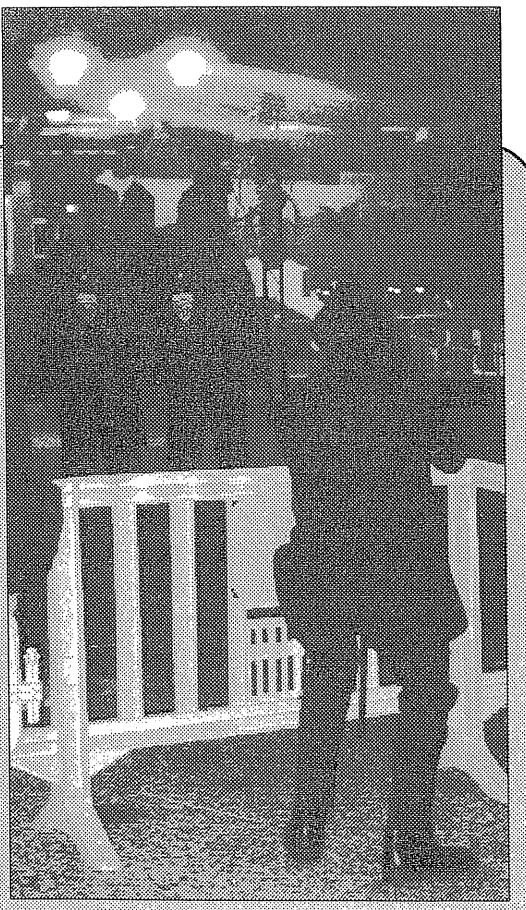

Làm cảnh sát không có nghĩa là không thích những hào quang điện ảnh tại Cannes.

ẢNH TRANG NÀY: VŨ QUI HẠO NHIÊN

Diện rập khuôn *Anh Hùng*. Trong *Thập Diện* những tiểu xảo về kỹ thuật quay không nằm trong trọng tâm. Trong *Anh Hùng* có rất nhiều, có thể nói là quá nhiều, cảnh quay chậm bằng ống kính dài kéo "zoom" sát gần những mũi gươm, những giọt mưa. Trong *Thập Diện*, những cảnh này ít hơn và được sử dụng khéo léo hơn, đúng chỗ cần thiết.

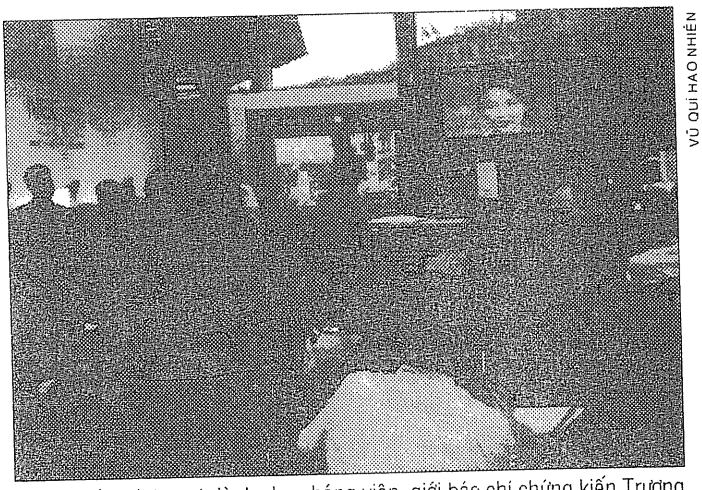

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Trong phòng internet dành cho phóng viên, giới báo chí chứng kiến Trương Mạn Ngọc lãnh giải nữ diễn viên xuất sắc qua màn ảnh truyền hình.

Nếu *Anh Hùng* bao hàm những ẩn dụ rất bao quát về chủ nghĩa ái quốc, về xã hội Trung Hoa đương đại, phim *Thập Diện Mai Phục* là một chuyện tình thuần tuý. Không có cả một nửa lời giải thích tại sao lại có những đảng phản loạn như Phi Đao Hội. Việc gì phải làm phản? Tại sao phải dẹp loạn? Hầu như chính trị – động cơ hành động của cả ba nhân vật Leo, Jin, và Mei, không còn có chỗ đứng một khi tình yêu đã len vào.

Có lẽ đó là ý chính của Trương Nghệ Mưu. Trong buổi họp báo tại Cannes, ông nói thêm, "Thứ tình yêu trong phim *Thập Diện Mai Phục* không phải là tình yêu kiểu cổ như thường thấy trong các tác phẩm văn học kinh điển Trung Hoa. Nó là thứ tình yêu rất hiện đại."

Hai Diễn Viên Có Mặt Mà Không Có Mặt

Mối tình, và cuộc hôn nhân, giữa Trương Mạn Ngọc và đạo diễn người Pháp Olivier Assayas cũng có tính có thể gọi là hiện đại: Họ đã ly dị. Nhưng nếu cuộc hôn nhân không bền, thì sự cộng tác giữa hai người trong phim *Clean* dẫn đến một kết quả vững chắc: Giải nữ diễn viên xuất sắc cho Trương Mạn Ngọc.

Trong *Clean*, Trương Mạn Ngọc đóng vai người vợ, người mẹ trong một gia đình bị tan tác vì ma túy. Bà cố gắng hết mức để chuộc lại lỗi lầm, để mang lại một cuộc sống bình thường cho đứa con.

Điều đặc biệt của Cannes năm nay là Trương Mạn Ngọc xuất hiện trong hai phim dự thi. *Clean* là một, tất nhiên. Phim kia là *2046*. Tất cả các tài liệu đều ghi tên Trương Mạn Ngọc trong thành

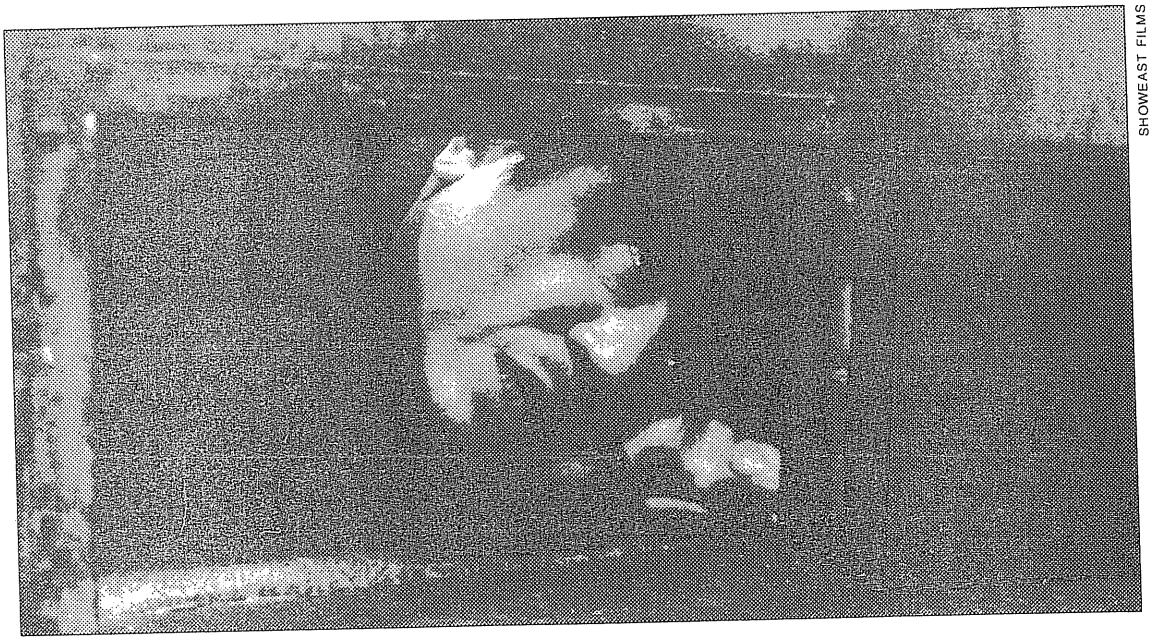

SHOWEAST FILMS

Diễn viên Choi Min-Sik trong phim *Old Boy*.

phần diễn viên, đóng vai người máy mang tên slz1960 (một thứ chơi chữ với vai Suen Li Zhen do Trương Mạn Ngọc đóng trong *Tâm Trạng Khi Yêu*). Một quyển sách do nhóm làm phim phát cho báo chí còn có cả một tấm hình Trương Mạn Ngọc trong phim nữa.

Thế nhưng xem xong phim thì không ai thấy Trương Mạn Ngọc. Không phải chỉ có phóng viên *Thế Kỷ 21* bốn mắt mù mờ. Kenny Santana, phóng viên báo *Jakarta Post,* quả quyết với *Thế Kỷ 21,* "Tôi nhìn rất kỹ các vai người máy. Không thấy Trương Mạn Ngọc đâu cả."

Có lẽ khi vội vã biên tập cuốn phim cho kịp đi Cannes (mà cuối cùng vẫn không kịp), đạo diễn đã cắt tuốt các đoạn có Trương Mạn Ngọc trong đó mà không biết.

Tài tử đoạt giải nam diễn viên xuất sắc, Yagira Yuuya, cũng "hô biến." Tài tử 14 tuổi đóng vai một cậu bé con cả một gia đình một mẹ ba con, mỗi đứa một cha, trong phim *Nobody Knows.* Người mẹ tuy yêu con nhưng luôn nhốt chúng trong nhà, không cho đi học, không cho ai biết, vì sợ bị đuổi nhà và sợ các tình nhân chê. Cho đến một ngày kia đứa con út chui lén ra khỏi nhà, đứa con cả do Yagira Yuuya đóng phải dắt các em đi tìm đứa út. Câu chuyện cảm động lạ kỳ. Khó có thể thương mà cũng khó có thể ghét bà mẹ kỳ quặc này. Với khuôn mặt dễ thương như những em bé hoạt họa anime, nhưng với tính chín chắn như người lớn, Yagira Yuuya đã đóng rất trọn vai trọng tâm của cuốn phim.

Nhưng đến ngày lãnh giải, một giải thưởng

"Đặc Quyền Đặc Lợi" Báo Chí Tại Cannes

Như mọi sinh hoạt khác, Cannes thành công được là nhờ có "publicity," có tiếng vang, có báo chí loan tin. Do đó, việc tạo điều kiện thuận tiện cho các nhà báo là một ưu tiên của ban tổ chức.

"Ưu tiên" với "đặc quyền đặc lợi" chỉ là hai mặt của cùng một hiện tượng. Đặc quyền đặc lợi thì tốn tiền cho phía cung cấp các đặc quyền đặc lợi ấy. Nên Cannes cũng có khá nhiều nhà tài trợ, danh sách khá dài, in riêng thành một quyển phát cho các nhà báo.

Có thẻ báo chí được xếp hàng riêng, vào trước, không phải chờ phía công chúng.

Có thẻ báo chí được vào một phòng computer riêng có sẵn internet cao tốc, do NEC bảo trợ.

Có thẻ báo chí được dùng internet không dây trong một cyber-café do hãng điện thoại di động Orange bảo trợ.

Có thẻ báo chí được cấp một hộp thư để thường xuyên nhận tin tức, quảng cáo, hình ảnh, do các hãng phim cung cấp.

Có thẻ báo chí được vào Marché des Films không mất tiền.

Có thẻ báo chí được đi xe từ Cannes đến phi trường Nice miễn phí.

Nhưng khoản điện thoại thì phải tự lo lấy. Điện thoại công cộng bên trong Palais des Festivals đắt gấp mười bên ngoài. Vì thế, so với các phóng viên báo, tạp chí, thì phóng viên truyền thanh phải chịu thêm một khoản chi khá lớn.

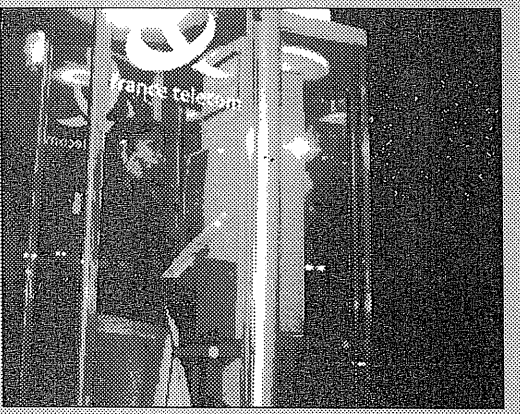

Phòng internet không dây (trái) rất tiện. Nhưng điện thoại chưa sẵn, nhất là về đêm. Phóng viên Y Sa đài VNCR (Cali) dùng điện thoại công cộng ngoài đường để tường trình về Mỹ trong đêm bế mạc.

ẢNH TRANG NÀY: VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

rất xứng đáng, Yagira Yuuya đã không xuất hiện. Người trẻ tuổi nhất đoạt giải này từ xưa đến nay, đã không thể ở lại suốt thời gian Đại Hội Điện Ảnh Cannes. Cậu bé sau khi dự buổi chiếu phim ra mắt và cuộc họp báo đã phải về lại Nhật để ... đi thi.

Old Boy Chinh Phục

Thành công vượt bực nhất tại Cannes phải kể đến *Old Boy* của đạo diễn Park Chan-wook người Nam Hàn. Đây là một cuốn phim phiêu lưu, có phần mang tính phim xã hội đen.

Trong *Old Boy,* một thanh niên tên Oh Dae-soo (Choi Min-sik đóng) đang sống yên ổn với vợ và con gái bỗng nhiên bị bắt cóc nhốt vào một tù kín. Lúc đầu Dae-soo định vượt ngục, sau lại muốn tự tử, nhưng tất cả những cố gắng này đều thất bại. Trong tù, mối liên hệ duy nhất với thế giới bên ngoài là truyền hình. Một hôm, anh xem tin tức thấy vợ mình bị kẻ gian giết chết, lại để lại dấu máu của Dae-soo để giá họa. Sau 15 năm, Dae-soo bỗng được thả ra, với một ví đầy tiền và một điện thoại di động. Dae-soo quyết tâm điều tra cho ra lý do mình bị bắt nhốt, và trả thù kẻ đã cướp đi đời mình. Nhưng anh quên rằng một câu hỏi cũng không kém phần quan trọng là tại sao mình lại được thả ra!

Ngay từ ngày đầu tiên chiếu *Old Boy,* giới báo chí đã xôn xao về tính chất Tarantino trong phim. Một nhà báo ngồi trong quán cà phê tại Cannes đã gọi *Old Boy* là một "cuốn phim kiểu Tarantino mà Tarantino ngại chưa dám làm!" Không dám, là vì có những cảnh trong phim còn đáng sợ hơn những cảnh đáng sợ nhất Tarantino đã quay.

Như cảnh Dae-soo dùng kéo cắt lưỡi mình. Hay cảnh Dae-soo dùng búa để bứng răng kẻ thù. Hay những mối liên hệ tình cảm cấm kỵ.

Khi *Old Boy* đoạt giải Grand Prix, hầu như mọi người đều cho rằng chính yếu tố Tarantino dẫn đến giải thưởng này. Như thể đạo diễn Park Chan-wook phải bắt chước Tarantino để lãnh giải.

Nhưng một sự thật mà ít ai, nhất là những nhà báo phương Tây, nhận ra, là mối liên hệ giữa những yếu tố gọi là "Tarantino" trong phim của Tarantino và trong các phim Á Châu như *Old Boy* là một mối liên hệ hai chiều. Tarantino là một trong những đạo diễn tiên phong thấy được rằng điện ảnh Á Châu có những yếu tố không có trong phim Hollywood cổ điển, và ông mang những yếu tố đó vào phim của mình. *Reservoir Dogs* đầy dẫy những yếu tố điện ảnh Nhật. *Kill Bill* là một sự gom góp vào một cuốn phim tất cả những gì có trong phim võ thuật Hong Kong từ Shaw Bros đến Tsui Hark.

Sự thành công của cái gọi là yếu tố Tarantino, xét cho cùng, cũng là sự thành công của điện ảnh Á Châu.

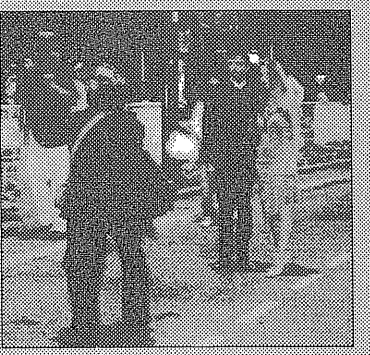

Quý tộc (trái) và dân dã (trên)

Ở Cannes có hai giai cấp phó nhòm.

Có các phó nhòm có thẻ báo chí được đứng ở cửa rạp chụp hình các minh tinh đang bước vào xem phim.

Số còn lại làm ăn không khác gì kiểu chụp dạo Việt Nam. Họ ăn mặc lịch sự, cầm máy đứng lang thang, thấy ai mặc đồ đẹp, nhất là các bà các cô hay các cặp, là nhào vô bấm máy.

Rồi họ đưa thẻ. Khách cầm thẻ đến văn phòng xem ảnh, thích thì mua, không thích thì ... bỏ.

ẢNH TRANG NÀY: VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

DOG EAT DOG FILMS

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Trong sự chờ đợi hồi hộp của hai ngàn khán giả trong rạp Grand Théâtre Lumière, thêm một ngàn khán giả xem truyền hình trực tiếp trong rạp Salle Debussy, và mấy trăm người bu quanh các màn ảnh truyền hình lắp khắp nơi trong Palais des Festivals, chánh chủ khảo Quentin Tarantino loan tin phim *Fahrenheit 9/11* của đạo diễn Michael Moore đã đoạt giải Cành Cọ Vàng tại Đại Hội Điện Ảnh Cannes 2004.

Trước đó vài ngày, tại buổi chiếu ra mắt phim *Fahrenheit 9/11* trong rạp Grand Théâtre Lumière, khán giả đã vỗ tay rất nhiều lúc trong phim, và cuối cùng khi phim chấm dứt họ đã vỗ tay rào rạt đến 10 phút.

Đây là cuốn phim do hãng Miramax sản xuất, nhưng lại bị công ty mẹ của Miramax là Disney từ chối phát hành.

Nhận giải Palme d'Or, đạo diễn Michael Moore (cũng từng làm phim tài liệu *Bowling for Columbine* đoạt giải Oscar) loan tin "Chúng tôi vừa tìm được nhà phát hành tại Albania" và đùa "Phim này sẽ được chiếu trên tất cả các nước trên thế giới trừ một!" Quả thật, Lions Gate nhận lời phát hành và *Fahrenheit* khởi chiếu tại Mỹ ngày 25 tháng 6 với số thu kỷ lục.

Trong phim, đạo diễn Michael Moore tố cáo gia đình tổng thống Bush vì những liên hệ với hoàng gia Ả Rập Xê Út nên bỏ bê cuộc chiến chống bin Laden và nhóm al-Qaeda mà quay ra đánh Iraq một cách phí phạm. Ông cũng đưa những hình ảnh gia đình binh sĩ hiện đang chiến đấu tại Iraq là nêu lên nỗi lo âu, mất mát của họ.

Cuốn phim trích lời Giám Đốc công ty High Protection Company, một công ty chế tạo xe thiết giáp : "Tiếc thay, ít nhất là trong tương lai gần, chúng tôi nghĩ tình hình sẽ tốt, à, sẽ nguy hiểm. Tốt cho thương mại, hại cho dân."

Trong một cảnh giống các phim khác của Michael Moore, đạo diễn đứng rình bên ngoài tòa nhà Quốc Hội Hoa Kỳ và phục kích các dân biểu, dí microphone vào và hỏi "Ông có muốn cho con ông đầu quân đi qua Iraq đánh nhau không?" Chẳng tìm được nửa câu "yes" nào trừ một dân biểu có con đã ở Iraq sẵn rồi. Ý của nhà làm phim đã rõ : Chiến tranh do con người khác đánh xưa nay vẫn dễ ủng hộ.

Lần chót một phim tài liệu đoạt giải Cành Cọ Vàng là vào năm 1956 (khi Đại Hội Cannes mới 8 tuổi) với phim *Le monde du silence* (Thế giới im lặng) của đạo diễn Louis Malle làm chung với Jacques Cousteau.

Với giải Palme d'Or trao cho *Fahrenheit 9/11*, ban giám khảo có lẽ muốn khẳng định tính độc lập của mình. Hoặc có thể để phù hợp với sự hưởng ứng nồng nhiệt của khán giả. Hoặc cũng có thể như Đỗ Kim, một khán giả người Pháp gốc Việt đưa giả thuyết: "Chắc tại không ưa ông Bush".

Hình trên: đạo diễn Michael Moore (trái) phỏng vấn bà Lila Lipsomb có hai con đang tại ngũ.

BIỂU TÌNH KIỂU CANNES

Ba Hồi Có, Ba Hồi Thôi

VŨ QUÍ HẠO NHIÊN

Trong những ngày trước Đại Hội Điện Ảnh Cannes, vấn nạn chính trị lớn của Pháp không phải là khủng bố hay chiến tranh, mà là những người làm việc nhất thời trong ngành phim ảnh, kịch nghệ — những người làm "temp," tiếng Pháp gọi là "intermittent du spectacle" — hăm dọa biểu tình trong thời gian diễn ra đại hội điện ảnh. Thị trưởng Cannes phải phân trần rằng thì là Đại Hội Cannes mang đến cho nền kinh tế địa phương hàng triệu euros và yêu cầu đôi bên dàn xếp ổn thoả để không làm gián đoạn đại hội.

Cuối cùng, Bộ trưởng Văn Hóa hứa xét lại luật thay đổi quy chế ăn tiền thất nghiệp của những người này, và họ đồng ý không quấy rối nội bộ Đại Hội Cannes. Tuy vậy, thỉnh thoảng họ vẫn biểu tình trong những tình huống không trực tiếp làm loạn tại Cannes.

Ngay buổi tối ngày Cannes khai mạc, trong khi khán giả mặc đồ tuxedo và áo đầm dài dạ hội chờ vào xem phim *La Mala Educación* (tạm dịch "Dạy không nên người") của đạo diễn Tây Ban Nha Pedro Almodóvar, nhóm intermittents chạy xung quanh khu vực chính của rạp Grand Théâtre Lumière hô khẩu hiệu. Cảnh sát chặn họ lại không cho vào gần, nhưng quanh rạp Lumière vẫn nghe rõ những tiếng la.

Phải có nền triết học lâu đời như Pháp mới hiểu được sự khác biệt nhỏ nhoi giữa việc không gây rối Đại Hội và việc la hét biểu tình sát lề Đại Hội.

Ngày hôm sau, bên trong rạp Grand Théâtre Lumière, trong buổi chiếu phim *Troy* của đạo diễn Mỹ Wolfgang Petersen, khi phim vừa xong và hàng credit bắt đầu chạy thì trong nhóm khán giả có hai người intermittents lọt vào và họ đã đứng lên đồng hô khẩu hiệu "Même combat, y'a pas que le pognon — santé, futur, éducation" tức: Vẫn còn cuộc đấu tranh đó, không phải chỉ có chuyện tiền, còn có y tế, tương lai, giáo dục.

Họ hô khẩu hiệu theo nhịp, y như lính Mỹ khi tập chạy vẫn hô theo nhịp. Trong rạp Grand Théâtre Lumière lớn trên 2000 chỗ và được xây đúng tiêu chuẩn âm thanh, tiếng kêu đều nhịp của chỉ hai người vang khắp rạp. Nhưng khi phóng viên *Thế Kỷ 21* và một phóng viên phát thanh của Pháp muốn phỏng vấn hai người này thì họ lầm lì đi ra khỏi rạp không nói tiếng nào. Y như hành động hô khẩu hiệu mới là quan trọng chứ việc phát biểu ý kiến không có giá trị.

Qua ngày hôm sau, khẩu hiệu "Même combat v.v." đã chạy ra ngoài phố Cannes. Ở trong Palais de Festival nếu ra ngoài lan can có thể nghe tiếng hô vang lên loáng thoáng.

Như có người đã nói "Phi tiết canh bất thành quán nhậu" thì cũng có thể nói "Phi đình công bất thành nước Pháp."

TRĂNG HUYẾT

của Anthony Grey & Nguyễn Ước
trường thiên tiểu thuyết
trọn bộ hai tập - 1238 trang.
Nxb Nhân Văn – Toronto – Canada. Giá bán 50 $US

Năm 1925, cậu bé Mỹ Joseph Sherman mới 15 tuổi đặt chân tới Sàigòn lần đầu rồi gắn bó đời mình vào dòng lịch sử nghiệt ngã của dân Việt suốt 50 năm cách mạng và chiến tranh. Từ đó khởi sự truyện dài TRĂNG HUYẾT với các nhân vật chủ yếu từ bốn gia đình: —Nathaniel Sherman, người Mỹ, thượng nghị sĩ —Jacques Devraux người Pháp, cựu sĩ quan rồi thanh tra mật thám —Trần Văn Hiếu, quan sứ thần, phú hộ Nam kỳ— và Ngô Văn Lộc, người "bồi" của J. Devraux, chống Pháp, theo chủ nghĩa dân tộc rồi cộng sản.

Trung tâm truyện là mối tình buốt nhói của Joseph với Kiều Lan, một thiếu nữ xinh đẹp và thùy mị, con của một thượng quan địa chủ. Hệ lụy của cuộc tình ấy cuốn Joseph vào những xung khắc cay đắng của người Việt từ gia đình đến xã hội và khắp nước với các cuộc khởi nghĩa đẫm máu, chiến tranh huynh đệ tương tàn trong bối cảnh đấu tranh giải thực rồi bị hút vào vòng quay chiến tranh lạnh.

Không gian truyện là ba miền đất nước trải rộng tới Paris và Washington. Thời gian truyện kéo dài suốt bốn thế hệ; từ những ngày Pháp đàn áp tàn bạo các phong trào chống thuế của nông dân, khởi nghĩa của VNQDĐ, Sô viết Nghệ Tĩnh, hành tung của Hồ Chí Minh, nạn đói Ất Dậu, tới trận đánh Điện Biên Phủ, vụ ám sát Ngô Đình Diệm, biến cố Mậu Thân, và sau cùng, cuộc thất thủ Sàigòn 1975, v.v.

Người đọc sẽ tìm thấy trong TRĂNG HUYẾT diễn tiến lịch sử VN với những biến cố được nghiên cứu kỹ, những phát hiện mới và tái hiện sát thực tế. Lồng trong tình cảnh chính trị oan khiên, khí hậu nhiệt đới sinh động và cảnh sắc đẹp như tranh vẽ là các nhân vật tiểu thuyết sống chất ngất đam mê và hận thù, lý tưởng hay cơ hội, chân tình hoặc ngộ nhận, cam kết hay lừa lọc, xác quyết hay hay nguỵ tín... gắn bó thân phận mình vào vận nước và các nhân vật lịch sử trong các phong trào khởi nghĩa, vận động duy tân, đảng tranh và chống Pháp, nguyên ủy chọn lựa và thảm kịch đối đầu quốc cộng từ cuối thời quân chủ tới các chế độ cộng hoà Nam Bắc qua hai cuộc Chiến tranh Đông Dương, với vết chân của các đạo quân Pháp, Nhật, Anh, Hoa và Mỹ.

Sự kết hợp làm nên bộ truyện này là một hiện tượng độc đáo. TRĂNG HUYẾT là bản tiếng Việt do Nguyễn Ước chuyển ngữ, bổ túc và tái chế dựa trên bản tiếng Anh SAIGON của Anthony Grey. SAIGON được xuất bản tại Bắc Mỹ năm 1982 - sáu năm trước khi A. Grey tới VN lần đầu. Lúc ấy, nó được đánh giá là cuốn tiểu thuyết tiếng Anh hay nhất

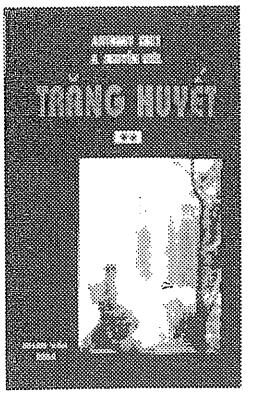

về Chiến tranh VN và thành sách bán chạy. Hai mươi năm sau, SAIGON được Ng. Ước chế tác thành TRĂNG HUYẾT, với sự đồng tình của A. Grey.

Theo Ng. Ước, từ nhan đề SAIGON, thành phố định mệnh trong cuộc đời và tâm tưởng của nhân vật chính Joseph, ông đổi thành TRĂNG HUYẾT, trăng đỏ như máu, báo điềm và làm chứng cho nửa thế kỷ ly loạn đau thương trên khắp đất Việt, từ bắc chí nam. Ông giữ nguyên cốt truyện, nhiều tình tiết và diễn biến tâm lý của SAIGON khoảng 600 trang rồi thêm vào phần bối cảnh lịch sử, nhiều nhân vật phụ và viết chêm vào cũng khoảng chừng ấy trang, để chính đính; đào thật sâu tâm lý của các nhân vật người Việt; bổ túc nhiều chi tiết về hoàn cảnh chính trị, khuynh hướng cách mạng bản địa và thời đại, sự kiện lịch sử, nghi lễ cung đình, phong cảnh, nếp nghĩ, tục lệ, các giáo phái và văn hóa dân tộc,v.v. Và ông cố gắng nói lên Việt tính của nhân vật và sự kiện, cùng trình bày sao cho hợp với cảm quan của người đọc. A. Grey đưa ra cái nhìn của người ngoài cuộc, chủ yếu dành cho độc giả phương tây thưởng lãm, còn Ng. Ước nỗ lực trình bày nỗi lòng của người trong cuộc, với kỳ vọng hiệp thành một tác phẩm đa diện cho độc giả người Việt, trong ý hướng góp phần xoá ngộ nhận, giải hận thù, để cùng cứu chữa và sống hòa hợp.

A. Grey là nhà văn và ký giả người Anh bị biệt giam hai năm tại Bắc Kinh trong cuộc Cách mạng Văn hoá giữa thập niên 1960. Rời nhà giam, ông được Nữ Hoàng Anh phong tước Hiệp Sĩ, và sau đó, ông thực hiện chương trình thế giới hằng ngày cho Đài Truyền hình BBC. Ng. Ước vốn gốc nhà giáo và chuyên viên phát triển xã hội. Trước lúc vượt biển năm 1989, ông phiêu giạt khắp nam bắc, mưu sinh bằng nhiều nghề. Định cư tại Toronto từ năm 1991, ông làm tác viên cộng đồng và viết văn. Mỗi tác giả đều đã xuất bản trên 10 cuốn sách và được đánh giá cao. Theo Ng. Ước, vì trong TRĂNG HUYẾT, phần sáng tác của hai tác giả quyện chặt vào nhau nên có thể xem tác giả đã biến mất, chỉ còn lại tác phẩm là cái duy nhất dành cho độc giả bình tâm thẩm định.

Trước khi in thành sách, TRĂNG HUYẾT đã được đăng gần ba năm trên Tuần báo Thời Báo Toronto, và cũng được trích đăng trên Diễn Đàn talawas, Văn, Đi Tới, Làng Văn, Thư Quán Bản Thảo, v.v.

Có thể liên lạc với tác giả tại:

— Nguyễn Ước, 532 Dufferin St. Toronto, ON.Canada M6K 2A7. ĐT (416) 539-9547 email: nguyenuoc@yahoo.com

—*Anthony Grey, www.tagman-press.com*

Sách mới

NHẤT LINH

Người Chiến Sĩ, Người Nghệ Sĩ

PHẠM PHÚ MINH

Nhất Linh là một người Việt Nam ưu tú của thế kỷ 20, nhưng cũng là một người bị truy bức không ngừng, cho đến khi ông qua đời. Đó là số phận riêng của một người, nhưng cũng là hình ảnh của số phận đất nước và dân tộc Việt Nam bị truy bức liên tục suốt lịch sử cận đại mà vẫn chưa đi được trên con đường mà mình mong muốn.

Hình ảnh người Nghệ Sĩ và người Chiến Sĩ nơi ông là hai mặt của cái biện chứng đấu tranh để dành lấy quyền xây dựng cuộc sống tốt đẹp của bất cứ con người Việt Nam nào. Ông đã sống cả hai cuộc đời đó với những thành công và thất bại của ông, nhưng cuộc đời ông và những suy nghiệm của ông rút ra từ đó là những yếu tố tích cực để các thế hệ sau soi vào tìm cảm hứng cho cuộc sống bất tuyệt luôn luôn mang trong nó cái hùng khí của đấu tranh và vẻ diễm lệ của tâm hồn con người mãi mãi không ngừng thăng hoa.

Cuốn sách này thành hình từ một số đặc biệt của tạp chí *Thế Kỷ 21* về Nhất Linh cách đây gần hai năm nhân kỷ niệm ngày mất của ông. Vì số báo chứa đựng nhiều bài viết mới mẻ và tài liệu phong phú, độc giả đã đón nhận nồng nhiệt không ngờ. Các hiệu sách và bà con người Việt Nam ở mọi nơi gọi về hỏi mua liên tục, cho đến khi Tòa soạn chỉ còn những số cuối cùng để lưu trữ. Trước tình hình ấy, Tòa soạn báo Thế Kỷ 21 nghĩ đến hai điều, một là in thêm báo, hai là soạn thành một cuốn sách, để đáp ứng lòng mong mỏi của nhiều người. Cuối cùng chúng tôi thiên về ý thứ hai: tìm thêm bài viết và tài liệu hình ảnh, tập hợp với những gì đã có để thành một cuốn sách đặc biệt về Nhất Linh, vì nghĩ sách sẽ đáp ứng rộng rãi nhu cầu gìn giữ tài liệu lâu dài của người đọc hơn là một số báo.

Là người trách nhiệm về bài vở cho tờ *Thế Kỷ 21*, chúng tôi ngỏ ý ấy với hai người bạn là Nguyễn Tường Thiết, con út của nhà văn, đang ở Mỹ, và Trương Kim Anh ở Na Uy, là ái nữ của hai nhà văn Trương Bảo Sơn và Nguyễn Thị Vinh từng có nhiều liên hệ mật thiết với Nhất Linh trong quá khứ, và ý kiến được ủng hộ nhiệt tình. Hai bạn đã đóng góp thêm nhiều tài liệu và hình ảnh rất quý giá. Nhà nghiên cứu văn học Thụy Khuê ở Pháp đã nhiệt tình giúp làm phong phú thêm cho cuốn sách, đặc biệt đã đi đến tận Bourges để tìm kiếm dấu vết Nhất Linh qua bức tranh vẽ nhà thờ ở đây của ông.

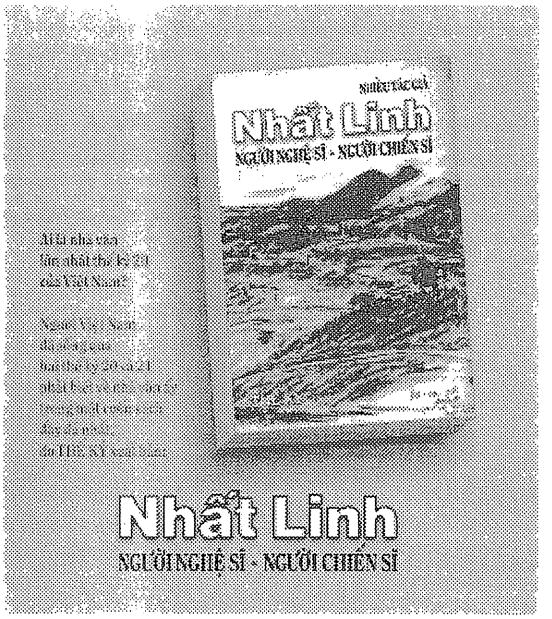

Cuốn sách gồm bài viết của các tác giả: Nguyễn Tường Bách, Võ Phiến, Trương Bảo Sơn, Anh Thơ, Tú Mỡ, Nguyễn Thị Vinh, Thụy Khuê, Đông Hồ, Linh Bảo, Trần Thanh Hiệp, Lê Đình Thông, Khoa Hữu, Bùi Bích Hà, Trần Khánh Triệu, Nguyễn Tường Thiết, Trương Kim Anh, Lưu Văn Vịnh, Phạm Phú Minh.

Cuộc đời làm báo, hoạt động văn học nghệ thuật và chính trị cũng như những nét thân thế và cá tính của nhà văn Nhất Linh đã được mỗi tác giả nhìn lại một cách chân thực và mới mẻ. Mỗi bài viết như là một mặt của một khối thủy tinh

phát ra ánh sáng khác nhau, tạo thành một toàn thể linh động rực rỡ.

Phần tài liệu góp phần quan trọng tạo nên giá trị cuốn sách. Ít có một nhân vật văn học chính trị nào của Việt Nam mà tài liệu còn để lại phong phú và được gìn giữ cẩn thận như Nhất Linh.

Trước hết về hình ảnh: cuốn sách đã in những bức ảnh của Nhất Linh chụp từ thập niên 1930, 40, 50 và 60. Đó không chỉ là ảnh cá nhân và gia đình mà rất nhiều bức là những tài liệu lịch sử vô giá, đánh dấu những biến cố trong một giai đoạn lịch sử Việt Nam, ví dụ bức ảnh chụp Hồ Chí Minh và Nguyễn Tường Tam trên chiếc chiến hạm của Pháp trong vịnh Hạ Long để ký hiệp ước Hạ Long ngày 19 tháng Ba năm 1946, những bức chụp nhóm người Việt quốc gia lưu vong tại Hồng Kông mà những khuôn mặt trong đó đã ghi dấu trong lịch sử: cựu hoàng Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương, Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Trần Văn Tuyên, Hoàng Đạo, Nguyễn Bảo Toàn, Đỗ Đình Đạo, Nguyễn Văn Sâm, Nguyễn Tường Bách v.v...; những bức ảnh êm đềm của một Nhất Linh nhà văn giữa núi rừng Đà Lạt; bức ảnh cuối cùng với hội Văn Bút Việt Nam năm 1963... Đó là chưa kể những bức ảnh chụp đầu thế kỷ 21 ghi hình ảnh mộ của ông bà Nguyễn Tường Tam trong nghĩa trang họ Nguyễn Tường ở Hội An, tòa nhà số 80 phố Quan Thánh Hà Nội và cây bàng bất hủ của áng văn Nhật Lá Bàng trong tác phẩm Đôi Bạn...

Tài liệu về Nhất Linh cũng phong phú và được bảo tồn kỹ lưỡng. Ta có thể đọc lại phóng ảnh nhiều văn bản do chính tay Nhất Linh viết, như thư gửi cho "Các bạn chiến đấu" viết ngày 17 tháng 01 năm 1945 từ Vân Nam, thư gửi Hồ Chí Minh từ chức Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Liên hiệp, các bản thảo tiểu thuyết do ông viết từ Hương Cảng, Đà Lạt hoặc Sài Gòn, các mẫu bìa sách báo do chính tay ông trình bày, phóng ảnh tấm thẻ căn cước do Phủ Thủ Hiến Bắc Việt cấp cho ông năm 1951, hoặc trát đòi ông ra tòa của chính quyền Ngô Đình Diệm năm 1963...

Nhất Linh vẽ rất đẹp, **tranh** ông để lại cũng nhiều, ngay hình bìa cuốn sách này đã là một bức tranh ông vẽ cảnh Đà Lạt, và trong sách nhiều bức đã được in lại với đúng màu sắc của nguyên bản. Đặc biệt có hai bức chân dung ông bà Nguyễn Tường Tam do nhà danh họa Nguyễn Gia Trí thực hiện bằng sơn dầu đã được in lại với màu sắc tươi tắn giống như vừa được sáng tác.

Chỉ riêng **tranh, ảnh, tài liệu** về Nhất Linh chứa trong cuốn sách này đã là ***một bảo tàng nhỏ về ông và một phần lịch sử bao quanh ông***. Chưa kể các bài viết, mà mỗi bài đào sâu một khía cạnh, phơi bày một bản sắc, phân tích tư tưởng của từng thời kỳ văn học...; chưa kể trích văn của ông, chủ yếu từ những tác phẩm sau cùng của đời ông mà quần chúng ít được biết đến hơn là những cuốn từ thời Tự Lực Văn Đoàn.

Không ai dám nói chắc một cuốn sách nào là đầy đủ nhất về cuộc đời và sự nghiệp của một người, nhất là một người tài ba có một nhân cách lớn như Nhất Linh, nhưng có thể khẳng định *đây là một cuốn sách về Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đầy đủ nhất, mỹ thuật nhất từ trước đến nay*. Có thể nói cuốn "**Nhất Linh – Người nghệ sĩ, Người chiến sĩ**" là một cuốn sách chứa đựng cả cuộc đời ông, được thực hiện với một ý thức rất cao để bảo tồn tất cả những gì còn lại của một người Việt Nam vào hạng ưu tú nhất, đã làm cho báo chí Việt Nam có một bộ mặt mới, làm cho văn chương quốc ngữ trưởng thành, một người yêu nước chống thực dân Pháp để mưu đồ độc lập cho đất nước, chống mọi hình thức độc tài áp đặt lên dân tộc Việt Nam...

Về hình thức, cuốn sách đã được săn sóc rất kỹ, in trên giấy láng, và tất cả hình ảnh đều in màu, dù đó là một bức tranh, bức ảnh hay là một trang bản thảo úa màu thời gian... Hai họa sĩ Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp đã bỏ ra rất nhiều thì giờ, công sức và cảm hứng nghệ thuật của anh chị để thực hiện cuốn sách này, trình bày từ bìa cho đến tất cả các trang trong. Chúng tôi hy vọng cuốn sách sẽ là một tổng thể, trong đó hình thức và nội dung hòa hợp cùng nhau thể hiện một tinh thần và một vẻ đẹp chung, mà dường như nhà văn, nhà cách mạng Nhất Linh Nguyễn Tường Tam đã để lại rất nhiều cho chúng ta.

Sách có bán tại nhật báo Người Việt và tại các hiệu sách vùng Little Saigon, Nam California. Giá 30 Mỹ kim.

Đặt mua sách từ xa, gửi sách bằng bưu điện:

- Trong nước Mỹ, xin gửi chi phiếu, bưu phiếu 33 Mỹ kim.
- Ngoài nước Mỹ, xin gửi chi phiếu, bưu phiếu quốc tế 35 Mỹ kim,

trả cho **Thế Kỷ 21**, gửi về (cùng tên và địa chỉ người nhận với dòng ghi thêm: "Mua sách Nhất Linh"):

Tạp chí Thế Kỷ 21
14775 Moran Street
Westminster CA 92683 – USA

Bìa: tác phẩm hội họa của chính Nhất Linh.
Trình bày: Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp.
Gồm bài viết của nhiều tác giả.
Một số văn phẩm của **Nhất Linh**.
Rất nhiều tài liệu quý giá, **tất cả đều được in màu** để giữ lại các giá trị nguyên bản.
- **Tranh ảnh:** tranh chân dung ông bà Nguyễn Tường Tam do Nguyễn Gia Trí vẽ; ảnh chụp Hồ Chí Minh và Nguyễn Tường Tam trên chiến hạm của Pháp ký hiệp ước vịnh Hạ Long; ảnh các nhà cách mạng chụp chung với cựu hoàng Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương tại Hồng Kông; bức ảnh cuối cùng của Nhất Linh chụp tại Hội Văn Bút, Sài Gòn, trước khi qua đời; các họa phẩm của Nhất Linh... và rất nhiều hình ảnh hiếm có khác.
- **Tài liệu:** các bản viết tay của Nhất Linh: Thư gửi các bạn chiến đấu viết từ Trung Hoa đầu năm 1945; Thư từ chức bộ trưởng Ngoại Giao chính phủ Liên hiệp kháng chiến; di chúc; bản thảo Xóm Cầu Mới, Giòng sông Thanh Thủy v.v...
Sách phát hành vào đầu tháng Bảy 2004. **Giá 30 Mỹ kim.**

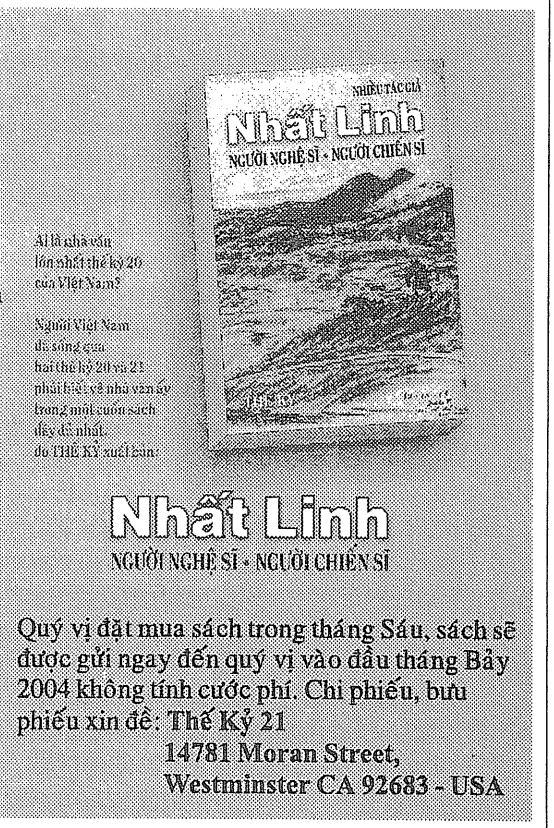

Quý vị đặt mua sách trong tháng Sáu, sách sẽ được gửi ngay đến quý vị vào đầu tháng Bảy 2004 không tính cước phí. Chi phiếu, bưu phiếu xin đề: Thế Kỷ 21
14781 Moran Street,
Westminster CA 92683 - USA

Phải tìm đọc cuốn truyện rất đặc biệt

HÀNH TRÌNH CỦA MỘT CỔ TRẮNG

của TRẦN HOÀI THƯ

Cuốn truyện đầu tiên đề cập đến một tình trạng đang làm xôn xao nước Mỹ: giới công nhân trí thức "cổ trắng" (white collar) đang bị mất việc hàng loạt do sự dùng nhân công nước ngoài của các công ty.

Trả lời trong một cuộc phỏng vấn, tác giả Trần Hoài Thư nói:

"Vâng, tôi nghĩ đây là một đề tài mới lạ và rất thời sự. Sau khi sách tôi phát hành chừng hai tháng, đài CNN không ngày nào lại không có chương trình Exporting America để nói lên những cay đắng ê chề của giới cổ trắng ở Mỹ và hiện tượng xuất cảng trí tuệ ra ngoại quốc. Bản thân tôi không những là chứng nhân mà còn là nạn nhân của sản phẩm outsourcing và offshore. Như vậy, tại sao tôi lại không kể lại những kinh nghiệm cay đắng ấy ? Như ngày xưa, tôi vẫn dùng kinh nghiệm có thật của mình để viết về chiến tranh, lính tráng."

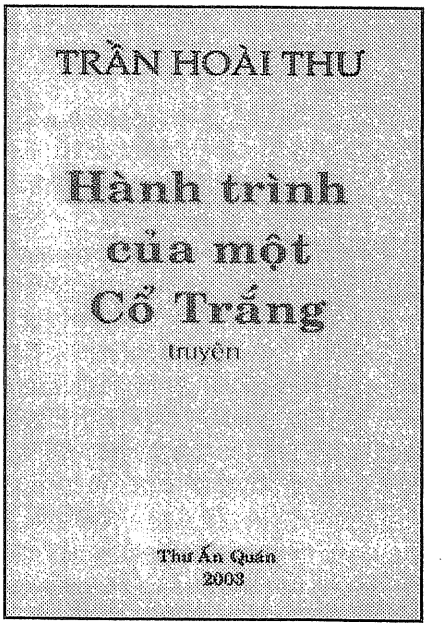

Muốn có sách, xin liên lạc:
Trần Hoài Thư
P.O. Box 58
S. Bound Brook NJ 08880
E-mail: tranhoaithu@yahoo.com

Ai là nhà văn
lớn nhất thế kỷ 20
của Việt Nam?

Người Việt Nam
đã sống qua
hai thế kỷ 20 và 21
phải biết về nhà văn ấy
trong một cuốn sách
đầy đủ nhất,
do THẾ KỶ xuất bản:

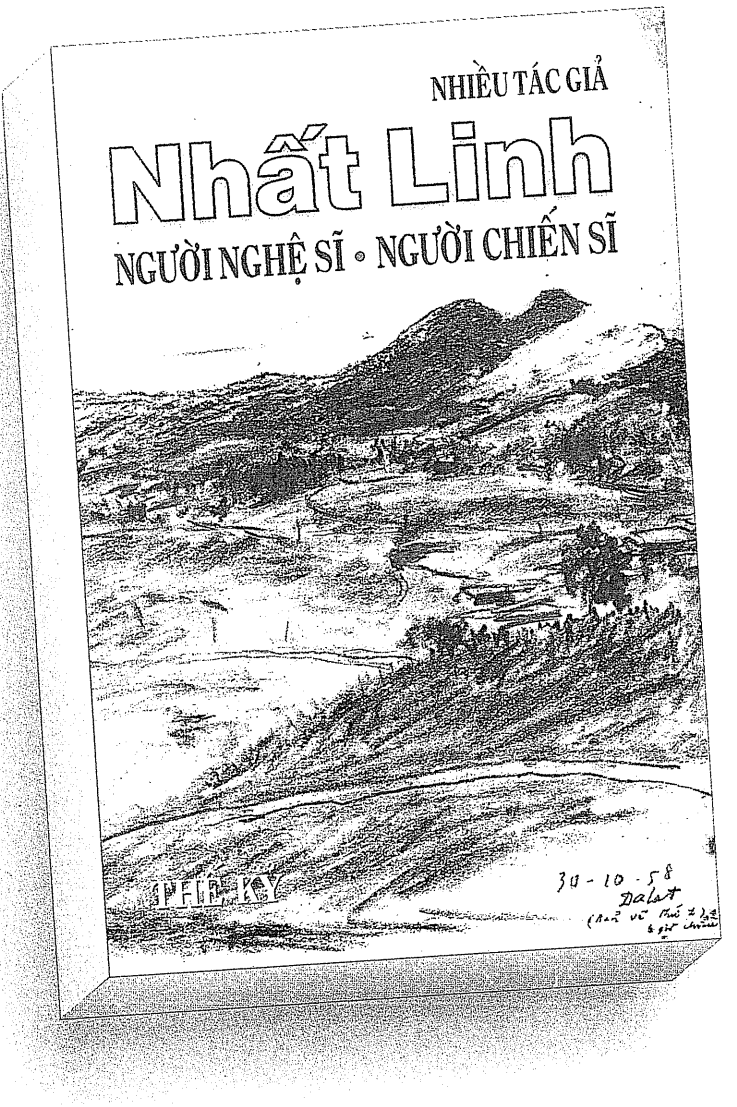

Nhất Linh

NGƯỜI NGHỆ SĨ • NGƯỜI CHIẾN SĨ

Bìa: tác phẩm hội họa của chính Nhất Linh. Trình bày: Nguyễn Đồng & Nguyễn Thị Hợp.

Gồm bài viết của: **Nguyễn Tường Bách, Trương Bảo Sơn, Võ Phiến, Đông Hồ, Nguyễn Thị Vinh, Thụy Khuê, Linh Bảo, Trần Thanh Hiệp, Trần Khánh Triệu, Tú Mỡ, Anh Thơ, Khoa Hữu, Bùi Bích Hà, Lê Đình Thông, Trương Kim Anh, Nguyễn Tường Thiết, Lưu Văn Vịnh, Phạm Phú Minh**.

Văn phẩm của **Nhất Linh** và **Hoàng Đạo**.

Rất nhiều tài liệu thuộc về cuộc đời của nhà văn Nhất Linh và nhà cách mạng Nguyễn Tường Tam: hình ảnh, bản thảo, thủ bút, họa phẩm... **tất cả đều được in màu** để giữ lại các giá trị nguyên bản.

Sách phát hành vào đầu tháng Bảy, 2004. Giá 30 Mỹ kim.

Quý vị đặt mua sách trong tháng Sáu, sách sẽ được gửi ngay đến quý vị vào đầu tháng Bảy 2004 **không tính cước phí**. Chi phiếu, bưu phiếu xin đề:

Thế Kỷ 21
14781 Moran Street
Westminster CA 92683 USA

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim